



ITALLO CALVINO

nếu một đêm đông
có người lữ khách



nh

nhà nam NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Tác phẩm: **Nếu một đêm đông có người lữ khách**

Nguyên tác: **Se una notte d'inverno un viaggiatore**

Tác giả: **Italo Calvino**

Thể loại: **Tiểu thuyết hậu hiện đại**

Dịch giả: **Trần Tiến Cao Đăng**

dịch từ tiếng Anh *If on a winter's night a traveler*

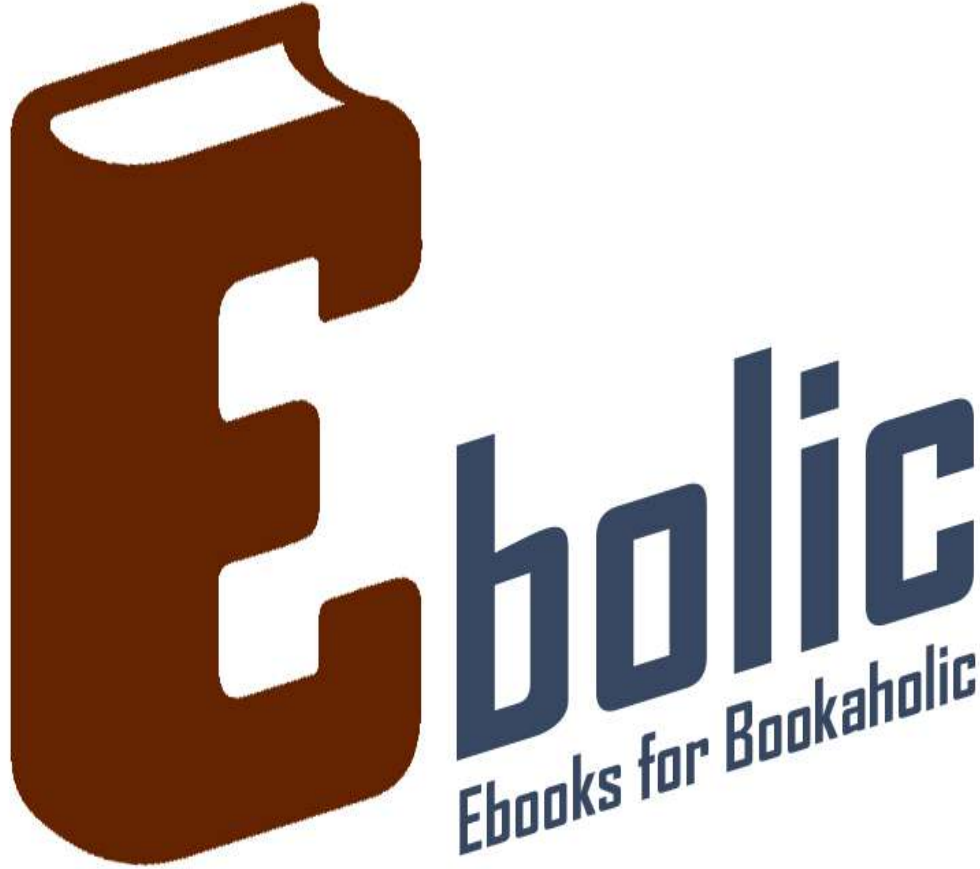
đối chiếu nguyên tác tiếng Ý *Se una notte d'inverno un viaggiatore*

tham khảo tiếng Pháp *Si par une nuit d'hiver un voyageur*

Nhà phát hành: **Nhã Nam**

Nhà xuất bản: **Văn Học**

Năm xuất bản: **5/2011**



Dự án Ebolic #30

Chụp sách: **Cabu**

Đánh máy: **dAC, Dlgofly, Nguyet Anh**

Soát lỗi: **Cabu**

Soát lỗi lần hai (6/8/2018): **Tama**

Điều hành & xuất bản: **Tornad**

Ngày hoàn thành: **14/8/2017**

Ebolic là dự án chế bản ebook do **Bookaholic** thực hiện. Chúng tôi hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận và dựa trên tinh thần tự nguyện, với mục đích mang đến cho độc giả những đầu sách hay và lan tỏa văn hóa đọc cho

cộng đồng. Chúng tôi khuyến khích độc giả mua sách in, và chỉ nên tìm đến ebook này khi không thể tiếp cận ấn phẩm sách.

Liên hệ với Ebolic qua:

Email: ebook@bookaholic.vn

Group: [facebook.com/groups/ebolic](https://www.facebook.com/groups/ebolic)

Fanpage: [facebook.com/EbolicEbook](https://www.facebook.com/EbolicEbook)

MỤC LỤC

[1]

Nếu một đêm đông có người lữ khách

[2]

Ở ngoại vi thành Malbork

[3]

Cúi mình trên triền dốc

[4]

Không sợ gió hay chóng mặt

[5]

Nhìn xuống bóng tối đang dần dày đặc

[6]

Trong mạng lưới những đường xoắn xuyết

[7]

Trong mạng lưới những đường giao cắt

[8]

Trên thảm lá sáng ánh trắng

[9]

Quanh huyết mộ trống

[10]

Câu chuyện nào dưới kia chờ đoạn kết của mình?

[11]

[12]



Italo Calvino (1923-1985) là một trong những nhà văn lớn nhất của Ý thế kỷ XX. Năm 1947, ông xuất bản tiểu thuyết đầu tay, *Il sentiero dei nidi di ragno* (Lối đi mạng nhện). Phần lớn tác phẩm của Calvino là kiệt tác: nhóm tiểu thuyết về thời quá khứ với tên gọi chung “*Tổ tiên của chúng ta*”, *Il Visconte dimezzato* (Tử tước bị chẻ đôi người, 1952), *Il Barone rampante* (Nam tước trên cây, 1957) và *Il Cavaliere inesistente* (Hiệp sĩ không hiện hữu, 1959); *Cosmicomics* (1965), *Những thành phố vô hình* (1972), và đặc biệt là *Nếu một đêm đông có người lữ khách* (1979). Calvino còn là một nhà phê bình rất tên tuổi với khối lượng trước tác đồ sộ.

Một cái kết mở thì rất nhiều nhà văn giỏi đã làm, nhưng một cái mở không tiến lên, thậm chí không kết, thì hình như chỉ một người như Italo Calvino mới dám biến thành trò chơi tiểu thuyết của mình. Làm cho một cuốn tiểu thuyết “đi tới” trong sự tiến triển hợp lý và đẹp đã là khó, nhưng giữ cho một cuốn tiểu thuyết hoàn chỉnh đứng yên ở ngưỡng bắt đầu thì còn khó hơn nhiều lần.

Nếu một đêm đông có người lữ khách nhốt câu chuyện ngập ngừng trong vẻ tươi mới của sự khởi đầu trong suốt mấy trăm trang sách, buộc người đọc phải liên tục hào hứng không ngớt những bước chân đầu tiên, dự cảm đầu tiên, đoán định đầu tiên. Cuốn tiểu thuyết từ khi ra đời đã giữ chân bao độc giả lòng vui sướng thoả mãn ở ngay điểm xuất phát, và cũng là nguồn khai thác dồi dào cho không ít lý thuyết gia văn học nhìn thấy ở đây một trò chơi tài tình và một sự suy tưởng sâu sắc về bản chất của tiểu thuyết và văn chương.

Tặng Daniele Ponchioli

[1]

Bạn sắp bắt đầu đọc cuốn tiểu thuyết mới *Nếu một đêm đông có người lữ khách* của Italo Calvino. Hãy thư giãn. Tập trung. Xua mọi ý nghĩ khác đi. Hãy để thế giới quanh bạn nhạt nhoà đi. Tốt nhất là đóng cửa lại, ở phòng bên ti vi bao giờ mà chẳng bật. Nói thẳng với những người khác, “Không, tôi không muốn xem ti vi!” Cao giọng lên, không thì họ chả nghe tiếng bạn đâu – “Tôi đang đọc sách! Tôi không muốn bị quấy rầy!” Có lẽ họ chưa nghe thấy bạn, là vì tiếng léo nhéo kia; nói to hơn đi, hét lên, “Tôi đang bắt đầu đọc tiểu thuyết mới nhất của Italo Calvino!” Hoặc, nếu bạn muốn, đừng nói gì cả; chỉ mong sao họ để bạn yên.

Hãy tìm tư thế thoải mái nhất: ngồi, duỗi người ra, cuộn tròn lại, hay nằm thẳng. Nằm ngửa, nằm nghiêng, nằm sấp. Trên ghế bành, trên đi văng, trên ghế bập bênh, trên ghế xếp, trên đệm. Trên võng, nếu bạn có võng. Trên giường, dĩ nhiên, hoặc trong chăn. Thậm chí bạn có thể trồng cây chuối, đầu lộn ngược, tư thế yoga. Sách thì phải để ngược, cố nhiên rồi.

Dĩ nhiên, tư thế lý tưởng để đọc sách là thứ bạn không bao giờ tìm được. Ngày xưa người ta thường đứng mà đọc, nơi giá đọc. Họ quen đứng một chỗ, không nhúc nhích. Họ nghỉ ngơi như thế những khi mệt vì cưỡi ngựa lâu. Chẳng ai từng nghĩ tới chuyện đọc trong khi cưỡi ngựa; thế nhưng bây giờ bạn lại thấy cái ý tưởng đọc trên yên ngựa, sách tựa vào bờm ngựa, hoặc có thể chằng vào tai ngựa bằng một lối đặc biệt, ý tưởng đó có mùi hấp dẫn. Hai chân xỏ vào bàn đạp, hẳn bạn sẽ thấy đọc sách thật thoải mái; để chân cao lên là điều kiện đầu tiên để thưởng thức việc đọc.

Nào, bạn chờ gì nữa? Duỗi hai chân ra, cứ thế kê chân lên một cái gối, lên hai cái gối, lên chỗ tựa tay của đi văng, lên hai tay ghế bành, lên bàn cà phê, lên bàn làm việc, lên đàn piano, lên bản đồ trái đất. Trước hết là tháo giày ra. Nếu muốn, giơ hai chân lên; nếu không, kéo hai chân về. Miễn là không đứng đó một tay cầm đôi giày một tay cầm sách.

Điều chỉnh ánh sáng sao cho không phải căng mắt ra. Làm ngay đi, bởi một khi bạn đã đắm mình đọc say sưa thì sẽ chẳng có gì bắt bạn nhúc nhích được nữa. Hãy sắp xếp sao cho trang giấy không nằm trong bóng tối, một nùi con chữ màu đen trên cái nền màu xám, chữ nào cũng hết chữ nào như một đội quân chuột: nhưng phải cẩn thận đừng để ánh sáng hắt lên trang sách quá mạnh, sáng lóa lên trên màu trắng tàn nhẫn của trang giấy, ngẫu nhiên găm vào bóng các con chữ như vào lúc giữa trưa ở phương Nam. Cố mà tiên liệu ngay từ bây giờ tất cả những gì có thể khiến bạn phải bỏ giữa chừng việc đọc. Thuốc hút trong tầm tay, nếu bạn có hút thuốc, cả gạt tàn nữa. Còn gì không? Bạn có phải đi đại không? Thôi được, bạn biết rồi đấy.

Chẳng phải là bạn mong chờ một cái gì cụ thể từ cuốn sách cụ thể này. Bạn là loại người về nguyên tắc vốn không còn chờ đợi bất cứ điều gì từ bất cứ cái gì. Có lắm người, trẻ hơn bạn hoặc không trẻ bằng, sống trong niềm mong đợi những trải nghiệm khác thường: từ những cuốn sách, từ người khác, từ những chuyến đi, từ những sự kiện, từ những gì ngày mai dành sẵn cho họ. Nhưng bạn thì không. Bạn biết rằng điều tốt nhất bạn có thể mong đợi là tránh được điều xấu nhất. Đây là kết luận bạn rút ra được trong đời tư và cả trong những vấn đề chung, kể cả trong những vụ việc trên trường quốc tế. Còn sách thì sao? À, thì chính bởi đã phủ nhận điều đó trong mọi lĩnh vực khác, nên bạn tin mình vẫn còn có thể ban cho chính mình một cách hợp lệ cái niềm vui thú tuổi trẻ là mong đợi từ một khu vực được cẩn thận khoanh vùng như là lĩnh vực sách, nơi bạn có thể may mắn hoặc không may mắn, nhưng khả năng thất vọng là không quá lớn.

Vậy nên, bạn lưu ý thấy trong một tờ báo rằng *Nếu một đêm đông có người lữ khách* vừa xuất hiện, cuốn sách mới của Italo Calvino, ông ấy không in cuốn nào đã mấy năm nay. Bạn đến hiệu sách mua cuốn ấy. Tốt cho bạn thôi.

Nơi cửa kính hiệu sách, bạn nhận ra ngay lập tức cái bìa sách với nhan đề mà bạn đang tìm. Lần theo dấu vết thị giác này, bạn len mình vào trong cửa hiệu, ngang qua cái rào chắn dày đặc gồm những cuốn Sách Bạn Chưa Bao Giờ Đọc, chúng đang cau mày nhìn bạn từ trên những bàn những kệ, cố

hù dọa bạn. Nhưng bạn biết bạn không được cho phép mình kinh hoàng, rằng giữa đám những cuốn sách đó, kéo dài từ héc ta này đến héc ta khác là những Sách Bạn Không Cần Đọc, những Sách Làm Ra Cho Những Mục Đích Khác Ngoài Đọc, những sách bạn Chưa Mở Ra Thì Cũng Đã Đọc Rồi Bởi Vì Chúng Thuộc Loại Sách Chưa Viết Ra Thì Người Ta Đã Đọc Rồi. Thế là bạn vượt qua được vành đai thành lũy phía ngoài, nhưng rồi bạn bị tấn công bởi lực lượng bộ binh gồm những Sách Mà Nếu Bạn Có Nhiều Hơn Một Cuộc Đời Thì Nhất Định Bạn Cũng Sẽ Đọc Nhưng Chả May Đời Bạn Chả Được Bao Nhiêu Cả. Bằng một chiêu nhanh thoát bạn đánh vòng qua chúng và dẫn vào giữa đội hình theo kiểu *phalanx* Hy Lạp gồm những sách Bạn Cũng Có Ý Đọc Nhưng Có Những Sách Khác Bạn Phải Đọc Trước Đã, những Sách Hiện Giờ Quá Đắt Nên Bạn Sẽ Chờ Đến Khi Nào Chúng Được Bán Hạ Giá, những Sách giống như trên Chừng Nào Chúng Được In Dưới Dạng Bìa Mềm, những Sách Bạn Có Thể Mượn Của Ai Đó, Sách Mà Ai Cũng Đọc Nên Cứ Như Là Bạn Cũng Đọc Rồi Vậy. Thoát được những cuộc đánh xáp lá cà đó, bạn tiến đến dưới những ngọn tháp của pháo đài, nơi các đội quân khác đang dàn trận:

những Sách Bạn Lên Kế Hoạch Đọc Đã Nhiều Năm Nay,
những Sách Bạn Đã Săn Lùng Suốt Bao Năm Mà Không Thấy,
những Sách Đề Cập Đến Điều Gì Đó Mà Bạn Hiện Đang Suy Nghĩ,
những Sách Bạn Muốn Là Của Mình Để Nếu Cần Là Có Trong Tay,
những Sách Bạn Có Thể Để Riêng Ra Hè Này Có Khi Sẽ Đọc,
những Sách Bạn Cần Xếp Cạnh Những Sách Khác Trên Giá Sách Của Mình,
những Sách Khiến Lòng Bạn Đột Ngột Tràn Đầy Nỗi Lo Không Thể Lý Giải, Không Dễ Biện Minh.

Giờ bạn đã có thể giảm bớt quân số vô tận của các lực lượng đối phương xuống còn một đội hình lớn thì lớn thật nhưng vẫn có thể tính đếm

thành một số hữu hạn; nhưng rồi niềm nhẹ nhõm tương đối này lại bị phá hỏng vì cuộc tập kích của những Sách Bạn Đã Đọc Từ Lâu Mà Nay Đã Đến Lúc Đọc Lại và những Sách Bạn Luôn Vờ Là Đã Đọc Và Nay Đã Đến Lúc Ngồi Xuống Thật Sự Đọc.

Bằng một cú lao mình lắt léo bạn rũ bỏ chúng đi dặng nhảy thẳng vào trong pháo đài những Sách Mới Mà Tác Giả Hay Chủ Đề Là Hấp Dẫn Với Bạn. Ngay cả trong thành trì này bạn vẫn có thể gây ra tan vỡ trong hàng ngũ những kẻ cố thủ, chia cắt chúng thành những Sách Mới Của Những Tác Giả Hay Về Những Chủ Đề Không Mới (với bạn hoặc nói chung) và những Sách Mới Của Những Tác Giả Hay Về Những Chủ Đề Bạn Hoàn Toàn Chưa Biết Tới (ít nhất là với bạn), và xác định sức hấp dẫn của chúng đối với bạn trên cơ sở khát vọng và nhu cầu của bạn về cái mới hay cái không mới (về cái mới mà bạn tìm trong cái không mới và cái không mới mà bạn tìm trong cái mới).

Toàn bộ chuyện này chẳng qua chỉ có nghĩa là, sau khi đã liếc nhanh qua tên những cuốn sách được bày trong hiệu sách, bạn xoay về phía một chõng *Nếu một đêm đông có người lữ khách* mới in xong, bạn liền chộp một bản, và bạn mang nó đến quầy thu ngân để người ta xác lập quyền sở hữu của bạn đối với nó.

Bạn ném thêm một cái nhìn ngẩn ngơ vào những cuốn sách xung quanh bạn (hay đúng hơn, chính những cuốn sách kia đang nhìn bạn, với cái nhìn ngẩn ngơ của những con chó trong mấy cái chuồng ở trại nhốt chó của thành phố, khi thấy một con vốn là bạn cùng cảnh ngộ nay được chủ đến tháo cũi sổ lồng, cầm dây dắt ra khỏi đó), thế rồi bạn đi ra.

Bạn thấy mình có một niềm vui thú đặc biệt từ cuốn sách vừa xuất bản này, và bạn đang mang đi không chỉ một quyển sách mà còn cả sự mới nguyên của nó, sự mới nguyên mà có thể chẳng qua chỉ là sự mới nguyên của một món đồ vừa xuất xưởng, sự tươi tắn thanh tân của những cuốn sách mới, vốn kéo dài cho đến khi cái bìa ngoài bắt đầu ngả vàng, đến khi một lớp màng mờ bám lấy mép trên, đến khi góc bìa quăn hết cả, trong mùa thu nô nả của các thư viện. Không, bạn những mong luôn luôn gặp sự tươi mới

đích thực, sự tươi mới hễ đã mới một lần rồi sẽ tiếp tục mới mãi. Sau khi đọc cuốn sách vừa xuất bản, bạn sẽ nắm quyền sở hữu sự tươi mới này ngay khoảnh khắc đầu tiên, mà không phải theo đuổi nó, săn lùng nó. Điều đó có thể xảy ra lần này không? Bạn chả bao giờ biết được. Ta hãy xem nó mở đầu ra sao nhé.

Có thể là ngay lúc còn trong hiệu sách bạn đã bắt đầu lật lật quyển sách từ đầu tới cuối rồi. Hay bạn không làm thế được, bởi nó được gói kín mít bằng giấy bóng? Giờ bạn ở trên xe buýt, đứng giữa đám đông, một tay níu quai giữ thẳng bằng, tay kia bạn bắt đầu mở gói, làm những động tác hao hao như khi, một con khi muốn bóc quả chuối trong khi vẫn bám cành cây. Cẩn thận, bạn đang thúc cùi chỏ vào mấy người bên cạnh đấy; ít nhất cũng xin lỗi người ta đi.

Hoặc có thể người bán sách không gói sách lại; anh ta đưa cuốn sách cho bạn đựng trong một cái túi nhỏ. Thế thì đơn giản hơn. Bạn đang ngồi sau vô lăng ô tô, chờ đèn hiệu giao thông, bạn rút cuốn sách ra khỏi túi, xé rách lớp giấy bóng kính, bắt đầu đọc mấy dòng đầu. Một trận còi dữ dội trút xuống bạn; đèn xanh rồi, bạn đang làm tắc nghẽn giao thông.

Bạn ngồi ở bàn làm việc, bạn đặt quyển sách giữa đống giấy tờ công việc như thế chỉ là tình cờ; đến một lúc bạn dẹp tập hồ sơ sang bên và thấy cuốn sách nằm ngay trước mắt, bạn lơ đãng mở nó ra, bạn chống hai cùi chỏ lên bàn, bạn tì hai bàn tay nắm chặt lên hai thái dương, nom bạn như đang tập trung xem xét giấy tờ nhưng kỳ thực bạn đang khám phá những trang đầu của cuốn tiểu thuyết. Dần dần bạn ngả người vào ghế, bạn nâng cuốn sách lên tầm ngang mũi, bạn ngả ghế ra, cho nó dồn trụ lên hai chân sau, bạn kéo một ngăn kéo bên của bàn làm việc ra để kê chân lên đó; vị trí hai bàn chân trong quá trình đọc có tầm quan trọng rất lớn, bạn duỗi dài hai chân lên mặt bàn, lên mở hồ sơ cần xử lý.

Nhưng chẳng phải làm thế xem ra có phần thiếu trọng thị sao? Không phải trọng thị với công việc của bạn (chẳng ai đòi quyền phê phán năng lực chuyên môn của bạn: chúng ta giả định rằng bốn phận của bạn là một nhân tố bình thường trong cái hệ thống những hoạt động phi sản xuất vốn chiếm

một phần không nhỏ nền kinh tế quốc gia và quốc tế), mà với cuốn sách. Còn tệ hại hơn nếu như bạn – sẵn lòng hoặc miễn cưỡng – thuộc về số người xem làm việc có nghĩa là thực sự làm, là thực hiện, một cách hữu ý hoặc không suy ngẫm trước, một cái gì đó cần thiết hoặc ít nhất là không vô dụng với người khác cũng như với bản thân mình; thì cuốn sách bạn đã mang theo đến nơi làm việc như một thứ bùa hộ mệnh khiến bạn chốc chốc lại bị cám dỗ; cứ mỗi lần lại có vài giây bị trừ ra khỏi đối tượng chú ý chính của bạn, dù đó là việc đột lỗ trên những cái phiếu, hay mấy cái đầu đun của một bếp lò, bảng điều khiển một chiếc xe ủi, một bệnh nhân nằm dài trên giường mổ, ruột phơi ra.

Nói tóm lại, tốt hơn bạn nên kìm nén cơn nôn nóng, ráng đợi về đến nhà hãy mở sách ra. Là khi này đây. Phải, bạn đang ngồi trong phòng mình, bình tâm; bạn mở sách ra ở trang đầu, không, trang cuối, trước hết bạn muốn biết nó dài đến đâu. Không dài lắm, cũng may. Ngày nay viết tiểu thuyết dài thực là một chuyện trái khoáy: chiều thời gian bị đập vỡ tan, chúng ta chỉ có thể sống hay nghĩ trong mẫu thời gian vụn mà mỗi mẫu tách ra xa theo quỹ đạo riêng của mình và lập tức biến mất. Chúng ta chỉ có thể phát hiện lại sự liên tục của thời gian trong những cuốn tiểu thuyết của cái thời kỳ khi chúng ta chưa có vẽ đã dừng lại và chưa có vẽ đã nổ tung, một thời kỳ kéo dài không quá một trăm năm.

Bạn xoay xoay cuốn sách trên tay; bạn nhìn lướt mấy câu nơi bìa sau, những lời chung chung chả nói được gì nhiều. Thế càng hay, không có một thông điệp nào tuy úp mở song lại nói hay hơn cái thông điệp mà bản thân cuốn sách phải truyền đạt trực tiếp, mà bạn phải rút ra được từ cuốn sách, dù nó nhiều hay ít thế nào đi nữa. Dĩ nhiên, việc xoay tới xoay lui cuốn sách như thế này, cả nó nữa, việc đọc trước đọc sau nó trước khi đọc vào bên trong nó, là một phần của niềm vui thú nơi một cuốn sách mới, song cũng như mọi niềm vui thú mào đầu, nó có độ dài tối ưu của nó nếu bạn muốn nó đóng vai trò như cú hích về phía niềm vui thú mang thực chất hơn, đấy là thực hiện chính hành vi đó, cụ thể là hành vi đọc sách.

Thế là bây giờ bạn đã sẵn sàng tấn công những dòng đầu của trang đầu. Bạn sẵn sàng nhận ra cái giọng không thể lẫn vào đâu được của tác giả. Không. Bạn hoàn toàn không nhận ra nó. Nhưng giờ đây nghĩ lại, đã có ai bảo tác giả này có một giọng không lẫn vào đâu được nào? Ngược lại, ông ta có tiếng là một tác giả mà cuốn sau khác cuốn trước một trời một vực. Và trong chính những thay đổi đó bạn nhận ra ông ta là chính ông ta. Tuy nhiên ở đây ông ta dường như tuyệt chẳng có liên hệ gì với tất cả những thứ khác ông ta từng viết, ít nhất là theo chỗ bạn nhớ. Bạn có thất vọng không? Xem nhé, Có lẽ ban đầu bạn hơi bối rối, như khi có một người xuất hiện, nghe cái tên thì bạn cho rằng người này với một khuôn mặt nào đó hẳn chỉ là một, và bạn cố làm cho những nét mặt mình đang thấy kia tương hợp với những nét mặt bạn nhớ trong tâm trí, nhưng không được. Song bạn cứ đọc tiếp và nhận ra rằng cuốn sách đầu sao vẫn đọc được, không phụ thuộc vào những gì bạn từng mong đợi từ tác giả này, chính bản thân cuốn sách khơi gợi lòng hiếu kỳ của bạn; trên thực tế, khi tỉnh táo hồi tưởng lại bạn thấy thế này là hay hơn, khi đối mặt với một cái gì đó hãy còn chưa rõ lắm là điều gì.

Nếu một đêm đông có người lữ khách

Cuốn tiểu thuyết bắt đầu ở một ga xe lửa, một đầu máy thở phì phì, tiếng rít của cái pít tông phủ kín đoạn đầu chương, một đám khói mù mịt giấu đi một phần của đoạn văn đầu. Trong cái mùi của nhà ga có thoảng qua mùi của một quán cà phê nhà ga. Có ai đó đang nhìn qua lớp kính mù mịt, y mở cánh cửa gắn kính của quán bar, mọi thứ đều mù mịt, cả bên trong cũng vậy, như thể nhìn qua cặp mắt cận thị hay cặp mắt bị bụi than làm ngứa ngáy. Những trang sách bị phủ mờ như các cửa sổ một đoàn tàu cũ kỹ, đám khói trùm lên các câu văn. Ấy là một buổi chiều mưa; người đàn ông bước vào quán; y cởi cúc chiếc áo ngoài ấm sệt; một làn mây hơi nước bọc quanh y; một hồi còi bật đi dần dọc đường ray lấp lánh mưa kéo dài tít tắp.

Một tiếng hụ, giống như tiếng đầu máy xe lửa, và một làn mây hơi nước bốc lên từ cái máy pha cà phê mà ông lão đứng quầy đang nén chặt, như thể ông đang phát đi một tín hiệu, hay ít nhất là tuông như vậy xét từ chuỗi câu trong đoạn thứ hai; trong đó những người ngồi chơi bài quanh bàn liền úp vào ngực mấy lá bài xòe ra hình chiếc quạt rồi xoay về phía người mới đến bằng một cú vặn nhân ba của cổ họ, vai họ và cái ghế họ ngồi, trong khi các khách ngồi ở quầy nhấc mấy cái tách bé tí lên mà thổi lên mặt cà phê, môi và mắt khép hờ, hoặc vục đầu vào vại bia, cẩn thận quá đáng sao cho bia đừng sánh ra ngoài. Con mèo cong lưng, cô thu ngân đóng hộp đựng tiền lại nghe choang một cái. Tất cả các dấu hiệu này đồng quy lại cho ta biết đây là một ga xếp tình lẻ, nơi bất cứ ai cũng bị thiên hạ chú ý ngay lập tức.

Ga tàu thì ga nào cũng giống ga nào; nếu ánh đèn không thể soi sáng ra xa hơn vầng hào quang lờ mờ của nó thì cũng có hề gì, mọi thứ chẳng qua chỉ là một bối cảnh ta đã thuộc nằm lòng, với cái mùi của đoàn tàu cứ vương lại dằng dai ngay cả sau khi mọi đoàn tàu đã đi khỏi, cái mùi đặc biệt của nhà ga sau khi đoàn tàu cuối cùng đi khỏi. Ánh sáng của nhà ga và của các câu văn bạn đang đọc dường như có bốn phận xoá nhoà đi chứ không phải

chỉ ra những sự vật trời lên từ bức màn bóng tối và sương. Tôi đặt chân đến ga này đêm nay là lần đầu tiên trong đời, bước vào rồi bước ra khỏi quán bar này, di chuyển từ mùi sân ga sang mùi mặt cửa trong mấy buồng vệ sinh, tất cả trộn lẫn trong một mùi vốn là mùi của sự chờ đợi, mùi những buồng điện thoại khi bạn chỉ có thể làm mỗi một việc là đòi lại mấy đồng cọc vì con số bạn đã quay chẳng cho thấy dấu hiệu nào của sự sống.

Tôi chính là người đi đi lại lại từ quán bar sang buồng điện thoại. Hay đúng hơn: kẻ đó được gọi là “tôi” và bạn chẳng biết gì khác về y, cũng như ga này được gọi là “ga” còn ngoài ra chẳng có gì khác ngoài tín hiệu không được hồi đáp của một cái điện thoại đổ chuông trong căn phòng tối của một thành phố xa xôi. Tôi gác máy, tôi chờ cái tiếng lách cách trời lên, rơi xuống qua cổ họng kim khí, tôi lại đẩy cửa kính, tiến về phía những chiếc cốc xếp thành chồng cho ráo giữa một đám mây hơi nước.

Máy pha cà phê ở những quán cà phê nhà ga vốn có bà con họ hàng với những đầu máy, những máy pha *espresso* của hôm qua và hôm nay với các đầu máy và động cơ hơi nước của hôm nay và hôm qua. Tôi đến rồi đi, chuyển hướng rồi quay trở lại thì cũng thế thôi: tôi đã bị sa bẫy, cái bẫy phi thời gian mà mọi nhà ga xe lửa đều giăng ra chẳng bao giờ trật. Một đám mây bụi than vẫn cứ lơ lửng trong bầu không khí của các nhà ga suốt bao năm nay cả sau khi các tuyến đường đã được hoàn toàn điện khí hoá, và một cuốn tiểu thuyết nói về các đoàn tàu và nhà ga thì không thể không truyền tải cái mùi khói này. Giờ bạn đã đọc được đôi ba trang, hẳn đã đến lúc nói cho bạn rõ liệu cái nhà ga tôi vừa đặt chân xuống đây là nhà ga của quá khứ hay nhà ga của hiện tại; thay vì vậy các câu cứ tiếp tục tiến tới trong sự mơ hồ, xám xịt, trong một lĩnh vực trải nghiệm chẳng hề của riêng ai bị quy giảm về mẫu số chung nhỏ nhất. Coi chừng: chắc chắn đó là một phương pháp để lôi cuốn bạn từ từ, tóm bạn vào trong câu chuyện trước khi bạn nhận ra – một cái bẫy. Hoặc có thể tác giả vẫn chưa quyết định được, cũng như bạn, Người đọc, về chuyện ấy, cũng không chắc bạn muốn đọc cái gì nhất: liệu có phải đây là đến một nhà ga cũ, điều này sẽ cho bạn cảm giác quay ngược lại, một mối bận tâm trở lại về những thời đại và nơi chốn đã

mất, hay là một tia chớp những ánh sáng và âm thanh, nó sẽ cho bạn cảm giác đang sống trong thời đại hiện nay, trong cái thế giới nơi những con người hiện nay tin rằng được sống là một niềm vui thú. Quán bar này (hay “tiệm ăn nhà ga”, người ta còn gọi nó như thế nữa) có thể tù mù và dày đặc khói chỉ đối với cặp mắt tôi, vốn cận thị hay ngứa ngáy, trong khi nó cũng có thể đắm trong ánh sáng được khuếch tán bởi những bóng đèn mang màu tia sét và được phản chiếu bằng những tấm gương khiến cho ánh sáng lấp đầy mọi lối đi mọi ngõ ngách, và cái không gian không hắt bóng này cũng có thể ngập tràn thứ âm nhạc bùng ra hết cỡ từ một cỗ máy giết-chết-sự-implant rung bần bật, và những máy chơi pinball cùng các trò chơi điện tử khác bắt chước trò đua ngựa và săn người thầy đều đang hoạt động, và những hình bóng nhiều màu sắc bơi trong màn trong suốt của một cái ti vi và màn trong suốt của một bể cá nhiệt đới sinh động nhờ một luồng bong bóng khí bốc lên thẳng đứng. Và tay tôi có thể không xách một cái va li, căng phồng, hơi sần cũ, mà có thể kéo một cái va li vuông vức làm bằng nhựa có lắp mấy bánh xe nhỏ, một đầu có cái cán bằng crôm gập vào được để định hướng.

Bạn, Người đọc, bạn tin rằng ở đó, trên sân ga, cái nhìn của tôi dán chặt vào mấy cái kim trên cái đồng hồ tròn của nhà ga cũ, mấy cây kim bị chọc thủng như những cái kích, trong nỗ lực vô ích hòng xoay ngược chúng lại, chuyển ngược về cái nghĩa địa của những giờ đã sống qua, cái nghĩa địa năm vô sinh trong ngôi đền chuyển động vòng tròn của chúng. Nhưng ai có thể nói rằng những con số của cái đồng hồ không phải đang ló ra từ các ô kính hình chữ nhật, nơi tôi thấy một phút rơi lên tôi với một tiếng tách nghe như lưỡi dao máy chém? Tuy nhiên, kết quả chẳng thay đổi mấy: cứ tiến tới mãi trong một thế giới bóng loáng, mờn mờn, bàn tay tôi chụm lại trên chiếc tay lái nhẹ của cái va li có bánh xe sẽ vẫn biểu lộ một sự chối từ tận bên trong, như thể với tôi món hành lý thoải mái này đại diện cho một gánh nặng khó chịu và làm tôi kiệt sức.

Có gì đó không ổn đối với tôi: một thông tin nhầm lẫn, một sự chận trễ, một chuyến tàu liên vận bị nhờ; có lẽ khi đến đây đáng ra tôi phải gặp được người liên lạc, có lẽ nó gắn liền với cái va li này vốn dường như làm tôi bận

trí quá lắm, mặc dù ấy là bởi tôi sợ làm mất nó hay bởi tôi nóng lòng muốn tổng khứ nó đi thì không rõ. Điều có vẻ chắc chắn là nó không phải hành lý bình thường, một thứ mà tôi có thể để lại ở phòng gửi hoặc vờ quên mất trong phòng đợi. Xem đồng hồ chẳng ích gì; nếu có ai tới đợi tôi thì chắc hẳn anh ta cũng đi khỏi từ lâu rồi, chẳng để làm gì nếu bây giờ tôi có điên cuồng rặn óc ráng xoay ngược chiều kim đồng hồ và lịch ngày tháng hòng lại quay về cái thời điểm trước khi điều gì đó vốn không nên xảy ra rồi cũng đã xảy ra. Nếu tôi cần phải gặp ai đó ở nhà ga này, ai đó có lẽ chẳng liên quan gì tới ga này mà chẳng qua là bước xuống khỏi một đoàn tàu để rời ra đi trên một đoàn tàu khác, như tôi lẽ ra cũng đã làm, và một trong hai người lẽ ra phải chuyển cái gì đó cho người kia – chẳng hạn, nếu tôi lẽ ra phải đưa cho người kia cái va li có bánh xe này mà thay vì thế vẫn còn lại trong tay tôi và đang làm tay tôi cháy sém – thì việc duy nhất phải làm là cố lập lại mối liên lạc đã mất.

Tôi đã băng qua quán cà phê này đôi lần và đã nhòm ra ngoài cửa trước để nhìn cái quảng trường vô hình, song lần nào bức tường đêm tối cũng đều hất tôi trở ngược vào cái chốn rìa sáng sủa treo giữa hai vùng bóng tối ấy, bóng tối của đám đường tàu và bóng tối của thành phố mù sương. Tôi nên đi về đâu đây? Thành phố ngoài kia hãy còn chưa có tên, chúng ta còn chưa biết liệu nó sẽ vẫn nằm ngoài cuốn tiểu thuyết hay là toàn bộ cuốn tiểu thuyết vẫn sẽ hàm chứa bên trong bóng tối như mực của nó. Tôi chỉ biết rằng chương đầu này đang phải mất hồi lâu mới bứt ra khỏi được nhà ga và quán bar: thật chẳng khôn ngoan nếu rời khỏi cái nơi người ta vẫn có thể còn đến tìm tôi, mà cũng chẳng khôn ngoan nếu tôi để người ta nhìn thấy cứ mang cái va li nhùng nhằng này. Thế cho nên tôi cứ nhét hết đồng cọc này tới đồng cọc khác vào điện thoại công cộng, và lần nào cái máy cũng nhổ mấy cái đồng cọc lại cho tôi. Nhiều đồng cọc, tuồng như cho một cuộc gọi đường dài: có Trời biết giờ này họ ở đâu, những người sẽ truyền cho tôi các chỉ thị hay, đúng hơn – ta phải thành thật nói ra – mệnh lệnh; hiển nhiên tôi là kẻ thừa hành, xem ra tôi không phải loại người đi đây đi đó vì lý do cá nhân hay đang bận công chuyện làm ăn của riêng mình; trái lại, người ta sẽ nói rằng tôi đang làm nhiệm vụ, một quân tốt cho một trò chơi rất phức tạp,

một bánh răng nhỏ xíu trong một guồng máy khổng lồ, nhỏ đến nỗi thậm chí người ta không thấy được: quả thực, người ta ấn định rằng tôi phải đi qua nơi này mà không lưu lại dấu vết; thế nhưng, mỗi phút nán lại đây tôi lại càng lưu lại nhiều dấu vết hơn: tôi để lại dấu vết nếu tôi không nói năng với ai, bởi tôi nổi bật lên như một kẻ chẳng bao giờ mở miệng; tôi để lại dấu vết nếu tôi có nói năng, bởi mỗi từ tôi nói ra là một từ còn lưu lại và về sau có thể trỗi lên vào lúc bất ngờ nhất, với dấu ngoặc kép hoặc không. Có lẽ đây là lý do để tác giả chõng chất hết giả định này lên giả định khác trong những đoạn văn dài không đối thoại, một lớp chì dày, mờ đục nơi tôi có thể băng qua không bị ai để ý, rồi biến mất.

Tôi hoàn toàn không phải loại người khiến người ta chú ý, tôi là một hiện thể vô danh trên một cái nền còn vô danh hơn. Nếu bạn, Người đọc, không thể không nhận được ra tôi trong đám người vừa xuống tàu và liên tục theo tôi trong cuộc đi tới đi lui giữa quán bar và buồng điện thoại, ấy chẳng qua bởi tôi được gọi là “tôi” và đây là điều duy nhất bạn biết về tôi, nhưng nội điều này là đủ lý do để bạn gán một phần của bạn vào cái “tôi” xa lạ này. Cũng như tác giả, bởi ông ta không có ý định kể về bản thân mình, đã quyết định gọi nhân vật là “tôi” như thế che giấu anh ta đi, không phải gọi tên anh ta hay miêu tả anh ta, bởi bất kỳ cái tên hay thuộc tính nào khác đều sẽ xác định anh ta nhiều hơn cái đại từ trợn trụi này; dẫu vậy, bởi chính cái hành vi viết ra “tôi” mà tác giả cảm thấy bị thôi thúc trút vào cái “tôi” này một chút của chính ông ta, của những gì ông ta cảm nhận hoặc tưởng tượng là mình cảm nhận. Chẳng gì dễ đối với ông ta hơn là đồng nhất chính mình với tôi; hiện thời thì hành vi bên ngoài của tôi là hành vi của một lữ khách nhờ chuyến tàu chuyển vận, một tình huống vốn dĩ tất cả mọi người đều từng trải qua. Nhưng một tình huống xảy ra ở đoạn đầu một cuốn tiểu thuyết luôn luôn muốn nói với bạn về một cái gì đó đã xảy ra hoặc sắp xảy ra, và chính cái gì đó khác này khiến cho việc đồng nhất với tôi là nguy hiểm, nguy hiểm cho bạn là Người đọc và cho ông ta là tác giả; và đoạn mở đầu cuốn tiểu thuyết càng xám xịt càng thường tình càng xoàng xĩnh càng tầm thường thì bạn và tác giả lại càng cảm thấy sự ám gợi về mối nguy cơ treo sừng sừng trên cái phần “tôi” mà bạn đã bộp chộp gán vào cho cái “tôi” của

một nhân vật trong khi câu chuyện nội tại của y ra sao bạn chẳng biết một chút gì, cũng như bạn chẳng biết tí gì về những thứ chứa trong cái va li mà y đang khao khát được tổng khứ đi đến như vậy.

Tổng khứ cái va li đi là điều kiện đầu tiên để tái lập hoàn cảnh trước đó: trước tất cả những gì xảy ra sau đó. Ý tôi là như vậy khi nói tôi muốn bơi ngược dòng thời gian: tôi muốn xoá sạch các hậu quả của một số sự kiện và khôi phục một điều kiện tiên khởi. Nhưng mỗi khoảnh khắc của đời tôi mang theo nó một sự tích lũy các sự kiện mới, và mỗi một sự kiện mới này mang theo nó các hậu quả của nó; cho nên, càng tìm cách quay về khoảnh khắc số không nơi tôi xuất phát, tôi lại càng rời xa khỏi nó: mặc dù mọi hành động của tôi đều nhằm xoá bỏ các hậu quả của những hành động trước và mặc dù tôi tìm cách đạt được những kết quả khả quan trong việc xoá bỏ này, đủ để mở lòng tôi cho niềm hy vọng được nhẹ lòng ngay lập tức, thế nhưng, tôi phải luôn luôn ghi nhớ rằng mỗi động thái xoá bỏ các sự kiện trước kia của tôi đều khởi hoạt một loạt sự kiện mới, chúng làm cho tình huống càng phức tạp hơn trước và rồi, đến lượt chúng, tôi sẽ phải ra sức xoá bỏ. Vì vậy tôi phải tính toán cẩn thận từng động thái một, sao cho kết quả xoá thì đạt tối đa mà khả năng phức tạp trở lại thì tối thiểu.

Một người tôi không quen biết lẽ ra phải gặp tôi ngay khi xuống tàu, nếu mọi chuyện suôn sẻ. Một người mang cái va li có bánh xe, giống hệt va li của tôi, nhưng rộng. Hai cái va li sẽ va vào nhau như thế tình cờ giữa cảnh hàng khách chen lấn trên sân ga, giữa một đoàn tàu này với một đoàn tàu khác. Một sự kiện có thể xảy ra tình cờ, nhưng rồi sẽ có một mật khẩu mà người kia phải nói với tôi, một nhận xét về dòng tít lớn của tờ báo thò ra khỏi túi áo tôi, và kết quả mấy cuộc đua ngựa. “À, Zeno bên Elea về nhất!” Và đồng thời chúng tôi sẽ gỡ hai va li của mình ra, hoán chuyển hai cái cán bằng kim loại, có thể cũng trao đổi và nhận xét về ngựa, về các dự đoán, về tỉ lệ cá cược; rồi thì chúng tôi tiến bước về phía những đoàn tàu khác nhau, mỗi người đẩy cái va li của mình theo hướng của mình. Chẳng ai nhận ra hết, nhưng tôi sẽ có trong tay cái va li của người kia còn người kia thì lấy cái va li của tôi đi.

Một kế hoạch hoàn hảo, hoàn hảo đến mức chỉ một sự cố nhỏ nhất cũng đủ làm hỏng được. Giờ tôi ở đây chả biết làm gì tiếp, lũ khách cuối cùng đợi ở ga này nơi mãi tới sáng mai mới có thêm tàu đến hoặc đi. Đây là giờ mà thành phố nhỏ tỉnh lẻ này lại chui vào vỏ. Nơi quán bar nhà ga những người duy nhất còn lại là đám dân địa phương ai cũng biết nhau, những người không có liên quan gì tới nhà ga nhưng họ cất công đi xa đến thế, băng qua quảng trường tối om đặng tới đây là bởi chẳng còn quán nào khác mở cửa trong khu này nữa, hoặc có lẽ vì sự hấp dẫn mà các nhà ga vẫn còn gọi lên được ở các thành phố tỉnh lẻ, cái mẫu con con những gì mới mẻ mà người ta còn có thể chờ đợi từ nhà ga, hoặc có thể chỉ để nhớ lại cái thời nhà ga xe lửa còn là điểm giao cắt duy nhất với phần còn lại của thế giới.

Ừ, thật quá hay nếu tôi tự nhủ rằng chẳng còn thành phố tỉnh lẻ nào nữa và có lẽ cũng chưa từng có thành phố nào như thế: mọi nơi chốn đều tương thông tức thời với mọi nơi chốn khác, ta chỉ có thể trải được cảm giác cô biệt khi đang đứng giữa một chuyến đi từ nơi này sang nơi khác, nghĩa là, khi ta chẳng ở một nơi nào. Tôi, trên thực tế, thấy mình ở nơi đây mà chẳng có nơi đây nào hay một nơi khác nào, bị những kẻ vốn không phải người lạ nhận ra là một người lạ ít nhất cũng một cách rõ ràng như tôi nhận ra những kẻ không phải người lạ và ghen tị với họ. Phải, ghen tị. Tôi đang từ bên ngoài nhìn vào sinh hoạt của một buổi tối bình thường trong một thành phố nhỏ bình thường, tôi nhận ra mình bị tách lìa khỏi những buổi tối bình thường có trời biết đã bao lâu nay, và tôi nghĩ tới hàng ngàn thành phố như thế này, về hàng trăm ngàn thành phố như thế này, về hàng trăm ngàn chỗ sáng đèn nơi mà giờ này người ta cho phép bóng đen của buổi tối được trùm xuống và họ chẳng có trong đầu lấy một ý nghĩ nào như những ý nghĩ tôi đang có trong đầu tôi; có lẽ họ có những ý nghĩ khác hoàn toàn không đáng ghen tị, nhưng vào lúc này tôi sẵn lòng đổi chỗ với bất cứ ai trong số họ. Chẳng hạn, với một trong mấy thanh niên đang đi khắp lượt các khách hàng dân địa phương để thu thập chữ ký vào bản kiến nghị gửi Hội đồng thành phố liên quan đến thuế đánh vào bảng hiệu gắn đèn nê ông, và giờ đang đọc bản kiến nghị đó cho ông chủ quán nghe.

Cuốn tiểu thuyết ở đây lặp lại những mẫu đối thoại hình như chả có chức năng nào khác ngoài mô tả sinh hoạt hằng ngày của một thành phố tỉnh lẻ. “Em thì sao, Armida? Em đã ký chưa?” họ hỏi một phụ nữ mà tôi chỉ thấy từ đằng sau, một chiếc thắt lưng rủ xuống từ một cái áo khoác dài viền lông, cổ áo dựng cao, một dải khói cất lên từ mấy ngón tay cầm chiếc cốc thuỷ tinh có chân. “Ai bảo tôi cần lắp một cái đèn nê ông lên trên cửa hàng của tôi nào?” nàng ta nói. “Nếu Thành phố dự trữ tiết kiệm tiền cho đèn chiếu sáng, nhất định họ sẽ không thắp đèn phố bằng tiền của tôi đâu! Đằng nào thì ai cũng biết hiệu Đồ da Armida ở đâu mà. Còn khi nào tôi đã hạ tấm màn kim loại xuống thì ngoài phố vẫn cứ tối om thôi, là thế đấy.”

“Thế thì em ký là có lý quá còn gì,” họ bảo nàng ta. Họ xưng hô thân mật với nàng ta, gọi là *em*; bọn họ thấy đều gọi nhau là anh em hay mày tao chi tứ; lời họ nói đến một nửa là bằng thứ tiếng địa phương; đấy là những người đã quen ngày nào cũng gặp nhau hết năm này sang năm khác; điều gì họ nói cũng là sự tiếp nối những gì đã nói rồi. Họ chòng ghẹo nhau, thậm chí một cách thô lỗ, “Nhận đi, mày chỉ muốn ngoài phố tối om để đừng ai trông thấy người nào hay tới chỗ mày! Ai thường tới gặp mày ở phòng hậu cửa tiệm sau khi mày đã khoá trái bên trong vậy hả?”

Những lời qua lại đó tạo thành một thứ rì rầm gồm những giọng không rõ rệt, từ trong đó một lời hay một cụm từ có thể trồi lên, có tính quyết định đối với những gì tiếp theo. Muốn đọc được đúng, bạn phải tính đến cả hiệu ứng rì rầm lẫn hiệu ứng của ý định ẩn giấu, vốn là cái mà bạn (và cả tôi nữa) còn chưa có khả năng lĩnh hội. Vì vậy, trong khi đọc, bạn phải vừa lơ đãng vừa tinh nhạy cao độ, cũng như tôi đang mơ màng nhưng lại phồng tai lên, cùi chỏ chống lên quầy, cằm tì lên bàn tay trái nắm lại. Và nếu bây giờ cuốn tiểu thuyết bắt đầu từ bỏ sự mơ hồ như sương khói của nó đặt cung cấp vài chi tiết về ngoại hình những người có mặt, thì cảm giác nó muốn truyền đạt đến bạn là cảm giác về những khuôn mặt mới thấy lần đầu song cũng là những khuôn mặt dường như ta đã nhìn thấy ngàn lần. Ta đang ở một thành phố nơi mà trên đường phố cũng như con người ấy thường xuyên chạm mặt nhau; những khuôn mặt mang một sức nặng của thói quen vốn được dẫn

truyền đến cả một người như tôi, kẻ mà, dù xưa nay chưa từng đến đây, vẫn nhận ra được đó là những khuôn mặt ngày ngày quen thuộc, những khuôn mặt mà mặt kính quán bar đã chứng kiến đường nét dày lên hay sệ xuống, mà biểu hiện của chúng tôi này sang tối nọ dần dần nhả lại hoặc phị ra. Người đàn bà này có lẽ là người đẹp nhất của thành phố; ngay cả bây giờ tôi cũng cảm thấy, tuy mới thấy nàng lần đầu tiên, rằng nàng có thể gọi là một phụ nữ hấp dẫn; nhưng nếu tôi hình dung mình nhìn nàng bằng cặp mắt của những khách khác ở quán bar, thì có một thứ mệt mỏi nào đó đọng nơi nàng, có lẽ chỉ là cái bóng của sự mệt mỏi nơi họ (hay là mệt mỏi của tôi, anh bạn). Họ đã biết nàng từ khi nàng còn con gái, họ biết tất cả những gì có thể biết về nàng, vài người có thể từng đan dúi với nàng, nay thì nước đã qua cầu, chuyện đã qua, đã xong từ lâu lắm không cần nhắc lại; nói cách khác, có một tấm mạng gồm những hình ảnh khác vờng trên hình ảnh nàng khiến nó mờ nhạt đi, một sức nặng của nhiều ký ức khiến tôi không thể thấy nàng như một người mà tôi mới thấy lần đầu, ký ức của những người khác treo lừng lơ như khói dưới mấy ngọn đèn.

Trò giải trí ưa thích của đám khách này nơi quán bar hình như là đánh cá: đánh cá những chuyện vặt vãnh của đời sống hàng ngày. Chẳng hạn, một người nói, “Ta hãy cá xem tối nay ai tới quán bar sớm nhất, Bác sĩ Marne hay Ông cầm Gorin.” Và một người khác nói, “Còn khi bác Marne tới đây, ông sẽ làm gì để tránh đừng gặp bà vợ cũ? Ông sẽ chơi bi da hay ngồi điền mẩu cá độ đá banh?”

Trong một hiện tình giống như tôi thì không thể dự đoán điều gì: tôi chẳng bao giờ biết nửa giờ nữa chuyện gì có thể xảy ra với tôi, tôi không thể hình dung một cuộc sống tạo nên toàn bằng những biến thiên cực nhỏ, được cẩn thận khoanh tròn, những biến thiên mà người ta có thể đem ra đánh cá: hoặc thế này hoặc thế kia.

“Tôi không biết,” tôi nói giọng trầm trầm.

“Không biết cái gì?” nàng hỏi.

Đó là một ý nghĩ mà tôi cảm thấy cũng có thể nói ra bây giờ chứ không giữ riêng cho mình như tôi vẫn làm với mọi ý nghĩ của mình, nói ra với người phụ nữ đang ngồi đây bên tôi trong quán bar, chủ cửa hiệu đồ da, người mà tôi chớm cảm thấy khao khát bắt chuyện. “Có phải thành phố của chị lúc nào cũng thế không?”

“Không, không phải vậy,” nàng trả lời tôi, và tôi biết nàng sẽ trả lời tôi như thế. Nàng khẳng khẳng là người ta không thể tiên kiến được một cái gì, đây cũng vậy mà đâu cũng vậy: dĩ nhiên, tối nào cũng vậy, vào giờ này Bác sĩ Marne đóng cửa phòng mạch còn Cẩm Gorin hết giờ trực ở sở cảnh sát; và họ luôn luôn ghé vào đây, hoặc người này trước hoặc người kia trước; nhưng điều đó có ý nghĩa gì?

“Dù sao đi nữa, hình như chả ai nghi ngờ chuyện ông bác sĩ sẽ cố tránh gặp Bà Marne ngày xưa,” tôi nói với nàng.

“Tôi là Bà Marne ngày xưa đây,” nàng đáp. “Đừng nghe họ.”

Sự chú ý của bạn, với tư cách Người đọc, giờ đây hoàn toàn tập trung vào người đàn bà này, đã mấy trang rồi bạn cứ lòng vòng quanh nàng, tôi – không, tác giả – đã vòng vòng quanh sự hiện diện đầy nữ tính này, đã mấy trang rồi bạn cứ mong cái bóng dáng đàn bà vẫn thường khoác lấy hình hài trên trang viết, và chính kỳ vọng của bạn, Người đọc, mới là cái đẩy tác giả về phía nàng; và cả tôi nữa, mặc dù tôi có những chuyện khác cần nghĩ, thế mà tôi cứ buông thả mình, nói chuyện với nàng, khơi nên một cuộc trò chuyện mà tôi nên cắt ngang càng nhanh càng tốt, đặt bỏ đi, biến đi. Chắc hẳn bạn muốn biết nhiều hơn về chuyện nàng trông ra sao, nhưng thay vì vậy chỉ có dăm yếu tố nổi lên trên trang viết, khuôn mặt nàng vẫn bị khói và mái tóc nàng che mất, bạn hẳn cần hiểu thêm liệu đằng sau nét méo xệch cay đắng của miệng nàng có cái gì không cay đắng và không méo xệch chẳng.

“Vậy họ kể những chuyện gì?” tôi hỏi. “Tôi chả biết gì hết. Tôi biết chị có một cửa hiệu, không có bảng gắn đèn nê ông nào. Nhưng tôi thậm chí chả biết nó nằm ở đâu nữa kìa.”

Nàng nói cho tôi biết. Đó là một hiệu đồ da, bán va li và mấy món cần dùng khi đi đây đi đó. Nó không nằm trên quảng trường nhà ga mà ở một phố nhánh, gần chỗ dốc ngã tư ga hàng hoá.

“Nhưng sao ông lại quan tâm?”

“Tôi ước gì đã tới đây sớm hơn. Giá tới đây sớm hơn, tôi sẽ đi dọc con phố tối om, tôi sẽ thấy cửa hiệu của chị sáng đèn, tôi sẽ vào trong, tôi sẽ nói với chị: Nếu chị muốn, tôi sẽ giúp chị hạ cửa chớp.”

Nàng bảo tôi nàng hạ cửa chớp rồi, nhưng nàng phải về lại cửa hiệu để kiểm hàng, và nàng sẽ ở lại đó đến đêm.

Đám đàn ông trong quán đang trêu cợt và phát lưỡng nhau. Một cuộc đánh cá đã được định đoạt: ông bác sĩ đang vào chỗ.

“Tối nay ông cầm đến muện. Tôi tự hỏi vì sao.”

Ông bác sĩ bước vào vẫy tay chào tất cả mọi người; cái nhìn của ông không dừng lại nơi vợ ông, song nhất định là ông nhận thấy có một người đàn ông đang nói chuyện với nàng. Ông lại chỗ cuối phòng, xoay lưng lại quầy rượu; ông nhét một đồng bạc vào máy chơi pinball. Giờ thì tôi, kẻ đáng ra phải làm sao cho đừng để bị ai chú ý, lại bị sấm soi, bị chụp ảnh bởi những cặp mắt mà tôi không thể tự lừa mình là đã thoát khỏi được, những cặp mắt chẳng quên bất cứ cái gì và bất cứ ai có liên hệ với đối tượng của lòng ghen và nỗi đau. Những con mắt dơi nặng nề, hơi mọng nước kia là đủ để tôi nhận ra rằng tấn kịch giữa hai người chưa kết thúc: ông ta vẫn tiếp tục đến quán này mỗi tối để nhìn thấy nàng, để lại mở vết thương cũ ra lần nữa, có lẽ cũng đã biết tối nay ai sẽ đưa nàng về nhà; còn nàng tới quán này mỗi tối chắc là để cố tình làm ông đau khổ, cũng có lẽ nàng mong rằng thói quen đau khổ sẽ trở thành một thói quen cho ông ta như mọi thói quen khác, rằng nó rồi sẽ nhuốm hương vị của cái trống rỗng đã đóng bánh lại quanh miệng nàng và cuộc đời nàng bao nhiêu năm qua.

“Điều tôi thích nhất trên đời,” tôi nói với nàng, bởi đến lúc này thì hẳn tôi có thể cứ tiếp tục trò chuyện với nàng, “làm cho đồng hồ chạy ngược lại.”

Người đàn bà đưa ra câu trả lời thường tình nào đấy, kiểu như, “Ông chỉ cần xê dịch mấy cây kim thôi mà.” “Không, bằng ý nghĩ, bằng cách tập trung cho đến khi tôi buộc được thời gian phải quay ngược lại,” tôi nói; hay đúng hơn, không rõ là tôi quả thực có nói thế hay chỉ là muốn nói thế hay là tác giả diễn giải theo cách ấy cái câu nửa vời mà tôi lăm bắm trong mồm. “Lúc tôi đến đây ý nghĩ đầu tiên của tôi là: Có lẽ là, trong ý nghĩ, nỗ lực của ta đã đạt tới mức đủ lớn để bắt thời gian làm một cuộc cách mạng trọn vẹn; đây ta đang ở nhà ga nơi ta đã ra đi trong chuyến viễn hành đầu tiên, nó vẫn cứ y như hồi đó, không thay đổi. Tất cả những cuộc đời ta có thể sống đều khởi đầu ở đây; có cô gái lẽ ra đã có thể là cô gái của ta nhưng đã không làm thế, cũng đôi mắt ấy, mái tóc ấy...”

Nàng nhìn quanh, như thể lấy tôi làm trò cười; tôi ghéch cằm về phía nàng; nàng nhếch lại khoé miệng lên để cười, rồi lại thôi; vì nàng đã đổi ý hoặc vì đây là cách mỉm cười duy nhất của nàng. “Tôi không biết liệu đó có phải là lời khen không, nhưng tôi sẽ coi đó là lời khen. Rồi thì sao?”

“Rồi thì tôi ở đây, tôi là tôi của phút hiện tại, với cái va li này.”

Đây là lần đầu tiên tôi nhắc tới cái va li, mặc dù tôi chẳng bao giờ thôi nghĩ tới nó.

Thì nàng nói, “đây là buổi tối của những cái va li vương có bánh xe.”

Tôi vẫn bình thản, điềm tĩnh. Tôi hỏi, “Ý chị là sao?”

“Hôm nay tôi mới bán một cái, va li giống như thế này.”

“Ai mua?”

“Một người lạ. Như anh. Ông ta đang trên đường ra ga, đang lên đường. Với một cái va li không, vừa mới mua. Giống hệt như của anh.”

“Thì có gì lạ? Chẳng phải chị bán va li sao?”

“Va li thuộc kiểu dáng này tôi có nhiều trong cửa hiệu, nhưng chả ai ở đây mua hết. Người ta không thích, hoặc vì chả để làm gì. Hay vì người ta không biết tới chúng. Nhưng ắt là mấy va li ấy phải tiện lợi chứ.”

“Vớ với tôi thì không. Chẳng hạn, ngay khi tôi nghĩ tối nay có thể là một buổi tối đẹp cho tôi, tôi lại nhớ rằng tôi phải lôi cái va li này theo sau, và tôi không thể nghĩ tới thứ gì khác.”

“Vậy sao anh không để nó lại đâu đó?”

“Như là một hiệu bán va li,” tôi nói.

“Sao lại không? Thêm một va li nữa, thêm bớt cũng như nhau.”

Nàng đứng dậy khỏi ghế, chỉnh lại cổ áo khoác trong gương, cài thắt lưng.

“Nếu lát nữa tôi ghé qua và cào cào cái cửa chớp, liệu chị có nghe thấy không?”

“Cứ thử xem.”

Nàng không tạm biệt ai. Nàng đã đi ra ngoài quảng trường.

Bác sĩ Marne rời khỏi quầy máy chơi pinball tiến lại gần quầy. Ông ta muốn nhìn vào mặt tôi, có thể là nghe lỏm đôi nhận xét của những người khác, hay chỉ một tiếng cười khúc khích. Nhưng họ đang nói về những cuộc cá cược, cá cược về ông, không cần biết ông có nghe hay không. Vây quanh bác sĩ Marne là một bầu không khí sôi nổi vui tươi thân ái, những tiếng phát vào lưng, người ta bận bịu với những chuyện đùa và lời trêu chọc cũ mèm; nhưng ngay chính giữa sự phồn phở này có một vùng tôn kính chẳng bao giờ bị xâm phạm, không chỉ vì Marne là bác sĩ, là công chức sức khỏe cộng đồng hay gì đấy tương tự, mà còn bởi ông là chỗ bạn bè, hoặc có thể vì ông là gã vô lại đáng thương phải chịu lấy nỗi bất hạnh của hãn trong khi vẫn là chỗ bạn bè.

“Tối nay Ông cầm Gorin phá vỡ kỷ lục về đến muộn rồi,” ai đó nói, vì ngay lúc đó ông cầm bước vào quán.

Ông ta vào. “Chào cả nhà!” Ông lại gần tôi, hạ ánh mắt nhìn xuống cái va li, tờ báo, lăm nhăm qua hai hàm răng siết chặt, “Zeno bên Elea,” rồi tiến lại chỗ máy bán thuốc lá.

Có phải họ đã ném tôi vào tay cảnh sát? Có phải ông ta là một cảnh sát làm việc cho tổ chức của chúng tôi? Tôi đi đến chỗ máy bán thuốc lá như thể cũng muốn mua thuốc.

Ông ta nói, “Chúng vừa giết Jan xong. Chuồn đi.”

“Còn va li?” tôi hỏi.

“Lại mang đi. Chúng tôi không muốn dây dưa với nó lúc này. Đón chuyển tốc hành mười một giờ đi.”

“Nhưng nó sẽ không dừng ở đây...”

“Sẽ dừng. Ra đường ray số sáu. Đối diện ga hàng hoá. Anh có ba phút.”

“Nhưng...”

“Đi đi, không tôi phải bắt anh.”

Tổ chức thật là mạnh. Nó có thể ra lệnh cho cảnh sát, cho đường sắt. Tôi kéo cái va li theo những lối đi cắt ngang các đường ray cho đến khi gặp đường ray số sáu. Tôi đi dọc ke tàu. Khu hàng hoá nằm xa nhất, với lối vượt đường ray mở vào sương mù và bóng tối. Ông sếp cảnh sát đứng nơi cửa quán bar nhà ga, để mắt theo dõi tôi. Tàu tốc hành lao tới hết tốc lực. Nó giảm xuống, dừng, xoá tôi khỏi tầm nhìn của ông sếp cảnh sát, lại chuyển bánh.

[2]

Giờ bạn đã đọc được chừng ba mươi trang và bắt đầu bị cuốn vào câu chuyện. Đến một lúc bạn chợt nhận ra, “Câu này sao nghe quen vậy ta. Quả thực cả đoạn này nghe cứ như mình đọc rồi ấy.” Dĩ nhiên: có những đề tài trở đi trở lại, văn bản đan dệt với những đề tài lặp lại không ngừng đó, nhằm biểu hiện sự bất trắc của thời gian. Bạn là loại độc giả nhạy cảm với những sự vi tế như thế; bạn nhanh chóng nắm bắt được ý định của tác giả và không gì thoát khỏi bạn được. Nhưng, đồng thời, bạn cũng cảm thấy hơi ngán ngẫm: khi bạn bắt đầu thực sự thấy có hứng thú thì cũng là lúc tác giả cảm thấy có nghĩa vụ phải bày ra một trong những trò thiện xảo vốn quá thường gặp trong văn chương hiện đại: lặp lại cả đoạn văn, từng từ một. Bạn nói gì cơ, từng đoạn à? Làm gì có, cả trang đấy chứ; bạn cứ so sánh đi, ông ta không đổi ngay cả đến một dấu phẩy kia. Và khi bạn đọc tiếp thì sự thế ra sao? Chẳng có gì: câu chuyện lặp lại, y hệt những trang bạn đã đọc rồi!

Đợi đã! Nhìn số trang xem. Quý tha ma bắt! Từ trang 32 bạn quay ngược về trang 17! Bạn cứ ngỡ đây là một nét tinh tế trong phong cách tác giả, nhưng kỳ thực chỉ là lỗi của nhà in: họ in cùng một trang tới hai lần. Lỗi này xảy ra khi họ đóng sách: một cuốn sách hình thành từ những tờ in gồm mười sáu trang; mỗi tờ in là một tờ giấy lớn trên đó người ta in mười sáu trang sách, sau đó người ta gấp tờ in tám lần; khi tất cả các tờ in đã được khâu vào với nhau thì có thể xảy ra trường hợp hai tờ in giống hệt nhau lọt vào trong cùng một bản in; sự cố kiểu này thi thoảng vẫn xảy ra. Bạn nóng lòng lật nhanh mấy trang kế để tìm trang 33, bạn đồ rằng trang đó có; một tờ in trùng lặp hẳn chỉ là một điều bất tiện không đáng kể. Chỉ khi nào tờ in đúng đã biến mất, rơi vào một bản in khác và bản ấy có tới hai tờ in này trong khi bản này lại thiếu hẳn một tờ in, đấy mới là tổn thất không sửa chữa được. Dù sao đi nữa, bạn muốn nối tiếp mạch đọc, chẳng còn gì khác là đáng kể với bạn, bạn đã đến một điểm nơi bạn không thể bỏ qua dù chỉ một trang.

Đây lại trang 31, trang 32... rồi sau đó là gì? Lại trang 17 nữa, lần thứ ba! Người ta bán loại sách gì cho bạn vậy chứ? Người ta đóng toàn bộ bản in này từ cùng một tờ in, trong cả cuốn sách chẳng có lấy một trang đúng nào nữa cả.

Bạn quăng sách xuống sàn, có khi bạn còn quăng nó ra ngoài cửa sổ, thậm chí ra ngoài cửa sổ đóng kín, qua các thanh mỏng của bức màn màn; cứ để bức màn xé thành từng mảnh các tay sách chẳng đâu hợp vào đâu của nó, cứ để các câu, từ, âm vị, hình vị bắn vọt ra phía trước, không thể nào tái hợp thành diễn ngôn nữa; ném qua kính cửa, nếu đó là kính không vỡ thì càng tốt, cứ quăng sách vào, để nó quy giảm thành photon, thành những dao động sóng, thành quang phổ phân cực; ném qua tường, để quyển sách vỡ vụn thành phân tử của bê tông, phân rã thành electron, neutron, neutrino, các hạt cơ bản càng lúc càng nhỏ; ném qua đường dây điện thoại, để quy giảm thành xung điện, thành dòng thông tin, bị âm thừa và tiếng ồn làm cho rung nhiễu, để nó bị thoái hoá thành một xoáy entropy. Bạn những muốn ném nó ra khỏi nhà, ra khỏi lô nhà, ra ngoài khu phố, ra khỏi phạm vi thành phố, ra khỏi cộng đồng quốc gia dân tộc, ra khỏi khối Thị trường chung, ra khỏi nền văn hoá Tây phương, ra khỏi thêm lục địa, ra khỏi bầu khí quyển, tầng sinh quyển, tầng bình lưu, trường hấp dẫn, hệ mặt trời, thiên hà, cụm thiên hà, ném thật lực sao cho nó vượt xa khỏi điểm nơi các thiên hà vươn tới được trong quá trình bành trướng, nơi không-thời gian hãy còn chưa xuất hiện, nơi quyển sách sẽ được tiếp cận bởi cái phi-hiện-tồn vô hữu thể, hay ngay cả cái vị-hiện tồn phi hữu thể vốn chưa bao giờ hiện hữu và sẽ không bao giờ hiện hữu, sẽ lạc trong sự phủ định tuyệt đối nhất, triệt để nhất, vô phương bác bỏ nhất. Chẳng qua là nó đáng bị như vậy, không hơn không kém.

Nhưng không. Thay vì vậy bạn nhặt nó lên, phủi bụi; bạn phải đem nó trả lại hiệu sách để họ còn đổi cho bạn. Bạn biết tính mình vốn hơi bốc đồng, nhưng bạn đã học được cách tự kiềm chế. Điều khiến bạn cáu tiết hơn hết là bạn tự thấy mình bị phó mặc cho bất ngờ, may rủi, ngẫu nhiên, trong sự vật và trong hành vi của con người – sự bất cần, sự áng chừng, sự bất xác, dù của bạn hay của người khác thì cũng vậy. Trong những trường hợp đó

cảm xúc mạnh mẽ nhất của bạn là nổi nôn nóng muốn xoá sạch những hậu quả đáng ngại của tính tùy tiện hay sự xao nhãng đó, nhằm thiết lập lại tiến trình thông thường của các sự kiện. Bạn nóng lòng muốn đặt tay lên một bản in không sai sót của cuốn sách mình đã bắt đầu đọc. Giá như các cửa hàng cửa hiệu không đóng cửa vào giờ này thì bạn đã lao ngay tới hiệu sách rồi. Bạn đành đợi đến mai.

Đêm bạn ngủ không yên, giấc ngủ của bạn giống như một dòng chảy gập ghềnh lúc chảy lúc dừng, cũng giống như sự đọc cuốn tiểu thuyết, với những giấc mơ đối với bạn cứ như là cùng một giấc mơ lặp đi lặp lại. Bạn vật lộn với những giấc mơ ấy như với sự sống vốn vô hình vô ý nghĩa, tìm kiếm một mẫu hình, một con đường ắt hẳn có đó, giống như khi bạn khởi sự đọc một cuốn sách mà chưa biết nó sẽ đưa bạn đi theo hướng nào. Điều bạn muốn là khơi mở một không gian và thời gian trừu tượng và tuyệt đối trong đó bạn có thể dịch chuyển, dẫn mình theo một quỹ đạo chính xác, rành mạch; nhưng giữa khi có vẻ như đang dịch chuyển như mình muốn, bạn nhận ra rằng mình bất động, bị chặn đường, buộc phải lặp lại tất cả từ đầu.

Hôm sau, ngay khi có giầy lát rồi, bạn chạy ù ra hiệu sách, bạn vào, tay cầm cuốn sách mở sẵn, ngón tay trở vào một trang, làm như chừng đó là đủ cho họ thấy cái tình trạng rối beng này. “Ông có biết ông bán cho tôi cái gì không?... Nhìn coi... Tới ngay đoạn hấp dẫn nhất thì...”

Người bán sách vẫn điềm tĩnh. “Ồ, cả ông nữa hả? Tôi đã bị tới mấy người khiếu nại rồi đó. Vậy mà mãi sáng nay tôi mới nhận được thư trả lời theo mẫu của nhà xuất bản. Ông có hiểu không? ‘Khi phát hành các đầu sách mới nhất trong danh mục của chúng tôi, một phần của ấn bản *Nếu một đêm đông có người lữ khách* của Italo Calvino bị phát hiện có lỗi nên phải thu hồi không cho phát hành. Do một sơ suất trong quá trình đóng sách, ký hiệu đánh dấu trang của cuốn này bị lẫn với ký hiệu đánh dấu trang của một ấn phẩm khác là *Ở ngoại vi thành Malbork* của nhà văn Tadzio Bazakbal người Ba Lan. Nhà xuất bản vô cùng xin lỗi về sự cố không may này và sẽ thu đổi các ấn bản bị hỏng trong thời gian sớm nhất, vân vân.’ Giờ tôi hỏi ông, một người bán sách nghèo hèn mà lại phải giơ đầu chịu báng cho sự lơ

là tặc trách của người khác hay sao? Cả ngày hôm nay chúng tôi phát điên lên được rồi đấy. Chúng tôi đã kiểm tra sách Calvino từng quyển một. Cũng may là có một số quyển ổn nên chúng tôi có thể đổi ngay quyển *Người lữ khách* bị lỗi của ông bằng một quyển mới toanh chưa ráo mực.”

Đợi chút. Hãy tập trung. Hãy tiếp nhận thông tin người ta vừa trút lên bạn trọn vẹn một lần duy nhất, rồi thì sắp xếp thứ tự đâu ra đó. Một tiểu thuyết Ba Lan. Vậy ra cuốn sách mà bạn đã khởi sự say mê nhường đó chẳng phải là cuốn bạn tưởng mà thật ra là một tiểu thuyết Ba Lan. Đó mới là cuốn sách mà lúc này bạn đang nóng lòng muốn có được trong tay đến thế. Chớ để người ta phỉnh bạn. Hãy giải thích sự tình thật rõ. “Không, thật ra tôi chẳng quan tâm tới Calvino gì gì nữa rồi. Tôi đã khởi sự đọc cuốn của Ba Lan thành ra bây giờ tôi muốn cuốn Ba Lan cơ. Ông có cuốn của tay Bazakbal đó không?”

“Nếu ông thích thì có thôi. Trước đây một chút thôi có một khách hàng khác, một bà còn trẻ cũng tới phàn nàn như ông, bà cũng muốn đổi cuốn của mình lấy cuốn của ông Ba Lan. Kia kia, ông thấy đồng Bazakbal trên giá không, ngay dưới mũi ông đó? Tự lấy mà xem.”

“Nhưng bản này liệu có hỏng không đấy?”

“Nghe đây. Đến nước này thì tôi hỏng thề thốt gì hết á. Nếu ngay cả những nhà xuất bản có uy tín nhất cũng còn làm ăn lôm côm như vậy thì chẳng còn tin tưởng được gì nữa đâu. Tôi sẽ nói với ông những gì tôi đã nói với thiếu phụ kia. Nếu còn có cơ gì để khiếu nại nữa thì ông sẽ được đền tiền. Tôi làm được đến thế thôi.”

Một thiếu phụ. Ông ta trở một thiếu phụ cho bạn thấy. Nàng đứng đó giữa hai hàng kệ sách trong cửa hiệu, đang tìm cuốn gì đó giữa quầy Sách Kinh điển Hiện đại của nhà Penguin, lướt ngón tay trở đáng yêu và quyết đoán dọc những gáy sách màu cà tím nhạt. Đôi mắt thật to, linh hoạt, nước da có tông màu tươi tắn, sắc tố đẹp, tóc rối bời gọn sóng.

Và vậy đó, Người đọc Nữ đã thâm nhập thật đúng lúc vào nhãn trường của bạn. Người đọc, hay đúng hơn là vào phạm vi chú tâm của bạn; hay

đúng hơn, bạn đã bước vào một từ trường có sức hút mà bạn không thể thoát. Cho nên, đừng phí thời gian, bạn có một cái cơ thật tuyệt để bắt chuyện, bạn có một cái chung giữa mình với người ta, chỉ cần nghĩ một chút là bạn có thể phô ra cái sở đọc uyên thâm quảng bác của mình, nào tiến lên, bạn chờ gì nữa?

“Ra là cô cũng vậy à, ha ha, cũng anh chàng Ba Lan ấy,” bạn nói liền một hơi. “Nhưng cuốn sách ấy khởi đầu xong thì lại tắc tị, thật là lừa đảo, bởi vì chuyện đó xảy ra với cả cô nữa, là tôi nghe nói vậy; cả tôi cũng bị như thế, cô biết không? Thôi thì mình đã đọc thử rồi, tôi bỏ cuốn này lấy cuốn kia, nhưng mà cả hai ta, thật tình cờ quá nhỉ.”

Ái chà, hẳn là đáng lẽ bạn nên sắp xếp lời lẽ tốt hơn một chút, nhưng ít nhất bạn cũng đã diễn đạt được những ý chính. Giờ tới lượt nàng. Nàng mỉm cười. Nàng có hai lúm đồng tiền. Bạn thấy nàng càng hấp dẫn hơn.

Nàng nói, “Ồ, đúng, tôi quá nóng lòng muốn đọc một cuốn sách hay. Cuốn này, ngay từ đầu thì không, nhưng về sau tôi thấy nó bắt đầu cuốn hút... Khi thấy nó đứt ngang nửa chừng, tôi giận quá đi mất. Mà cũng chẳng phải là tác giả ấy nốt. Ngay từ đầu tôi đã ngờ ngợ như nó hơi khác với những cuốn khác của ông ta. Kỳ thực tác giả cuốn này là Bazakbal. Tuy nhiên cái ông Bazakbal này cũng không tồi. Tôi chưa đọc cuốn nào của ông ta cả.”

“Tôi cũng thế,” bạn có thể nói như vậy, bởi thấy an lòng, và để nàng được an lòng.

“Hơi quá lan man một chút, cách kể chuyện ấy mà, quá lan man đối với tôi. Cái cảm giác hoang mang khi ta bắt đầu đọc một cuốn tiểu thuyết, tôi không phải là không thích, nhưng nếu hiệu ứng đầu tiên là hiệu ứng sương mù thì tôi e rằng khi làn sương ấy tan đi thì niềm vui thú đọc của tôi cũng mất.”

Bạn lắc đầu về dăm chiêu. “Quả là có rủi ro ấy thật.”

“Tôi thích những cuốn tiểu thuyết lập tức đưa tôi vào một thế giới nơi mọi thứ đều chính xác, cụ thể, tách bạch,” nàng nói. “Tôi thường thấy đặc

biệt thoả mãn khi biết rằng mọi vật được tạo ra theo cách này chứ không phải theo cách khác, ngay cả những cái thường tình nhất mà trong đời thực có vẻ chẳng đáng gì đối với tôi.”

Bạn có đồng ý không? Nếu có thì nói ngay đi. “Ồ phải, loại sách ấy thì đúng là đáng đọc rồi.”

Thì nàng tiếp, “Dù sao thì đây cũng là một cuốn tiểu thuyết thú vị, tôi không phủ nhận.”

Kìa tiếp đi nào, đừng để cuộc chuyện trò tắc tị. Nói gì đi, miễn là tiếp tục nói. “Cô có đọc nhiều tiểu thuyết không? Có à? Tôi cũng thế, ít ra là vài cuốn, mặc dù sách phi hư cấu thì hợp tạng tôi hơn...” Bạn nghĩ ra được mỗi chừng đó ru? Rồi thì sao đây? Đành chịu à? Xin ngả mũ chào! Lẽ nào thậm chí bạn không có khả năng hỏi nàng: Cô đã đọc cuốn này chưa? Còn cuốn này? Trong hai cuốn đó cô thích cuốn nào hơn? Đấy, cứ thế thì bạn sẽ có cái để nói trong nửa tiếng đồng hồ.

Phiền một nỗi nàng từng đọc nhiều tiểu thuyết hơn bạn, nhất là của nước ngoài, và nàng có trí nhớ thật chi li, nàng nhắc tới đoạn này đoạn nọ cụ thể; nàng hỏi bạn, “Anh có nhớ bà dì của Henry nói gì khi...” còn bạn, bạn khơi ra cái nhan đề ấy là vì bạn biết cái nhan đề và chỉ có thế, không hơn, mà bạn thì muốn để nàng tin rằng cuốn ấy bạn đọc rồi, nên giờ đây bạn phải gỡ bí bằng những bình phẩm chung chung, như là, “Tôi thấy cuốn ấy diễn tiến hơi chậm,” hay, “Tôi thích là vì nó mĩa mai,” thì nàng đáp, “Thật sao? Anh thấy nó mĩa mai à? Tôi thì sẽ không nói...” và thế là bạn tên tò. Bạn bèn liều nêu ý kiến về một tác gia nổi tiếng, bởi bạn đã đọc một trong các sách của ông này, nhiều nhất là hai, thế là chẳng chút nào ngần ngại nàng tấn công trực diện vào *toàn bộ trước tác* của ông ta, cái mà nàng dường như biết rõ từng ly từng tí, và nếu như có chỗ nào đó nàng chưa chắc lắm thì còn tẻ hơn nữa bởi nàng hỏi bạn, “Còn cái đoạn lừng danh về tấm ảnh bị cắt nữa, ấy là trong cuốn này hay cuốn kia nhỉ? Tôi luôn nhầm cuốn nọ xọ cuốn kia hết cả...” Bạn liền đoán, bởi nàng nhầm hết cả. Thì nàng nói, “Sao cơ, anh nói gì vậy? Thế là không đúng rồi...” Thôi thì cứ coi như hai người cùng nhầm vậy.

Tốt hơn là hãy quay lại việc đọc chiều hôm trước, về bản sách mà cả bạn và nàng đang cầm chặt trong tay, nó sẽ đền bù nỗi thất vọng mới đây của bạn. “Mình hãy hy vọng,” bạn nói, “rằng lần này ta có một bản in hoàn hảo, đóng đầu ra đó, để mình không bị ngắt ngang nửa chừng ngay đoạn cao trào, như khi...” (Như khi nào, như thế nào? Ý bạn là sao?) “Ý tôi là mình hãy hy vọng sẽ đọc được đến hết không gặp trắc trở gì.”

“Ồ phải,” nàng nói. Bạn đã nghe chưa? Nàng nói, “Ồ, vâng.” Giờ tới lượt bạn đó, tùy bạn đi bước mới.

“Vậy tôi mong sẽ gặp lại cô, bởi cô cũng là khách hàng ở đây; gặp lại nhau thì ta có thể trao đổi cảm nghĩ sau khi đọc cuốn sách.” Và nàng đáp, “Rất sẵn lòng.”

Bạn biết mình đang muốn tiến tới đâu, bạn đang giăng một cái lưới có mắt rất ư là nhỏ đấy. “Điều buồn cười nhất sẽ là thế này: ta cứ tưởng mình đang đọc Italo Calvino nhưng hoá ra đây là Bazakbal, còn bây giờ ta mong được đọc Bazakbal thì mở sách ra ta lại thấy Italo Calvino.”

“Ồ không! Nếu có chuyện ấy thì ta sẽ kiện nhà xuất bản!”

“Nghe này, sao ta không cho nhau số điện thoại?” (Bạn nhắm là nhắm tới đích này, ôi Người đọc ơi, bạn cứ vờn quanh nàng như con rắn đeo chuông!) “Làm vậy thì nếu một trong hai ta phát hiện thấy có gì không ổn trong bản của mình, người đó có thể nhờ người kia giúp... Nếu có hai người thì ta sẽ có thêm cơ hội khôi phục lại bản hoàn chỉnh.”

Đấy, bạn đã nói rồi. Còn gì tự nhiên hơn khi tình đoàn kết ấy, sự thông đồng ấy, mối kiên kết ấy được thiết lập giữa Người đọc và Người đọc, nhờ cuốn sách?

Bạn có thể hài lòng rời hiệu sách, bạn, một người đàn ông nghĩ rằng giờ đây đã chấm dứt cái thời kỳ bạn còn có thể mong đợi điều gì đó từ cuộc sống. Bạn đang mang theo mình hai kỳ vọng khác nhau, cả hai đều hứa hẹn những ngày chờ đợi niềm vui: kỳ vọng hàm chứa trong cuốn sách – về một trải nghiệm đọc mà bạn nóng lòng muốn nói lại – và kỳ vọng hàm chứa trong số điện thoại kia – kỳ vọng được nghe lại những rung động, khi the thé

lúc khàn khàn của giọng nói đó, khi giọng nói đó sẽ trả lời cú gọi đầu tiên bạn chỉ không lâu nữa thôi, trên thực tế là ngày mai, với cái cố mỏng manh là cuốn sách, để hỏi xem nàng có thích nó không, để cho nàng hay bạn đọc được hoặc chưa được bao nhiêu trang, đề nghị rằng nàng với bạn nên gặp lại...

Bạn là ai, Người đọc, tuổi của bạn là bao, hoàn cảnh, nghề nghiệp, thu nhập của bạn thế nào: hỏi mấy chuyện ấy thì thật vô ý tứ. Đó là việc của bạn, của bạn thì tự bạn lo. Điều đáng kể là trạng thái tinh thần bạn lúc này, khi ngồi ở nhà trong chốn riêng tư, trong khi bạn cố lập lại sự bình an tuyệt đối để có thể lại chìm vào cuốn sách; bạn duỗi hai chân, bạn kéo chân về, bạn lại duỗi chân. Nhưng có gì đó đã thay đổi từ hôm qua. Sự đọc của bạn không còn cô đơn nữa: bạn nghĩ về Người đọc Nữ, người đó lúc này cũng đang mở cuốn sách ra; và kia cuốn tiểu thuyết cần được đọc bị chòng lên trên bởi một cuốn tiểu thuyết cần được kinh qua như kinh qua một cuộc đời, sự tiếp nối câu chuyện giữa bạn với nàng, hay còn hơn thế, là sự khởi đầu một câu chuyện khả dĩ xảy ra. Bạn thay đổi so với hôm qua là thay đổi thế này đây, bạn, kẻ khăng khăng cho là mình thích sách hơn, thích cái gì đó đầy tính vật thể, nằm trước mặt bạn, dễ dàng định nghĩa, có thể thưởng thức mà không phải chịu rủi ro gì, bạn thích thế hơn là một trải nghiệm trong đời thực, vốn luôn luôn khó nắm, đứt đoạn, nhiều mâu thuẫn. Liệu như thế có nghĩa là cuốn sách trở thành một dụng cụ, một kênh tương giao, một chỗ hẹn hò? Thế không có nghĩa việc đọc cuốn sách sẽ ít thu hút bạn hơn: ngược lại, một cái gì đó đã được thêm vào sức mạnh của nó.

Các trang của cuốn này chưa được rọc: trở ngại đầu tiên cưỡng lại sự nóng lòng của bạn. Cầm một con dao rọc giấy tốt, bạn chuẩn bị xuyên thấu vào những bí mật của nó. Với một nhát rạch quyết đoán bạn vạch đường đi qua trang nhan đề và đoạn đầu của chương đầu. Thế rồi...

Thế rồi ngay từ trang đầu bạn đã nhận ra rằng cuốn tiểu thuyết bạn đang cầm trong tay chẳng có gì liên quan tới cuốn bạn đọc hôm qua.

Ở ngoại vi thành Malbork

Mùi chiên rán phảng phất ở đầu trang, thực ra là mùi hành, hành người ta đang rán, hơi cháy sém, bởi trong hành có những đường vân chuyển sang tím rồi sang nâu, nhất là bên mép, vùng biên của mỗi lát hành nhỏ trở thành màu đen trước khi thành màu vàng ươm, ấy là nước cốt của hành đang ô xy hoá, đang trải qua một chuỗi nhiều sắc thái khứu giác và màu sắc, tất cả gói gọn trong mùi dầu sắp sửa sôi. Dầu cây cải vân, văn bản nói rõ; mọi thứ ở đây đều rất chính xác, những vật có danh tính hẳn hoi và những cảm giác mà các vật này truyền tải, tất cả đồ ăn thức uống trên ngọn lửa cũng như trên bếp lò, mỗi thứ trong đồ đựng riêng được gọi bằng tên chuẩn tắc, xoong, nồi, ấm, và tương tự vậy là các công đoạn mà sự chuẩn bị nấu nướng nào cũng bao hàm, nào rắc bột, nào đánh trứng, xắt dưa chuột thành những lát tròn đẹp mắt, bôi mỡ lên gà mái để quay. Nơi đây mọi thứ đều rất cụ thể, thực chất, được mô tả bằng kỹ năng điêu luyện bậc thầy; hay ít nhất là ấn tượng qua bạn, Người đọc, được trao cho là ấn tượng về sự điêu luyện bậc thầy, mặc dù có vài món mà bạn không biết được kể tên ra, người dịch quyết định để nguyên từ gốc; chẳng hạn như *schöblintsjia*. Nhưng khi đọc chữ *schöblintsjia* bạn sẵn sàng thề rằng món *schöblintsjia* quả thực có ở trên đời, bạn ném được rõ ràng hương vị của nó cho dù văn bản không cho biết hương vị đó là gì, hương vị hơi chua, một phần là bởi từ gọi, do âm thanh của nó hay chỉ là do ấn tượng về thị giác mà nó gây ra, nó gọi nên cho bạn vị hơi chua, có một phần là bởi bạn cảm thấy rằng trong bản đại tấu khúc các hương vị và các từ cần phải có một nốt hơi chua.

Brigd đang nhào thịt xay trong bột có tra thêm trứng, hai cánh tay đỏ au rắn chắc lấm tấm nốt tàn nhang vàng ruộm của nàng phủ kín những hạt bụi trắng có mấy vụn thịt sống dính vào. Mỗi lần thân trên của Brigd thẳng lên khom xuống nơi cái bàn bằng cẩm thạch, váy nàng mặc xốc lên chừng ba bốn phân ở phía dưới để lộ chỗ hõm giữa bụng chân và cơ hai đầu của bắp chân nàng, nơi ấy da trắng hơn, có một đường gân mảnh màu xanh nhạt chạy qua. Các nhân vật dần dần có hình hài trong sự tích tụ dần các chi tiết

cực nhỏ và động tác chính xác, và còn trong cả những nhận xét, các mẫu trò chuyện, như khi già Hunder nói. “Năm nay sẽ không cho màý nhảy được như năm ngoái đâu,” và vài dòng sau bạn hiểu rằng già đang nói tới quả ớt; và “Màý là cái đũa mỗi năm một nhảy tẻ hơn!” dì Ugurd nói trong khi ném cái gì đấy bằng chiếc thìa gỗ rồi cho thêm một dùm quế vào nồi.

Mỗi lúc bạn lại phát hiện thêm một nhân vật mới, bạn không biết có bao nhiêu người trong căn bếp rộng mênh mông này của chúng tôi, đếm chẳng ích gì, chúng tôi luôn luôn có nhiều người như thế ở Kudgiwa, kể đến người đi: tổng số chẳng bao giờ đúng được bởi vì cùng một nhân vật có thể mang nhiều tên, tùy trường hợp mà họ được xác định bằng tên rửa tội, tên lóng, bằng họ hay bằng tên đặt theo tên cha, thậm chí bằng cả những danh xưng kiểu như “vợ goá của Jan” hay “tay thợ học việc cửa hàng gỗ.” Nhưng điều đáng nói là những chi tiết về thể chất mà cuốn tiểu thuyết này nhấn mạnh: mấy cái móng tay gặm nham nhở của Bronko, đám lông măng trên cặp má Brigd – cũng như những cử chỉ, những dụng cụ mà người này hay kẻ nọ dùng – cái cối để giã thịt, cái chao để rửa cái xoong, con dao để cắt bơ – sao cho mỗi nhân vật đều nhận sẵn một định danh đầu tiên thông qua hành vi hay vật đi kèm này; nhưng rồi chúng ta lại muốn biết nhiều hơn nữa, như thế con dao cắt bơ đã ấn định sẵn cả nhân vật lẫn vận mệnh của kẻ được trình diện ở chương thứ nhất trong tư thế dùng dao cắt bơ, và như thế bạn, Người đọc, bạn đã chuẩn bị sẵn sàng để mỗi khi nhân vật đó lại xuất hiện trong tiến trình cuốn tiểu thuyết là bạn liền kêu lên, “À, lại người cắt bơ đây mà!” bằng cách ấy buộc tác giả phải gán cho anh ta các hành vi và sự kiện xứng hợp với con dao cắt bơ lúc ban đầu nọ.

Bếp của chúng tôi ở Kudgiwa dường như được tạo ra với chủ ý sao cho vào bất cứ giờ nào cũng có thể gặp nhiều người ở đó, mỗi người đều dự định nấu cho mình một món gì đấy, người bóc vỏ đậu, kẻ bắc lên bếp món cá tinca dầm nước sốt, ai cũng đang nêm nếm hoặc nấu nướng hoặc đang ăn một cái gì, và người này đi khỏi thì người khác đến, từ tinh mơ tới tối mịt, và sáng hôm ấy tôi đến khi hãy còn sớm sửa soạn thế này mà bếp đã nhộn nhịp hết mức bởi vì hôm nay khác mọi ngày: đêm trước ông Kauderer vừa đến

cùng đưa con trai, rồi sáng nay ông lại đi, mang tôi theo thay cho thằng con trai ông. Tôi sắp xa nhà lần đầu tiên: tôi sẽ phải cư ngụ suốt mùa ở cơ ngơi ông Kauderer tại tỉnh Pëtkwo, cho tới vụ thu hoạch lúa mạch đen, để học cách vận hành mấy cái máy sấy mới nhập từ Bỉ về; suốt thời gian đó thì Ponko, thằng út trong đám con nhà Kauderer, sẽ ở với gia đình chúng tôi để học kỹ thuật ghép cây thanh hương trà.

Những mùi những âm thanh quen thuộc của căn nhà chen chúc quanh tôi buổi sáng hôm đó như để nói lời từ biệt: tôi sắp sửa đánh mất tất cả những gì đã biết cho tới khi đó, đánh mất suốt cả một thời gian dài đến vậy – tôi thì thấy nó dường như dài đến vậy – đến nỗi khi tôi quay về thì sẽ chẳng có gì như trước nữa, ngay cả tôi cũng không còn là tôi như trước nữa. Và bởi vậy lời từ biệt của tôi giống như là vĩnh biệt: vĩnh biệt căn bếp, vĩnh biệt ngôi nhà, vĩnh biệt món knödel của dì Ugurd; cho nên cái cảm giác cụ thể mà bạn lĩnh hội được ngay từ những dòng đầu cũng mang trong nó cả cảm giác mất mát, cơn choáng của sự tan rã tàn hoại, và bạn nhận ra rằng cả điều này bạn cũng đã lĩnh hội được, bạn vốn là Người đọc tinh anh kia mà, lĩnh hội ngay từ trang đầu, khi mà, dấu cho thích thú với sự chính xác của lối viết này, bạn đã cảm thấy rằng, nói thật ra, tất cả mọi thứ đang trôi tuột qua kẽ ngón tay bạn; có lẽ đây là lỗi của bản dịch nữa, bạn tự nhủ, nó có thể rất ư trung thành song nhất định đã không thông đạt được cái bề dày vật chất mà các từ này ắt phải có trong ngôn ngữ gốc, dẫu là ngôn ngữ gì đi nữa. Nói ngắn gọn, mỗi câu đều muốn truyền tải đến bạn tính rắn đặc của mối quan hệ giữa tôi và nhà Kudgiwa cũng như nỗi tiếc nuối của tôi khi đánh mất nó, và hơn thế nữa – có lẽ bạn không nhận ra, nhưng nghĩ lại bạn sẽ thấy chính là như vậy – là nỗi thôi thúc muốn dứt ra khỏi nó, chạy về phía cái chưa biết, lật sang trang, xa khỏi cái hương vị chua chua của món *schöblintsjia*, bắt đầu một chương mới với những cuộc gặp gỡ mới vào những hoàng hôn bất tận ở ngoại ô Aagd, vào những ngày Chủ nhật tại Pëtkwo, tại các lễ hội ở Cung Cider.

Chân dung một cô gái có mái tóc đen cắt ngắn và bộ mặt dài thoáng hiện ra từ cái rương con của Ponko; thế rồi hấn lập tức giấu bức ảnh đi dưới

một cái áo vest bằng vải dẫu. Trong căn buồng ngủ dưới chuồng cu, nơi từ trước đến giờ là của tôi còn từ giờ trở đi là của Ponko, hăn đang dỡ đồ đạc trong hòm xiềng ra, xếp vào các ngăn kéo mà tôi vừa trút rỗng. Tôi ngồi trên cái rương con đậy kín của mình, vừa im lặng quan sát hăn vừa máy móc đập búa lên một cái đinh lòi ra, đóng hơi lệch; hai chúng tôi chẳng nói gì với nhau sau một tiếng chào âm ự; tôi theo sát từng cử động của hăn, cố nhận thức trọn vẹn cái gì đang diễn ra: một kẻ lạ đang chiếm chỗ của tôi, đang trở thành tôi, cái lồng chim với mấy con sáo đá của tôi sẽ trở thành của hăn, cái máy nghe đĩa, cái mũ sắt Uhlan thứ thiệt treo vào một cây đinh, tất cả những gì của tôi mà tôi không mang theo được đều ở lại cùng hăn; hay, đúng hơn, chính mối quan hệ giữa tôi với các đồ vật, nơi chốn, con người mới là cái đang trở thành của hăn, cũng như tôi sắp sửa trở thành hăn, sắp sửa chiếm lấy chỗ của hăn giữa những sự vật và con người của cuộc đời hăn.

Cô gái này... “Cô này là ai vậy?” tôi hỏi, và bằng một động tác khờ dại tôi vươn tay để kéo cho lộ ra rồi thì chớp lấy bức ảnh lồng trong khung gỗ chạm. Cô gái này khác với các cô ở mấy vùng quanh đây, cô nào cũng mặt tròn quay, bím tóc màu cám lúa. Mãi tới khoảnh khắc đó tôi mới nghĩ đến Brigd: trong chớp nhoáng tôi nhìn thấy Ponko và Brigd nhảy với nhau trong ngày lễ Thánh Thaddeus, Brigd khâu đôi găng tay bằng len cho Ponko, Ponko tặng cho Brigd làm quà một con chồn mactet tóm được bằng cái bẫy của tôi. “Buông tấm ảnh ra!” Ponko vừa quát vừa dùng những ngón tay sắt tóm lấy cả hai tay tôi. “Buông ra! Ngay tức khắc!”

“Để anh đừng quên Zwida Ozkart,” tôi kịp đọc được dòng chữ đề trên ảnh. “Zwida Ozkart là ai?” tôi hỏi, thế là một nắm đấm động thẳng vào mặt tôi, và rồi, với hai nắm tay siết chặt, tôi xông thẳng vào Ponko và hai chúng tôi lăn tròn giữa sàn nhà, cổ vịn tay nhau, thúc gối vào nhau, bẻ sườn nhau.

Thân hình Ponko to xương, nặng trĩu, tay chân hăn đánh vào đầu đau đến đó, mớ tóc mà tôi cố tóm lấy hòng quật hăn ra sau là một túm sợi cứng quèo như lông chó. Trong khi hăn và tôi siết chặt lấy nhau, tôi có cảm tưởng rằng trong cuộc vật lộn này sự chuyển hoá đang diễn ra, rằng khi chúng tôi trở dậy thì hăn sẽ là tôi còn tôi là hăn, nhưng có lẽ điều đó chỉ đến bây giờ

tôi mới nghĩ, hoặc chính bạn, Người đọc, mới là người nghĩ thế chứ không phải tôi; bởi sự thực là trong khoảnh khắc đó vật lộn với hăn có nghĩa là tôi phải bám chặt vào chính tôi, vào quá khứ của tôi, sao cho nó đừng rơi vào tay hăn, cho dù với giá phải trả là hủy diệt nó, chính Brigd mới là thứ tôi muốn hủy diệt để nàng đừng rơi vào tay Ponko, Brigd, người mà tôi chưa bao giờ nghĩ là mình yêu, mà ngay cả lúc này hăn tôi cũng chẳng yêu nốt, nhưng có một lần, chỉ một lần, tôi lăn tròn cùng nàng, lần lượt người này đè lên người kia giống như tôi với Ponko lúc này, tôi với nàng cắn nhau trên đồng than bùn phía sau bếp lò, và lúc này tôi cảm thấy mình đang chiến đấu cho nàng chống lại một Ponko hãy còn chưa hiện hữu, rằng tôi đang chiến đấu chống lại Ponko cho cả Brigd lẫn Zwida. Tôi tìm cách xé phăng một cái gì đó ra khỏi quá khứ tôi sao cho nó đừng lọt vào tay đối thủ của tôi, vào tay cái thằng tôi mới này với bộ tóc như lông chó, hoặc có thể ấy là tôi đang cố giăng ra khỏi quá khứ của cái thằng tôi chưa biết này một bí mật hầu gộp thêm vào quá khứ hoặc tương lai của tôi.

Trang sách bạn đang đọc cần chuyển tải cho được sự tiếp xúc bạo liệt này của những quả đấm thành thịch và đau đớn, của những đáp trả hung hãn làm rách toạc; tính chất thân xác của việc sử dụng chính cơ thể mình chống lại một cơ thể khác, xáo lộn trọng lượng các nỗ lực của mình cùng với sự chính xác trong khả năng tiếp nhận của mình đồng thời áp dụng chúng vào hình chiếu của chúng nơi đối phương như nơi một tấm gương. Nhưng nếu các cảm giác mà hành động đọc gợi ra là ít ỏi so với bất cứ cảm giác nào được thực sự trải nghiệm, đấy cũng là vì điều tôi đang cảm thấy – trong khi đè nghiêng lên ngực Ponko bên dưới ngực tôi hoặc khi hóa giải động tác vịn một cánh tay sau lưng tôi – không phải là cái cảm giác tôi cần để thông đạt điều tôi muốn thông đạt, cụ thể việc sở hữu Brigd trong chuyện yêu đương, hay sự tròn đầy chắc nịch từ da thịt cô gái đó, quá khác với sự rần căng xương xẩu của Ponko, và cũng là việc sở hữu Zwida trong chuyện yêu đương, là sự mềm mại đến tan chảy mà tôi hình dung nơi Zwida, việc sở hữu một Brigd mà tôi cảm thấy mình đã mất và của một Zwida vốn chỉ có tính chất vô thân xác của một bức ảnh sau lớp kính. Trong mớ xoắn xuýt những tay cùng chân đàn ông đối nghịch nhau và giống hệt nhau, tôi cố

gắng một cách hoài công hòng siết lấy hai bóng ma đàn bà biến mất trong sự khác biệt không sao vươn tới kia; và đồng thời tôi cũng cố gắng đánh gục chính tôi, có lẽ là cái tôi khác sắp chiếm chỗ của tôi trong nhà hoặc nếu không thì cái tôi vốn là của tôi hơn hết mà tôi muốn giăng ra khỏi cái tôi kia, nhưng cái mà tôi cảm thấy đang ép chặt vào tôi kia, nó chỉ là tính chất xa lạ của kẻ khác, như thể kẻ khác đó đã chiếm lấy chỗ tôi và bất cứ chỗ nào khác, còn tôi thì bị xóa hẳn khỏi thế giới.

Thế giới dường như xa lạ với tôi khi mà rốt cuộc tôi giăng được khỏi đối thủ bằng một cú đẩy hung hãn rồi đứng dậy, cảm vững chân tôi lên sàn. Phòng tôi cũng xa lạ, xa lạ cả cái va li nhỏ vốn là hành trang của tôi, xa lạ cả quang cảnh nhìn từ ô cửa sổ con. Tôi sợ mình không còn có thể thiết lập mối quan hệ với bất cứ ai hay bất cứ cái gì. Tôi muốn đi tìm Brigd, nhưng không biết mình muốn nói hay làm gì với nàng, không biết tôi muốn buộc nàng nói hay làm gì với tôi. Tôi đi về phía Brigd mà nghĩ về Zwida: thứ tôi tìm là một hình người có hai đầu, một Brigd-Zwida, cũng như tôi cố gắng dùng nước bọt tẩy đi một vết máu trên áo ngoài bằng nước của tôi – máu tôi hoặc là máu hãn, từ răng tôi hoặc từ mũi Ponko.

Và cứ thế với hai bộ mặt tôi nghe thấy và nhìn thấy, bên ngoài cửa căn phòng lớn ông Kauderer đang đứng, vừa dùng tay phác một đường dài theo chiều ngang để đo khoảng không gian trước mặt ông vừa nói, “Và tôi bắt gặp chúng trước mặt tôi, Kauni và Pittö, một đứa hai hai một đứa hai tư, ngược bị xé toạc vì đạn săn chó sói.”

“Chuyện ấy xảy ra hồi nào?” ông tôi hỏi. “Chúng tôi có biết gì đâu.”

“Trước khi đi chúng tôi có dự lễ tám ngày.”

“Chúng tôi cứ ngỡ mọi chuyện đã được thu xếp ổn thỏa giữa gia đình ông với nhà Ozkart rồi. Rằng sau ngần ấy năm các vị đã chôn vùi hận thù rồi, toàn bộ câu chuyện kinh hoàng giữa hai nhà đã chấm dứt rồi.” Đôi mắt không lông mi của ông Kauderer vẫn nhìn chăm chăm vào khoảng không; chẳng có gì động đậy trên khuôn mặt vàng khè như nhựa kết của ông. “Giữa nhà Ozkart và nhà Kauderer hòa bình chỉ kéo dài từ đám tang này đến đám

tang kia, chúng tôi không chôn hận thù mà chôn người thân của mình bị giết, và hể chôn ai chính chúng tôi viết trên bia mộ: ‘Đây là do nhà Ozkart gây ra.’ ”

“Thế còn việc do gia đình ông gây ra thì sao?” Bronko hỏi, ông là người thẳng ruột ngựa, một nói một, hai nói hai.

“Phía nhà Ozkart cũng viết lên bia một nhà mình: ‘Đây là do nhà Kauderer gây ra.’ ” Đoạn, chà một ngón tay lên ria mép, ông nói, “Ở đây rất cuộc Ponko sẽ an toàn.”

Đúng lúc này mẹ tôi siết hai cánh tay vào nhau nói, “Lạy Mẹ đồng trinh, liệu Gritzvi nhà con có bị tai ương rình rập không? Chúng sẽ không đòi mạng nó chứ?”

Ông Kauderer lắc đầu song không nhìn vào mặt bà, “Nó không phải người nhà Kauderer! Chúng tôi mới là những kẻ bị tai ương rình rập, bao giờ chả vậy!”

Cửa mở. Từ chỗ nước đá nóng hổi của lũ ngựa ngoài sân một đám hơi nước bốc lên làn không khí giá băng, trong vắt như thủy tinh. Thằng nhỏ trông ngựa thò bộ mặt đỏ hồng vào thông báo, “Xe sẵn sàng rồi!”

“Gritzvi! Màu đâu rồi? Nhanh lên!” Ông tôi hét.

Tôi tiến tới một bước, về phía ông Kauderer, ông đang cài cúc chiếc áo bành tô bằng nỉ của ông.

[3]

Lạc thú của việc dùng dao rọc giấy nằm ở chỗ ta sờ thấy, nghe thấy, nhìn thấy được nó, và đặc biệt là lĩnh hội được nó trong tâm trí. Để có thể tiến tới trong việc đọc thì trước đó cần phải có hành vi đi xuyên qua sự rần đặc đầy tính vật thể của cuốn sách, ngõ hầu tiếp cận được vào cái yếu tính vô vật thể của nó. Xuyên thấu vào giữa các trang từ phía dưới, lưỡi dao đâm lên trên đầy sức mạnh, mở ra một vết rạch theo chiều dọc bằng một loạt nhát chém trơn tru kế tiếp, tiện ngang và cắt ngọt từ thớ sợi này sang thớ sợi khác – bằng tiếng sồn sột thân ái vui tươi, thứ giấy tốt đón nhận người khách đầu tiên đến thăm này, kẻ thông báo vô số lần các trang sách lật lên do khuấy động bởi gió hoặc bởi cái nhìn – rồi đến mép gấp theo chiều ngang, đặc biệt nếu đó là mép gấp dính tám trang liền với nhau thì sức kháng cự mạnh hơn, bởi nó đòi hỏi phải có một động tác sắp tay khó mà thoải mái được – ở đây âm thanh phát ra một tiếng xé nghiền nghệt, với âm vực trầm hơn. Mép các trang lờm chờm, cho thấy chất liệu của nó là sợi: một thẻo dài mỏng mảnh – gọi là *phoi* – bị rơi ra từ nó, trông thích mắt, giống như dải bọt sóng trên bãi biển. Mở ra một con đường, bằng lưỡi gươm của mình, giữa rào chắn các trang, việc đó gắn liền với ý nghĩ về những gì hàm chứa và ẩn giấu trong từ ngữ: bạn vạch một con đường qua sự đọc của mình như thể qua rừng rậm.

Cuốn tiểu thuyết bạn đang đọc muốn trình cho bạn thấy một thế giới đầy tính vật thể, dày dặn, nhiều chi tiết. Đắm mình trong sự đọc, bạn di chuyển con dao rọc giấy một cách máy móc vào sâu bên trong cuốn sách: sự đọc của bạn hãy còn chưa đi tới hết chương đầu, nhưng sự rọc của bạn đã tiến xa về phía trước. Và kia, ngay lúc sự chú ý của bạn bị chiếm lĩnh bởi sự căng thẳng của câu chuyện, ngay giữa một câu văn quyết định, bạn lật trang thì thấy trước mặt mình là hai trang giấy trắng.

Bạn choáng váng, ngấm cái màu trắng tàn bạo như một vết thương kia, hầu như hy vọng ấy là do mắt bạn bị lóa mà hắt một ánh chói lòa lên cuốn sách, rồi thì, dần dần, hình chữ nhật với những vạch dích dắc của các con

chữ in rồi sẽ trở lại bề mặt. Không, một thực tại trống rỗng không gì lay chuyển vẫn ngự trị trên hai mặt đối đầu nhau. Bạn lật sang trang khác và thấy hai trang kế được in đầu vào đây. Trắng, có in, trắng, có in, cứ thế cho đến cuối. Những tờ in lớn chỉ được in mỗi một mặt, rồi gấp và đóng lại cứ như chúng là những trang in đầy đủ.

Này đây một cuốn tiểu thuyết đầy những cảm giác xoắn chặt đến nhường kia bất ngờ bị những vực sâu không đáy xé toạc ra, như thể cái tham vọng tái hiện sự tròn trặn đầy sức sống đã chỉ phôi bày sự rỗng không bên dưới. Bạn thử nhảy ngang qua cái khoảng hẫng kia, nắm lại câu chuyện bằng cách tóm lấy mép của những dòng văn xuất hiện sau đó, lờm xờm như mép các trang bị con dao rọc giấy tách ra. Bạn chẳng tìm lại được nữa: các nhân vật đã thay đổi, bối cảnh thay đổi, bạn không hiểu đây đang là chuyện gì, bạn gặp những tên người mới mà không biết họ là ai – Hela, Casimir. Bạn bắt đầu ngờ ngợ đây là một cuốn sách khác, có lẽ đây mới đúng là cuốn *Ở ngoài ô thành Malbork* của Ba Lan, còn đoạn đầu bạn đọc có lẽ thuộc về một cuốn khác nữa, có Trời biết cuốn nào.

Lúc trước bạn đã thoáng nghĩ những cái tên này nghe không thật Ba Lan cho lắm: Brigd, Gritzvi. Bạn có một cuốn bản đồ thế giới rất tốt, rất chi tiết; bạn bèn lật đến phần chỉ mục các địa danh. Pëtkwo, hẳn phải là một đô thị tương đối quan trọng, và Aagd, hẳn là một con sông hay một cái hồ. Bạn dò tìm chúng ở vùng đồng bằng xa xôi phía Bắc, vùng đất mà các cuộc chiến tranh và hiệp ước hòa bình đã nối nhau đem ban thưởng cho nhiều nước khác nhau. Có lẽ cho cả Ba Lan chẳng? Bạn tra trong từ điển bách khoa, trong một cuốn bản đồ lịch sử; không, Ba Lan chả liên quan gì tới nó; vùng này, trong thời gian giữa hai cuộc chiến, là một nước độc lập: Cimmeria, thủ đô Örkko, ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng Cimmeria, thuộc ngữ hệ Bothno-Ugar. Mục “Cimmeria” trong từ điển bách khoa kết thúc bằng những câu khiến ta chẳng mấy an tâm, “Trong những cuộc phân chia lãnh thổ liên miên giữa các láng giềng hùng mạnh, đất nước non trẻ này nhanh chóng bị xóa khỏi bản đồ; dân cư bản địa bị thất tán; ngôn ngữ và văn hóa Cimmeria ngưng phát triển.”

Bạn nóng lòng muốn liên lạc ngay với Người đọc Nữ, để hỏi xem liệu nàng có bản sách y như của bạn không, và để kể cho nàng nghe những suy đoán của bạn, thông tin mà bạn đã thu góp được... Bạn xem nhật ký bỏ túi đựng tìm số điện thoại bạn đã ghi vào cạnh tên nàng khi bạn và nàng tự giới thiệu với nhau.

“Chào, Ludmilla phải không? Cô thấy chưa? Nó là cuốn tiểu thuyết khác, nhưng cả cuốn này nữa, hay ít nhất là bản mà tôi có...”

Giọng nói đầu dây bên kia rần đanh, hơi nhạo báng, “Kìa, tôi không phải Ludmilla. Tôi là em chị ấy, Lotaria.” Đúng vậy, nàng có nói với bạn, “Nếu tôi không nghe máy thì tức là em gái tôi đấy,” “Ludmilla đi vắng, Gì vậy? Ông muốn gì?”

“Chỉ là tôi muốn nói với cô ấy về một cuốn sách... Cũng chả quan trọng, tôi sẽ gọi sau...”

“Tiểu thuyết à? Ludmilla lúc nào mà chẳng chúi mũi vào tiểu thuyết. Tác giả là ai?”

“À, là một tiểu thuyết Ba Lan mà cô ấy cũng đang đọc. Tôi nghĩ hai tụi tôi có thể trao đổi vài cảm nghĩ. Tiểu thuyết của Bazakbal.”

“Ba Lan à? Loại gì?”

“Ừm, xem chừng không tệ lắm đối với tôi.”

Không, bạn hiểu lầm rồi. Lotaria muốn biết vị trí của tác giả trong tương quan với Các Xu Hướng Tư Duy Đương Đại và Các Vấn Đề Cần Phải Có Giải Pháp. Để cho nhiệm vụ của bạn dễ dàng hơn, cô ta cung cấp cho bạn một danh sách tên các Bậc Thầy Vĩ Đại mà bạn nên đặt ông ta vào.

Một lần nữa bạn có cảm giác giống như khi con Dao rọc giấy phát hiện ra những trang giấy trắng úp vào nhau. “Tôi không nói chính xác được. Cô hiểu không, quả tình ngay đến nhan đề hay tên tác giả tôi còn không biết chắc nữa là. Ludmilla sẽ kể cho cô nghe: chuyện có hơi phức tạp.”

“Ludmilla đọc hết tiểu thuyết này tới tiểu thuyết khác, nhưng chị ấy chả bao giờ làm rõ các vấn đề. Tôi thì thấy như thế lãng phí thời gian lắm. Ông

không cảm thấy thế sao?”

Nếu bạn bắt đầu tranh luận, cô ta sẽ không bao giờ cho bạn thoát. Giờ thì cô ta mời bạn đến dự một buổi hội thảo ở trường đại học, ở đó người ta sẽ phân tích các cuốn sách theo tất cả các Mã, Hữu thức lẫn Vô thức, và ở đó mọi Cấm kỵ bị loại trừ, những Cấm kỵ do Giới tính, Giai cấp và nền Văn hóa thống trị áp đặt.

“Ludmilla có đến dự không?”

Không, hình như Ludmilla chẳng dự gì vào các hoạt động của em mình. Nhưng mặt khác, Lotaria lại trông chờ vào sự tham gia của bạn.

Bạn thấy đừng cam kết gì thì hơn. “Tôi sẽ xem, tôi sẽ ráng ghé qua. Tôi không hứa được. Nhân thế, cô làm ơn nói lại với chị cô là tôi có gọi nhé... Nhưng cũng chẳng hề gì, tôi sẽ gọi lại. Cám ơn cô nhiều,” Thế là đủ, cứ gác máy đi.

Nhưng Lotaria giữ bạn lại. “Này, ông có gọi lại đây lần nữa cũng chả ích gì, đây đâu phải nhà Ludmilla, mà là nhà tôi. Ludmilla luôn đưa số của tôi cho những ai chị ấy không biết rõ, chị ấy bảo nhờ có tôi mà họ không tới gần hơn...”

Bạn bị tổn thương. Lại một cú sốc tàn nhẫn nữa: cuốn sách tưởng như đầy hứa hẹn đến thế ngắt ngang nửa chừng: số điện thoại mà bạn định ninh là khởi đầu của một cái gì đó hóa ra lại là ngõ cụt, với cô Lotaria cứ khẳng tra vấn bạn...

“À, tôi hiểu. Xin lỗi.”

“A lô? À, anh là người gặp tôi ở hiệu sách phải không?” Một giọng khác, giọng của *nàng*, đã chiếm lấy đường điện thoại. “Vâng, Ludmilla đây. Anh cũng gặp những trang trắng phải không? Cái ấy lẽ ra mình có thể lường trước mà. Lại một cái bẫy nữa. Ngay khi tôi bắt đầu đam thích thú, khi tôi muốn biết nhiều hơn về Ponko, và Gritzvi...”

Bạn sung sướng đến không nói được câu nào, Bạn nói, “Zwida...”

“Gì cơ?”

“Phải, Zwida Ozkart! Tôi muốn biết chuyện gì diễn ra giữa Gritzvi và Zwida Ozkart... Cuốn tiểu thuyết này có phải loại mà cô thích không?”

Lặng một chút. Rồi giọng Ludmilla lại cất lên chậm chậm, như thể nàng đang cố diễn đạt điều gì đó không dễ dàng xác định. “Có, có. Tôi thích lắm... Tuy nhiên, tôi muốn những gì tôi đọc không phải đều hiện diện tất cả, dày nặng đến mức sờ thấy được; tôi muốn cảm thấy có cái gì đó hiện diện giữa những thứ ấy, một cái gì khác, ta không biết chắc đó là gì, dấu hiệu của một cái gì ta không biết...”

“Phải, về mặt đó thì tôi cũng...”

“Cho dù, ý tưởng không phải là... cả ở đây, yếu tố huyền bí hãy còn thiếu...”

Bạn nói, “Ồ, về chuyện cái huyền bí thì ý tôi là thế này: Đây là một tiểu thuyết của xứ Cimmeria, phải, Cim-me-ria, không phải Ba Lan, và nhan đề cũng như tác giả chính ra không phải là thế. Cô không hiểu phải không? Để tôi nói cô nghe. Cimmeria, hai trăm bốn mươi ngàn dân, thủ đô Örkko, tài nguyên chính là than bùn và các phó sản của than bùn, hỗn hợp bitum. Không, cái đó không có trong cuốn tiểu thuyết...”

Một quãng lặng, cả về phía bạn lẫn phía nàng. Có lẽ Ludmilla đã lấy tay bịt ống nghe và đang trao đổi với em nàng. Chắc hẳn là, cái cô em ấy, cô ta có ý nghĩ của riêng mình về xứ Cimmeria. Có Trời biết cô ta nghĩ ra cái gì đấy. Hãy cẩn thận.

“A lô, Ludmilla.”

“A lô.”

Giọng bạn trở nên ấm áp, đầy thuyết phục, khẩn khoản. “Nghe này, Ludmilla, tôi phải gặp cô, chúng ta phải nói chuyện về vụ này, những tình huống, những trùng hợp, những khác biệt này. Tôi muốn gặp cô ngay bây giờ, Cô đang ở đâu? Cô muốn chúng ta gặp nhau ở đâu? Tôi sẽ đến ngay tức thì.”

Và nàng nói, vẫn bình thản như bao giờ, “Tôi có biết một giáo sư dạy tiếng Cimmeria ở trường đại học, Ta có thể hỏi ý kiến ông ấy, Để tôi gọi cho ông ấy hỏi xem khi nào ông ấy tiếp ta được.”

Và đây bạn đến trường đại học. Ludmilla đã thông báo cho giáo sư Uzzi-Tuzii về việc bạn cùng với nàng ghé đến khoa ông. Qua điện thoại giáo sư có vẻ rất vui lòng phục vụ bất kỳ ai có quan tâm đến các tác gia người Cimmeria.

Nếu được gặp Ludmilla một mình ở đâu đó, hay đến nhà đón nàng rồi đi cùng nàng đến trường đại học thì bạn hẳn sẽ thích hơn. Bạn đề nghị với nàng, qua điện thoại, nhưng nàng bảo không, bạn không cần đi chệch khỏi đường của bạn làm gì, vào giờ đó chắc nàng đang ở một khu lân cận vì một việc khác. Bạn khẩn nài: bạn không biết đường, bạn sợ bị lạc đường trong mê cung trường đại học: liệu mình gặp nhau ở một quán cà phê trước đó chừng mười lăm phút thì có tốt hơn không? Cả điều này nàng cũng không ưng: bạn và nàng sẽ gặp nhau ngay ở đó, “tại Khoa Ngôn ngữ Bothno-Ugar,” ai cũng biết khoa đó nằm đâu, bạn hỏi người ta là được mà. Giờ thì bạn hiểu rằng Ludmilla, cho dầu phong thái có đoan trang mềm mỏng đến đâu, vẫn thích làm chủ tình hình và tự mình quyết định mọi việc: con đường duy nhất của bạn là nàng bảo gì bạn làm theo nấy.

Bạn đến trường đại học rất đúng giờ, bạn len qua những thanh niên trai gái ngồi trên mấy bậc tam cấp, bạn lang thang bối rối giữa các bức tường khắc khổ mà bàn tay sinh viên đã tô vẽ những câu bằng chữ hoa và những bức tranh tỉ mỉ chi li; giống như người ở trong hang động cảm thấy có nhu cầu trang trí những bức vách lạnh lẽo của cái hang mình ở hòng chế ngự được nỗi xa lạ giày vò mang tính khoáng vật, làm cho chúng trở nên quen thuộc, tháo rỗng chúng cho đến tận không gian nội tại của chính chúng, gắn kết chúng với thực tại vật lý của sự sống. Người đọc ạ. chúng ta hãy còn chưa quen nhau đủ để tôi biết được liệu bạn có sẽ đi lại với niềm tự tin hờ hững giữa một trường đại học hay là liệu những chấn thương xưa cũ hoặc những lựa chọn được cân nhắc tới lui khiến cho một trường đại học

gồm những trò với những thầy trông chẳng khác gì một cơn ác mộng đối với tâm hồn nhạy cảm và tinh tế của bạn. Dù thế nào thì, chẳng ai biết cái khoa bạn đang tìm nằm ở đâu, họ chỉ bạn từ tầng hầm lên tầng năm, cánh cửa nào bạn mở ra cũng đều không phải, bạn thu mình lại đây bối rối, bạn như lạc lối trong một cuốn sách với toàn những trang trắng, không sao ra khỏi.

Một thanh niên gầy gò cao lênh khênh tiến tới, vận áo len dài. Ngay khi nhìn thấy bạn, anh ta trở một ngón tay vào bạn nói, “Cậu đang chờ Ludmilla!”

“Làm sao cậu biết?”

“Tôi nhận ra. Nhìn một cái là đủ.”

“Ludmilla bảo cậu đến à?”

“Không, nhưng tôi luôn luôn đi loanh quanh, tôi gặp người này rồi lại gặp người nọ, tôi nghe một chuyện ở đây rồi thấy một chuyện ở kia, và lẽ tự nhiên là tôi tập hợp tất cả lại.”

“Cậu cũng biết luôn là tôi đang định đi đâu hay sao?”

“Nếu cậu muốn, tôi sẽ đưa cậu đến chỗ Uzzi-Tuzii. Hoặc Ludmilla đã ở đó được một lát rồi hoặc cô ấy sẽ tới muộn.”

Chàng thanh niên này, quá ư hướng ngoại và gì cũng biết, tên là Inerio. Bạn có thể gọi anh ta là *cậu*, vì anh ta gọi bạn như thế rồi. “Cậu là sinh viên của giáo sư à?”

“Tôi chả là sinh viên của cái gì hết. Tôi biết ông ấy ở đây vì tôi thường đón Ludmilla ở đó.”

“Vậy thì Ludmilla mới là người học khoa ấy?”

“Không, Ludmilla luôn luôn tìm những nơi cô ấy có thể trốn được.”

“Trốn ai?”

“Ồ, trốn tất cả mọi người.”

Câu trả lời của Inerio hơi quanh co, nhưng có vẻ như Ludmilla chủ yếu là tránh mặt cô em gái. Nếu nàng không đến chỗ hẹn đúng giờ, ấy là để

không gặp Lotaria nơi hành lang; cô ta có buổi hội thảo cũng vào giờ này.

Nhưng bạn thì, ngược lại, bạn tin có vài ngoại lệ nào đó trong sự tương hợp này giữa hai chị em, ít nhất là trong trường hợp cái điện thoại. Bạn nên làm sao cho tay Irnerio này nói nhiều hơn một chút, xem có thật là anh ta chuyện gì cũng biết không.

“Cậu là bạn của Ludmilla, hay là của Lotaria?”

“Của Ludmilla, dĩ nhiên. Nhưng tôi cũng thường tìm cách nói chuyện với cả Lotaria nữa.”

“Cô ta có bình phẩm mấy cuốn sách cậu đọc không?”

“Tôi á? Tôi không đọc sách.” Irnerio nói.

“Vậy cậu đọc gì?”

“Chả đọc gì. Tôi không quen đọc gì hết cho đến độ không đọc ngay cả những gì hiện ra trước mắt tôi. Chẳng dễ đâu: người ta dạy đọc từ khi còn bé, rồi thì suốt đời ta cứ mãi là nô lệ của tất cả những gì được viết ra mà người ta quăng ở trước mặt ta. Có thể tôi đã phải nỗ lực ít nhiều, hồi ban đầu ấy, để học cách không đọc, nhưng nay thì chuyện đó diễn ra khá tự nhiên. Bí quyết là ở chỗ không khước từ nhìn vào những con chữ viết. Ngược lại, ta phải nhìn vào chúng, thật chăm chú, cho đến khi chúng biến mất.”

Mắt Irnerio có con ngươi to, nhạt màu, nhấp nháy; chúng dường như là những con mắt không bỏ sót một cái gì, như mắt của cư dân vùng rừng rậm, sống chỉ bằng săn bắt hái lượm.

“Thế tại sao cậu đến trường đại học, cậu cho tôi biết được không?”

“Cớ sao tôi lại không đến chứ? Có những người đến rồi đi, ta gặp họ, ta trò chuyện. Tôi tới đây là vì thế, những người khác thì tôi không biết.”

Bạn cố hình dung xem thế giới có thể ra làm sao, cái thế giới dày đặc chữ viết tứ phía quanh ta, đối với một người đã học được cách không đọc. Đồng thời bạn tự hỏi có thể có mối liên hệ nào giữa Ludmilla và Người không đọc, và đột nhiên bạn thấy hình như chính khoảng cách giữa họ là cái giữ họ ở bên nhau, và bạn không nén nổi cảm giác ghen tuông. Bạn hẳn còn

muốn hỏi Iernerio thêm nữa, nhưng, sau khi đi hết mấy bậc thang ở mạn sau, bạn đã tới một cách cửa thấp có biển đề, KHOA NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG BOTHNO-UGAR. Iernerio gõ cửa một cái đanh sắc, nói ‘Chào’ với bạn, rồi để bạn lại đó.

Cửa mở, chỉ he hé. Qua những vệt vôi trắng trên mấy thanh dầm, và chiếc mũ cát kết hiện ra, bên trên một cái áo khoác lao động lót thứ gì đó như lông thỏ, bạn thoáng nghĩ nơi này đang đóng cửa để tân trang, và bên trong chỉ có một thợ sơn hoặc người quét dọn gì đấy.

“Có giáo sư Uzzi-Tuzii trong ấy không?”

Cái nhìn xác nhận, từ dưới chiếc mũ cát kết, khác với cái nhìn bạn chờ thấy ở một thợ sơn: cặp mắt của người sẵn sàng nhảy qua vức thẳm, người trong tâm trí đang phóng chiếu bản thân mình sang phía bên kia, nhìn chăm chăm ra phía trước, tránh nhìn xuống hoặc nhìn sang hai bên.

“Ông là ông ấy à?” bạn hỏi, dù bạn đã nhận ra rằng không thể là ai khác.

Người đàn ông nhỏ bé không mở rộng thêm cánh cửa chỉ đang he hé. “Anh cần gì?”

“Xin lỗi, là về đôi chút thông tin... Chúng tôi có gọi điện cho ông... Cô Ludmilla... Cô Ludmilla có ở đây không?”

“Chả có Ludmilla nào ở đây hết...” Giáo sư vừa nói vừa lui lại, đoạn ông chỉ vào những kệ sách lèn chặt cứng các bức tường, những cái tên và nhan đề không đọc được trên các gáy và trang nhan đề, như một hàng rào sum suê kín đặc không một khe hở. “Sao anh lại tìm cô ta trong phòng làm việc của tôi?” Và trong khi bạn nhớ lại điều Iernerio nói, rằng với Ludmilla đây là một nơi để trốn, Uzzi-Tuzii dường như nhấn mạnh, bằng một cử chỉ, sự chật hẹp của căn phòng nơi ông làm việc, như muốn nói, “Tự tìm lấy đi, nếu nghĩ cô ta ở đây,” tuồng như ông cảm thấy cần phải tự vệ trước lời cáo buộc rằng ông cho Ludmilla ẩn náu ở đó vậy.

“Chúng tôi lẽ ra là đến cùng nhau,” bạn nói, để mọi chuyện được rõ ràng.

“VẬY sao cô ta không đi cùng anh?” Và nhận xét này, phải nói là hợp lý, cũng được đưa ra bằng giọng ngờ vực.

“Cô ấy đến ngay đây...” bạn khẩn khoản, nhưng lại với âm sắc gần như hỏi, cứ như bạn đang yêu cầu Uzzi-Tuzii xác nhận những thói quen của Ludmilla, những thói quen mà bạn thì chẳng biết gì, trong khi ông ta thì chắc biết nhiều hơn bạn gấp bội. “Ông biết cô ấy chứ ạ, thưa Giáo sư?”

“Tôi biết...Sao anh lại hỏi tôi thế?... Anh đang cố tìm cái gì vậy?” Ông trở nên bực dọc. “Anh quan tâm tới văn chương Cimmeria hay là...” Và có vẻ như ông định nói “hay là Ludmilla?” Nhưng ông không nói hết câu; và thực tình mà nói bạn nên trả lời rằng bạn không còn phân biệt nổi việc quan tâm tới cuốn tiểu thuyết Cimmeria với việc quan tâm tới Người đọc Nữ đang đọc cuốn tiểu thuyết ấy. Đã thế, lúc này, phản ứng của ông giáo sư trước cái tên Ludmilla, đến sau lời đoán chắc của Irnerio, lại còn hắt ra những ánh sáng bí ẩn, tạo ra một nỗi hiếu kỳ đầy phấp phỏng bao quanh Người đọc Nữ, chẳng phải là không giống với nỗi hiếu kỳ gắn chặt bạn với Zwida Ozkart, trong cuốn tiểu thuyết mà bạn đang sẵn lòng phần tiếp, và cả với Bà Marne trong cuốn tiểu thuyết bạn vừa bắt đầu đọc hôm trước và đang tạm thời gác sang bên, và giờ đây bạn theo đuổi tất cả những cái bóng kia gộp lại, những cái bóng của trí tưởng tượng và những cái bóng của đời thật.

“Tôi muốn... Chúng tôi muốn hỏi ông liệu có một tác giả Cimmeria nào mà...”

“Mời ngồi,” giáo sư nói, đột ngột hiền dịu đi, hay đúng hơn là đắm vào một mối bận tâm ổn định và dai dẳng hơn giờ lại trôi lên, làm tan biến những mối bận tâm ngẫu nhiên và thoáng qua.

Phòng chật cứng, mấy bức tường ken chặt kệ sách, lại thêm một tủ sách mà, do không có chỗ nào để tựa vào, đành đứng ngay giữa phòng, chia khoảng không gian chật chội làm hai, cho nên cái bàn của giáo sư và cái ghế bạn phải ngồi bị tách xa nhau bởi một thứ kiểu như vách ngăn, và để nhìn thấy nhau cả giáo sư lẫn bạn đều phải rướn cổ ra.

“Chúng tôi bị lèn vào cái thứ xó xỉnh này đây... Trường thì mở rộng còn chúng tôi thì thu hẹp... Chúng tôi là đứa con ghẻ của các sinh ngữ... Ấy là nếu tiếng Cimmeria còn có thể được coi là sinh ngữ... Nhưng đây mới chính là giá trị của nó!” ông hét lên với một cơn bột phát đầy quả quyết mà rồi lập tức lại xẹp đi. “Trên thực tế nó vừa là một ngôn ngữ hiện đại đồng thời là một ngôn ngữ chết... Một vị trí đặc quyền, cho dù không ai nhận ra...”

“Ông có ít sinh viên à?” bạn hỏi.

“VẬY theo anh ai sẽ tới học? Theo anh ai còn nhớ tới người Cimmeria nữa? Trong lĩnh vực các ngôn ngữ bị lấn át có nhiều ngôn ngữ được nhiều người chú ý hơn... tiếng Basque... tiếng Bretagne... tiếng của dân di gan... Người ta toàn ghi tên học mấy thứ ấy... Chả phải họ học ngôn ngữ đâu: thời buổi này ai mà muốn làm chuyện đó... Họ cần là cần những vấn đề để tranh luận, những ý tưởng khái quát để nối kết với những ý tưởng khái quát khác. Các đồng nghiệp của tôi tự thích ứng, theo dõi dòng chính, dạy những tín chỉ như là “Xã hội học tiếng Wales,” “Ngôn ngữ-tâm lý học tiếng Provence...” Với tiếng Cimmeria thì không làm thế được.”

“Sao lại không?”

“Người Cimmeria đã biến mất, tuồng như đất đã nuốt chửng họ ấy.” Ông lắc đầu, như để huy động toàn bộ lòng kiên nhẫn đang nhắc lại một điều đã nói hàng trăm lần. “Đây là một khoa chết về một nền văn chương chết viết bằng một ngôn ngữ chết. Tại sao thời nay người ta lại phải học tiếng Cimmeria? Tôi là người đầu tiên hiểu, người đầu tiên nói ra điều này: nếu anh không muốn tới, đừng tới; với tôi thì người ta thậm chí giải thể khoa này đi cũng được. Nhưng nếu đến đây chỉ để mà... Không, thế thì quá đáng.”

“Chỉ để... để sao?”

“Mọi thứ. Tôi buộc phải nhìn thấy mọi thứ. Suốt hàng bao nhiêu tuần chả ai tới, nhưng khi ai đó tới thì lại để làm những chuyện mà... Các người có thể lánh xa nơi này ra, tôi nói thế, cái gì có thể khiến các người quan tâm

tới mấy cuốn sách viết bằng thứ tiếng của người chết? Nhưng họ cố tình làm thế đấy, mình tới khoa Bothno-Ugar đi, họ nói, tới gặp Uzzi-Tuzii đi, thế là tôi lại bị lôi vào, buộc phải thấy, phải tham gia...”

“Tham gia cái gì?” bạn gặng hỏi, bụng nghĩ tới Ludmilla, nàng đã tới đây, trốn ở đây, chắc là với Irnerio, với những người khác.

“Vào mọi thứ... Có lẽ có gì đó thu hút họ, cái sự bất định này giữa sự sống và cái chết, có lẽ đấy là điều họ cảm thấy, họ cảm tuy không hiểu. Họ đến đây để làm cái họ làm, nhưng họ không đăng ký tín chỉ, họ không đến lớp, chẳng ai quan tâm tới văn chương của người Cimmeria, thứ văn chương bị chôn vùi trong mớ sách trên mấy cái kệ kia như trong những nấm mồ nghĩa địa...”

“Thực sự là tôi có quan tâm mà... Tôi đến để hỏi xem liệu có cuốn tiểu thuyết Cimmeria nào khởi đầu... Không, cách tốt nhất là nói ngay với ông tên của các nhân vật: Gritzvi và Zwida, Ponko và Brigd. Hành động bắt đầu ở Kudgiwa, nhưng có lẽ đây chỉ là tên của một nông trại; thế rồi tôi cho là nó chuyển sang Pëtkwo, trên bờ Aagd...”

“Ồ, cái đó tìm nhanh thôi!” giáo sư la lên, và chỉ trong vòng một giây ông thoát khỏi đám sương mù bệnh tưởng của mình mà phát sáng như bóng đèn điện. “Nhất định đó là *Cúi mình trên triền dốc*, cuốn tiểu thuyết duy nhất mà một trong các nhà thơ đầy hứa hẹn nhất người Cimmeria vào phần tư đầu tiên của thế kỷ này, là Ukko Ahti, để lại cho chúng ta... Đây rồi!” Và với cú nhảy phóc của con cá bơi ngược ghềnh ông nhắm tới một điểm chính xác trên một kệ sách, tóm lấy một cuốn sách mỏng bọc bìa xanh lục, đập đập để giữ bụi. “Nó chưa bao giờ được dịch ra tiếng nước ngoài nào hết. Những cái khó, thật ra mà nói, đủ để làm nản lòng bất cứ ai. Nghe nhé: ‘Tôi đang phát biểu lời kết tội...’ Không: ‘Tôi đang tự thuyết phục mình chuyển tiếp...’ Anh sẽ nhận thấy cả hai động từ đều ở thì hiện tại tiếp diễn.”

Một điều lập tức trở nên rõ ràng với bạn: cụ thể là, cuốn sách này chả có gì chung với cuốn bạn vừa bắt đầu đọc. Chỉ vài tên riêng là giống, một chi tiết chắc chắn rất kỳ quặc, nhưng là một chi tiết mà bạn không dừng lại

để suy ngẫm, bởi vì, từng chút một, từ bản dịch ứng khẩu chập vập của Uzzi-Tuzii những nét đại cương của một câu chuyện dần hình thành, từ sự giải mã đầy gian khổ của ông đối với các cụm từ, một dòng tự sự dần dần hiển lộ.

Cúi mình trên triển dốc

Dần dần tôi đâm tin chắc rằng thế giới muốn nói với tôi điều gì đó, gửi thông điệp, dấu hiệu, lời cảnh báo cho tôi. Tôi nhận thấy điều này ngay từ khi còn ở Pëtkwo. Sáng nào tôi cũng rời Nhà nghỉ Kudgiwa đi bộ tới tận bến tàu như lệ thường. Hễ đi ngang qua đài quan sát khí tượng, tôi lại nghĩ đến chung cuộc của thế giới đang đến gần, hay đúng hơn là diễn ra được khá lâu rồi. Nếu chung cuộc của thế giới có thể định vị ở một điểm chính xác thì hẳn đó là đài quan sát khí tượng ở Pëtkwo: một mái nhà lợp tôn múi trụ trên bốn cây cột gỗ xem chừng xệch xạc và dăm căn nhà xếp hàng trên một vách đá chìa, mấy cái phong vũ biểu, dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ, với những cuộn giấy kẻ hàng có thể xoay được nhờ một cỗ máy kiểu như đồng hồ chậm chạp kê tích tắc trước cái đầu nhọn đung đưa. Chong chóng xoay của thiết bị đo gió trên đỉnh một cần ăng ten cao ngất ngưỡng cùng với cái phễu bè bè của thiết bị đo mưa, ấy là phần bổ sung trọn vẹn cho cái bộ sậu thiết bị mỏng manh của đài quan sát này, vốn nằm biệt lập ở rìa một vách dựng đứng trong công viên thành phố, nổi bật trên nền trời màu xám ngọc trai lúc nào trông cũng vậy và bất động, tựa như một cái bẫy để tóm những cơn lốc xoáy, mỗi nhử cài sẵn đó để thu hút vòi rồng từ các đại dương nhiệt đới xa xôi, tự dâng mình như là di vật lý tưởng cho cơn cuồng nộ của bão nhiệt đới.

Có những ngày mọi thứ tôi nhìn thấy đều có vẻ như đầy ý nghĩa đối với tôi: những thông điệp mà tôi khó lòng truyền đạt đến người khác, minh định, chuyển thành lời, nhưng chính vì vậy lại có vẻ như có tầm quan trọng quyết định đối với tôi. Đó là những thông báo hay linh cảm liên quan tới tôi và cùng lúc tới cả thế giới: về phần tôi, không chỉ các sự kiện bên ngoài của hiện hữu tôi mà cả những gì xảy ra bên trong, ở những chiều sâu thẳm của tôi; còn đối với thế giới, không phải một sự kiện cụ thể nào mà là cách thế tồn tại chung của mọi vật. Thành thử các vị sẽ hiểu cho cái khó của tôi khi nói về điều đó, nếu không phải bằng cách dùng lời bóng gió.

Thứ Hai. Hôm nay tôi thấy một bàn tay thò ra khỏi một ô cửa sổ nhà tù, hướng về phía biển. Tôi đang đi trên đê chắn sóng của bến cảng, theo thói quen, cho tới khi đến ngay sau pháo đài cũ. Pháo đài bị vây kín hoàn toàn giữa những bức tường chênh chéch; các cửa sổ che chắn bằng những chấn song hai ba lớp dường như kín bưng. Mặc dù biết có tù nhân bị giam trong đó, tôi vẫn luôn nhìn pháo đài như nhìn một yếu tố của tự nhiên có tính trợ, của cảnh giới khoáng vật. Vì vậy sự xuất hiện bàn tay khiến tôi sửng sốt, hồ như nó từ trong vách đá trời ra. Bàn tay nằm trong tư thế phi tự nhiên; tôi đoán rằng các cửa sổ xà lim được trở ở trên cao và đục qua tường; người tù ắt đã phải thực hiện một kỳ tích của vận động viên nhào lộn – đúng hơn là của diễn viên uốn dẻo – thì mới thò được tay qua hết lần song sắt này đến lần song sắt khác, đặng vẫy vẫy bàn tay trong bầu không khí tự do. Ấy không phải là một tín hiệu của người tù gửi cho tôi, hay bất cứ ai khác; bằng giá nào đi nữa tôi cũng không hiểu theo cách đó; thực sự thì, ngay lúc đó và ở đó tôi hoàn toàn không nghĩ tới những người tù; tôi phải nói rằng tôi thấy bàn tay ấy dường như trắng và mảnh, một bàn tay chẳng phải là không giống bàn tay tôi, bàn tay vốn chẳng có gì gợi lên sự thô ráp mà người ta chờ đợi thấy ở một phạm nhân. Với tôi nó giống như một dấu hiệu từ đá mà đến: đá muốn cho tôi biết rằng chất liệu của đá và của tôi là một, vì vậy nên một cái gì đó từ những gì làm nên con người tôi sẽ còn lại, sẽ không mất đi vào lúc tận cùng thế giới; một sự thông đạt vẫn sẽ có thể diễn ra trong cõi sa mạc vắng bật sự sống, vắng bật cuộc sống của tôi và mọi ký ức của tôi. Tôi đang kể lại những ấn tượng đầu tiên tôi thấy, vốn là những ấn tượng đáng kể.

Hôm nay tôi đi tới chỗ tháp lâu mà từ đó có thể nhìn thấy, dưới kia, một dải bờ biển nhỏ, hoang vắng, đối diện với biển xám. Những chiếc ghế đan bằng cây liễu gai có phần lưng cao uốn cong, trông như mấy cái giỏ để chắn gió, xếp thành hình bán nguyệt, dường như thông báo một thế giới nơi giống người đã biến mất và mọi vật không thể làm gì khác hơn là chứng tỏ cho việc giống người vắng mặt. Tôi cảm thấy một cơn chóng mặt, như thể tôi chỉ đang hụp từ thế giới này sang thế giới khác, và thế giới nào tôi cũng đến ngay sau khi phút tận cùng thế giới vừa mới diễn ra.

Nửa giờ sau tôi lại đi ngang qua tháp lâu. Từ một cái ghế, lưng xoay về phía tôi, một dải vải nhỏ màu hoa cà bay phấp phới. Tôi đi xuống con đường mòn dốc men theo mũi đất, đến tận chỗ bãi cạn nơi góc nhìn thay đổi: đúng như tôi chờ đợi, ngồi nơi ghế kia, được che kín hoàn toàn nhờ những bức bình phong liễu gai, là Tiểu thư Zwida, đội cái mũ rơm màu trắng, quyển sổ vẽ mở rộng để trên lòng; nàng đang vẽ một cái vỏ sò theo mẫu thật. Gặp nàng tôi chẳng vui gì; những dấu hiệu tiêu cực hồi sáng đã khiến tôi nản lòng không muốn bắt chuyện; đã ba tuần nay trên đường đi dạo quanh các mỏm đá và cồn cát tôi cứ bắt gặp nàng ở một mình, và tôi chẳng muốn gì hơn là cất lời với nàng – trên thực tế, chính là do ý định này tôi mới ngày nào cũng rời khỏi nhà nghỉ, nhưng ngày nào cũng có cái gì đó cản trở tôi.

Tiểu thư Zwida ngụ ở Khách sạn Hoa huệ biển; tôi có đến đó hỏi tên nàng nơi quầy tiếp tân. Chắc nàng đã biết chuyện; mùa này rất hiếm ai đi nghỉ ở Pëtkwo; số người trẻ tuổi có thể đếm trên đầu ngón tay. Gặp tôi quá thường xuyên, hẳn nàng đang đợi một hôm nào đó tôi sẽ cất tiếng chào nàng. Những duyên do gây trở ngại cho một cuộc gặp khả dĩ giữa hai chúng tôi thì có nhiều. Trước hết, Tiểu thư Zwida hay sưu tầm và vẽ vỏ sò biển; tôi từng có một bộ sưu tập vỏ sò biển từ nhiều năm trước, hồi tôi còn bé, nhưng rồi tôi làm mất hết và đã quên hết cả: cách phân loại, loại hình, sự phân bố về địa lý của các loài sò. Một cuộc trò chuyện với Tiểu thư Zwida nhất định sẽ khiến tôi phải nói về sò biển, thế mà tôi không thể quyết được mình sẽ giữ thái độ nào, giả vờ hoàn toàn mù tịt hay là viện tới một ký ức xa xăm nay đã mờ mịt; chính mối quan hệ giữa tôi và cuộc đời tôi, vốn gồm toàn những chuyện không đi đến hết và bị xóa đi một nửa, mới là điều mà chủ đề sò biển buộc tôi phải xem xét tới; từ đó sinh ra nỗi bối rối cuối cùng đã khiến tôi trốn chạy.

Ngoài ra còn cái thực tế rằng, việc cô gái này thích vẽ vỏ sò cho thấy ở nàng có sự tìm tòi cái hoàn hảo về hình thức mà thế giới này có thể đạt tới và do đó phải đạt tới; tôi thì, ngược lại, ít lâu nay tôi đâm ra tin chắc rằng sự hoàn hảo chỉ có thể được sản sinh ra như một cái thứ yếu và ngẫu nhiên; do vậy nó hoàn toàn không đáng để quan tâm, chân tánh của sự vật chỉ được

phát lộ khi hư hoại. Nếu muốn tiếp cận Tiểu thư Zwida, tôi sẽ phải biểu lộ ít nhiều cảm khái trước những bức tranh nàng vẽ – vốn là những bức tranh rất mực tinh tế, có thể nói vậy, trong chừng mực tôi thấy được – và, do vậy, ít nhất là lúc ban đầu, tôi sẽ phải vờ tán đồng một lý tưởng thẩm mỹ và đạo đức mà tôi từ khước, nếu không thì nói thẳng cảm giác của tôi ngay từ đầu, làm vậy sẽ có nguy cơ gây tổn thương cho nàng.

Trở ngại thứ ba: điều kiện sức khỏe của tôi. Mặc dù đã hồi phục nhiều nhờ nghỉ bên bờ biển theo lệnh bác sĩ, sức khỏe vẫn khiến tôi không có được nhiều cơ hội ra ngoài gặp gỡ người lạ; lâu lâu tôi vẫn phải chịu những cơn đau bất chợt, nhất là chứng eczema khó chịu cứ theo định kỳ lại nặng lên, khiến tôi dậm nản không muốn nghĩ đến chuyện giao du thiên hạ.

Thình thoảng tôi trao đổi vài câu với nhà khí tượng học, ông Kauderer, mỗi khi gặp ông ở đài quan sát. Ông Kauderer luôn luôn đi qua đó lúc giữa trưa để kiểm tra các số đo. Ông vóc người cao, mảnh khảnh, bộ mặt u sầu, hơi giống người anh-điêng châu Mỹ. Ông đi đâu cũng cưỡi xe đạp, nhìn thẳng đằng trước, như thể việc giữ thế cân bằng trên yên xe đòi hỏi ông phải tập trung chú ý trọn vẹn. Ông dựa xe vào vách lán, tháo một cái túi ra khỏi ghi đông, rút từ trong túi ra một quyển sổ có những trang ngăn, rộng. Ông trèo các bậc thang lên bệ đài và chép lại số liệu do các thiết bị ghi nhận được, một vài số liệu ông chép bằng bút chì, những số liệu khác thì bằng một cây bút mực dày, chẳng bao giờ buông lơỉ chú ý dù chỉ một giây. Ông mặc quần ống túm dưới cái áo choàng ngoài dài thượt; quần áo ông thay đều màu xám, hoặc kẻ ô trắng đen, kể cả cái mũ có vành che. Mãi khi đã kết thúc các công đoạn đó ông mới nhận thấy tôi đang quan sát ông và thân mật chào tôi.

Tôi dần nhận ra rằng sự có mặt của ông Kauderer là quan trọng đối với tôi: việc một ai đó vẫn đang tỏ ra tỉ mỉ và chu đáo một cách có phương pháp đến thế kia, mặc dù tôi biết quá rõ rằng tất cả là vô ích, vẫn có tác dụng làm tôi yên lòng, hẳn vì nó bù lại cho lối sống bấp bênh vô định của tôi, lối sống – mặc cho những kết luận tôi đi đến được – vẫn khiến tôi cảm thấy mình có lỗi. Vì vậy tôi dừng chân quan sát nhà khí tượng, thậm chí chuyện trò với

ông, mặc dù chẳng phải là bản thân việc chuyện trò làm tôi thích thú. Ông nói cho tôi nghe về thời tiết, lẽ tự nhiên là bằng thuật ngữ chuyên ngành, về chuyện những chuyển dịch thất thường của áp suất gây ra tác động gì đối với sức khỏe, nhưng cũng về cả thời đại bất định mà chúng ta đang sống, nêu ra làm ví dụ một vài giai đoạn trong cuộc sống ở vùng này hay thậm chí vài mẫu tin ông đọc được trên báo. Vào những lúc đó ông để lộ một tính cách ít rụt rè khép kín hơn là mới thoát nhìn; quả vậy, ông có khuynh hướng càng nói càng hăng và trở nên lảm nhảm, nhất là khi ông chê trách lối hành xử và suy nghĩ của số đông, vì ông là người có khuynh hướng dễ bất mãn.

Hôm nay ông Kauderer kể với tôi rằng, bởi ông đang dự định đi vắng trong ít ngày, ông sẽ phải tìm ai đó thay ông ghi số liệu, nhưng ông chẳng quen biết người nào có thể tin cậy được. Giữa chừng cuộc chuyện trò ông hỏi tôi liệu tôi có thích học cách đọc số liệu nơi các thiết bị khí tượng không, nếu có ông sẽ dạy cho. Tôi không trả lời có hay không, hay ít nhất là tôi không có ý trả lời chính xác, nhưng rồi tôi thấy mình đứng cạnh ông trên bệ đài quan sát trong khi ông giải thích làm cách nào xác định trị số tối thiểu và tối đa, tiến trình thay đổi áp suất, lượng mưa, tốc độ gió. Nói gọn, mặc dù hầu như bản thân tôi không nhận ra, ông đã giao phó cho tôi việc thay ông trong vài ngày tới, bắt đầu từ trưa mai. Mặc dù sự chấp thuận của tôi có phần hơi gượng ép, vì tôi không được dành cho thời gian suy nghĩ hoặc gợi ý cho ông hiểu rằng tôi không thể quyết định ngay tại chỗ, nhưng nhiệm vụ này chẳng phải là tôi không thích.

Thứ Ba. Sáng nay lần đầu tiên tôi nói chuyện với Tiểu thư Zwida. Việc ghi số liệu khí tượng chắc chắn là có góp phần giúp tôi vượt qua được sự chần chừ ngần ngại, theo nghĩa rằng, lần đầu tiên trong những ngày tôi lưu lại Pëtkwo, có một cái gì đó đã được xác lập từ trước mà tôi không thể tránh được; khiến cho, dẫu cuộc chuyện trò giữa chúng tôi đang diễn ra thế nào đi nữa, đến mười hai giờ kém mười lăm là tôi sẽ nói, “À, suýt nữa tôi quên mất: tôi phải chạy ù tới đài quan sát khí tượng đây, tới giờ ghi số liệu rồi.” Thế là tôi sẽ xin phép quay gót, có thể là miễn cưỡng, có thể là nhẹ nhõm,

nhưng dù thế nào thì cũng với sự chắc chắn rằng tôi không thể làm khác. Tôi tin rằng hôm qua mình đã lờ mờ hiểu, khi ông Kauderer đưa ra đề nghị này với tôi, rằng nhiệm vụ này sẽ khích lệ tôi mở lời với Tiểu thư Zwida, nhưng chỉ đến bây giờ chuyện mới trở nên rõ ràng với tôi – giả định là nó rõ.

Tiểu thư Zwida đang vẽ một con nhím biển. Nàng ngồi trên một cái ghế xếp, nơi đập chẵn sóng. Con nhím biển bị lật ngửa trên một tảng đá, bị mở ra; nó rút hết gai vào, cố sức duỗi thẳng mình nhưng vô ích. Bức vẽ của cô gái là một công trình nghiên cứu về thứ thịt mềm của loài động vật thân mềm, khi nó được giã ra co lại, được vẽ bằng những mảng đậm nhạt, với những nét bút dày song song đan chéo, tua tủa khắp vòng quanh. Bài nói tôi đang định nhìn trong đầu, về hình dáng các vỏ sò như một sự hài hòa lừa mị, một vật chứa vốn che giấu thực chất của tự nhiên, nó không còn thích hợp nữa. Cảnh con nhím biển lẫn bức tranh truyền đến cho tôi cảm giác khó chịu và tàn bạo, giống như là cơ quan nội tạng bị phơi ra trước mắt. Tôi bắt chuyện bằng cách nói rằng không gì khó hơn vẽ một con nhím biển: cho dù là cái vỏ toàn gai được nhìn từ trên xuống, hoặc cho dù là phần thân mềm bị lật ngược phơi ra, dầu rằng có sự đối xứng tỏa tròn của cấu trúc, nó vẫn chẳng cho ta nhiều lý do để vẽ theo tuyến tính. Nàng đáp rằng nàng thích vẽ nó vì nó là một hình ảnh nàng cứ thấy đi thấy lại trong các giấc mơ, và nàng muốn gỡ bỏ nó ra khỏi mình. Khi xin phép đi, tôi hỏi liệu sáng mai chúng tôi có thể gặp nhau cũng ở chỗ này không. Nàng nói ngày mai nàng có hẹn khác rồi, nhưng ngày kia thì nàng sẽ lại mang bảng vẽ ra ngoài để vẽ và tôi có thể gặp nàng dễ dàng.

Khi tôi đang kiểm tra phong vũ biểu, có hai người đàn ông đi lại gần cái lán. Tôi chưa bao giờ gặp họ: mình quần áo choàng dày nặng, mặc toàn đen, cổ cồng dựng đứng. Họ hỏi tôi ông Kauderer có ở đó không, rồi thì ông ta đi đâu, tôi có biết địa chỉ ông ta không, khi nào ông ta về. Tôi trả lời rằng tôi không biết rồi thì hỏi họ là ai và tại sao họ hỏi.

“Chuyện đó không quan trọng,” họ vừa nói vừa bỏ đi.

Thứ Tư. Tôi đến chỗ khách sạn gửi một bó hoa violet cho Tiểu thư Zwida. Nhân viên lễ tân bảo tôi nàng đi từ sớm. Tôi lang thang hồi lâu, hy vọng tình cờ gặp nàng. Nơi mảnh sân phía trước pháo đài là hàng dài thân nhân những người tù: đây là ngày thăm nuôi ở nhà giam. Giữa đám đàn bà hèn mọn quần khăn trên đầu và bọn trẻ con khóc thét tôi nhìn thấy Tiểu thư Zwida. Mặt nàng che tấm mạng đen dưới vành mũ, nhưng phong thái của nàng không lẫn vào đâu được: nàng đứng đầu ngẩng cao, cổ thẳng tắp, có vẻ kiêu kỳ thế nào đó.

Ở một góc sân, như thể đang quan sát hàng người tại cửa nhà giam, là hai người đàn ông vận đồ đen đã cật vắn tôi hôm qua nơi đài quan sát.

Con nhím biển, tấm mạng che, hai kẻ lạ: màu đen tiếp tục xuất hiện với tôi trong những tình huống buộc tôi phải chú ý, những thông điệp mà tôi giải nghĩa là lời vờ gọi của đêm. Tôi nhận ra rằng đã lâu nay tôi có khuynh hướng làm giảm thiểu sự hiện diện của bóng tối trong cuộc sống của tôi. Lệnh cấm của bác sĩ rằng tôi không được đi ra ngoài sau khi mặt trời lặn đã giam tôi suốt hàng tháng trời trong lẫn ranh của cảnh giới ánh sáng ban ngày. Nhưng thế chưa phải đã hết: thực tế là tôi nhìn thấy, trong ánh sáng ban ngày, trong thứ ánh sáng bị khuếch tán, nhợt nhạt, hầu như không hắt bóng này, một bóng tối còn sâu hơn cả bóng tối của đêm.

Tối thứ Tư. Tối nào tôi cũng dành mấy tiếng đồng hồ đầu tiên có bóng tối để viết những trang này, những trang mà tôi không biết liệu sẽ có ai đọc. Cái bóng đèn kiểu *pâte de verre* trong phòng tôi ở Nhà nghỉ Kudgiwa chiếu sáng dòng viết lách của tôi, có lẽ là quá bõn chồn khiến độc giả tương lai khó lòng giải mã được. Có lẽ nhiều, nhiều năm sau khi tôi chết cuốn nhật ký này mới sẽ ra ánh sáng, khi ngôn ngữ của chúng ta đã trải qua những chuyển biến nào ai biết được, chừng đó một số từ ngữ cùng cách diễn đạt tôi thường dùng sẽ có vẻ lỗi thời và mang nghĩa mơ hồ. Dù thế nào thì, kẻ tìm thấy cuốn nhật ký này sẽ có một lợi thế nhất định đối với tôi: với một ngôn ngữ viết, người ta luôn luôn có thể tái dựng một cuốn từ điển và một ngữ pháp, những câu riêng lẻ, viết lại hoặc diễn đạt lại chúng trong một thứ tiếng khác,

trong khi tôi thì đang cố đọc ra – trong chuỗi sự việc bày ra trước tôi hằng ngày – những ý định của thế giới đối với tôi, và tôi lần mò tìm lối cho mình, biết rằng không thể có cuốn từ điển nào dịch được thành lời cái gánh nặng những ám chỉ khó dò cho ra nghĩa vốn ẩn trong các sự việc kia. Tôi muốn rằng những dự cảm và ngờ vực lớn vồn này đến được người sẽ đọc tôi không phải như một trở ngại ngẫu nhiên cho việc hiểu những gì tôi viết, mà là như chính bản chất của nó; và nếu tiến trình suy nghĩ của tôi dường như khó nắm đối với người đó, kẻ mà, vốn xuất phát từ những thói quen tâm trí đã thay đổi tận gốc, sẽ ra sức theo đuổi nó, thì điều quan trọng là tôi truyền đạt được đến anh ta cái nỗ lực của tôi hầu đọc ra được giữa các dòng sự kiện cái ý nghĩa lẫn khuất của điều đang chờ đợi tôi.

Thứ Năm. Nhờ sự cho phép đặc biệt của Ban giám đốc – Tiểu thư Zwida giải thích với tôi thế – nàng có thể vào trong nhà tù nhân ngày thăm thân và ngồi nơi cái bàn trong phòng khách, với tập giấy vẽ và cục chì than. Nhân tính đơn sơ của thân nhân những người tù mang đến cho nàng đôi chủ đề thú vị để nghiên cứu về cuộc sống.

Tôi không hỏi gì nàng cả, nhưng từ khi biết hôm qua tôi đã trông thấy nàng ở trong sân, nàng cảm thấy mình có nghĩa vụ giải thích tại sao mình có mặt ở nơi này. Giá nàng đừng nói gì với tôi cả thì hơn, bởi tôi chẳng hứng thú gì với những bức tranh vẽ người và hẳn sẽ chẳng biết làm thế nào bình phẩm nếu nàng đưa cho tôi xem, tuy nhiên chuyện đó không xảy ra. Tôi nghĩ những bức tranh đó chắc được cất trong một cuốn album đặc biệt, cuốn này mỗi khi xong việc nàng lại để chỗ văn phòng nhà giam, lần sau đến lại lấy ra, bởi vì hôm qua – tôi nhớ rõ – nàng không mang theo cuốn album bất khả ly thân hay là hộp bút chì.

“Nếu như biết vẽ, tôi sẽ chỉ chuyên tâm nghiên cứu dạng thể của các vật vô sinh mà thôi,” tôi nói có phần hơi độc đoán, bởi tôi muốn đổi chủ đề mà cũng còn vì một xu hướng tự nhiên thực sự dẫn tôi đến chỗ thừa nhận tâm trạng của mình trong sự thống khổ bất động của sự vật.

Tiểu thư Zwida tỏ ra đồng ý ngay lập tức: nàng nói, đối tượng nàng sẽ vui lòng vẽ nhất là một trong mấy cái mỏ neo nhỏ có bốn đầu còng, được gọi là “neo móc”, mấy chiếc thuyền đánh cá hay dùng. Nàng chỉ cho tôi thấy vài cái khi chúng tôi đi qua những chiếc thuyền buộc vào bến tàu, và nàng giải thích cho tôi về nỗi khó khăn cho kẻ nào muốn vẽ được bốn cánh ngạnh đó dưới nhiều góc độ và phối cảnh khác nhau. Tôi hiểu rằng vật đó hàm chứa một thông điệp gửi cho tôi, và tôi cần giải mã nó: cái mỏ neo, sự cố vũ tôi hãy gắn mình vào, bám lấy, đào sâu xuống, chấm dứt tình trạng trôi nổi của tôi, cái trạng thái nằm mãi trên bề mặt. Nhưng cách giải nghĩa này vẫn có chỗ để hoài nghi: đây cũng có thể là một lời mời nhổ neo, lên đường hướng ra biển lớn. Có cái gì đó nơi hình dáng cái neo móc, bốn răng nhọn cong như lưỡi câu, bốn cánh tay sắt mòn vẹt vì cứ miết trên nền đá dưới đáy biển, nó cảnh báo tôi rằng không có một quyết định nào mà không có sự xé lòng và đau khổ. Thế nhưng, tôi có thể nhẹ lòng rằng đây không phải cái neo nặng trĩu, thứ để đi biển, mà là một cái neo nhỏ, nhẹ: vì vậy đâu phải người ta đang yêu cầu tôi chối bỏ sự phóng khoáng của tuổi trẻ, mà chỉ là hãy lần lữa đôi chút, hãy ngẫm nghĩ, hãy làm phát ra thành tiếng cái bóng tối ở bên trong tôi.

“Muốn vẽ được vật này tùy ý mình từ mọi góc độ thì tôi phải có một cái, nghĩa là sao cho tôi có thể giữ nó luôn bên mình và quen dần với nó,” Zwida nói. “Theo anh thì liệu tôi có thể mua một cái của ngư dân không?”

“Mình có thể hỏi xem,” tôi nói.

“Sao anh không thử mua một cái? Tôi không dám tự mình mua, bởi vì một thiếu nữ dân thành phố mà lại tỏ ra quan tâm đến một dụng cụ thô lậu của dân chài thì sẽ khiến người ta thắc mắc.”

Tôi thấy mình đang thực hiện hành vi đưa cho nàng cái neo móc bằng sắt như thế nó là một bó hoa: cái hình ảnh đó – trong sự phi lý của nó – có cái gì đó chối tai, dữ tợn. Nhất định là có một ý nghĩa ẩn giấu trong đó mà tôi chưa bắt được; và, hứa sẽ bình tâm nghiên ngẫm chuyện đó, tôi nói vâng.

“Tôi thích cái neo móc có buộc cả dây cáp,” Zwida nói rõ. “Tôi có thể dành hàng mấy giờ đồng hồ vẽ một cuộn dây thừng. Thành thử anh hãy hỏi mua một dây thừng thật dài, mười, à không, mười hai mét.”

Chiều Thứ Năm. Bác sĩ đã cho phép tôi dùng thức uống có cồn ở mức vừa phải. Để mừng cái tin này, khi hoàng hôn xuống tôi vào quán rượu Ngôi Sao Thụy Điển, để làm một tách rum nóng. Ở quầy bar có mấy ngư dân, nhân viên hải quan, những nhân viên làm công nhật, cất cao hơn giọng tất cả bọn họ là giọng nói của một người đứng tuổi mặc đồng phục cai ngục, ông ta đang ba hoa khoác lác như người say giữa cả một biển những lời tán gẫu huyền thuyên. “Và rồi thứ Tư nào cô thiếu nữ xúc nước hoa thơm phức cũng dúm cho tôi một tờ trăm cuaron để tôi bỏ mặc cô ta lại với phạm nhân. Và chưa tới thứ Năm thì trăm cuaron đã bay biến vào bao nhiêu bia bọt hết rồi. Và khi hết giờ thăm thân, thiếu nữ ra về mang theo mùi hôi thối của nhà lao trên bộ quần áo thanh lịch của nàng ta; còn người tù thì trở về xà lim mang theo mùi hương thiếu nữ trong bộ đồ tù. Còn tôi đây sặc mùi bia. Đời chả là gì khác ngoài chuyện trao đổi các mùi.”

“Đời còn là cái chết nữa, ông nói thế cũng được đấy,” một tay say khác xen vào, người này làm nghề đào huyết, tôi biết được thế ngay lập tức. “Với mùi bia tôi cố tống khứ mùi cái chết ra khỏi tôi. Và chỉ có mùi cái chết mới tống khứ được mùi bia ra khỏi ông, như tất cả những thằng say mà tôi phải đào huyết cho ấy.”

Tôi xem cuộc đối thoại này như một lời cảnh báo nên dè chừng: thế giới đang tan rã và cố dụ tôi dẫn vào sự tàn hoại của nó.

Thứ Sáu. Tay dân chài đột ngột trở nên ngờ vực, “Ông cần nó để làm gì? Ông dùng một cái neo móc để làm gì chứ?”

Đó là những câu hỏi hớ hênh; tôi cần phải trả lời, “Tôi cần để vẽ,” nhưng tôi biết Tiểu thư Zwida vốn e dè không muốn cho ai biết về hoạt động nghệ thuật của nàng trong một môi trường vốn không có khả năng đánh giá

đúng nó: ngoài ra, câu trả lời đúng, về phần tôi, hẳn phải là, “Để nghĩ về nó,” cho nên cứ hãy hình dung liệu nói thế thì người ta có hiểu được tôi không.

“Đó là việc của tôi,” tôi đáp. Chúng tôi đã bắt đầu trò chuyện với nhau thân mật, bởi chúng tôi đã gặp nhau đêm qua nơi quán rượu, nhưng rồi đột nhiên cuộc đối thoại giữa chúng tôi trở nên cộc lốc.

“Đến chỗ hiệu bán dụng cụ tàu biển ấy,” tay ngư dân nói, cộc cằn. “Những thứ sở hữu của tôi, tôi không bán.”

Với người chủ hiệu cũng y như vậy: ngay khi tôi đưa câu hỏi ra, mặt ông ta nghiêm lại. “Chúng tôi không thể bán những thứ như thế cho người nước ngoài,” ông ta nói. “Chúng tôi không muốn rắc rối với cảnh sát. Huống hồ lại đi mặc cả về một cuộn dây thừng mười hai mét... Chả phải tôi nghi ngờ gì ông, nhưng đâu phải là chưa hề có chuyện ai đó quăng một cái neo móc lên chắn song nhà tù để giúp tù nhân trốn thoát...”

“Thoát” là một trong những từ tôi không thể nghe mà không đắm vào những trầm tư bất tận. Cuộc tìm kiếm cái mỏ neo mà tôi đang dẫn mình vào đường như trở cho tôi thấy một đường thoát, có lẽ là một sự chuyển hóa, một sự phục sinh. Tôi rùng mình gạt bỏ ý nghĩ rằng nhà tù của tôi là cái thế xác phù du của tôi còn sự giải thoát đang đợi tôi là khi linh hồn tách biệt ra, khởi đầu của một sự sống bên ngoài trái đất này.

Thứ Bảy. Đây là lần đầu tiên tôi ra ngoài vào ban đêm sau nhiều tháng, điều này gây cho tôi không ít âu lo, nhất là vì những cơn sốt mũi mà tôi hay bị; thành thử trước khi đi ra, tôi đội vào mình một cái mũ len trùm kín đầu kiểu dân leo núi, đội lên trên đó một cái mũ chỏm bằng len, rồi đội lên trên đó một cái nón ni. Đã bao bịt kín bưng như thế rồi, lại còn thêm một cái khăn quàng quấn quanh cổ và một khăn quàng nữa quanh thắt lưng, mặc áo gi lê len, áo khoác lông, áo choàng da, và đi boots có đệm trong, tôi lấy lại được phần nào cảm giác an toàn. Đêm đó, như tôi đã quan sát được từ trước, là một đêm dịu mát và tĩnh mịch. Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao ông

Kauderer cảm thấy cần phải hẹn gặp tôi ở nghĩa trang giữa đêm hôm khuya khoắt, qua một mẫu nhắn kỳ bí được gửi đến tôi một cách hết sức bí mật. Nếu ông đã quay về thì sao ông với tôi không thể gặp nhau như xưa nay vẫn gặp hằng ngày? Còn nếu ông chưa quay về thì tôi đang đi gặp ai ngoài nghĩa trang đây?

Mở cổng cho tôi thì có tay phu đào huyệt mà tôi đã gặp ở Ngôi Sao Thụy Điển. “Tôi tìm ông Kauderer,” tôi nói với ông ta.

Ông ta đáp, “Ông Kauderer không có ở đây. Nhưng vì nghĩa trang là nhà của những ai không có ở đây, nên ông vào đi.”

Tôi đang đi giữa các bia mộ thì một cái bóng nhanh như cắt lướt qua sượt nhẹ vào tôi; nó bóp phanh rồi bước từ trên yên xuống. “Ông Kauderer!” tôi kêu lên, sửng sốt thấy ông chạy xe đạp giữa những nấm mộ, đèn không bật.

“Suuyt,” ông bảo tôi im. “Cậu đang làm những việc khinh suất nghiêm trọng đấy. Khi tin cần mà giao đài quan sát cho cậu, tôi không ngờ rằng cậu thuận tình là để hòng trốn thoát. Tôi phải nói với cậu rằng chúng tôi phản đối những vụ trốn thoát cá nhân. Cậu phải biết nhẫn mà chờ. Chúng tôi có một kế hoạch có quy mô lớn hơn để thực hiện, một kế hoạch dài hạn.”

Nghe ông nói từ “chúng tôi” đồng thời phác một cử chỉ khoáng đạt, mạnh mẽ, tôi nghĩ ông đang nói nhân danh những người chết. Chính người chết, mà người phát ngôn thay rõ ràng là ông Kauderer, đã tuyên bố họ chưa muốn chấp nhận tôi nhập vào cùng họ. Tôi cảm thấy một niềm nhẹ nhõm không thể nghi ngờ.

“Cũng là do lỗi của cậu mà tôi phải kéo dài thời gian vắng mặt,” ông nói thêm. “Ngày mai hoặc một cậu sẽ bị cảnh sát trưởng triệu tập, hẳn sẽ hạch hỏi cậu về vụ cái neo móc. Phải hết sức cẩn thận đừng lôi tôi vào chuyện này; luôn nhớ rằng các câu hỏi của cảnh sát trưởng đều sẽ nhằm buộc cậu thú nhận điều gì đó dính líu tới tôi. Cậu chẳng biết gì về tôi, ngoài chuyện tôi đang đi xa và không cho cậu biết khi nào tôi về. Cậu có thể nói là

tôi đã nhờ cậu thay tôi ghi nhận số liệu chỉ trong ít ngày thôi. Bởi vậy, bắt đầu từ mai, cậu được miễn không phải đến đài quan sát.”

“Không! Không phải vậy!” tôi la lên, đột nhiên thấy thất vọng ê chề, hồ như ngay lúc đó tôi nhận ra rằng chỉ bằng cách kiểm tra các dụng cụ khí tượng tôi mới có thể nắm chắc các lực của vũ trụ và nhận ra một trật tự ở trong đó.

Chủ nhật. Sáng sớm tôi đến chỗ đài quan sát khí tượng, tôi trèo lên bệ, và tôi đứng đó nghe tiếng tích tắc của các thiết bị đo, như âm nhạc của những tinh cầu thiên thể. Gió lướt nhanh qua bầu trời buổi sớm chở theo những đám mây mềm; các đám mây tự xếp thành từng dải mây ti, kể đó là mây tích; đến khoảng chín rưỡi có một trận mưa rào và vũ lượng kế thu được vài xăng ti lít; sau đó có cầu vồng một phần, kéo dài không lâu; trời lại tối đi, mũi kim khí áp kế hạ xuống, vạch một đường hầu như thẳng; sấm ầm ì nổi và mưa đá trút xuống lách cách. Từ vị trí ở trên đó tôi cảm thấy như có cả bão tố lẫn bầu trời quang đặng trong tay mình, những lẫn chớp và những đám sương mù; không phải như một ông trời, không, đừng nghĩ là tôi điên, tôi không cảm thấy mình là Zeus người Giáng Sét, mà hơi hơi giống một nhạc trưởng có trước mặt mình một bản nhạc đã viết xong và biết rằng các âm thanh trỗi dậy từ các nhạc cụ là tương ứng với một mẫu hình mà ông ta là người tuyển trạch chính và cũng là chủ sở hữu. Mái tôn vọng lại tiếng mưa rào dồn dập nghe như tiếng trống; máy đo gió xoay tít; sự kiện toàn vũ trụ đang vỡ nát và lỏng lẻo có thể được ghi lại thành những con số ngay hàng thẳng lối trong sổ của tôi; một bình an tối thượng ngự trên tấm vải dệt bằng các cơn tai biến.

Trong giây phút hòa hợp và viên mãn đó, một tiếng cọt kẹt khiến tôi nhìn xuống dưới. Ngồi thu lu giữa các bậc thang dẫn lên bệ đài và mấy cây cột chống lán là một người đàn ông rậm râu, mặc áo choàng bằng vải thô có sọc đứng, ướt sũng vì mưa. Hắn nhìn lên tôi bằng cặp mắt nhạt màu, điềm tĩnh.

“Tôi vừa thoát ra,” hắn nói. “Đừng phản tôi. Anh phải đi báo cho một người biết. Anh làm chứ? Người này ở chỗ Khách sạn Hoa huệ Biển.”

Tôi cảm thấy lập tức rằng trong cái trật tự hoàn hảo của vũ trụ một lỗ thủng đã mở ra, một vết rách vô phương cứu chữa.

[4]

Nghe ai đó đọc to lên rất khác với đọc trong im lặng. Khi bạn đọc, bạn có thể ngừng hoặc bỏ qua câu; bạn là người quyết định nhịp điệu. Khi ai khác đọc, bạn khó lòng làm cho sự chú ý của mình trùng hợp với tiết điệu đọc của người kia: giọng đọc hoặc đi quá nhanh hoặc đi quá chậm.

Và rồi, việc lắng nghe ai đó dịch thẳng từ một thứ tiếng khác ra còn bao hàm cả một sự dao động, sự ngần ngại trước những từ, một mức độ bất quyết và mơ hồ, tạm bợ. Văn bản, khi ta là độc giả, là một cái gì hiện hữu, bạn buộc phải đương đầu với nó, còn khi một ai đó dịch to nó lên cho bạn nghe thì nó là một cái gì vừa hiện hữu vừa không hiện hữu, bạn không tài nào chạm tới được.

Thêm vào đấy, Giáo sư Uzzi-Tuzii đã bắt đầu dịch bằng miệng như thể ông không chắc liệu mình có làm cho các câu chữ nối với nhau được không, cứ mỗi câu là lại quay lại để là cho phẳng những nếp nhăn cú pháp, xoay trở các cụm từ sao cho chúng không hoàn toàn rúm rỏ, vuốt thẳng chúng ra, cắt gọt chúng, dừng lại ở mỗi từ để minh họa cách dùng nó trong thành ngữ và các ngụ ý kèm theo nó, tự mình đệm theo bằng những động tác kéo tay vào như thể mời bạn hãy hài lòng với những sự tương đối vừa chùng, ngắt ngang để trình bày những quy tắc ngữ pháp, truy tận từ nguyên, trích dẫn trước tác kinh điển. Nhưng ngay khi đã bị thuyết phục rằng với vị giáo sư này thì ngữ văn và học thuật là hệ trọng hơn so với những gì câu chuyện kể, bạn lại nhận ra rằng ngược lại mới đúng: rằng cái vỏ ngoài hàn lâm kia chỉ nhằm để bảo vệ bất cứ cái gì câu chuyện này nói và không nói, một thần khí nội tại luôn luôn sắp sửa bị phát tán khi tiếp xúc với không khí, tiếng vang của một kiến thức đã tiêu biến được phát lộ trong vùng tranh tối tranh sáng và những lời bóng gió mơ hồ.

Bị giảng xé giữa một đấng là cần phải chêm lời chú giải nhằm giúp cho văn bản triển khai sự đa bội nghĩa của nó còn một đấng là biết rõ mọi sự diễn giải đều là sử dụng vũ lực và thói đồng bóng để chống lại văn bản, vị

giáo sư, khi đối mặt với những đoạn rắc rối nhất, chẳng tìm được cách nào tốt hơn để giúp cho bạn hiểu ngoài đọc to chúng lên bằng bản gốc. Sự phát âm thành tiếng cái ngôn ngữ xa lạ đó, được luận ra từ các quy tắc lý thuyết, không được truyền tải bằng cách nghe giọng nói của từng người với những âm sắc cá biệt, không được làm nổi rõ bằng dấu vết của những cách dùng có tác dụng tạo hình và chuyển hóa, sự phát âm ấy đạt tới tính tuyệt đối của những âm thanh không đợi lời đáp lại, như bài hát của con chim cuối cùng của một loài đã diệt vong hoặc là tiếng rống xé tai của một chiếc trực thăng phản lực vừa mới được phát minh đang xé nát bầu trời trong chuyến bay thử nghiệm đầu tiên.

Thế rồi, từng tí từng tí, một cái gì đó bắt đầu chuyển động và tuôn chảy giữa các câu của bài xướng văn đầy trúc trắc này. Văn của cuốn tiểu thuyết đã định hình được từ những bất nhất nơi giọng điệu: nó đã trở nên lưu loát, trong suốt, liên tiến; Uzzi-Tuzii bơi trong đó như cá bơi trong nước, tự đệm cho mình bằng cử chỉ (ông mở rộng hai bàn tay dang ra như hai cái tay chèo), bằng cử động của môi (cho phép các từ bật ra như những bong bóng khí nhỏ), bằng cái nhìn (mắt ông lướt trên trang giấy như mắt con cá lướt trên đáy biển, song cũng như mắt của người đến thăm công viên thủy sinh đang theo dõi những chuyển động của con cá trong bể cá sáng đèn).

Giờ quanh bạn, không còn văn phòng khoa, không còn những giá sách, không còn vị giáo sư: bạn đã bước vào trong cuốn tiểu thuyết, bạn thấy bãi biển Bắc Âu kia, bạn theo bước người đàn ông thanh lịch và tinh tế nọ. Bạn đắm mình đến nỗi phải mất một hồi bạn mới nhận ra được có người ở cạnh bạn. Nơi khoe mắt mình bạn thoáng thấy Ludmilla. Nàng đó, ngồi trên một đồng thờ in, cũng hoàn toàn say sưa lắng nghe cuốn tiểu thuyết kia tiếp diễn.

Nàng vừa mới tới hay nàng đã nghe phần đầu? Nàng lẳng lẳng vào không gõ cửa chẳng? Có phải nàng ở sẵn đây rồi, trốn giữa các kệ sách kia? (Nàng đến đây là để trốn, Iernerio nói. Họ tới đây để làm những chuyện không thể nói được, Uzzi-Tuzii nói). Hay nàng là một bóng ma được vờ tới bằng lời nguyện thoát ra từ những câu những chữ của vị giáo sư-phù thủy?

Uzzi-Tuzii, ông vẫn tiếp tục đọc, chẳng tỏ vẻ gì là ngạc nhiên trước sự hiện diện của người nghe mới, làm như nàng vẫn luôn luôn ở đó. Ông cũng chẳng hề phản ứng bằng một cái giật thột khi, nghe thấy ông dừng lại lâu hơn những lần khác, nàng liền hỏi, “Rồi sao nữa?”

Giáo sư sập cuốn sách lại. “Chả sao cả. *Cúi mình trên triền dốc* dừng ngang ở đây. Sau khi viết xong mấy trang đầu cuốn tiểu thuyết, Ukko Ahti chìm vào một cơn trầm uất sâu kéo dài mấy năm trời, khiến ông tự tử ba lần không thành và một lần thành. Đoạn lẻ này được ấn hành trong tuyển tập tác phẩm in sau khi ông mất, cùng với những bài thơ rải rác, một cuốn nhật ký riêng tư và những ghi chép của ông cho một bài tiểu luận về các hóa thân của Phật. Thật không may, không thể nào tìm được một đề cương hay phác đồ nào cho thấy Ahti dự định phát triển cốt truyện ra sao. Dẫu còn dở dang, hoặc có thể chính vì còn dở dang, *Cúi mình trên triền dốc* là tác phẩm tiêu biểu nhất của văn xuôi Cimmeria, do những gì nó phát lộ và còn hơn thế là những gì nó ẩn giấu, do sự khiêm lời của nó, sự quy ẩn, sự biến mất của nó...”

Giọng của giáo sư chùng như sắp bật đi. Bạn ghé cổ lên để xem cho chắc có phải ông vẫn còn ở đó, phía bên kia cái kệ sách kiêm bình phong đang ngăn cách ông khỏi tầm nhìn của bạn, nhưng bạn không còn thấy ông nữa; có lẽ ông đã chúi đầu vào trong bức tường dày gồm các ấn bản học thuật và những tập tạp chí đóng thành bộ, càng lúc người ông càng trở nên mảnh hơn cho đến khi ông có thể lọt hẳn vào giữa những khe hốc thềm khát bụi, có lẽ là bị choáng ngợp bởi cái định mệnh rằng đối tượng nghiên cứu của ông rồi sẽ bị xóa sạch, có lẽ là ngập trong cái vực thăm thẳm không của cuốn tiểu thuyết đột ngột bị ngắt ngang. Nơi mép vực này bạn hẳn muốn trụ chắc lại, giữ chặt Ludmilla hoặc bám vào nàng, tay bạn cố nắm chặt tay nàng...

“Dừng hỏi phần còn lại của cuốn này đâu!” Đó là một giọng hét the thé vang lên từ một điểm không xác định giữa các kệ sách. “Mọi cuốn sách đều tiếp tục ở ngoài...” Giọng giáo sư to lên rồi lại nhỏ đi, ông ta đâu vậy kia?

Có thể ông đang lăn tròn trên sàn dưới bàn làm việc, có thể ông đang treo mình lủng lẳng dưới ngọn đèn giữa trần nhà.

“Tiếp tục ở đâu?” bạn hỏi, ngồi vắt vẻo bên mép vức. “Ngoài cái gì?”

“Sách là những bậc của cái ngưỡng cuối... Tất cả tác gia Cimmeria đều đã bước qua ngưỡng đó... Rồi thì khởi đầu thứ ngôn ngữ không lời của người chết, nó nói những điều chỉ ngôn ngữ của người chết mới nói được mà thôi. Tiếng Cimmeria là ngôn ngữ cuối cùng của người sống, ngôn ngữ của ngưỡng cuối! Các vị tới đây là để cố nghe ra ở đó, bên ngoài... Nghe đi...”

Nhưng bạn chẳng còn lắng nghe gì nữa cả, nàng và bạn. Hai bạn cũng đã biến mất, bị dán ép vào một góc, người này dính vào người kia. Có phải đây là câu trả lời của bạn? Bạn có muốn chứng tỏ rằng người sống cũng có một ngôn ngữ không lời, người ta không thể dùng ngôn ngữ đó để viết sách mà chỉ có thể sống với nó, giây này qua giây khác, thứ ngôn ngữ không thể ghi lại cũng không thể nhớ? trước tiên là ngôn ngữ không lời này của người sống – có phải đây là tiền đề mà bạn muốn Uzzi-Tuzii tính tới? – rồi mới đến những lời được người ta dùng để viết sách, và những nỗ lực để dịch thứ ngôn ngữ đầu tiên đó là vô ích, rồi thì...

“Toàn bộ sách bằng tiếng Cimmeria đều chưa hoàn tất...” Uzzi-Tuzii thở dài, “bởi chúng tiếp tục ở ngoài... trong thứ ngôn ngữ khác kia, thứ ngôn ngữ im lặng mà tất cả các ngôn từ trong các sách ta tin là mình đọc đều dẫn chiếu tới...”

“Tin? Sao lại tin? Tôi thích đọc, thực sự là đọc.” Ấy là Ludmilla nói thế, một cách xác tín và nồng nhiệt. Nàng ngồi đối diện giáo sư, ăn mặc đơn sơ, thanh lịch, tông màu sáng. Cách nàng sống trên thế giới này, đầy thích thú với những gì thế giới có thể cho nàng, nó khước từ cái vức thăm quy ngã của cuốn tiểu thuyết tự sát vốn kết thúc bằng cách chìm ngấm vào chính nó. Trong giọng nàng, bạn tìm kiếm sự xác nhận rằng bạn cần phải bám lấy những sự vật có tồn tại thực, cần đọc những gì được viết chứ không gì khác, gạt bỏ những bóng ma vượt khỏi hai bàn tay bạn. (Thậm chí dù cái ôm của

bạn – thừa nhận đi – chỉ xảy ra trong tưởng tượng, nó vẫn là một cái ôm có thể trở thành hiện thực bất cứ lúc nào...)

Nhưng Ludmilla luôn luôn đi trước bạn ít nhất một bước. “Tôi muốn biết rằng vẫn tồn tại những cuốn sách mà tôi vẫn sẽ có thể đọc...” nàng nói, tin chắc rằng những đối tượng hiện tồn, cụ thể, mặc dù chưa biết tới, phải tương hợp với sức mạnh niềm mong muốn của nàng. Làm sao bạn có thể bắt kịp nàng, người đàn bà luôn luôn đọc một cuốn sách khác nữa ngoài cuốn trước mắt nàng, một cuốn sách chưa hiện hữu nhưng, bởi nàng muốn có nó, nó không thể không hiện hữu?

Giáo sư ngồi đó nơi bàn làm việc của mình; trong nón ánh sáng của ngọn đèn bàn đôi bàn tay ông giơ cao lừng lờ hoặc để hờ trên tập sách gấp lại, như trong một cái vuốt ve buồn bã.

“Sự đọc,” ông nói, “luôn luôn là thế này: có một thứ tồn tại đấy, một thứ được làm ra bằng sự viết, một vật rắn, mang tính vật chất, không thể thay đổi được, và thông qua vật này chúng ta tiếp xúc với một cái gì khác không hiện hữu, một cái gì khác vốn là một phần của thế giới phi vật chất, vô hình, bởi ta chỉ có thể nghĩ về nó, tưởng tượng ra nó thôi, hay bởi vì nó chỉ có một lần chứ không còn nữa, nó đã qua, đã mất, không thể đạt tới được, ở xứ sở của người chết...”

“Hoặc là không hiện hữu bởi nó chưa hiện hữu, một cái gì người ta khao khát, e sợ, có thể hoặc là không thể có,” Ludmilla nói. “Đọc là tiến về phía cái gì đó sắp sửa hiện hữu song chưa ai biết nó sẽ là gì...” (Đấy, giờ bạn thấy Người đọc Nữ cúi về phía trước để ngó ra ngoài mép trang in đang nhìn những con tàu của những vị cứu tinh hay những kẻ xâm lăng xuất hiện nơi chân trời, những cơn bão...) “Cuốn sách tôi thích đọc bây giờ là cuốn tiểu thuyết trong đó ta cảm thấy câu chuyện đang đến như một tiếng sấm hãy còn mơ hồ, câu chuyện lịch sử hòa quyện với số phận của con người, cuốn tiểu thuyết cho ta cảm giác sống qua một cơn bão loạn hãy còn chưa có tên, hãy còn chưa mang dạng thể...”

“Hoan hô bà chị, em thấy chị có tiến bộ đấy!” Giữa các kệ sách xuất hiện một cô gái có cần cổ dài và bộ mặt chim, cái nhìn chăm chăm sau cặp kính, một mớ tóc to sù xoắn tít, mặc áo bờ lu lưng thụng và quần bó chặt. “Em đến để cho chị biết em đã tìm thấy cuốn tiểu thuyết chị đang tìm, đó chính là cuốn tiểu thuyết sẽ là chủ đề cho hội thảo sắp tới của bọn em về cách mạng nữ quyền. Bọn em mời chị dự, nếu chị muốn nghe bọn em phân tích và thảo luận về nó.”

“Lotaria,” Ludmilla kêu lên, “em đừng có nói với chị là cả em cũng đã gặp cuốn *Cúi mình trên triền dốc*, tiểu thuyết chưa hoàn thành của Ukko Ahti, nhà văn Cimmeria, đấy nhé!”

“Thông tin chị có sai rồi, Ludmilla. Chính cuốn tiểu thuyết ấy, nhưng chả phải là nó chưa hoàn thành, và nó viết không phải bằng tiếng Cimmeria mà là tiếng Cimbria; nhan đề về sau bị đổi thành *Không sợ gió hay chóng mặt*, và tác giả ký bằng một bút danh khác, Vorts Viljandi.”

“Là đồ giả!” Giáo sư Uzzi-Tuzii hét. “Đó là một trường hợp giả mạo nhiều người biết! Văn này là văn ngụy tác, do những kẻ dân tộc chủ nghĩa người Cimbria phát tán trong chiến dịch tuyên truyền chống Cimmeria vào cuối Thế chiến thứ nhất!”

Xúm xít sau lưng Lotaria là nhóm tiên phong của đội quân gồm những cô gái trẻ có cặp mắt trong veo, bình thản, những cặp mắt làm người ta phải cảnh giác một chút, có lẽ vì chúng quá trong veo và bình thản.

Một người đàn ông từ giữa họ len ra tiến về phía trước, nhợt nhạt, có râu hàm, với cái nhìn mai mỉa và cái bĩu môi nhất quyết tỏ ra sáng suốt.

“Tôi vô cùng hối tiếc khi nói ngược lại với một đồng nghiệp có tiếng tăm lừng lẫy,” anh ta nói, “nhưng tính xác thực của văn bản này đã được chứng minh nhờ việc khám phá ra các bản thảo mà người Cimmeria che giấu!”

“Tôi thật kinh ngạc, Galligani,” Uzzi-Tuzii rên rỉ, “khi thấy anh đem uy tín cái ghế của anh ở khoa ngôn ngữ và văn chương Erulo-Altai mà gán cho

một thứ đồ giả thô bỉ thế này! Với lại, còn hơn thế, một thứ đồ giả gắn liền với yêu sách về lãnh thổ chẳng có liên quan gì tới văn chương!”

“Uzzi-Tuzii,” Giáo sư Galligani bác lại, “làm ơn đừng hạ thấp cuộc tranh luận xuống cấp độ ấy. Ông biết quá rõ rằng chủ nghĩa dân tộc Cimbria nằm rất xa ngoài phạm vi quan tâm của tôi, cũng như tôi hy vọng chủ nghĩa sô vanh Cimmeria ở xa ngoài phạm vi quan tâm của ông vậy. So sánh tinh thần của hai nền văn chương, tôi tự hỏi mình câu này: ai đi xa hơn trong việc phủ định các giá trị?”

Cuộc luận chiến Cimbria-Cimmeria không có vẻ tác động gì tới Ludmilla, lúc này nàng chỉ bị ám ảnh bởi một ý nghĩ duy nhất: khả năng là cuốn tiểu thuyết chưa hoàn thành có thể vẫn còn tiếp tục. “Liệu điều Lotaria nói có thật không?” nàng thì thầm hỏi bạn.

“Dù chỉ một lần thôi em mong con bé nói đúng, rằng đoạn đầu mà giáo sư đã đọc có phần tiếp theo, bằng tiếng gì thì quan trọng gì mấy đâu...”

“Ludmilla này,” Lotaria nói, “bọn em đi họp nhóm nghiên cứu đây. Nếu chị muốn theo dõi cuộc thảo luận về cuốn tiểu thuyết của Viljandi thì đi luôn. Chị có thể mời cả anh bạn chị, nếu anh ấy quan tâm.”

Vậy đó bạn cũng được thâm nhập vào dưới ngọn cờ của Lotaria. Nhóm nghiên cứu họp trong một phòng học, quanh một cái bàn. Bạn và Ludmilla muốn ngồi càng gần càng tốt mở bản thảo Lotaria đang cầm trước mặt cô ta, dường như nó mang chứa cuốn tiểu thuyết mọi người đang nói tới.

“Chúng ta phải cảm ơn Giáo sư Galligani của khoa Văn chương Cimbria,” Lotaria mào đầu, “bởi ông đã có nhã ý cho chúng ta sử dụng một bản hiếm của *Không sợ gió hay chóng mặt* và bởi ông muốn đích thân tham gia buổi hội thảo chuyên đề của chúng ta. Tôi muốn nhấn mạnh thái độ cởi mở này, nó khiến chúng ta càng phải cảm kích hơn khi so sánh với sự thiếu am hiểu của những giáo sư khác ở các khoa có liên quan...” Và Lotaria nhìn sang chị mình, để bảo đảm rằng bà chị không bỏ sót lời ám chỉ chẳng mấy thân thiện này về Uzzi-Tuzii.

Để đặt cuốn tiểu thuyết vào văn cảnh, người ta đề nghị Galligani cung cấp vài cứ liệu lịch sử. “Tôi sẽ tự giới hạn mình,” ông nói, “ở việc nhắc lại rằng các tỉnh vốn trước kia hợp nên nước Cimmeria về sau trở thành một phần của nước Cộng hòa Nhân dân Cimbria sau Thế chiến thứ hai. Khi sắp xếp lại cho thứ tự các giấy tờ trong văn khố Cimmeria vốn đã bị thất tán hồi chiến tranh, người Cimbria đã có thể đánh giá lại nhân cách phức tạp của một nhà văn như Vorts Viljandi, người viết cả bằng tiếng Cimmeria lẫn tiếng Cimbria, nhưng tác phẩm của ông ta thì người Cimmeria chỉ xuất bản những cuốn nào bằng tiếng của họ, mà số này thì rất ít. Quan trọng hơn rất nhiều cả về số lượng lẫn chất lượng là các tác phẩm viết bằng tiếng Cimbria, số này bị người Cimmeria giấu biệt, đáng chú ý là cuốn tiểu thuyết đồ sộ *Không sợ gió hay chóng mặt*, chương đầu cuốn này hình như cũng có một dị bản đầu tiên bằng tiếng Cimmeria ký bằng tên giả là Ukko Ahti. Trong mọi trường hợp, chẳng thể nghi ngờ gì rằng chỉ sau khi dứt khoát chọn tiếng Cimbria, tác giả mới tìm được nguồn cảm hứng đích thực cho cuốn tiểu thuyết này...”

“Tôi sẽ không kể cho các bạn toàn bộ câu chuyện,” giáo sư nói tiếp, “về số phận thăng trầm của cuốn sách này ở nước Cộng hòa Nhân dân Cimbria. Đầu tiên được xuất bản như một trước tác kinh điển, còn được dịch sang tiếng Đức để có thể phổ biến ở nước ngoài (là bản dịch chúng ta đang dùng đây), về sau nó là đối tượng phải hứng chịu những chiến dịch chấn chỉnh ý hệ, bị cấm lưu hành và thậm chí bị tịch thu khỏi thư viện. Mặt khác, nay thì chúng tôi tin rằng nội dung cách mạng của nó đi trước thời đại rất xa...”

Các bạn, bạn và Ludmilla, nóng lòng muốn thấy cuốn sách thất lạc này trở lên từ đồng tro tàn, nhưng các bạn phải đợi đến khi các cô gái chàng trai của nhóm nghiên cứu nộp xong bài làm đã: trong quá trình đọc ắt sẽ có ai đó nhấn mạnh những sự phản ánh về phương thức sản xuất, người khác thì về quá trình chấn chỉnh, người khác nữa thì về sự thăng hoa những cảm xúc dồn nén, người khác nữa thì về những mã ngữ nghĩa hàm ý tính dục, người khác nữa thì về siêu ngôn ngữ của cơ thể, người khác nữa thì về sự vượt quá các vai trò, trong chính trị và trong đời tư.

Giờ thì Lotaria mở kẹp giấy ra, bắt đầu đọc. Những hàng rào kẽm gai tan biến như mạng nhện. Mọi người theo dõi trong im lặng, hai người các bạn và những người khác.

Các bạn lập tức nhận ra mình đang nghe một cái gì đó hẳn không có liên quan gì với *Cúi mình trên triền dốc* hay với *Ở ngoại ô thành Malbork* hay thậm chí tới *Nếu một đêm đông có người lữ khách*. Các bạn trao nhau một cái liếc nhìn, bạn và Ludmilla, hay đúng hơn là hai cái liếc nhìn: cái đầu dò hỏi, cái sau tán thành. Dù nó là gì đi nữa, đây là một cuốn tiểu thuyết mà, một khi đã bước vào rồi, bạn muốn tiến tới trước, không dừng lại.

Không sợ gió hay chóng mặt

Lúc năm giờ sáng, những đoàn xe quân sự chạy qua thành phố; trước các cửa hàng thực phẩm bắt đầu hình thành những hàng người, các bà nội trợ tay xách đèn đốt bằng mỡ thú; trên tường hầy còn chưa ráo hầy những khẩu hiệu tuyên truyền mà các đội thuộc nhiều nhóm khác nhau của Ủy ban Lâm thời đã viết hồi đêm.

Khi các nhạc công đã cất nhạc cụ vào trong hộp và ra khỏi tầng hầm, không khí có màu xanh lục. Các khách hàng của quán Titania Mới đi thành nhóm theo sau các nhạc công suốt một thôi đường, như thể dùng dằng chưa muốn cắt đứt mối tương thông đã hình thành trong quán suốt đêm qua giữa những người tụ hội nơi đó một cách tình cờ hoặc theo thói quen, và họ hợp thành một hội duy nhất mà tiến về phía trước, đám đàn ông rút vào trong cổ áo khoác dựng cao, dáng nom như xác chết, như những xác ướp bị đưa từ trong quan tài bằng đá ra ngoài không khí, những xác ướp được giữ gìn suốt bốn ngàn năm giờ đây trong khoảnh khắc rụn ra thành bụi; nhưng ngược lại một làn sóng phờn chí lại niễm vào cánh đàn bà, bọn họ mỗi người mình hát mình nghe, mở phanh những chiếc áo choàng khoác ngoài áo dạ hội xẻ sâu, rúng rẩy vấy dài khi bước qua các vũng nước bằng những bước nhảy chệnh choạng, ấy là do cái quá trình đặc trưng của cơn say vốn hay làm một cơn phờn chí mới lại bùng nổ ngay từ chỗ cơn phờn chí trước đó cùn nhụt đi và tàn lụi; và dường như nơi mỗi người trong tất cả họ vẫn còn đó niềm hy vọng rằng buổi tiệc chưa tàn, rằng các nhạc công đến lúc nào đấy sẽ dừng bước giữa đường, lại mở hộp đàn và một lần nữa lại lôi ra mấy cây kèn xắc xô với đàn công tơ bát.

Đối diện tòa nhà trước kia là ngân hàng Levinson, nơi có mấy toán vệ binh nhân dân mang súng cầm lưới lê, mũ gắn phù hiệu đứng canh, nhóm chơi đêm – họ tự gọi mình bằng chữ ấy – liền giải tán, ai đi đường nấy, chẳng ai chào tạm biệt ai. Còn lại ba chúng tôi: Valerian và tôi mỗi người nắm một tay Irina, người bên này kẻ bên kia, tôi luôn luôn ở bên phải nàng,

đặng chừa chỗ cho cái bao đựng khẩu súng lục nặng trĩch tôi đeo nơi thắt lưng; còn Valerian, vốn mặc thường phục bởi cậu ấy là thành viên của Ủy ban Công nghiệp nặng, nếu cậu có mang súng lục – mà tôi tin là cậu có – thì nhất định đó là một trong những khẩu súng dẹt người ta có thể cất trong túi áo. Irina vào giờ đó trở nên trầm lặng, hầu như u uất, và một nỗi sợ nào đó len lỏi vào trong chúng tôi – ý tôi là bản thân tôi, nhưng tôi tin chắc Valerian cũng chung tâm trạng với tôi, cho dầu chúng tôi chưa bao giờ tin cậu mà thổ lộ với nhau về chuyện này – bởi chúng tôi cảm thấy đây là lúc nàng thực sự nắm quyền sở hữu hai chúng tôi, và một khi cái vòng ma thuật của nàng đã khép lại mà cầm tù chúng tôi thì cho dù những việc nàng sẽ xui khiến chúng tôi làm có điên rồ cách mấy, chúng cũng không là gì so với những gì nàng đang dựng nên trong trí tưởng tượng của nàng, chẳng dừng bước trước một sự quá đà nào, trong sự khai phá cảm xúc giác quan, trong ngất ngây tinh thần, trong sự nhẩn tâm. Sự thực là chúng tôi đều rất trẻ, quá trẻ đối với những gì chúng tôi đang sống đây; ý tôi là hai gã đàn ông chúng tôi, còn Irina, nàng có sự khôn ngoan quá sớm của loại phụ nữ như nàng, cho dù xét về tuổi thì nàng trẻ nhất trong cả ba; thế mà nàng buộc được chúng tôi làm tất cả những gì nàng muốn.

Nàng, Irina, nàng bắt đầu huýt sáo thắm, với một nụ cười trong mắt, như thể đang nhắm nháp trước một ý tưởng vừa nảy ra; thế rồi tiếng huýt sáo của nàng dần dần nghe rõ, một đoạn hành khúc vui nhộn trong một vở operetta thời thượng lúc bấy giờ, và hai chúng tôi, vốn luôn hơi sờ sợ những gì nàng đang chuẩn bị cho bọn tôi, bắt đầu noi theo nàng, cũng huýt, và chúng tôi đi đều bước như theo một nhịp kèn đồng khôn cưỡng, cảm thấy mình vừa là nạn nhân vừa là người chiến thắng.

Cứ vậy chúng tôi đi ngang qua Nhà thờ Thánh Apollonia bấy giờ đã chuyển thành bệnh viện dành cho những người mắc bệnh tả, với những áo quan đặt trên mấy cái giá cửa gỗ ở bên ngoài, xung quanh có kẻ vòng tròn bằng vôi để thiên hạ chớ lại gần, chờ xe của nghĩa trang tới mang đi. Có một mù già quỳ bên ngoài nhà thờ mà cầu nguyện, và trong khi tiến bước theo nhịp quân hành khôn cưỡng của mình chúng tôi hầu như giẫm lên người mù.

Mụ giơ nắm đấm nhỏ xíu héo quắt vàng khè, nhăn nheo như hạt dẻ lên dứ về phía chúng tôi, tay kia mụ nắm lại tì lên mặt đá để giữ thăng bằng, mồm hét, “Đả đảo công dân!” hay đúng hơn là “Đả đảo Quý Công dân!” như thế đó là hai câu rủa, cấp độ tăng dần, và như thế khi gọi chúng tôi là công dân mụ coi như chúng tôi bị rủa hai lần, rồi sau đó là một từ trong tiếng địa phương có nghĩa là “dân nhà thổ” và cũng nghĩa gì đó kiểu như “Sắp kết thúc rồi”; nhưng ngay lúc đó mụ nhận ra bộ quân phục của tôi, liền im bật, cúi đầu.

Tôi thuật lại tình tiết này cặn kẽ, đầy đủ chi tiết bởi vì – không phải ngay lập tức, mà về sau – nó được coi là điềm báo cho tất cả những gì sắp xảy ra, và cũng bởi tất cả các hình ảnh của thời kỳ đó đều phải băng qua trang giấy giống như đoàn xe quân sự băng qua thành phố (thậm chí dù mấy chữ “xe quân sự” gợi nên những hình ảnh có phần thiếu rõ ràng; chẳng phải là điều dở nếu có một chút nào đó bất định trong không khí, thích hợp với sự rối bời của thời kỳ đó), tì như mấy tấm biểu ngữ bằng vải bạt chằng từ một tòa nhà sang tòa nhà kề cận nhằm kêu gọi công dân cho Nhà nước vay tiền, như những cuộc tuần hành của công nhân do các công đoàn kinh địch nhau tổ chức nên lộ trình của hai bên không được trùng nhau, một bên biểu tình ủng hộ việc tiếp tục vô thời hạn cuộc đình công của các công xưởng quốc phòng của Kauderer, bên kia thì yêu cầu chấm dứt đình công nhằm trang bị vũ khí cho nhân dân chống lại những đạo quân phản cách mạng sắp sửa bao vây thành phố. Tất cả các tuyến chéo giao cắt nhau này sẽ xác định khoảng không gian cho chúng tôi di chuyển: tôi với Valerian và Irina, nơi câu chuyện của chúng tôi có thể xuất hiện từ chỗ chẳng có gì, tìm ra một điểm xuất phát, một hướng đi, một cốt truyện.

Tôi đã gặp Irina vào ngày mặt trận sụp đổ, ở cách Cổng Đông chưa đầy mười hai cây số. Trong khi dân quân – là những cậu nhóc dưới mười tám tuổi và người già thuộc lực lượng dự bị – đang chiếm lĩnh vị trí xung quanh các tòa nhà thấp của Lò sát sinh – một nơi mà ngay cái tên cũng đã nghe như điềm gở, tuy rằng gở cho ai thì lúc ấy chúng tôi chưa biết –, thì một dòng lũ người tràn qua Cầu Sắt để rút lui vào thành phố. Những bà nhà quê đầu đội rổ, từ trong rổ có mấy con ngỗng thò ra, mấy con lợn sợ cuống cuống chạy

trốn giữa các cặp chân người, theo sau là bọn trẻ con hò la inh ỏi (niềm hy vọng mót lại được gì đấy từ những thứ bị quân đội trưng thu đã khiến các gia đình nhà quê cho lũ con và lũ lợn của mình chạy tán loạn lên càng nhiều càng tốt, giao phó chúng cho may rủi), binh lính cuốc bộ hoặc cưỡi ngựa đang rời bỏ đơn vị hoặc cố quay trở lại bộ phận chính của các lực lượng đã bị tan tác, những bà già quý tộc đi đầu các đoàn xe gồm kẻ hầu người hạ và bọc đùm hòm xiểng, những băng ca khênh kẻ bị thương, bệnh nhân bị bệnh viện đuổi về, người bán hàng rong, quan chức, thầy tu, dân di gan, đám học trò Trường Con gái Sĩ quan vận đồng phục lữ hành – tất cả đều tuôn qua những cầu kiện bằng kim loại của cây cầu như thể bị cuốn đi bởi làn gió lạnh ẩm cơ hồ thổi tới từ những vết rách của tấm bản đồ, từ những lỗ thủng đang xé toạc các mặt trận và vùng biên giới. Đạo ấy có nhiều người tìm nơi trú ẩn trong thành phố: những người sợ bạo loạn và hôi của lan tràn, và những người có lý do chính đáng để không muốn mình rơi vào giữa đường tiến của các đạo quân phản cách mạng; những người mong được bảo vệ nhờ tính hợp pháp mong manh của Ủy ban Lâm thời và những người chỉ muốn náu mình giữa cơn bão loạn hồng có thể yên ổn mà hành động chống lại pháp luật dù mới hay cũ. Mỗi người đều cảm thấy sinh mạng mình đang nguy khốn, song chính ở nơi mọi lời nhắc đến tình đoàn kết đều có vẻ không đúng chỗ, bởi điều quan trọng là phải cào cấu cắn xé đặng mở cho mình một con đường, chính ở đó vẫn cứ hình thành một thứ tình cảm cộng đồng và sự thông hiểu, khiến cho khi đối mặt với khó khăn người ta hợp sức với nhau và hiểu nhau mà không phải quá nhiều lời.

Có thể là vì lý do này, hay cũng có thể vì trong cơn hỗn loạn chung mà tuổi trẻ nhận ra chính mình và lấy làm hoan hỉ: dù thế nào đi nữa, khi băng qua Cầu Sắt giữa đám đông sáng hôm đó, tôi cảm thấy hài lòng, nhẹ nhõm, hài hòa với những người khác, với bản thân tôi, với thế giới, cái cảm giác đã từ lâu không đến với tôi. (Tôi không muốn dùng từ sai; đúng hơn, tôi sẽ nói: tôi cảm thấy mình hài hòa với sự bất hài hòa của những người khác, của chính tôi và của thế giới). Tôi vừa đi đến cuối cầu, nơi có mấy bậc tam cấp dẫn lên bờ và dòng sông người chậm lại, dồn ứ, buộc một số người phải xô nhau dồn ngược trở lên, cố tránh không để mình bị đẩy tuột về phía những

người đang xuống tam cấp chậm chạp hơn – những cự chiến binh cụt chân tựa mình hết lên nạng này thì tới nạng kia, lũ ngựa được người ta dắt nhích từng tí một theo đường chéo để móng của chúng khỏi trượt trên mép các bậc thang bằng sắt, mấy chiếc mô tô kèm thuyền mà người ta phải nhấc bổng lên mới mang đi được (lẽ ra bọn họ đi đường Cầu Xe thì tốt hơn, bởi đám người đi bộ kia phần nộ la ó chửi rửa chằng còn thiếu nước gì, nhưng nếu vậy thì họ sẽ phải đi xa hơn cả một dặm nữa) thì chợt tôi để ý đến cô gái đang bước xuống cạnh tôi.

Nàng mặc áo choàng có lót lông thú ở gấu và cổ tay, đội mũ rộng vành có mạng che và gắn một bông hồng: không chỉ trẻ trung hấp dẫn mà còn thanh lịch tao nhã, như tôi nhận thấy ngay sau đó. Trong khi tôi ngó nghiêng nàng, tôi thấy nàng mở to mắt, giơ bàn tay đeo găng lên cái miệng đang thét kinh hoàng rồi chúí người về phía trước. Ất hẳn nàng đã ngã và bị đám đông đang tiến lên như cả một bầy voi kia giẫm nát nếu tôi không kịp thời túm lấy tay nàng.

“Cô không khỏe à?” tôi nói với nàng. “Tựa vào tôi đi. Không có gì đâu, đừng sợ.”

Nàng cứng đờ, không bước thêm được bước nào.

“Khoảng không, khoảng không dưới đó...” nàng nói. “Cứu tôi... chóng mặt.”

Tôi chẳng nhìn thấy có cái gì đang khiến nàng chóng mặt, nhưng rõ ràng cô gái đang vô cùng kinh hoàng.

“Đừng nhìn xuống, giữ chặt tay tôi này. Đi theo những người khác, chúng ta đến cuối cầu rồi,” tôi nói với nàng, mong rằng những lời ấy là lý lẽ đúng đắn để trấn an nàng.

Thế rồi nàng nói, “Tôi cảm thấy tất cả các bậc chân kia đều rời khỏi bậc thang mà tiến về phía khoảng không, rồi thì đâm bổ xuống... cả một đám đông đâm đầu xuống...” Và nàng chùn chân lại không đi.

Tôi dòm qua khoảng trống giữa các bậc tam cấp bằng thép, nhìn dòng sông không màu sắc chảy qua bên dưới mang theo những tảng băng giống

như mấy cụm mây trắng. Trong nỗi lo âu kéo dài chỉ một khoảnh khắc, tôi như thể cảm thấy được điều nàng đang cảm thấy: rằng mỗi trống rỗng đều tiếp nối trong trống rỗng, mỗi một khoảng hở dù có ngắn đến đâu cũng đều mở ra một khoảng hở khác, mỗi một khe nứt đều há hoác ra thành vực thăm khôn cùng. Tôi choàng tay ôm vai nàng; tôi cố cưỡng lại sức xô đẩy của những người đang muốn đi xuống, họ rửa xả chúng tôi, “Này, cho qua đi chứ! Ôm nhau đi chỗ khác mà ôm! Thật không biết ngượng!” Nhưng để tránh được cơn đất lở toàn người là người đang đè lên chúng tôi thì cách duy nhất là rảo bước vào trong không khí, bay lên... Vậy đó, cả tôi nữa, tôi cũng cảm thấy mình lơ lửng như treo trên vực thăm...

Có lẽ chính câu chuyện này mới là cây cầu bắc qua chỗ trống không, và càng tiến tới nó càng ném ra phía trước những mẩu tin tức, những cảm giác và cảm xúc hầu tạo cơ sở cho những bản loạn cả tập thể lẫn cá nhân mà ở giữa lòng nó có thể mở ra một con đường trong khi ta vẫn mù mờ không rõ về nhiều hoàn cảnh cả lịch sử lẫn địa lý. Tôi mở đường cho mình băng qua sự dòi dào chi tiết vốn che phủ cái khoảng rỗng mà tôi không muốn nhìn ra, và tôi xăm xăm tiến về phía trước, trong khi nhân vật nữ của tôi thì khựng lại nơi mép một bậc tam cấp giữa đám đông xô đẩy, mãi cho đến khi tôi xoay sở tìm cách đưa nàng xuống, gần như là nhấc nàng lên, từng bước một, rồi đặt hai chân nàng lên mặt sỏi con phố dọc bờ sông.

Nàng trấn tĩnh lại; nàng ngược ra đằng trước một cái nhìn kiêu hãnh; nàng lại bước không dừng lại; dáng đi không chút ngập ngừng; nàng cất bước về phía Phố Cối xay; tôi phải vất vả mới theo kịp nàng.

Câu chuyện cũng vậy, nó phải căng sức lên thì mới mong theo kịp chúng tôi, mới mong thuật lại một cuộc đối thoại được kiến tạo trên sự trống rỗng, lời nối tiếp lời. Với câu chuyện, cây cầu chưa chấm dứt: bên dưới mỗi lời là hư không.

“Thấy đỡ hơn chưa?” tôi hỏi nàng.

“Không sao. Tôi luôn bị chóng mặt những khi ít ngờ tới nhất, thậm chí dù chẳng thấy có mối nguy nào cả... Độ cao hay độ sâu thì cũng như

nhau... Nếu tôi nhìn bầu trời về đêm mà nghĩ đến khoảng cách của các vì sao... Hay thậm chí giữa ban ngày... Nếu tôi nằm xuống đây chẳng hạn, mắt hướng lên, đầu tôi sẽ lại quay cuồng...” Và nàng chỉ lên những đám mây đang bay nhanh qua, bị gió đẩy đi. Nàng nói về cơn chóng mặt của mình như về một cơn cảm dỗ lôi cuốn nàng bằng cách nào đó.

Tôi hơi thất vọng thấy nàng chẳng nói một lời cảm ơn. Tôi nhận xét, “Chỗ này mà nằm xuống nhìn lên trời thì chẳng hay gì, ngày hay đêm cũng vậy. Cô có thể tin tôi, điều đó tôi biết.”

Như giữa các bậc tam cấp bằng sắt của cây cầu, trong cuộc đối thoại, những khoảng lặng trống rỗng mở ra giữa lời này với lời kia.

“Anh rành chuyện quan sát bầu trời à? Tại sao? Anh có phải nhà thiên văn không?”

“Không, một loại nhà quan sát khác.” Và tôi chỉ cho nàng thấy phù hiệu binh chủng pháo binh trên cổ áo bộ quân phục của tôi. “Ngày ngày dưới mưa bom, quan sát mảnh đạn bay.”

Cái nhìn của nàng chuyển từ phù hiệu sang hai cái cầu vai mà tôi không có, rồi chuyển sang những vạch quân hàm chẳng rõ cho lắm khâu trên tay áo tôi. “Anh từ mặt trận về à, Trung úy?”

“Alex Zinnober,” tôi tự giới thiệu. “Tôi không biết liệu mình có thể được gọi là trung úy hay không. Ở trung đoàn chúng tôi người ta đã bãi bỏ hết các cấp bậc, nhưng mệnh lệnh cứ thay đổi xoành xoạch. Hiện giờ tôi chỉ là một anh lính có hai vạch trên tay áo, thế thôi.”

“Tôi là Irina Piperin, hồi trước cách mạng tôi cũng thế. Còn trong tương lai, tôi không biết. Hồi trước tôi hay vẽ mẫu vải, và chừng nào còn thiếu vải thì tôi vẽ mẫu cho không khí.”

“Với cuộc cách mạng này có những người thay đổi nhiều đến mức người ta không thể nhận ra và có những người cảm thấy là chính mình hơn bao giờ hết. Đó ắt là dấu hiệu cho thấy họ đã được chuẩn bị trước cho những thời đại mới. Chẳng phải vậy sao?”

Nàng không đáp. Tôi nói thêm, “Trừ phi chính sự phản kháng hoàn toàn của họ giữ cho họ không thay đổi. Có phải đó là trường hợp của cô?”

“Tôi... Anh nói tôi nghe trước đã: theo anh thì anh đã thay đổi bao nhiêu?”

“Không nhiều lắm. Tôi nhận thấy mình còn giữ được một số điểm danh dự của thời trước: níu lấy một phụ nữ sắp ngã chẳng hạn, mặc dù ngày nay chẳng ai nói cảm ơn anh.”

“Chúng ta ai cũng có những giây phút yếu đuối, đàn ông lẫn đàn bà, và, Trung úy ạ, chẳng phải là không thể có chuyện tôi sẽ có cơ hội đáp lại sự tử tế của anh ban nãy.” Giọng nàng có nhuộm chút gay gắt, có lẽ là cả oán giận.

Đến chỗ này thì cuộc đối thoại – vốn đã thu hút toàn bộ sự chú ý vào chính nó, hầu như khiến người ta quên đi sự biến nhần tiền của thành phố – có thể ngưng ngang; các xe quân sự thường tình lại băng qua quảng trường và qua trang sách, cách ngăn hai chúng tôi, nếu không thì những hàng dài phụ nữ thường tình bên ngoài các cửa hiệu hoặc những đoàn biểu tình thường tình của công nhân mang biểu ngữ. Irina giờ đã đi xa, chiếc mũ găng bông hồng của nàng trôi trên một biển mũ ca lô xám, nón cối, khăn tay, tôi cố dõi theo nàng, nhưng nàng không ngoái lại.

Vài đoạn văn nối tiếp theo, đẩy đẩy họ tên các vị tướng và dân biểu, thì liên quan đến trận pháo giàn và cuộc rút lui khỏi tiền tuyến, về những chia rẽ và hợp nhất giữa các phe phái có người đại diện trong Ủy ban, điểm thêm những phụ chú về khí hậu: mưa rào, băng giá, hướng mây, bão gió từ phương Bắc tới. Tất cả điều đó dù có thể nào thì cũng chỉ là cái khung cho các tâm trạng của tôi: sự buông mình đầy hân hoan theo làn sóng các sự kiện, hay là sự rút lui vào trong bản thân tôi, như thể tập trung mình vào một dự đồ ám ảnh, như thể mọi thứ quanh tôi chỉ là để nguy trang tôi, che giấu tôi, như mấy công sự phòng thủ bằng túi cát đang được xây lên hầu như bốn phía xung quanh (thành phố trông như đang chuẩn bị cho trận chiến từ phố này sang phố khác), các hàng rào mà hằng đêm những người chuyên dân

biểu ngữ của nhiều phe phái khác nhau đem những bản tuyên cáo dán lên, rồi thì các bản này lập tức bị mưa ngấm ướt sũng và dẫm ra không đọc được do giấy hút nước và do loại mực rẻ tiền.

Mỗi lần đi qua tòa nhà nơi tọa lạc Ủy ban Công nghiệp nặng tôi đều tự nhủ: Hôm nay mình sẽ đi tìm bạn Valerian của mình. Tôi đã nhắc đi nhắc lại câu này với chính mình từ ngày tôi đến. Valerian là bạn thân nhất tôi có ở thành phố này. Nhưng lần nào tôi cũng khất lại không đi thăm cậu ấy, vì một vài nhiệm vụ quan trọng nào đó mà tôi phải đảm đương. Thế nhưng hẳn người ta sẽ nói là tôi được hưởng một thứ tự do không bình thường đối với một quân nhân tại ngũ: tính chất của chức năng nhiệm vụ tôi không thật rõ ràng; tôi đến rồi đi từ văn phòng này đến văn phòng nọ của các ban tham mưu; chẳng mấy khi người ta gặp tôi ở doanh trại, như thể tôi chẳng thuộc hẳn vào một đơn vị nào; đã vậy tôi cũng chẳng hề dính chặt vào bàn giấy.

Không như Valerian, kẻ không bao giờ nhích khỏi bàn giấy. Cái hôm tôi đi lên để tìm cậu ta, tôi gặp cậu ở đó, nhưng cậu chẳng có vẻ gì đang cần mẫn làm nghĩa vụ của chính quyền: cậu đang lau súng lục. Cậu cười khùng khục vào bộ râu lởm chớm khi trông thấy tôi. Cậu nói, “Vậy cả cậu cũng rơi vào cái bẫy này nốt, cùng với chúng tớ.”

“Hay là cho kẻ khác vào bẫy,” tôi đáp.

“Bẫy thì luôn luôn cái này nằm trong cái kia, và tất cả đều đóng sập cùng một lúc.” Dường như cậu muốn cảnh báo tôi về điều gì đó.

Tòa nhà nơi đặt các trụ sở ủy ban từng là cơ ngơi của một tay trực lợi nhờ chiến tranh và gia đình hẳn; nó bị cách mạng trưng dụng. Dăm món đồ hào nhoáng xa hoa còn sót lại lẫn chung vào với những vật dụng tẻ ngắt của chỗ quan liêu bàn giấy; phòng làm việc của Valerian chật ních những món trang trí kiểu Tàu dành cho chốn phòng khuê: bình lọ có vẽ rồng, tráp sơn mài, một bình phong bằng lụa.

“Cậu muốn bẫy ai trong cái chùa này hả? Một hoàng hậu Đông phương chắc?”

Từ sau bức bình phong một phụ nữ bước ra: tóc ngắn, áo váy bằng lụa xám, vớ màu sữa.

“Những giấc mơ nam giới không thay đổi, cho dù có cách mạng đi nữa,” nàng ta nói, và trong sự mĩa mai riết róng ở giọng nàng ta tôi nhận ra người đàn bà tôi đã làm quen trong thoáng chốc trên Cầu Sắt.

“Thấy chưa? Có những đôi tai lắng nghe từng lời của chúng ta...” Valerian cười rộ nói với tôi.

“Cách mạng không đưa những giấc mơ ra tòa, Irina Piperin ạ,” tôi trả lời nàng.

“Nó cũng không cứu chúng ta khỏi những cơn ác mộng,” nàng đáp trả.

Valerian xen vào, “Tôi không biết là hai vị quen nhau đấy.”

“Chúng tôi gặp nhau trong một giấc mơ,” tôi nói. “Lúc ấy chúng tôi cùng rơi khỏi một cây cầu.”

Thì nàng nói, “Không. Mỗi chúng ta có một giấc mơ khác nhau.”

“Và có cả những người tình cờ thức dậy ở một nơi an toàn như thế này, bảo đảm không phải sợ cơn chóng mặt nào...” tôi vẫn không thôi.

“Chóng mặt thì đâu cũng có.” Đoạn nàng cầm lấy khẩu súng lục mà Valerian vừa lắp xong, bẻ gập nòng súng ra khỏi báng, ghé mắt vào nòng súng như để xem lau đã sạch chưa, xoay ổ đạn, cho một viên đạn trượt vào một trong các lỗ, lên cò, vừa giữ cho súng nhắm vào mắt nàng vừa lại xoay ổ đạn. “Giống như một hố sâu không đáy. Ta cảm thấy lời hiệu triệu của hư vô, nổi cảm dỗ khiến ta muốn rơi vào, hòa mình vào cái bóng đen đang vờ gọi...”

“Này, vũ khí không phải là thứ để nghịch đâu,” tôi nói, đoạn giơ tay ra, nhưng nàng chĩa súng vào tôi.

“Sao lại không?” nàng nói. “Phụ nữ thì không, còn đàn ông các anh thì được à? Cuộc cách mạng đích thực sẽ diễn ra chừng nào vũ khí là do phụ nữ mang.”

“Còn đàn ông thì bị tước vũ khí sao? Cô có thấy thế là công bằng không, nữ đồng chí? Phụ nữ vũ trang để làm gì chứ?”

“Để chiếm chỗ của các anh. Chúng tôi ở trên, các anh ở dưới. Để các anh cảm nhận được chút ít thế nào là làm phụ nữ. Nào, tiến, đi tới đằng kia, tới bên cạnh bạn anh đi,” nàng ra lệnh, vẫn chĩa súng vào tôi.

“Irina đã có ý nghĩ nào là bất khả chuyển lay ý này,” Valerian cảnh cáo tôi. “Làm trái lời cô ấy chẳng ích gì đâu.”

“Còn bây giờ?” tôi vừa hỏi vừa nhìn Valerian, những mong cậu ta can thiệp và cho trò đùa này chấm dứt.

Mắt Valerian dán vào Irina, nhưng cái nhìn của cậu ta mơ màng, như thể cậu ta đang trong cơn mê hoặc, như thể đầu hàng tuyệt đối, như thể cậu ta mong chờ lạc thú chỉ từ việc chịu quy phục thói đồng bóng của nàng.

Một tay lái mô tô từ Bộ Chỉ huy Quân sự Tối cao bước vào mang theo một bó hồ sơ. Khi cửa mở ra, nó che khuất Irina, nàng biến mất. Valerian, như thể chẳng có gì xảy ra, bắt tay làm nhiệm vụ của mình.

“Nói cho tớ biết...” tôi hỏi cậu ta, ngay khi chúng tôi có thể nói chuyện. “Mấy trò đùa này cậu có thấy là nên không?”

“Irina không đùa,” cậu ta nói, không ngược mắt lên khỏi đồng giấy tờ. “Cậu sẽ thấy.”

Ngay từ lúc đó trở đi thời gian thay hình đổi dạng, đêm triển nở ra, nhiều đêm biến thành một đêm duy nhất trong cái thành phố mà bộ ba chúng tôi – cái bộ ba giờ đây không gì chia cắt được – băng qua, một đêm duy nhất đạt đỉnh điểm trong phòng của Irina, trong một khung cảnh đáng ra là riêng tư song cũng là một khung cảnh phô bày và thách thức, nghi lễ của cái giáo phái bí mật đòi hỏi hy sinh mà Irina cùng một lúc là tư tế và nữ thánh, kẻ bất kính và nạn nhân. Câu chuyện khôi phục lại diễn trình bị ngắt ngang của nó; giờ thì khoảng không gian mà nó phải lấp kín lại bị chất quá nhiều, đặc sít, nó chẳng để lại khe hở nào cho nỗi rùng rợn của cái trống không, giữa những chần chừ theo kiểu đáng kỷ hà, những cái gối, bầu không khí mang nặng mùi thân thể trần truồng của chúng tôi, hai bầu vú Irina chỉ hơi nhu

nhú khỏi lồng ngực gầy gò, hai quầng vú sậm màu mà giá như ở trên một bầu ngực vòng căng hơn thì sẽ cân đối hơn, những túm lông mu hẹp một đầu vút nhọn dưới dạng hình tam giác cân (từ cân, “isoscele”, một khi tôi đã dùng để gán cho lông mu của Irina, nó khiến tôi tràn đầy nhục cảm khiến tôi không thể nào thốt nó ra mà không khiến rặng tôi lập cập). Gần chính giữa khung cảnh đó, các đường nét có xu hướng xoắn vặn đi, trở nên ngoằn ngoèo như làn khói bốc lên từ cái lò than nơi Irina đốt những hương liệu thảm hại còn sót lại của một cửa hàng gia vị Armenia, cái tiếng tăm là ổ thuốc phiện của cửa hiệu này, một tiếng tăm tiếm đoạt của người, đã khiến nó bị cướp phá bởi đám đông muốn phục thù cho thuần phong mỹ tục, xoắn vặn đi – lại nói về các đường nét – như sợi thừng vô hình trói buộc chúng tôi, ba chúng tôi, và chúng tôi càng giãy giụa để tự giải thoát mình thì các nút buộc càng thít chặt, nghiền sâu vào thịt chúng tôi. Giữa trung tâm mỗi tơ vò này, chính giữa tấn kịch của mối liên kết bí mật này của chúng tôi, có một bí mật tôi mang trong mình và không thể tiết lộ với bất cứ ai, nhất là với Irina và Valerian, cái sứ mạng bí mật mà người ta giao phó cho tôi: tìm cho ra danh tính tên gián điệp đã len lỏi vào Ủy ban Cách mạng và đang giao nộp thành phố vào tay bọn Trắng.

Giữa lòng những cuộc cách mạng mà mùa đông lạnh giá năm ấy quét qua đường phố thủ đô như những cơn gió bắc, một cuộc cách mạng âm thầm đang được khai sinh, nó sẽ chuyển hóa quyền lực của các thân thể và giới tính: nàng Irina này hằng tin, và nàng đã áp đặt được niềm tin ấy không chỉ lên Valerian, kẻ vốn là con trai một thẩm phán quận có bằng kinh tế chính trị, môn đồ của các hiền giả Ấn Độ và các nhà thần trí học Thụy Sĩ, cho nên là kẻ được tiên định sẽ tinh thông bất kỳ học thuyết nào trong phạm vi những điều có thể lĩnh hội, mà còn lên cả tôi, vốn là kẻ xuất thân từ một trường phái khắc nghiệt hơn, lên tôi, vốn là kẻ biết rằng chẳng bao lâu nữa tương lai sẽ được định đoạt giữa Tòa án Cách mạng và Tòa án Binh của phe Trắng, và rằng hai đội xử bắn, một đội bên này một đội bên kia, đang chờ đợi, vũ khí sẵn sàng.

Tôi cố thoát, cố lườn lách bằng những động tác bò về phía trung tâm các vòng xoắn ốc nơi các đường nét trườn như rắn theo sau những quần quai của tay chân Irina, uyển chuyển và không nghỉ, trong một điệu múa chậm nơi điều quan trọng không phải là tiết tấu mà là những thắt lại rồi rời ra của các đường nét ngoằn ngoèo như rắn. Có hai con rắn bị Irina dùng hai tay tóm chặt đầu, và chúng phản ứng lại nắm tay tóm chặt của nàng, bằng cách làm cho dữ dội hơn năng lực xuyên thấu của chúng theo đường vuông góc, trong khi, ngược lại, nàng cứ khẳng khẳng rằng phần tối đa của năng lực kìm giữ được cần phải tương hợp với sự co giãn như của loài bò sát biết uốn cong đặng đuổi kịp nàng trong những thế xoắn vặn tưởng chừng không tài nào làm nổi.

Bởi đây là điều khoản đầu tiên của đức tin vào giáo phái mà Irina sáng lập: rằng ta phải từ bỏ cái ý tưởng chuẩn thức về sự thẳng, về đường thẳng, cái niềm tự hào nam giới dai dẳng được che đậy tôi vốn vẫn còn đó với chúng tôi ngay cả khi chúng tôi chấp nhận thân phận làm nô lệ cho một người đàn bà vốn không cho phép có sự ghen tuông hay chút ưu tiên nào dù là thuộc loại gì giữa hai chúng tôi. “Xuống,” Irina nói, và bàn tay nàng ấn lên gáy Valerian, mấy ngón tay nàng vùi vào trong mái tóc xoắn tít màu đỏ hung của nhà kinh tế học trẻ tuổi, không cho phép cậu ta ngẩng mặt lên ngang tầm với tử cung nàng, “xuống nữa!” và trong khi đó nàng nhìn tôi bằng đôi mắt kim cương và muốn tôi ngấm, muốn cái nhìn của hai chúng tôi cùng tiến theo những đường mòn ngoằn ngoèo và liên tục. Tôi cảm thấy cái nhìn của nàng vốn không rời tôi lấy một khoảnh khắc, và trong khi đó tôi cảm thấy trên người mình một cái nhìn khác đang dõi theo tôi tại bất cứ thời điểm nào và ở bất cứ đâu, cái nhìn của một thế lực vô hình đang chờ đợi ở tôi mỗi một thứ: cái chết, dù là cái chết tôi phải mang tới cho người khác hay cái chết của chính tôi.

Tôi đang chờ khoảnh khắc khi cái thòng lọng ánh nhìn của Irina sẽ rời ra. Kia: nàng khép hờ hai mắt; kia: tôi đang trườn trong bóng tối, sau mấy chiếc gối, những cái đi văng, cái lò than; kia: nơi Valerian cởi bỏ quần áo mình rồi gấp lại cực kỳ ngăn nắp, thói quen cậu ta là thế, tôi bò trong bóng

tôi đôi mí mắt sụp xuống của Irina, tôi tìm thấy túi áo của Valerian, ví của cậu ta, tôi nấp trong bóng tối đôi mí mắt nhắm chặt của nàng, trong bóng tối của tiếng thét bật ra từ họng nàng, tôi tìm thấy tờ giấy gấp làm đôi trên có tên tôi được viết bằng ngòi bút sắt, bên dưới công thức của một bản án tử hình vì tội phản bội, được ký và phê chuẩn bằng con dấu cao su của trung đoàn.

[5]

Đến chỗ này cuộc thảo luận mở màn. Sự kiện, nhân vật, bối cảnh, ấn tượng bị dẹp sang bên, nhường chỗ cho các khái niệm chung.

“Tính dục đa hình-biến thái...”

“Quy luật kinh tế thị trường...”

“Những tương đồng của các cấu trúc tạo nghĩa...”

“Hành vi lệch chuẩn và các thiết chế...”

“Sự thiên hoạn...”

Duy chỉ hai người, bạn và Ludmilla, là vẫn bị cuốn theo câu chuyện, trong khi chẳng còn ai khác nghĩ đến việc đọc tiếp.

Bạn dịch lại gần Lotaria hơn, chìa tay về phía mấy tờ giấy rời trước mặt cô mà hỏi, “Cho phép tôi nhé?”; bạn cố chiếm giữ cuốn tiểu thuyết. Nhưng đó không phải sách; chỉ là một tờ in gồm mười sáu trang bị xé ra. Phần còn lại đâu?

“Xin lỗi, tôi đang tìm các trang còn lại, phần tiếp theo,” bạn nói.

“Phần còn lại?... Ồ, chỗ tư liệu này đủ để thảo luận cả tháng. Anh còn chưa hài lòng sao?”

“Tôi cần không phải để thảo luận, mà để đọc...” bạn nói.

“Nghe này, nhóm nghiên cứu thì quá nhiều, mà Khoa Erulo-Altai lại chỉ có một bản duy nhất, nên chúng tôi phải chia nó thành nhiều phần; việc này có gây ra chút tranh cãi, cuốn sách bị xé nhỏ, nhưng tôi thực lòng tin mình nắm được phần hay nhất.”

Ngồi ở bàn cà phê, bạn cùng Ludmilla, hai người gút lại tình hình. “Ta tóm tắt lại nhé: *Không sợ gió và chóng mặt* không phải là *Cúi mình trên triền dốc*, *Cúi mình trên triền dốc* không phải là *Ở ngoại ô thành Malbork*,

rồi thì *Ở ngoài ô thành Malbork* lại hoàn toàn khác với *Nếu một đêm đông có người lữ khách*. Điều duy nhất ta có thể làm là tìm đến ngọn nguồn cái mớ bòng bong này.”

“Đúng đấy. Chính nhà xuất bản đã khiến chúng mình phải chịu những nỗi thất vọng này, vậy chính nhà xuất bản phải đền bù lại cho chúng mình. Mình phải tới đó yêu cầu họ.”

“Thế nếu Ahti và Viljandi là cùng một người?”

“Trước hết mình hỏi họ về *Nếu một đêm đông có người lữ khách*, đòi họ cho mình một bản trọn vẹn, rồi một bản trọn vẹn của cả *Ở ngoài ô thành Malbork* nữa. Tức là hai cuốn tiểu thuyết chúng mình đã bắt đầu đọc mà cứ nghĩ là chúng có cái nhan đề ấy; thế mà, nếu nhan đề thật và tác giả thật của hai cuốn ấy là khác nhau thì nhà xuất bản phải báo cho mình biết và giải thích điều bí ẩn đằng sau các trang sách kia, nó di chuyển từ bản này sang bản nọ.”

“Và cứ theo cách đó,” bạn nói, “có khi chúng mình sẽ tìm được một dấu vết dẫn mình đến *Cúi mình trên thiên đốc*, dấu chưa viết xong hay đã hoàn thành...”

“Em phải thừa nhận rằng khi nghe nói phần còn lại đã tìm ra được, em cứ khắp khởi hy vọng...” Ludmilla nói.

“...và dẫn tới cả *Không sợ gió hay chóng mặt* nữa, là cuốn mà hiện giờ anh nóng lòng muốn đọc tiếp quá...”

“Phải, cả em cũng thế, dù em phải nói đó không phải là cuốn tiểu thuyết lý tưởng của em...”

Đấy, lại thế rồi. Ngay khi nghĩ mình đang đi đúng hướng, bạn lập tức thấy mình bị một cái công tắc chặn ngay lại: trong sự đọc của mình, trong việc truy tìm cuốn sách thất lạc, trong việc xác định sở thích của Ludmilla.

“Cuốn tiểu thuyết em thích đọc nhất vào lúc này,” Ludmilla giải thích, “phải là cuốn tiểu thuyết mà động lực duy nhất là khát vọng kể chuyện, chất chõng chuyện này lên trên chuyện khác, không cố áp đặt lên ta một cách

nhìn thế giới, mà chỉ để ta quan sát sự lớn dần của nó, như một cái cây, một sự xoắn xuýt vào nhau như của cành và lá...”

Ở điểm này bạn lập tức đồng ý với nàng; để lại sau lưng mình những trang sách bị xé nát tươm bởi sự phân tích đầy trí tuệ, bạn mơ phát hiện lại được trạng thái đọc tự nhiên, thơ ngây, nguyên sơ...

“Mình phải tìm lại sợi chỉ đã mất,” bạn nói. “Mình tới nhà xuất bản ngay bây giờ đi.”

Thì nàng nói, “Không cần thiết cả hai chúng mình đối mặt với họ. Anh đi, về kể lại em nghe.”

Thế này thì dở quá. Cuộc săn lùng này làm bạn hưng phấn là bởi bạn theo đuổi nó cùng với nàng, bởi cả hai có thể trải qua nó cùng nhau và bàn về nó trong khi cùng trải qua nó. Vậy mà giờ đây, ngay khi bạn ngỡ mình đã đạt được sự đồng thanh tương ứng với nàng, một mối thân tình, không hẳn vì bây giờ bạn với nàng gọi nhau bằng *anh* và *em*, mà bởi bạn cảm thấy bạn với nàng như một đôi đồng phạm trong một sự vụ mà có lẽ chẳng ai khác có cơ hiểu nổi...

“Sao em không muốn tới?”

“Là vấn đề nguyên tắc.”

“Em muốn nói gì?”

“Có một lằn ranh: một bên là những người làm ra sách, bên kia là những người đọc sách. Em muốn mãi là một trong những người đọc sách, cho nên em luôn luôn cẩn thận giữ mình bên phía của mình. Nếu không, niềm vui đọc vô tư lự sẽ chấm dứt, hay ít nhất là biến thành cái khác, không phải những gì em muốn. Lằn ranh ấy, nó mơ hồ, dễ bị xóa đi: thế giới những người dính dáng tới sách theo nghĩa chuyên nghiệp ngày càng đông và có xu hướng tự nhập vào làm một với thế giới những người đọc sách. Dĩ nhiên, độc giả cũng ngày càng đông hơn, song dường như những kẻ dùng sách này để làm ra sách khác đang ngày càng đông hơn những ai chỉ thích đọc sách và chỉ thế thôi. Em biết rằng nếu vượt qua ranh giới đó, dù chỉ như một

ngoại lệ, do tình cờ, em tất có nguy cơ hòa lẫn vào cơn triều đang dâng này; vì vậy em từ chối bước chân vào một nhà xuất bản, dù chỉ trong vài phút.”

“VẬY CÒN ANH?” BẠN ĐÁP.

“VỀ ANH THÌ EM KHÔNG BIẾT. ANH TỰ QUYẾT LẤY. MỖI NGƯỜI PHẢN ỨNG THEO MỘT KIỂU KHÁC NHAU.”

Chẳng cách nào buộc được người đàn bà này đổi ý. Bạn sẽ đi một mình, rồi thì bạn và nàng sẽ lại gặp nhau ở đây, quán cà phê này, lúc sáu giờ.

“ÔNG ĐẾN VÌ BẢN THẢO CỦA ÔNG Đấy à? Biên tập họ đang đọc; ồ không, tôi nhầm, họ đọc rồi, rất thú, dĩ nhiên, giờ tôi nhớ rồi! Cảm quan ngôn ngữ xuất sắc, lời buộc tội nhọc nhằn, ông không nhận được thư của chúng tôi à? Chúng tôi rất tiếc phải nói với ông, trong thư có giải thích cả mà, chúng tôi gửi đi chưa lâu, hồi này thư với tín chậm ơ là chậm, dĩ nhiên ông sẽ nhận được thôi, danh sách biên tập của chúng tôi đây ứ, tình hình kinh tế không thuận lợi. Đó ông thấy chưa, ông nhận được rồi mà, thư có nói gì khác đâu nào? Cám ơn ông cho phép chúng tôi đọc bản thảo, chúng tôi sẽ trả ông ngay, à, ông đến để lấy lại bản thảo chứ gì? Không, chúng tôi tìm chưa ra, xin hãy kiên nhẫn thêm ít nữa, rồi sẽ ra thôi, ở đây xưa nay chưa hề có cái gì thất lạc hết, mới hôm nay thôi chúng tôi tìm thấy một bản thảo mình lùng kiếm suốt mười năm qua, ồ, không đến mức thêm mười năm nữa đâu, bản của ông thì chúng tôi sẽ tìm ra sớm hơn, ít nhất là ta hãy hy vọng thế, chúng tôi có nhiều bản thảo quá, chất cao thế này này, nếu ông muốn chúng tôi sẽ cho ông xem, dĩ nhiên là ông muốn thấy bản của ông chứ không phải của ai, cái ấy thì rõ quá, ý tôi muốn nói là chúng tôi đang giữ quá nhiều bản thảo với chúng tôi chẳng có giá trị gì, chúng tôi khó mà vứt bỏ bản thảo của ông vì làm thế là quá đáng với chúng tôi, không, không phải để xuất bản đâu, trả nó lại cho ông là quá đáng với chúng tôi.”

Người nói là một người đàn ông nhỏ thó, teo tóp gù lưng, dường như càng teo tóp càng gù lưng tợn mỗi khi có ai gọi ông ta, kéo tay áo ông, dúi cho ông một việc khó xử nào, trút cả một đống bản in thử vào ông. “Ông

Cavedagna!” “Này, ông Cavedagna!” “Chúng tôi sẽ hỏi ông Cavedagna!” Và lần nào cũng vậy, ông tập trung vào điều thắc mắc của người mới nhất đàm thoại với ông, mắt ông nhìn chăm chăm, cằm ông run run, cổ ông vạm vẹo trong nỗ lực tạm gác lại song vẫn không quên mọi thắc mắc chưa được giải quyết khác, với sự nhẫn nại rầu rĩ của những kẻ quá ư nóng nảy và sự nóng nảy tai người không nghe thấy được của những kẻ quá ư nhẫn nại.

Khi bạn đến chỗ văn phòng chính của công ty xuất bản và giải thích với những tay gác công về chuyện mấy cuốn sách bị đóng nhàm mà bạn muốn đổi, đầu tiên người ta bảo bạn sang bộ phận Hành chính; thế rồi, khi bạn nói thêm rằng bạn không chỉ quan tâm tới chuyện đổi sách mà còn muốn người ta phải giải thích làm thế nào ra nông nổi vậy, người ta liền đưa bạn tới phòng Sản xuất; và khi bạn trình bày rõ mục đích của bạn chỉ là được đọc tiếp các tiểu thuyết bị ngắt quãng nửa chừng, “Vậy thì tốt hơn ông nên nói chuyện với ông Cavedagna,” họ kết luận. “Ngồi trong phòng đợi ấy; có mấy người khác cũng ngồi đó rồi; sẽ đến lượt ông.”

Và thế là, trong khi len vào ngồi giữa các vị khách khác, bạn nghe ông Cavedagna mào đầu tới mấy lần câu chuyện về bản thảo người ta không thể tìm ra, mỗi lần lại nói với một người khác, trong đó có chính bạn, và lần nào cũng bị cắt ngang trước khi ông nhận ra sai lầm của mình, bởi các vị khách hoặc bởi các biên tập viên và nhân viên khác. Bạn nhận ra lập tức rằng Ông Cavedagna là người không thể thiếu trong thành phần nhân sự của bất kỳ công ty nào, đồng nghiệp của ông có cái xu hướng bản năng là hễ việc gì rắc rối và khó nhằn nhất họ đều đem trút cả lên vai ông. Ngay khi bạn sắp sửa nói chuyện với ông, liền có ai đó tới bê theo lịch trình sản xuất cho năm năm tới để ông cập nhật, hay một bản chỉ mục tên trong đó tất cả số trang đều phải đổi, hay một ấn bản Dostoyevsky cần phải dàn lại từ đầu tới cuối vì bất cứ chỗ nào trước đây in là Maria nay đều phải sửa thành Mar’ja còn hễ khi nào Pyotr thì phải chuyển tất tậ thành Pêtr. Ông lắng nghe từng người một, dẫu ông luôn luôn bị dẫn vật vì ý nghĩ mình đã ngắt ngang cuộc trò chuyện với một người khiếu nại trước đấy, và ngay khi có thể ông liền cố trấn an những người kiên nhẫn hơn, cam đoan với họ rằng ông không quên họ, vấn

đề của họ ông vẫn đang ghi nhớ trong đầu. “Chúng tôi rất khâm phục bầu không khí kỳ ảo...” (“Sao kia?” vị sử gia chuyên về các nhóm ly khai theo Trotsky ở New Zealand liền nhảy dựng lên nói.) “Có lẽ ông nên làm nhẹ bớt một vài hình ảnh đậm ô...” (“Ừa, ông nói cái gì thế?” người kia liền phản đối, đây là một chuyên gia về nền kinh tế vĩ mô bao gồm số ít các nhà sản xuất độc quyền.)

Bất ngờ ông Cavedagna biến mất. Các hành lang của nhà xuất bản này đây những cạm bẫy: các đoàn kịch tập thể từ mấy bệnh viện tâm thần tới cứ loanh quanh luẩn quẩn từ chỗ này sang chỗ nọ, rồi các nhóm chuyên nghiên cứu về tâm lý nhóm, những tay xung kích nữ quyền. Ông Cavedagna, mỗi bước ông đi là một bước ông có nguy cơ bị người ta tóm, bao vây, nuốt chửng.

Bạn đến đây vào thời điểm khi những kẻ thường lảng vảng quanh các nhà xuất bản không còn là những nhà thơ và tiểu thuyết gia đầy tham vọng như thuở trước, cũng không phải các nữ nhân sắp thành thi sĩ hay văn sĩ; đây là thời điểm (trong lịch sử nền văn hóa phương Tây) khi sự tự thành chính mình trên mặt giấy là mục tiêu theo đuổi của các cá nhân riêng lẻ thì ít mà của những tập thể thì nhiều: các hội thảo chuyên đề, nhóm hoạt động, nhóm nghiên cứu, như thể lao động trí óc là việc quá gian khổ đến độ nếu chỉ một mình thì không ai đương đầu nổi. Hình ảnh tác giả đã trở thành số nhiều và đi đâu cũng thành một nhóm, bởi không một ai có thể làm đại diện cho bất cứ ai: bốn kẻ từng chịu án tù trong đó có một kẻ trốn tù, ba người là bệnh nhân cũ đi với người nam y tá của họ và bản thảo của tay nam y tá đó. Hay có những cặp không nhất thiết là vợ chồng tuy nhiên xu hướng chung là vợ chồng, như thể cuộc sống chung của một cặp đàn ông đàn bà chẳng có niềm an ủi nào hơn là cùng nhau sản xuất ra bản thảo.

Mỗi nhân vật trong số đó đều yêu cầu được nói chuyện với người đảm trách phòng ban nào đó hay là một chuyên gia trong lĩnh vực nọ kia, nhưng rốt cuộc tất cả được đưa vào gặp ông Cavedagna tuốt. Những làn sóng lời lẽ ngập tràn kho từ vựng của những ngành những khoa những trường phái chuyên môn hóa nhất và biệt lập nhất được người ta trút lên đầu vị biên tập

viên luống tuổi này, kẻ mà chỉ cần thoáng thấy lần đầu bạn đã nhận định ngay là “một người nhỏ thó, teo tóp gù lưng”, không phải vì ông là người nhỏ thó teo tóp gù lưng hơn nhiều người khác, hay vì những từ “người nhỏ thó teo tóp gù lưng” là một phần của cung cách ông tự thể hiện mình, mà bởi ông dường như đến đây từ một thế giới nơi người ta vẫn – ồ không: dường như ông hiện ra từ một cuốn sách trong đó bạn vẫn còn gặp được – nói thể bạn hiểu rồi đó: dường như ông đến đây từ một thế giới nơi người ta vẫn còn đọc những cuốn sách mà ở đây bạn gặp những “người nhỏ thó teo tóp gù lưng.”

Chẳng tự cho phép mình sao nhãng, ông để cho hàng loạt việc khó nhằn đổ hết lên cái đầu hói trụi của ông, ông lắc lắc đầu, và cố sức khoanh gọn vấn đề vào những khía cạnh thực tiễn, “Nhưng tôi hỏi thế này xin ông bỏ quá cho, chẳng lẽ ông không thể đưa thêm cước chú vào văn bản, và có thể cô gọn văn bản lại đôi chút, rồi thậm chí – cái này tùy ông quyết – biến văn bản thành một cước chú?”

“Tôi là độc giả, chỉ là độc giả, không phải là tác giả,” bạn hấp tấp tuyên bố, như một người đang đâm bổ đến cứu một người sắp bước hụt chân.

“Ồ, thật sao? Tốt, tốt! Tôi thích lắm!” Và ông ta nhìn bạn bằng cái liếc nhìn thực sự đầy thân thiện và biết ơn. “Tôi vui quá. Người đọc thì càng ngày tôi càng ít gặp...”

Một nỗi thôi thúc muốn thổ lộ tâm tình chiếm trọn tâm tư ông; ông để mình bị cuốn đi theo nó; ông quên phắt các nhiệm vụ khác của mình; ông lôi bạn sang bên. “Tôi đã làm việc hàng bao nhiêu năm cho nhà xuất bản này... biết bao nhiêu cuốn sách đã qua tay tôi... nhưng liệu tôi có thể nói mình đọc không? Thế này thì tôi không thể gọi là đọc... Ở làng tôi ngày xưa sách ít lắm, nhưng tôi vẫn hay đọc, vâng, hồi đó tôi có đọc... Tôi vẫn cứ nghĩ chừng nào nghỉ hưu tôi sẽ về lại làng tiếp tục đọc như xưa. Thỉnh thoảng tôi cất riêng một cuốn ra, chừng nào về hưu mình sẽ đọc cuốn này, tôi tự nhủ thế, nhưng rồi tôi nghĩ rồi nó sẽ chẳng hết như trước nữa... Đêm qua tôi nằm mơ tôi đang ở làng mình, trong cái chuồng gà nhà tôi, tôi đang tìm, tìm cái gì đó trong chuồng gà, trong cái giỏ mấy con gà hay đẻ trứng vào, rồi thì

tôi tìm thấy gì? Một cuốn sách, một trong những cuốn tôi đọc khi còn nhỏ, một ấn bản rẻ tiền, các trang đều rách xác xơ, những tranh khắc trắng đen thảy bị tô màu tấ, bằng bút chì màu... Ông biết không? Hồi còn bé, để đọc sách, tôi hay trốn trong chuồng gà...”

Bạn dợm giải thích với ông ta lý do bạn tới. Ông hiểu ngay, thậm chí còn không để bạn nói hết, “VẬY là cả ông nữa! Chuyện mấy tờ in bị lẫn lộn, chúng tôi biết hết, những cuốn sách phần đầu thì có mà phần tiếp thì không, toàn bộ quy trình sản xuất của hãng chúng tôi gần đây cứ lộn tùng phèo lên, ông chẳng biết đâu. Chúng tôi không còn phân biệt nổi đầu với đuôi ra sao nữa, thưa ông thân mến.”

Ông cầm trong tay một chồng khay sắp chữ; ông đặt chúng xuống nhẹ nhàng, cứ như chỉ cần một cú xóc cực nhẹ cũng đủ làm xáo loạn trật tự các con chữ in. “Một nhà xuất bản là một cơ thể mong manh, thưa ông thân mến,” ông nói. “Nếu vào bất cứ thời điểm nào có gì đó trật chĩa thì vô trật tự sẽ lan tràn, hỗn độn mở ra dưới chân chúng tôi. Ông tha lỗi cho tôi nhá? Cứ hễ nghĩ tới là tôi lại chóng mặt.” Và ông che mắt, như bị truy đuổi bởi hình ảnh hàng tỉ trang, dòng, từ xoáy cuộn trong bão bụi.

“Thôi nào thôi nào, ông Cavedagna, đừng nhìn chuyện này theo cách đó,” giờ thì việc của bạn là an ủi ông. “Chẳng qua chỉ là chút tò mò của một độc giả thôi, câu hỏi của tôi ấy mà... Nhưng nếu ông không thể nói gì cho tôi biết cả...”

“Cái gì tôi biết, tôi sẽ vui lòng nói với ông,” người biên tập viên nói. “Nghe này. Mọi chuyện bắt đầu khi một thanh niên bước vào văn phòng, tuyên bố mình là một dịch giả từ tiếng, tiếng gì ấy nhỉ, của nước gì ấy nhỉ...”

“Ba Lan?”

“Không, Ba Lan thì không! Thứ tiếng này khó, không phải nhiều người biết...”

“Tiếng Cimmeria?”

“Không phải Cimmeria. Xa hơn nữa. Gọi là gì ấy nhỉ? Kẻ này tự xưng là người biết nhiều ngôn ngữ chẳng ai bằng, không có thứ tiếng nào anh ta không biết, kể cả cái tiếng, gọi là tiếng quái gì ấy nhỉ, Cimbria, phải, Cimbria. Anh ta đem tới cho chúng tôi một cuốn sách viết bằng tiếng ấy, một cuốn tiểu thuyết hay, to đùng, rất dày, tên là gì ta, *Lữ khách*, không, không phải, *Lữ khách* là cuốn của người khác, *Ở ngoại ô thành...*”

“Của Tadzio Bazakbal?”

“Không, không phải Bazakbal, đây là cuốn *Triền dốc*, của tay nào...”

“Ahti?”

“Hoan hô, chính gã đó. Ukko Ahti.”

“Nhưng... Cho tôi mạn phép hỏi: Ukko chẳng phải là một tác giả người Cimmeria hay sao?”

“À, thật ra ông ta lúc đầu là người Cimmeria thật, ông Ahti ấy; nhưng ông biết chuyện gì xảy ra không, hồi chiến tranh, sau chiến tranh, ranh giới các nước bị điều chỉnh, bức Màn Sắt, rồi sự thế là ở nơi ngày trước là xứ Cimmeria thì nay là xứ Cimbria, còn Cimmeria thì bị dịch đi xa hơn. Thành thử văn chương Cimmeria cũng được người Cimbria tiếp quản, như một phần trong các khoản bồi thường chiến tranh...”

“Đây là luận điểm của Giáo sư Galligani, nhưng Giáo sư Uzzi-Tuzii thì phản bác...”

“Ồ, ông cứ hãy hình dung cuộc đua tranh ở trường đại học, giữa hai khoa, hai chức danh cứ găm ghè đấu đá nhau, hai ông giáo sư không thể nào nhìn mặt nhau, cứ thử mà hình dung Uzzi-Tuzii thừa nhận rằng kiệt tác bằng ngôn ngữ của ngài lại phải đọc bằng ngôn ngữ của đồng nghiệp ngài...”

“Sự thế vẫn là, *Cúi mình trên triền dốc* là một tiểu thuyết còn dang dở,” bạn vẫn khẳng khẳng nhấn mạnh, “hay đúng hơn là chỉ mới bắt đầu... Tôi có thấy bản gốc...”

“*Cúi mình...* Nào, đừng làm tôi rối tinh lên, đó là một cái tí nghe giống giống nhưng không phải là cuốn ấy, mà đúng hơn là có dính tới *Chóng mặt*,

phải rồi, là cuốn *Chóng mặt* của Viljandi.”

“*Không sợ gió hay chóng mặt?* Nói tôi nghe: cuốn đó được dịch chưa? Các vị đã xuất bản chưa?”

“Đợi nào. Dịch giả, ông Ermes Marana nào đấy, xem ra là một người trẻ tuổi có đủ thư từ giới thiệu đâu ra đó: anh ta nộp một bản dịch mẫu, chúng tôi đưa đầu sách này vào lịch sản xuất, anh ta nộp các trang đã dịch xong rất chi là đúng hạn, mỗi lần một trăm trang, đút túi tiền tạm ứng, chúng tôi bắt đầu chuyển bản dịch xuống nhà in, để người ta sắp chữ, để tiết kiệm thời gian... Thế rồi, khi chữa bản in thử, chúng tôi nhận thấy có vài chỗ mâu thuẫn, vài điều kỳ quặc... Chúng tôi gửi thư cho Marana, hỏi anh ta dăm câu, anh ta bắt đầu lúng túng, nói năng cái nọ xọ cái kia... Chúng tôi thúc ép anh ta, chúng tôi mở bản gốc ra trước mặt anh ta rồi yêu cầu anh ta dịch một đoạn ngắn bằng miệng... Anh ta liền thú nhận rằng tiếng Cimbria một chữ bẻ đôi anh ta cũng chả biết!”

“Thế còn bản dịch anh ta nộp cho các vị thì sao?”

“Mấy cái tên riêng thì anh ta đặt bằng tiếng Cimbria, à không, tiếng Cimmeria, tôi chả nhớ, nhưng còn văn thì anh ta dịch từ một cuốn tiểu thuyết khác...”

“Tiểu thuyết nào?”

“Tiểu thuyết nào? Chúng tôi hỏi anh ta thế. Thì anh ta nói: Một tiểu thuyết Ba Lan (đấy, Ba Lan của ông đấy!) của Tadzio Bazakbal...”

“*Ở ngoại ô thành Malbork...*”

“Chính thế. Nhưng đợi chút. Đấy là anh ta nói, và lúc đó thì chúng tôi tin; cuốn sách ấy đã đưa đi in rồi. Chúng tôi đình lại tất, thay trang tít, thay bìa. Chuyện này làm chúng tôi tổn thất không ít, nhưng dù tít này hay tít nọ, tác giả này hay tác giả kia thì cuốn tiểu thuyết cũng có đó rồi, dịch rồi, sắp chữ rồi, in rồi... Chúng tôi tính rằng cứ đẩy tới đẩy lui giữa nhà in, xưởng đóng gáy, rồi còn chuyện thay tất cả các tờ in đầu tiên mang cái tít sai – nói cách khác, nó gây ra một sự xáo trộn lan sang tất cả các sách mới trong dây

chuyên của chúng tôi, hàng đóng sách in xong phải cho vào máy nghiền thành bột giấy, những bản đã phát hành tới nhà bán lẻ thì lại phải thu hồi...”

“Có điều này tôi không hiểu: ông đang nói tới cuốn tiểu thuyết nào thế? Cuốn có nhà ga hay là cuốn có cậu nhóc sắp rời khỏi nông trại? Hay...”

“Kiên nhẫn nào. Cái tôi vừa nói chỉ là khởi đầu thôi. Bởi vì hiện giờ, mà cũng tự nhiên thôi, chúng tôi không còn tin quý ngài này nữa, và chúng tôi muốn nhìn thật rõ sự tình, so sánh bản dịch với bản gốc. Thế rồi chúng tôi phát hiện gì nào? Cũng chẳng phải Bazakbal nốt. Nó là một tiểu thuyết dịch từ tiếng Pháp, của một tác giả người Bỉ hầu như vô danh, Bertrand Vandervelde, nhan đề là... Đợi tí, để tôi cho ông xem.”

Cavedagna bỏ đi, và khi quay lại ông đưa cho bạn một cuộn giấy photo nhỏ. “Đây, nó gọi là *Nhìn xuống bóng tối đang dần dày đặc*. Ở đây chúng tôi có bản tiếng Pháp của năm trang đầu. Ông có thể tận mắt thấy, rồi thì tự xét đây là trò bịp bợm thế nào! Ermes Marana dịch cuốn tiểu thuyết vứt đi này, từng chữ một, rồi thì mạo nhận với chúng tôi nó là tiểu thuyết Cimmeria, Cimbria, Ba Lan...”

Bạn lật qua mấy trang photo và chỉ nhìn một cái bạn đã nhận ra rằng cuốn *Regarde en bas dans l'épaisseur des ombres* của tay Bertrand Vandervelde này chẳng có gì chung với bất cứ cuốn nào trong bốn cuốn tiểu thuyết bạn đã phải ngừng đọc tiếp. Bạn đã toan nói ngay với Cavedagna, nhưng ông ta đang rút ra một tờ lẻ dính kèm vào tập giấy, rồi một mực chìa tờ đó cho bạn thấy, “Ông có muốn thấy cái gã Marana này có gan trả lời ra sao khi chúng tôi buộc tội hắn lừa đảo hay không? Thư hẳn đây...” Đoạn ông chỉ một đoạn trong thư bảo bạn đọc.

“Cái tên của một tác giả nằm ngoài bìaNào có quan trọng gì? Chúng ta hãy chuyển tư duy của mình đến ba ngàn năm sau. Ai mà biết những cuốn sách nào của thời chúng ta sẽ còn được giữ lại, và ai biết những tên tác giả nào còn được người ta nhớ tới? Một vài cuốn sách sẽ vẫn lừng danh nhưng sẽ được coi là tác phẩm khuyết danh, cũng như trường ca Gilgamesh đối với chúng ta vậy; những tên tác giả khác thì người ta vẫn biết, nhưng chẳng tác

phẩm nào của họ còn lại cả, như trường hợp Socrates; hoặc cũng có thể tất cả sách còn sống sót đến thời đó sẽ được người ta gán cả cho một tác giả duy nhất, bí ẩn, kiểu như Homer.”

“Cái kiểu lập luận như thế ông đã bao giờ nghe chưa?” Cavedagna kêu lên, rồi ông nói thêm, “Mà có khi hẳn có lý không biết chừng; khổ thế chứ...”

Ông lắc đầu, như chột đảm vào một ý nghĩ riêng tư; ông khẽ tặc tặc lưỡi, rồi khẽ thở dài. Ý nghĩ đó của ông, có lẽ bạn đọc được trên lông mày ông, Người đọc ạ. Đã nhiều năm nay Cavedagna theo dõi những cuốn sách trong quá trình chúng được làm ra, từng tí từng tí một, ngày ngày ông thấy những cuốn sách ra đời rồi chết, thế mà sách đích thực đối với ông vẫn là những cuốn sách khác, những cuốn thuộc cái thời mà với ông chúng giống như thông điệp đến từ những thế giới khác. Với các tác gia cũng vậy: ngày nào ông cũng có chuyện cần gặp họ, ông biết những ám ảnh, bất quyết, những nhạy cảm dễ tổn thương, thói tự coi mình là rốn vũ trụ ở họ, thế nhưng tác gia đích thực vẫn là những kẻ với ông chỉ là cái tên trên bìa sách, cái từ vốn là một phần của một nhan đề, những tác gia có cùng một thực tại giống như nhân vật của họ và như những nơi chốn được nhắc tới trong sách, những kẻ hiện hữu đồng thời không hiện hữu, giống như các nhân vật và đất nước kia. Tác gia là một điểm vô hình nơi cuốn sách xuất phát, một khoảng trống nơi những bóng ma chu du qua, một đường hầm dưới lòng đất khiến cho những thế giới khác tương giao với cái chuồng gà thời thơ ấu của ông...

Có người gọi ông. Ông lưỡng lự một thoáng, chẳng biết nên lấy mấy bản photo đi hay là để lại cho bạn. “Xin ông lưu ý, tài liệu này quan trọng lắm; nó không được ra khỏi văn phòng này; đây là bằng chứng tội phạm, *corpus delicti*, có thể sẽ có phiên tòa xử tội đạo văn. Nếu muốn nghiên cứu kỹ, ông cứ ngồi nơi bàn này, và hãy nhớ trả lại tôi, cho dù tôi có quên, nó mà thất lạc là đại họa đó...”

Bạn có thể bảo ông ta rằng không sao cả, đây không phải cuốn tiểu thuyết bạn đang tìm, nhưng một phần là bởi bạn có phần thích đoạn mở đầu của nó, phần khác là bởi ông Cavedagna, càng lúc càng lo âu bối rối, đã bị

cơ xoáy lốc của hoạt động biên tập hằng ngày cuốn phăng đi, nên bạn chẳng còn gì làm ngoài khởi sự đọc *Nhìn xuống bóng tối đang dần dày đặc*.

Nhìn xuống bóng tối đang dần dày đặc

Giá như kéo khóa lên mà che kín được miệng cái túi nhựa thì còn gì bằng: nó chỉ chồm bèn tới cổ Jojo, đầu lão thò ra. Có một cách khác là nhét lão vào túi theo kiểu đầu đi trước, nhưng thế cũng không xong vì đến lượt chân lão thò ra. Gập hai đầu gối lão lại thì chắc là được, nhưng dù tôi đã cố giúp lão bằng dăm cú đá, cặp chân lão, giờ đã cứng đờ, vẫn cứ cưỡng lại, thế là rốt cuộc khi tôi cũng làm được thì cả cặp chân và cái túi cùng gập lại như nhau: mang được lão đi đã khó lại càng khó hơn, và cái đầu vẫn thò ra còn tệ hơn cả lúc đầu.

“Tới bao giờ tôi mới xoay sở tống khứ được lão đi đây hả Jojo?” tôi nói với lão, và mỗi lần vắn lão tôi lại thấy cái mặt ngu đần của lão trước mặt tôi, cái bộ ria sát gái, tóc bôi nhầy sáp bết vào nhau thành tảng, nút thắt cà vạt thò ra khỏi túi như thò ra khỏi áo len, ý tôi là cái áo len từ những năm tháng lão còn chạy theo một. Có lẽ hồi ấy Jojo bám theo một khi hơi muộn, vào cái lúc nó không còn là một, nhưng do từ trẻ đã ghen tị với những nhân vật ăn mặc như thế, có đầu tóc như thế, từ keo vuốt tóc cho chí đôi giày đen nhánh bằng da sơn dưới hõm đế có lót nhung, cho nên lão đã đồng nhất cái vẻ ngoài đó với vận may, và khi đạt được thế rồi thì lão lại quá mê mải với thành công của mình nên chẳng còn hơi đâu nhìn quanh để nhận ra rằng những người đàn ông mà lão muốn mình trông giống nay đã có ngoại hình hoàn toàn khác.

Keo vuốt tóc bám thật chắc; dù tôi đã đè lên sọ lão để ấn lão xuống vào trong túi, chòm tóc lão vẫn giữ dạng hình cầu và chỉ tẽ ra thành những dải răn chắc chĩa lên như hình cánh cung. Nút cà vạt của lão hơi xộc xệch; một cách bản năng tôi bắt đầu nắn nó lại cho thẳng, như thế một cái xác đeo cà vạt xộc xệch có thể thu hút nhiều chú ý hơn là một cái xác chùn chu ngay ngắn.

“Anh cần một cái túi khác để trùm lên đầu lão ấy,” Bernadette nói, và một lần nữa tôi phải thừa nhận rằng trí thông minh của cô gái trội hơn nhiều

so với ta hình dung nếu chỉ xét vị thế xã hội của nàng.

Phiền một nỗi chúng tôi không tìm đâu ra thêm một túi nhựa loại to nữa. Chỉ có mỗi một cái, lấy từ thùng rác, một cái túi nhỏ màu cam dùng để giấu cái đầu lão thì rất tốt nhưng lại không thể dùng để giấu cái sự thực rằng đây là một xác người giấu trong một cái túi, cái đầu thì giấu trong một túi nhỏ hơn.

Nhưng tình hình cứ thế này thì chúng tôi không thể nán lại trong căn hầm này lâu thêm nữa, chúng tôi phải tống khứ được Jojo trước khi trời sáng, chúng tôi đã lôi lão đi loanh quanh suốt một hai tiếng đồng hồ như thế lão còn sống, một hành khách thứ ba trong chiếc xe mui trần của chúng tôi, và chúng tôi đã khiến quá nhiều người chú ý rồi. Chẳng hạn, hai tay cảnh sát cưỡi xe đạp lảng lạng trở tới rồi dừng lại nhìn chúng tôi giữa khi chúng tôi sắp sửa đẩy lão xuống sông (cầu Bercy mới một thoáng trước đó hãy còn vắng ngắt), và lập tức Bernadette cùng tôi bắt đầu vỗ vỗ vào lưng lão, Jojo xụi lơ ra đó, đầu và hai tay lão vắt qua thành lan can đu đưa đưa, và tôi la, “Nào, nôn ra hết đi, *mon vieux*, rồi sẽ nhẹ đầu hơn!” Và rồi, cả hai chúng tôi đỡ lão, hai tay lão vòng qua cổ chúng tôi, chúng tôi mang lão về xe. Ngay lúc đó chỗ hơi vẫn thường tích tụ trong bụng cái xác chết được tống ra âm ỉ; hai tay cảnh sát phá ra cười. Tôi chợt nghĩ Jojo khi đã chết có một tính cách khác hẳn với Jojo khi còn sống với cái phong thái kiểu cách của lão; và giá như còn sống lão sẽ không rộng lượng đến thế, kịp thời cứu giúp cho hai người bạn đang có nguy cơ lên đoạn đầu đài vì đã ám sát lão.

Thế rồi chúng tôi bắt đầu tìm túi nhựa với can xăng, và giờ chúng tôi chỉ còn mỗi việc tìm cho ra chỗ. Chừng như chẳng thể nào có chuyện này được, ở một thành phố lớn như Paris, thế nhưng ta vẫn có thể mất hàng giờ liền mới tìm ra đúng chỗ mình có thể đốt một cái xác. “Chẳng phải có một khu rừng ở Fontainebleau à?” khi khởi động xe tôi nói với Bernadette, lúc nàng lại ngồi vào cạnh tôi. “Chỉ đường cho anh đi; em biết đường mà.” Và tôi nghĩ có lẽ khi mặt trời đã làm bầu trời nhuộm bạc thì chúng tôi đã trên đường quay về thành phố giữa hàng xe tải chở rau, và trong một khoảng đất quang giữa những cây trần sẽ chẳng còn sót lại gì của Jojo ngoại trừ mớ tro

tàn cháy sém thối hoảng, và cả quá khứ của tôi cũng vậy. Và cũng vậy, tôi nói, hẳn đây đúng là lúc tôi có thể tự thuyết phục mình rằng tất cả những quá khứ của tôi đều bị đốt rụi và lãng quên, như thể chúng chưa bao giờ tồn tại.

Đã bao lần tôi nhận ra rằng quá khứ của tôi bắt đầu đè nặng lên tôi, rằng có quá nhiều người cho rằng tôi mắc nợ họ, về mặt vật chất và về mặt đạo lý – chẳng hạn, ở Macao, cha mẹ của mấy đứa con gái chỗ “Ngọc Viên” (tôi nhắc tới họ là vì không có gì tệ hại hơn những thứ liên quan tới người Trung Hoa một khi đã tới cái nước không còn cách nào dứt bỏ họ được) thế mà khi thuê mấy đứa con gái ấy tôi đã lập một giao kèo thẳng thừng không úp mở, với chúng và với gia đình chúng, và tôi trả tiền mặt hẳn hoi, sao cho không phải thấy họ thường xuyên chường mặt ra, những ông bố bà mẹ gầy gơ xương mang tất trắng xách giỏ đan bằng tre tanh rình mùi cá, với cái vẻ lơ ngơ tuồng như họ mới ở quê lên, trong khi tất cả bọn họ đều sinh sống ở khu cảng. Như tôi đang nói, bao nhiêu lần, khi quá khứ đè quá nặng lên tôi, tôi đã khát khao hy vọng có thể dứt một lần là dứt: thay đổi việc làm, vợ, gia đình, thành phố, lục địa – hết lục địa này tới lục địa khác, cho tới khi hoàn thành trọn một vòng tròn thói quen, bạn bè, cơ nghiệp, khách hàng. Ấy là sai lầm, nhưng khi tôi nhận ra thì đã quá muộn.

Bởi vì bằng cách này tôi chỉ làm có mỗi một việc là chồng chất hết quá khứ này tới quá khứ nọ sau lưng tôi, nhân bội các quá khứ lên, và nếu có một cuộc đời nào quá đậm đặc quá rẽ nhánh và rối rắm đến nỗi không phải bao giờ tôi cũng mang bên mình được, thì tôi tưởng tượng ra thật nhiều cuộc đời, mỗi cuộc đời có quá khứ riêng của nó và quá khứ của những cuộc đời khác mà rồi cứ tiếp tục xoắn bện vào những quá khứ của những cuộc đời khác nữa. Thật quá hay là lần nào tôi cũng nói được câu này: Nhẹ nhõm làm sao, mình sẽ quay ngược công tơ mét về lại số không, mình sẽ xóa sạch bảng đen. Buổi sáng sau hôm tôi đến một đất nước mới, con số không này đã thành một con số với quá nhiều số không nối theo sau đến nỗi công tơ mét đâm ra quá nhỏ, con số đầy tràn cả bảng đen từ bên nọ sang bên kia, những người, những chốn, những ưa, những không ưa, những bước lầm bước lờ. Như cái đêm chúng tôi tìm một nơi đâu ra đấy để mà thiêu xác

Jojo, đèn pha của chúng tôi sục sạo giữa các thân cây tảng đá, và rồi Bernadette trở lên bảng điều khiển, “Xem kìa. Đừng có bảo em là mình sắp hết xăng đấy nhé.” Nàng nói đúng. Bởi có quá nhiều điều phải bận tâm, tôi đã quên không đổ xăng cho đầy, thế là giờ đây chúng tôi lâm vào tình cảnh mắc kẹt giữa nơi xa xôi hoang vắng, xe chết máy, vào cái lúc mọi trạm xăng đều đóng cửa. May sao, chúng tôi chưa phóng hỏa Jojo: nếu xe chúng tôi khựng lại chỉ cách nơi hỏa thiêu không xa, chúng tôi sẽ không thể chạy tháo thân, bỏ lại chiếc xe mà người ta có thể xác định là xe tôi. Nói cách khác, cách duy nhất của chúng tôi là trút vào bình xăng cái can xăng đã định dùng để tắm ướt bộ com lê xanh dương, cái áo sơ mi lụa một màu của Jojo, rồi thì hộc tốc quay về thành phố càng sớm càng tốt, vừa đi vừa cố nặn ra một phương kế khác hòng tống khứ lão.

Thật quá hay là tôi có thể nói rằng mỗi lần lâm vào thế khó khăn tôi đều luôn luôn tự giải thoát cho mình được, thoát khỏi mọi tình huống may mắn cũng như mọi nguy nan. Quá khứ giống như một con sán xơ mít, cứ lớn lên không ngừng, tôi mang nó ở thế cuộn tròn bên trong tôi, và nó chẳng bao giờ mất đi các vòng của nó cho dù tôi có ráng sức đến mấy hòng trút cho rỗng ruột ở mỗi nhà vệ sinh, dù kiểu Anh hay kiểu Thổ, hay trong mấy thùng vệ sinh của nhà tù hay mấy cái xô của bệnh viện hay nhà xí của doanh trại, hay đơn giản là trong bụi rậm, nhưng trước hết là nhìn cho kỹ để chắc chắn là đừng có con rắn nào phóng ra như cái lần nọ ở Venezuela. Ta chẳng thể đổi quá khứ được hơn bao lăm so với đổi tên; dù cho tôi có bao nhiêu hộ chiếu đi chẳng nữa, với những cái tên mà tôi thậm chí còn không nhớ, ai người ta cũng luôn gọi tôi là Ruedi Người Thụy Sĩ. Dù tôi có đi đâu và có tự giới thiệu thế nào, luôn luôn có ai đó biết tôi là ai và tôi đã làm gì, dấu cho ngoại hình tôi đã thay đổi nhiều qua năm tháng, nhất là từ khi đầu tôi trở nên trụi tóc và vàng ruộm như trái bưởi, chuyện xảy ra từ hồi trận dịch thương hàn trên chiếc *Stjärna*, bởi do chỗ hàng hóa chúng tôi chuyên chở nên chúng tôi không thể đến gần bờ hay thậm chí đánh điện cầu cứu.

Dù sao thì, kết luận mà mọi câu chuyện đều dẫn tới là cuộc sống mà một con người đã sống là một và chỉ một, đơn dạng và nén chặt như một

tấm chăn co rút lại mà ta không còn phân biệt nổi thớ sợi này với thớ sợi kia nữa. Thế cho nên nếu ngẫu nhiên tôi nhấn mũi vào một chi tiết thường tình của một ngày như mọi ngày, một người Sinhala đến chơi và gạ bán cho tôi một lứa cá sấu con đựng trong cái ống bằng kẽm, tôi có thể tin chắc rằng ngay trong tình tiết con con, vật vãnh này cũng ẩn chứa tất cả những gì tôi đã trải qua, toàn bộ quá khứ, nhiều nhiều quá khứ tôi đã ra sức bỏ lại sau lưng mà không được, những cuộc đời mà rốt cuộc đã được hàn gắn lại thành một cuộc đời tổng thể, cuộc đời tôi, vốn đang tiếp diễn ngay cả ở nơi này, nơi mà tôi đã quyết định mình không được bỏ để đi đâu nữa, căn nhà nhỏ này với khoảnh sân trong ở ngoại ô Paris nơi tôi đã lắp đặt cái bể cá nhiệt đới của tôi, một công việc thầm lặng; một cách mạnh mẽ hơn bất cứ việc nào khác nó buộc tôi phải sống một đời ổn định, bởi ta không thể lơ là mặc kệ lũ cá dù chỉ một ngày, còn về phần đàn bà, ở tuổi tôi người ta đã có được cái quyền không ham chuyện dính vào những phiền phức mới.

Bernadette là chuyện khác. Với nàng ta tôi có thể nói mình đã hành động chẳng mắc một sai lầm nào: ngay khi biết được Jojo đã trở lại Paris và đang theo dấu tôi, tôi đã chẳng chút chần chừ lên đường lần theo dấu lão, thế là tôi phát hiện ra Bernadette, và tôi đã kéo được nàng về phe với tôi, và chúng tôi cùng bàn tính việc này, lão thì chẳng nghi ngờ gì hết. Khi thời cơ đến tôi kéo rèm sang một bên và cái đầu tiên tôi thấy ở lão – sau bao nhiêu năm hai chúng tôi không thấy lại nhau – là chuyển động kiểu như pit tông của con giống to đùng lông lá của lão giữa đôi chân trắng muốt của nàng; rồi thì mái tóc chải thẳng thơm phía sau đầu lão đặt trên gối, cạnh mặt nàng, hơi xanh xao một chút, đang chuyển dịch chín mươi độ để tôi có thể thoải mái nhắm bắn. Mọi việc xảy ra cực nhanh, cực gọn, chẳng cho lão có thì giờ ngoái lại mà nhận ra tôi, để biết ai đã tới đặng phá hỏng cuộc vui của lão, thậm chí còn không có thì giờ để nhận ra mình đang băng qua ranh giới giữa địa ngục của người sống và địa ngục của người chết.

Thế này thì tốt hơn, khi tôi chỉ phải nhìn thẳng vào mặt lão khi lão đã chết. “Cuộc chơi xong rồi, lão khốn ạ,” tôi không thể không nói với lão, bằng một giọng hầu như thân ái, trong khi Bernadette mặc quần áo chỉnh tề

cho lão, mang cho lão cả đôi giày bằng da-thuộc-và-nhung-được-cấp-bằng-sáng-chế, vì chúng tôi phải mang lão ra ngoài vờ như lão say quá không đứng vững được nữa. Và tôi bỗng dừng nghĩ tới lần đầu hai chúng tôi gặp nhau từ bao nhiêu năm trước ở Chicago, ở phía sau cửa hàng của mục Mikonikos đây những tượng bán thân Socrates, khi tôi nhận ra rằng mình đã dốc hết tiền bảo hiểm có được nhờ đám cháy giả kia vào mấy cái máy bán hàng tự động gì sét của lão và rằng lão cùng với mục già bại liệt cuồng dâm kia có thể khiến tôi làm gì cũng được. Hôm trước đó, khi tìm những đụn cát nơi cái hồ đóng băng, tôi đã nếm trải niềm tự do mà đã nhiều năm tôi không biết tới, thế mà trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ không gian quanh tôi đã lại khép kín, và mọi chuyện đang được định đoạt trong một dãy nhà hôi thối giữa khu của người Hy Lạp với khu của dân Ba Lan. Những bước ngoặt kiểu này đời tôi đã biết đến nhiều, theo hướng này hay hướng khác, nhưng sau đó tôi chẳng bao giờ thôi cố tìm cách tính sòng phẳng với lão, và từ đó danh mục những mất mát của tôi cứ dài ra mãi. Ngay cả bây giờ khi mùi của cái xác bắt đầu bốc lên xuyên qua thứ nước hoa rẻ tiền của lão, tôi nhận ra rằng cuộc chơi với lão chưa kết thúc, rằng Jojo chết đi vẫn có thể lại làm tôi khốn khổ khốn nạn như lão đã làm tôi khốn khổ khốn nạn quá nhiều khi còn sống.

Tôi đang tạo ra quá nhiều câu chuyện cùng một lúc là bởi tôi muốn quý vị cảm nhận được, xung quanh câu chuyện, một sự bão hòa của những câu chuyện khác mà tôi có thể kể và có thể sẽ kể hoặc ai mà biết được có khi tôi đã kể vào một dịp nào khác, một không gian đầy những câu chuyện mà có lẽ chẳng qua là cuộc đời tôi, ở đó quý vị có thể đi tới đi lui theo mọi hướng, như trong không gian, luôn luôn tìm thấy những câu chuyện không thể kể chừng nào những câu chuyện khác còn chưa được kể trước, và như thế, xuất phát từ bất cứ thời điểm hoặc nơi chốn nào, quý vị luôn luôn gặp cùng một mật độ chất liệu cần được kể. Thật ra, khi nhìn từ xa tất cả những gì tôi đang bỏ ra ngoài câu chuyện chính, tôi thấy cái gì đó như một khu rừng trải ra theo mọi hướng và dày đặc đến nỗi không cho phép ánh sáng xuyên qua: nói cách khác, là một chất liệu phong phú hơn nhiều so với những gì tôi đã chọn đưa lên tiền cảnh lần này, cho nên không phải là không thể có chuyện người

nào đang theo dõi chuyện của tôi có thể thấy mình bị lừa bịp một chút, khi thấy rằng dòng chảy bị phân tán vào quá nhiều dòng nhỏ, và rằng từ các sự kiện trọng yếu chỉ có những tiếng vang và tiếng dội cuối cùng là đến được với anh ta; nhưng không phải không thể có chuyện đây chính là cái hiệu quả tôi nhắm tới khi bắt đầu kể, hay có thể nói đó là một thủ pháp của nghệ thuật kể chuyện mà tôi đang thử dùng, một quy tắc thận trọng bao gồm việc duy trì vị trí của tôi ở thấp hơn một chút so với các khả thể tự sự mà tôi có thể dùng.

Điều này, nếu xét kỹ hơn, là dấu hiệu của sự giàu có đích thực, vững chắc và bao la, theo nghĩa là, giả dụ như tôi chỉ có một câu chuyện để kể, thì tôi sẽ kể dông dài hoài mãi câu chuyện đó và rốt cuộc sẽ làm hỏng hết nó trong niềm khao khát muốn phô bày nó dưới giá trị đích thực, thế nhưng thực tế là tôi có hẳn một nguồn cung cấp hầu như vô tận những chất liệu có thể kể, nên tôi có thể xử lý nó một cách điềm nhiên và không vội vã, thậm chí còn cho phép một sự bực bõ nào đấy có thể lộ ra và tự ban cho mình sự xa xỉ của việc rề rà nấn ná ở những phân đoạn phụ và chi tiết không quan trọng.

Mỗi lần cánh cổng nhỏ kê cọt kẹt – tôi đang ở trong cái lán với mấy thùng ở cuối vườn – tôi lại tự hỏi con người này đang bước ra từ quá khứ nào của tôi đang tìm tôi ngay cả ở đây: có thể đó chỉ là quá khứ của ngày hôm qua và của cùng khu vực này, gã nhân viên gom rác người Ả rập lùn tịt cứ vào tháng Mười hằng năm lại đi xin tiền thưởng hết nhà này sang nhà khác, tay cầm thiệp Chúc Mừng Năm Mới, bởi vì gã nói đồng nghiệp của gã giữ hết tiền bo của tháng Mười hai về phần mình còn gã chẳng bao giờ được hưởng một xu; nhưng đấy cũng có thể là những quá khứ xa xôi hơn hằng đeo đuổi gã Ruedi cũ và lòng tìm cái cổng nhỏ ở Impasse: bọn buôn lậu ở Valais, đám lính đánh thuê từ Katanga tới, mấy tay hồ li của sông bạc Varadero từ thời Fulgencio Batista.

Bernadette chẳng liên quan gì tới bất kỳ quá khứ nào của tôi; nàng chả biết gì về cái chuyện cũ giữa Jojo với tôi đã buộc tôi trừ khử lão như thế, có lẽ nàng tin rằng tôi làm thế là vì nàng, vì nàng có kể với tôi lão đã buộc nàng

phải chịu kiếp sống ra sao. Và vì tiền, lẽ đương nhiên, tiền ấy chả phải ít, cho dù tôi vẫn chưa thể nói mình đang cảm thấy được nó trong túi mình. Chính quyền lợi chung của hai chúng tôi gắn kết chúng tôi lại với nhau: Bernadette là một cô gái hiểu được tình thế ngay lập tức; trong tình trạng rối bời này, hoặc chúng tôi thoát ra được cùng nhau hoặc cả hai chúng tôi cùng tới số. Song nhất định là Bernadette còn có ý nghĩ khác trong đầu nữa: một cô gái như nàng, nếu muốn xoay trở được ở đời này, nàng phải cậy vào ai đó biết rõ đường đi nước bước của mình; nàng đã nhờ tôi loại bỏ Jojo cho nàng là vì nàng muốn đặt tôi vào vị trí của lão. Những chuyện thuộc loại này có quá nhiều trong quá khứ của tôi, và không một chuyện nào trong số ấy có thể gọi là có lãi cho tôi; chính vì vậy tôi đã rút lui không làm ăn nữa và không muốn quay lại nữa.

Thành thử, khi chúng tôi sắp sửa bắt đầu chuyện lang thang lúc đêm hôm, có Jojo ăn vận bánh chọe ngồi ngay ngắn ở băng sau chiếc ô tô, nàng thì ngồi cạnh tôi nơi ghế trước, buộc phải dang thẳng một cánh tay ra đằng sau đặng giữ cho lão ngồi yên, còn tôi thì sắp sửa khởi động xe, đột nhiên nàng vung chân trái ngang qua cần gạt số mà đặt lên trên chân phải tôi. “Bernadette!” tôi la lên. “Em làm cái gì vậy?” Và nàng giải thích với tôi rằng khi tôi đột nhập vào phòng tôi đã khiến nàng bị ngưng ngang đúng vào thời điểm không ai có thể bắt nàng ngưng ngang được; không cần biết là với ai trong hai người, tôi hay lão ta, nàng cần phải tiếp tục ở ngay điểm đó và cứ giữ thế cho đến cuối. Trong khi đó thì một tay nàng giữ gã đàn ông chết còn tay kia nàng mở cúc áo cúc quần tôi, cả ba chúng tôi nôm chạt trong chiếc xe bé tí, giữa một bãi đỗ xe công cộng ở Faubourg Saint-Antoine. Luồn lách hai chân bằng những chuyển động uốn éo – thật hài hòa, tôi phải nói vậy – nàng cười lên hai đầu gối tôi và gần như làm tôi ngạt thở trong bộ ngực nàng như trong một cơn đất lở. Giữa lúc đó Jojo đổ ụp lên trên chúng tôi, nhưng nàng cẩn thận đẩy lão sang bên, mặt nàng chỉ cách mặt người chết khoảng mười phân, cái bộ mặt nhìn nàng bằng tròng trắng của cặp mắt mở trừng trừng, về phần tôi, bị sửng sốt đến thế này, các phản ứng vật lý của tôi tự chúng diễn ra, hiển nhiên là muốn tuân theo nàng hơn là theo cái thần trí đang khiếp đảm của tôi, thậm chí tôi còn không cần phải cử động, bởi

nàng đã nghĩ tới mọi thứ – ừ thì, tôi nhận ra lúc ấy rằng việc chúng tôi đang làm là một nghi lễ được nàng gán cho một ý nghĩa đặc biệt, ở đó ngay trước mắt người chết, và tôi cảm thấy vòng ôm mềm mại, rất bền bỉ cứ khép chặt dần và tôi không thoát khỏi nàng được.

“Em nhầm rồi cô em ơi,” tôi những muốn nói với nàng. “Gã đàn ông chết kia chết vì chuyện khác, chứ không phải chuyện của em, một câu chuyện còn chưa kết thúc.” Tôi những muốn nói với nàng là có một người đàn bà khác giữa tôi và Jojo, trong câu chuyện còn chưa kết thúc ấy, và nếu tôi cứ nhảy từ chuyện này sang chuyện khác thì đó là vì tôi cứ đi vòng vòng quanh câu chuyện ấy rồi vượt thoát, như thế ấy là ngày đầu tiên tôi vượt thoát, đúng giây phút tôi biết được rằng cô ta và Jojo đã hợp lực với nhau để hại tôi. Đó là một chuyện không sớm thì muộn tôi cũng sẽ kể tới, nhưng chỉ là giữa tất cả các chuyện khác, không cho chuyện nào là quan trọng hơn chuyện nào, không để vào nó một niềm say mê đặc biệt nào ngoài niềm vui được thuật lại và nhớ lại, bởi vì ngay cả chuyện nhớ lại điều ác cũng có thể là một vui thú khi mà cái ác được hòa quyện chắc không phải với cái thiện mà là với cái đa tạp, cái phù du, cái luôn thay đổi, nói cách khác là với những gì tôi cũng có thể gọi là cái thiện, vốn dĩ là niềm vui nhìn thấy sự vật hay sự việc từ xa và thuật lại chúng như những gì đã thuộc về quá khứ.

“Mình mà thoát khỏi cái đận này rồi thì kể lại cũng hay lắm đây,” tôi nói với Bernadette, trong khi hai chúng tôi vào thang máy khuân theo cái túi nhựa đựng Jojo. Kế hoạch của chúng tôi là thả lão từ sân thượng tầng trên cùng xuống một khoảnh sân rất nhỏ, nơi mà sáng hôm sau ai tìm thấy lão cũng sẽ nghĩ rằng lão tự sát nếu không thì sẩy chân ngã giữa lúc toan ăn trộm. Thế nhờ có ai vào buồng thang máy ở một trong mấy tầng kia mà thấy hai chúng tôi mang cái túi thì sao? Thì tôi sẽ nói là người ta gọi thang lên mấy tầng trên ngay giữa lúc chúng tôi đang đi đổ rác. Trên thực tế thì chẳng mấy chốc trời sẽ rạng.

“Anh có thể dự trù trước mọi tình huống xảy ra,” Bernadette nói. Mà tôi có thể xoay xử cách nào khác được chứ, tôi muốn nói với nàng thế, một khi tôi đã phải trông chừng băng đảng của Jojo quá nhiều năm, khi lão có

người của lão ở tất tậ các thành phố nằm giữa những tuyến vận chuyển chính trên thế giới? Nhưng tôi hẳn phải giải thích với nàng toàn bộ hậu trường vụ Jojo với người đàn bà đó, kể chẳng bao giờ chịu thôi đòi tôi phải bắt lão trả lại những gì mà họ nói họ đã mất do lỗi của tôi, đòi tôi lại phải tròng vào cổ mình cái sợi xiềng hãm dọa tống tiền vẫn đang buộc tôi dành cả đêm tìm nơi yên nghỉ cho một ông bạn già nằm trong túi nhựa.

Với gã Sinhala cũng vậy, tôi nghĩ gã đến chơi là có chuyện gì đây. “Tôi không mua bán cá sấu, anh bạn à,” tôi bảo gã. “Thử tới vườn thú xem, tôi buôn những thứ khác, tôi cung cấp cho các hiệu dưới phố, bể cá tư nhân trong căn hộ của người ta, cá quý, nhiều nhất là rùa. Thỉnh thoảng người ta yêu cầu *iguana* nhưng giống ấy tôi không có hàng. Cảnh vẻ quá.”

Thằng nhóc – chắc hẳn gã mới mười tám – đứng im; bộ ria mép và lông mày của gã trông như mấy cái lông chim đen thui trên cặp má màu cam.

“Ai cử anh tới? Cho tôi thỏa óc tò mò đi,” tôi hỏi gã, bởi vì hễ có gì dính tới Nam Á là tôi luôn luôn đa nghi, mà sở dĩ tôi như thế là có lý do chính đáng.

“*Mademoiselle Sibylle*,” gã nói.

“Con gái tôi thì có liên quan gì tới cá sấu?” tôi kêu lên. Ừ thì đúng là nó đã sống một mình ít lâu nay, nhưng mỗi lần nghe tin về nó tôi đều đâm bứt rứt không yên. Tôi không biết tại sao, ý nghĩ về con cái luôn khơi dậy trong tôi cái gì đấy như là sám hối.

Và thế là tôi biết được rằng tại một *boîte* ở Place Clichy, Sibylle diễn một màn với mấy con cá sấu; ban đầu cái tin ấy gây cho tôi ấn tượng khó chịu đến nỗi tôi không hỏi thêm chi tiết. Tôi vẫn biết nó đang làm việc ở mấy hộp đêm, nhưng cái ý nghĩ nó phơi mình ra trước bàn dân thiên hạ cùng với một con cá sấu đối với tôi dường như là điều mà một người cha không bao giờ có thể mong cho tương lai của đứa con gái độc nhất; ít nhất là với một người như tôi, vốn được giáo dục theo truyền thống Tin lành.

“Tên là gì, cái hộp đêm ấy?” tôi nói, giậm đùng đùng. “Tôi muốn tới để tận mắt thấy.”

Gã đưa tôi một tờ quảng cáo nhỏ bằng bìa các tông, và tôi lập tức cảm thấy mồ hôi lạnh chảy dọc sống lưng, bởi cái tên đó, Titania Mới, nom quen thuộc với tôi, quá đỗi quen, thậm chí dù đó là ký ức từ một phần khác của trái đất.

“Ai điều hành?” tôi hỏi. “Ừ, tay quản lý, ông chủ ấy!”

“À, Madame Tatarescu, ý ông...” Và gã lại nhắc cái ống kềm lên, để mang lũ cá sấu đi.

Tôi đang nhìn chăm chăm vào mớ rối nùi những cái vảy xanh lục, móng, đuôi, mồm há hoác đó, và như thế tôi bị ai lấy dùi cui nện vào sọ, tai tôi chẳng truyền lại gì khác ngoài một tiếng ong ong riết ròng, một tiếng gầm, tiếng kèn trôm pét từ xa, ngay khi tôi nghe thấy cái tên của người đàn bà đó, kẻ từng gây ảnh hưởng tàn hại lên Sibylle nhưng rồi tôi đã tách được nó ra, che giấu tung tích của hai cha con qua hai đại dương, xây dựng cho con bé và tôi một cuộc sống yên bình, lạng lẽ. Tất cả công cốc. Vlada đã tóm được con gái ả, và thông qua Sibylle một lần nữa ả lại thao túng được tôi, với cái khả năng chỉ mình ả có là khơi dậy trong tôi nỗi căm ghét dữ dội nhất và sự lôi cuốn tằm tối nhất. ả gửi cho tôi đây một thông điệp trong đó tôi có thể nhận ra ả, lũ bò sát nhọn nhọn này, để nhắc tôi rằng cái ác là thành tố cốt tủy duy nhất đối với ả, rằng thế giới này là một cái hố đầy cá sấu mà tôi không thể thoát ra.

Cũng bằng cách đó, cúi mình từ trên sân thượng, tôi nhìn xuống đáy khoảnh sân loang lổ như bị hủy. Trời đang sáng dần nhưng dưới kia bóng tối vẫn còn dày, tôi chỉ thấy được lờ mờ cái vết ố hình dạng không đều mà Jojo đã trở thành sau khi lao vụt qua khoảng không, hai ve áo khoác dang rộng như đôi cánh và sau khi đập vỡ tất tạt xương mình với tiếng bùm nghe như tiếng súng.

Cái túi nhựa vẫn còn trong tay tôi. Lẽ ra chúng tôi có thể để nó lại đó, nhưng Bernadette e rằng nếu người ta tìm ra, họ sẽ có thể phục dựng lại mọi

chuyện, thành thử cách tốt nhất là đem đi phi tang.

Xuống tới tầng trệt, khi chúng tôi mở cửa buồng thang, có ba người đàn ông tay đút túi quần.

“Chào, Bernadette.”

Thì nàng nói, “Chào.”

Tôi không ưa chuyện nàng có quen biết họ, nhất là vì cách họ ăn mặc, tuy rằng hợp thời hơn nhiều so với Jojo, nó để lộ ra, dưới mắt tôi, một sự giống nhau nào đó có tính gia đình.

“Các vị mang gì trong túi kia? Cho xem đi,” người to con nhất trong cả ba nói.

“Cứ tự xem lấy. Rỗng mà,” tôi nói, bình thản.

Hắn thọc một tay vào trong túi. “Thế cái gì đây?” Hắn lôi ra một chiếc giày đen bằng da sơn, hôm để giày có lót nhung.

[6]

Các trang photo dừng lại ở chỗ này, nhưng đối với bạn điều duy nhất quan trọng giờ đây là tiếp tục đọc. Ở đâu đó phải có bản trọn vẹn; bạn nhìn quanh, dỗi mắt tìm, nhưng rồi ngã lòng ngay: ở cái văn phòng này sách được coi là nguyên liệu thô, là linh kiện thay thế, những thiết bị cần tháo dỡ rồi lắp lại. Giờ thì bạn hiểu vì sao Ludmilla từ chối đi cùng bạn; bạn kính sợ rằng mình cũng đã bước sang “phía bên kia ranh giới” và đã đánh mất mối quan hệ có tính đặc quyền đối với sách mà chỉ người đọc mới có được: cái khả năng coi những gì được viết ra như một cái gì đã hoàn tất và chung quyết, không thể thêm gì vào mà cũng không bớt được gì ra. Nhưng bạn được an ủi nhờ niềm tin Cavedagna vẫn tiếp tục ấp ủ niềm tin vào khả năng đọc hồn nhiên, ngay cả ở đây.

Giờ thì người biên tập viên già lại nhô ra từ chỗ vách ngăn bằng kính. Túm tay áo ông ta đi, bảo ông ta là bạn muốn đọc phần còn lại của *Nhìn xuống bóng tối đang dần dày đặc*.

“Ái chà, có trời biết nó biến đi đâu mất rồi... Tất cả giấy tờ trong vụ Marana biến sạch rồi còn đâu. Bản đánh máy của hãn ta, bản thảo viết tay, bằng tiếng Cimbria, tiếng Ba Lan, tiếng Pháp. Hãn mất tăm, mọi thứ mất tăm, trong vòng một đêm.”

“Rồi ông không nhận được tin gì từ anh ta nữa?”

“Không, hãn có viết thư... Chúng tôi nhận được nhiều thư... Những câu chuyện chẳng ra trên trời cũng chẳng ra dưới đất... Tôi chả kể lại cho anh đâu, vì tôi chẳng biết bắt đầu từ đâu cả. Muốn làm thế tôi sẽ mất hàng tiếng để đọc cho hết toàn bộ đồng thư từ qua lại...”

“Tôi xem qua được không?”

Nhận thấy bạn quyết tâm đi đến tận cùng, Cavedagna đồng ý bảo người ta mang tới cho bạn “Hồ sơ Hermes Marana” lấy trong văn khố lưu trữ.

“Anh có chút thời gian rảnh không? Tốt. Ngồi đây đọc. Xong thì cho tôi biết anh nghĩ gì. Ai mà biết. Có khi anh đọc ra được cái gì đó cũng nên.”

Mỗi khi viết cho Cavedagna, Marana luôn luôn có vài lý do thực tế: để biện bạch cho sự lãn lữa không giao bản dịch, để thúc ép trả tiền tạm ứng, để mách nước những ấn bản mới của nước ngoài mà nhà xuất bản không nên để vượt khỏi tay mình. Song giữa những chủ đề trao đổi công việc thường tình đó xuất hiện những lời bóng gió về những âm mưu, những điều bí ẩn, và để giải thích các ám chỉ đó, hay để giải thích vì sao anh ta không muốn nói nhiều hơn, Marana rốt cuộc lại đâm ra dùng kiểu ăn nói trơn tru liền thoảng càng ngày càng rõ dạn và lộn xộn.

Các bức thư đề địa chỉ nhiều nơi trên khắp năm châu, mặc dù xem ra hầu như chẳng có khi nào được gửi bằng bưu điện thường, mà thường được giao phó cho những người đưa thư ngẫu nhiên để họ bỏ thùng thư ở nơi khác, thành thử tem dán trên phong bì không tương ứng với quốc gia nơi thư được viết ra. Trình tự thời gian cũng chẳng rõ: có những bức thư nhắc lại những thư trước đó, thế nhưng các thư này hóa ra lại được viết sau; có những thư hứa hẹn sẽ đưa ra lời giải thích sau, nhưng rồi các giải thích này lại nằm trong những trang thư viết một tuần trước.

“Cerro Negro”, cái tên – có vẻ như là – của một làng xa xôi ở Nam Mỹ, xuất hiện trên dòng đầu mấy bức thư cuối; nhưng đích xác làng ấy ở đâu, cheo leo trên dãy Andes hay tận sâu trong rừng rậm Orinoco, thì không thể nào luận ra được từ những mảnh phong cảnh thấp thoáng đầy mâu thuẫn mà các thư đó gợi ra. Bức thư trước mặt bạn kia trông như một thư giao dịch làm ăn thông thường: nhưng làm thế quái nào một nhà xuất bản sách bằng tiếng Cimmeria lại đi chui vào xứ đó kia chứ? Và nếu các ấn bản của nhà ấy là nhằm vào cái thị trường nhỏ nhoi là đám dân Cimmeria di cư ở cả Bắc Mỹ lẫn Nam Mỹ thì làm thế nào họ ấn hành được bản dịch bằng tiếng Cimmeria các sách *mới toanh* của những tác gia quốc tế lừng danh nhất, những đầu sách mà họ mua được *bản quyền ấn hành toàn cầu* bằng cả ngôn ngữ gốc của các tác gia ấy nữa? Sự thực vẫn là, Ermes Marana, kẻ hình như

đã trở thành người điều hành nhà ấy, mời Cavedagna chọn mua cuốn tiểu thuyết mới được người ta nóng lòng chờ đợi là *Trong mạng lưới những đường xoắn xuýt* của nhà văn Ái Nhĩ Lan lừng danh Silas Flannery.

Một thư khác, lại cũng từ Cerro Negro gửi tới, thì ngược lại, được viết bằng giọng điệu khơi gợi đầy cảm hứng: nó – dường như thế – thuật lại một truyền thuyết địa phương, kể về một ông già anh-điêng được gọi là Tổ Phụ Truyện kể, một người ở cái tuổi không ai nhớ nổi, mù và thất học, ông ta không ngừng kể những câu chuyện diễn ra ở những đất nước và vào những thời đại mà ông hoàn toàn không biết tới. Hiện tượng này đã khiến nhiều nhà nhân loại học và cận tâm lý học kéo đoàn tìm đến; người ta xác định được rằng nhiều cuốn tiểu thuyết do những tác gia lừng tiếng cho in đã từng được thuật từng chữ một bằng giọng thêu thào của Tổ phụ Truyện kể từ nhiều năm trước khi chúng ra đời. Ông già anh-điêng này, theo một số người, là cội nguồn phổ quát của chất liệu truyện kể, thứ dung nham nguyên tuyền từ đó phát sinh những biểu hình cá biệt của mỗi nhà văn; theo những người khác thì ông là một nhà thấu thị, nhờ ăn những thứ nấm gây ảo giác mà có khả năng tiếp xúc với thế giới bên trong của những khí chất tiên tri mạnh nhất và bắt được sóng tâm linh của họ; lại theo những người khác nữa thì ông là hóa thân của Homer, của người kể chuyện *Nghìn lẻ một đêm*, của tác giả *Popol Vuh*, cũng như của Alexandre Dumas và James Joyce; nhưng có những người đáp lại rằng Homer chẳng cần tới sự tái sinh, bởi ông chưa bao giờ chết mà suốt nhiều năm qua vẫn tiếp tục sống và soạn truyện: ông là tác giả không chỉ của hai bản trường ca thường được cho là của ông, mà còn của nhiều truyện trong số những truyện lừng danh nhất mà con người biết tới. Ermes Marana, khi đặt máy thu âm vào miệng hang nơi ông già ẩn náu...

Nhưng theo một bức thư từ trước đó, lần này gửi từ New York, nguồn của các tác phẩm chưa xuất bản mà Marana đề xuất lại dường như khác hẳn:

“Trụ sở chính của OEPHLW, như quý vị thấy trên tiêu đề thư, nằm ở khu Wall Street cũ. Từ khi giới kinh doanh từ bỏ các tòa nhà khắc khổ này, vẻ ngoài trông như giáo đường của chúng, vốn lấy cảm hứng từ các ngân hàng Anh quốc, đã trở nên khá là hung hiểm. Tôi nhấn một cái chuông điện. ‘Ermes đây. Tôi đem tới cho quý vị phần đầu cuốn tiểu thuyết của Flannery.’ Ít lâu nay họ vẫn chờ tôi, vì tôi có đánh điện từ Thụy Sĩ báo rằng tôi đã thuyết phục được ông nhà văn luống tuổi chuyên viết truyện ly kỳ hồi hộp kia ký thác cho tôi phần đầu cuốn tiểu thuyết mà ông ta không viết tiếp được, tôi cam đoan với ông ta rằng máy tính của chúng ta có thể dễ dàng viết nốt cuốn tiểu thuyết, bởi chúng được lập trình để có thể phát triển mọi yếu tố của một văn bản sao cho trung thành tuyệt đối với mô thức phong cách và ý niệm của tác giả.”

Gửi các trang này tới được New York chẳng phải việc dễ, nếu ta buộc phải tin ở những gì Marana viết từ một thủ đô của châu Phi đen, viết và thả cho dòng phiêu lưu mạo hiểm của mình mặc sức tung hoành:

“Chúng tôi cứ dẫn tới, mỗi lúc một chìm sâu, chiếc máy bay chìm sâu vào vùng mây cuồn cuộn giống như kem, tôi thì chìm sâu vào việc đọc tác phẩm chưa xuất bản của Silas Flannery, *Trong mạng lưới những đường xoắn xuyết*, bản thảo quý giá mà giới xuất bản toàn thế giới đang săn lùng còn tôi thì đã may mắn lấy được từ tác giả. Thế rồi đột nhiên hòng một khẩu Tommy cửa ngăn nòng gí vào sống giữa cặp mắt kính của tôi.

“Một toán biệt kích gồm những thanh niên có vũ trang đã chiếm máy bay; mùi mồ hôi chua loét khó chịu; chẳng mấy chốc tôi hiểu ra rằng mục đích chính của họ là đoạt lấy bản thảo của tôi. Lũ oắt này là người của OAP, hăn thế; nhưng cái đám lính tráng mới toanh này thì hoàn toàn xa lạ với tôi; bản mặt khó đăm đăm, lăm rêu ria và cung cách trịch thượng không phải là những đặc điểm cho phép tôi xác định nhóm này thuộc về phe nào trong hai phe của phong trào đó.

“...Tôi sẽ không kể dài dòng cho quý vị nghe về những chặng hành trình rối rắm lòng vòng của máy bay chúng tôi, lộ trình của nó cứ bật lui bật tới từ tháp điều khiển này sang tháp điều khiển nọ, bởi không một sân bay nào sẵn sàng tiếp nhận chúng tôi. Cuối cùng thì Tổng thống Butamatari, một nhà độc tài có khuynh hướng nhân bản, đã cho phép chiếc máy bay mệt rã rời được hạ cánh xuống đường băng gỗ ghè của sân bay thuộc quyền ngài ngay cạnh khu rừng thấp, và ngài đảm nhận vai trò trung gian hòa giải giữa nhóm biệt kích cực đoan và các vị nguyên thủ cường quốc đang khiếp hãi. Đối với đám con tin chúng tôi, ngày lại ngày trôi qua mềm nhão và mơn mõi dưới căn chái phụ có mái lợp kẽm trong sa mạc lăm bụi. Lũ kên kên màu xanh xanh mổ vào đất, lòi ra mấy con giun.”

Có một mối liên hệ giữa Marana và đám kẻ cướp APO, điều này thấy rõ qua cái kiểu anh ta nói năng với bọn họ ngay khi mới chạm trán:

“Về nhà đi, mấy nhóc, về bảo chủ tụi bây rằng lần sau nếu lão ta muốn cập nhật thư mục của lão thì hãy cử tới những thằng do thám sáng mắt hơn một chút.’ Bọn chúng nhìn tôi bằng cái vẻ buồn ngủ và như bị cảm lạnh của những kẻ thừa hành bất ngờ bị tóm giò. Cái giáo phái hiến mình cho sự tôn thờ và săn tìm những cuốn mật thư này rốt cuộc đã rơi vào tay lũ oắt con vốn chỉ còn một ý niệm lơ mơ về sứ mệnh của mình. ‘Ông là ai?’ chúng hỏi tôi. Vừa nghe thấy tên tôi là chúng sững sờ. Là người mới trong tổ chức này, chúng không thể biết tôi với tư cách cá nhân, tất cả những gì chúng biết về tôi chỉ là những lời gièm pha người ta đồn thổi sau khi tôi bị khai trừ: một đặc vụ hai mang hay ba mang bốn mang, làm việc cho ai và cho cái gì có trời biết. Chẳng ai biết rằng Tổ chức Quyền lực Tà ngục, với người sáng lập là tôi, chỉ có ý nghĩa chừng nào nhờ có uy lực của tôi mà nó chưa rơi vào tầm ảnh hưởng của các đạo sư ít đáng tin. ‘Ông tưởng tụi này là người của bên Phe Ánh sáng phỏng?’ chúng bảo tôi. ‘Nói cho ông biết, tụi này là Phe Bóng tối, tụi này không sa vào bẫy của ông đâu!’ Đó chính là điều tôi muốn biết. Phe Bóng tối hay Phe Ánh sáng, với cả hai phe tôi là tên phản bội cần phải khử, nhưng ở đây chúng chẳng làm gì tôi được nữa, bởi vì Tổng thống Butamatari, người cho chúng quyền tị nạn, đã nhận bảo vệ tôi...”

Nhưng có sao những kẻ bắt cóc thuộc APO lại muốn chiếm hữu bản thảo đó? Bạn liếc qua các trang sách, tìm một lời giải thích, nhưng hầu hết chỉ tìm thấy những lời ba hoa thiên địa của Marana, gã này tự nhận mình có công dàn xếp ngoại giao để người ta ký được thỏa ước mà theo đó Butamatari, sau khi tước vũ khí nhóm biệt kích và giành được bản thảo của Flannery, bảo đảm sẽ trao trả nó lại cho tác giả, đổi lại thì Tổng thống yêu cầu tác giả cam kết viết một cuốn tiểu thuyết triều đại ngô hầu biện chính cho sự đăng quang như bậc đế vương của nhà lãnh đạo này cũng như ý đồ của ngài là chiếm cứ các lãnh thổ lân cận.

“Tôi chính là người đề xuất công thức cho thỏa ước và tiến hành đàm phán. Một khi tôi đã tự giới thiệu là đại diện của công ty ‘Mercurio và các Nàng thơ’ chuyên về quảng cáo và khai thác các tác phẩm văn chương và triết học, tình thế liền chuyển đúng chiều. Sau khi chiếm được lòng tin cẩn của nhà độc tài châu Phi và lấy lại được lòng tín nhiệm của nhà văn người Celt (bằng việc chiếm dụng bản thảo của ông ta, tôi đã cứu nó thoát khỏi những mưu đồ cướp đoạt mà nhiều tổ chức bí mật rắp tâm thực hiện), tôi chẳng còn gặp khó khăn gì để thuyết phục các bên chấp nhận một giao kèo có lợi cho tất cả...”

Một bức thư trước đó, nơi gửi đề là Liechtenstein, cho phép khôi phục lại những quan hệ sơ khởi giữa Flannery và Marana, “Ông không được tin những lời đồn người ta đang rỉ tai nhau theo đó thì ở công quốc vùng núi Alpes này chỉ có trụ sở hành chính và tài chính của công ty hữu hạn vốn nắm giữ bản quyền và ký kết các hợp đồng của tác gia sung sức và bán chạy bậc nhất này, kẻ mà không ai biết hành tung và thậm chí bản thân ông ta có hiện hữu hay không cũng là điều đáng ngờ nốt... Tôi phải nói rằng những gặp gỡ đầu tiên của tôi, với những tay thư ký rồi đây sẽ đẩy tôi sang các luật sư, rồi các luật sư này đùn tôi qua các đại diện, dường như xác nhận cho thông tin của ông... Công ty đang khai thác lượng sản phẩm ngôn từ vô tận gồm truyện ly kỳ, truyện tội phạm và truyện ái ân của tác gia lớn tuổi này

được tổ chức như một ngân hàng tư nhân hữu hiệu. Nhưng bầu không khí ngự trị ở đó là bầu không khí bứt rứt lo âu, như thể đang bên bờ phá sản...

“Chẳng mất bao lâu để tôi phát hiện ra lý do: đã mấy tháng nay Flannery lâm vào khủng hoảng. Ông không viết nổi lấy một dòng; nhiều cuốn tiểu thuyết ông đã khởi bút và được tạm ứng nhuận bút bởi các nhà xuất bản trên khắp thế giới, bao gồm những khoản tài trợ của nhiều ngân hàng quốc tế, những tiểu thuyết mà ở đó các nhãn hiệu rượu mà nhân vật cần uống, các điểm du lịch cần được ghé thăm, các sáng tạo thời trang cao cấp, trang thiết bị, đồ dùng này nọ thấy đều đã được ấn định trong hợp đồng thông qua các công ty quảng cáo chuyên nghiệp, tất cả đều đang dang dở, bị phó mặc cho cơn khủng hoảng tinh thần không thể giải thích và không thể lường trước này. Một đội ngũ cây bút chuyên viết thuê, các chuyên gia điều luyện ngón nghề bắt chước phong cách của nghệ sĩ bậc thầy với toàn bộ những sắc thái và kiểu cách riêng của nó, tất cả đã sẵn sàng, chỉ chực bước vào trám những khoảng trống, trau chuốt và hoàn tất những văn bản mới viết được nửa chừng, sao cho không độc giả nào có thể phân biệt nổi phần nào do bàn tay này viết còn phần nào do bàn tay nọ viết... (dường như phần đóng góp của họ đã đóng vai trò đáng kể trong các sản phẩm mà ông bạn của chúng ta làm ra dạo gần đây.) Nhưng giờ đây Flannery bảo mọi người hãy đợi; ông ta khất lần khất lữa kỳ hạn giao bản thảo, công bố thay đổi kế hoạch, hứa hẹn quay về làm việc ngay khi có thể, khước từ những ai đề nghị giúp. Theo những lời đồn bi quan nhất thì ông ta đã bắt tay viết nhật ký, một cuốn sổ tay ghi lại những suy tư, trong đó chẳng có gì xảy ra sất, chỉ có những tâm trạng cùng với mô tả phong cảnh mà ông ta quan sát hàng giờ từ ban công nhà mình, qua kính thiên văn...”

Viết bằng giọng phớt phờ hơn là bức thư Marana gửi từ Thụy Sĩ mấy ngày sau, “Hãy lưu ý điều này: nơi đâu tất cả đều thất bại, Ermes Marana thành công! Tôi đã nói chuyện được với Flannery, tận mặt. Ông ta đang ở trên sân thượng ngôi biệt thự nhỏ của mình, tưới mấy chậu hoa cúc zinnia. Ông ta là một ông già chín chu, trầm lặng, phong thái dễ mến, chừng nào ông còn chưa nổi một trong những cơn kịch phát thần kinh của ông... Tôi có

thể cho các vị biết nhiều thông tin về ông ta, rất có giá trị cho các hoạt động xuất bản của các vị, và tôi sẽ làm vậy ngay khi tôi nhận được dấu hiệu nào đó cho thấy các vị có quan tâm, thông qua telex gửi đến ngân hàng nơi tôi mở tài khoản, số tài khoản tôi sẽ cho các vị ngay đây...”

Lý do khiến Marana phải đến thăm nhà tiểu thuyết gia là không mấy rõ ràng nếu dựa vào các thư từ qua lại: khi thì tuồng như gã tự giới thiệu mình là đại diện của OEPHLW ở New York (Organization for the Electronic Production of Homogenized Literary Works, Tổ chức chuyên sản xuất bằng điện toán các tác phẩm văn chương đồng dạng), đề nghị hỗ trợ về mặt kỹ thuật để nhà văn có thể hoàn thành cuốn tiểu thuyết (“Flannery tái mặt, run lấy bối, ghì chặt bản thảo vào ngực. “Không, cuốn này thì không,” ông nói, “tôi không đời nào cho phép”), khi thì xem ra gã đến đây là để bảo vệ quyền lợi của một nhà văn Bỉ đã bị Flannery đạo văn một cách vô sỉ là Bertrand Vandervelde... Nhưng khi Marana viết thư cho Cavedagna yêu cầu được cho tiếp xúc với ông nhà văn ẩn dật thì dường như thật ra ý của gã là muốn đề nghị nhà văn hãy chọn làm bối cảnh – cho các đoạn cao trào của cuốn tiểu thuyết kế tiếp của ông ta, *Trong mạng lưới những đường xoắn xuýt* – một hòn đảo ở Ấn Độ Dương “nổi bật với những bãi biển màu đất son trên nền biển thăm cô ban.” Đề nghị này được đưa ra nhân danh một hãng đầu tư bất động sản ở Milano, nhằm mục đích phát triển hòn đảo này, xây nên một ngôi làng toàn các căn nhà nhỏ một tầng có thể mua trả góp và trả qua thư tín.

Nghĩa vụ của Marana ở hãng này tuồng như là liên lạc với “giới quan hệ công chúng vì sự phát triển của các Quốc gia đang Phát triển, đặc biệt chú trọng đến các phong trào cách mạng, trước và sau khi họ lên cầm quyền, nhằm mục đích lấy được và bảo đảm chắc chắn giấy phép xây dựng cho dù chế độ có thay đổi thế nào đi nữa.” Dưới vỏ bọc này, sứ mệnh đầu tiên của gã được thực hiện ở một tiểu vương quốc ở vùng Vịnh Ba Tư nơi gã phải đàm phán hợp đồng thầu lại việc xây dựng một tòa nhà chọc trời. Một dịp tình cờ, có liên quan đến chuyện do gã làm nghề thông dịch, đã mở ra cho gã

những cánh cửa thường đóng chặt đối với bất cứ người châu Âu nào...”
“Người vợ sau cùng của Sultan là người của nước ta, một phụ nữ có tính khí nhạy cảm và xao xuyến đang phải khổ sở trong cảnh trở trời tù túng do bị vị trí địa lý, phong tục sở tại và lễ nghi cung đình trói buộc, mặc dù vậy bà vẫn trụ được nhờ niềm đam mê đọc sách không bao giờ thỏa...”

Buộc phải bỏ dở cuốn tiểu thuyết *Nhìn xuống bóng tối đang dần dày đặc* vì có một lỗi sản xuất trong bản sách của mình, Sultan phu nhân trẻ tuổi liền viết thư cho dịch giả để phản đối. Marana tức tốc chạy sang Arabia. “Một mục già, che mạng và héo hắt, ra hiệu bảo tôi theo mục. Trong một khu vườn có mái che, giữa những cây cam *bergamot* những con *chim đàn lyre* và những tia nước của đài phun, bà bước lại phía tôi, quần áo kín mít màu chàm, mặt đeo mặt nạ bằng lụa xanh lục lam chấm những điểm vàng bạch, một dải ngọc xanh trên cặp lông mày...”

Bạn muốn biết thêm về vị Sultan phu nhân này; mắt bạn bồn chồn sục sạo khắp mấy trang giấy mỏng tang như thể chờ nhìn thấy nàng ta xuất hiện bất cứ lúc nào... Nhưng hình như ngay cả Marana, trong khi viết kín trang này sang trang khác, gã cũng bị thúc đẩy bởi niềm khao khát y như thế, gã cũng đang theo đuổi nàng ta trong khi nàng tự ẩn mình... Thêm mỗi con chữ là câu chuyện càng thêm phức tạp: viết thư cho Cavedagna từ “một cơ ngơi nguy nga tráng lệ bên rìa sa mạc,” Marana có giải thích tại sao mình biến mất đột ngột, kể chuyện các điệp sứ của Sultan đã bắt buộc gã bằng vũ lực (hay là thuyết phục gã bằng một bản hợp đồng béo bở?) để gã chuyển đến đó, để tiếp tục công việc của gã, giống như trước kia... Không bao giờ được để cho vợ của Sultan thiếu thốn những cuốn sách mà bà thích: đó là một điều khoản trong hợp đồng hôn nhân, một điều kiện mà cô dâu ép người cầu hôn đây quyền uy phải thuận theo thì mới đồng ý làm đám cưới... Sau tuần trăng mật êm ả trong đó vị nữ mệnh phụ phu nhân trẻ tuổi nhận được những tác phẩm mới nhất của các nền văn chương lớn phương Tây bằng ngôn ngữ gốc, các ngôn ngữ mà bà đọc trôi chảy, tình thế bắt đầu trở nên rắc rối... Sultan e sợ, rõ là có lý do, rằng có một mưu đồ cách mạng. Cơ quan mật vụ

của ngài phát hiện rằng những kẻ chủ mưu nhận được những thông điệp mã hóa giấu trong các trang sách in bằng bảng chữ cái của chúng ta. Ngài hạ chỉ cấm vận, có hiệu lực ngay từ lúc đó, và tịch thu tất cả sách phương Tây trên lãnh thổ của ngài. Đồng thời, việc cung cấp sách cho thư viện cá nhân của phu nhân ngài cũng bị đình chỉ. Một sự bất tín mang tính bản năng – dường như được hỗ trợ nhờ bằng chứng cụ thể – dẫn Sultan tới chỗ nghi vợ ngài có thông đồng với các nhà cách mạng. Chỉ có điều, việc không thực hiện điều khoản trừ danh trong bản kế ước hôn nhân sẽ gây ra một sự đổ vỡ hết sức phiền hà cho triều đại trị vì, như phu nhân đã không ngần ngại đe dọa trong cơn đùng đùng thịnh nộ khi đám vệ sĩ giằng khỏi tay bà cuốn tiểu thuyết bà chỉ mới bắt đầu đọc – chính xác là cuốn của Bertrand Vandervelde.

Chính vào lúc ấy cơ quan mật vụ của Sultan, khi biết được Ermes Marana đang dịch cuốn tiểu thuyết đó sang tiếng mẹ đẻ của phu nhân, liền thuyết phục ông ta, với những lý lẽ khác nhau và đầy thuyết phục, là hãy chuyển đến Arabia. Hoàng hậu chiều nào cũng đều đặn nhận được lượng văn xuôi hư cấu đã chỉ định trong hợp đồng, song không còn là ấn bản nguyên gốc nữa, mà là bản đánh máy còn mới nguyên từ tay dịch giả. Nếu có một thông điệp mã hóa giấu trong chuỗi từ hay chữ cái của bản gốc, hẳn bây giờ cũng không ai còn phục hồi nó được nữa...

“Sultan cho người tới hỏi tôi còn phải dịch bao nhiêu trang nữa mới xong cuốn sách. Tôi nhận ra rằng, trong nỗi nghi ngờ của ngài đối với sự bất trung về chính trị và sự không chung thủy trong tình chồng vợ, cái khoảnh khắc ngài sợ nhất là khoảnh khắc hăng hục về sức căng mà rồi sẽ nói theo đoạn kết cuốn tiểu thuyết, khi mà, khởi đầu đọc một cuốn khác, vợ ngài một lần nữa lại sẽ đâm ra sốt ruột với tình cảnh của mình. Ngài biết những kẻ mưu phản đang đợi một dấu hiệu của Sultan phu nhân để châm mồi lửa, nhưng bà đã hạ lệnh không bao giờ được quấy rầy bà trong khi bà đang đọc, cho dù cung điện sắp nổ tung đi nữa... Tôi có lý do của riêng mình để sợ thời khắc đó, nó cũng có thể khiến tôi mất hết đặc quyền ở triều đình...”

Thế là Marana đề xuất với Sultan một chiến lược được truyền thống văn chương phương Đông gợi ý cho: anh ta sẽ ngưng ngang bản dịch này

đúng lúc hồi hộp nhất mà bắt tay dịch một tiểu thuyết khác, chèn nó vào trong cuốn đầu tiên bằng một thủ đoạn sơ đẳng; chẳng hạn, một nhân vật trong tiểu thuyết đầu tiên mở một cuốn sách ra bắt đầu đọc. Cuốn tiểu thuyết thứ hai cũng sẽ ngưng nửa chừng đặng nhường chỗ cho cuốn thứ ba, cuốn này chẳng đi xa mấy thì rồi lại cũng mở ra cuốn thứ tư, cứ thế...

Nhiều cảm xúc khuấy động tâm trí bạn trong khi bạn lật giở mấy bức thư đó. Cuốn sách mà bạn đang háo hức vì sắp được đọc phần tiếp theo, qua trung gian một kẻ thứ ba, lại bị ngắt ngang lần nữa... Bạn cảm thấy Ermes Marana giống như con rắn truyền sự hiểm ác của mình vào thiên đường của sự đọc... Thay vào chỗ nhà thâu thị người anh-điên thuật tất cả các tiểu thuyết trên thế giới, đây là một cái bẫy-tiểu thuyết làm ra bởi tay dịch giả phản phúc với phần đầu của những cuốn tiểu thuyết cứ mãi treo đấy... cũng như cuộc dấy loạn cứ mãi treo đấy, trong khi những kẻ chủ mưu hoài công đợi để khởi đầu nó cùng với kẻ đồng lõa lấy lòng của mình, và thời gian trĩu nặng bất động trên những bờ biển phẳng lì của xứ Arabia... Bạn đang đọc hay đang mơ giữa ban ngày vậy? Những ngôn từ ào ạt của kẻ cuồng chữ này, chúng có mạnh đến thế đối với bạn không? Có phải bạn cũng đang mơ màng nghĩ tới vị Sultan phu nhân đầy đầu lửa đó không? Bạn có ganh tị với phần số của kẻ đang tinh chế ra những cuốn tiểu thuyết trong các cung điện xứ Arabia không? Bạn có muốn ở vào địa vị gã không, đặng thiết lập mối liên kết biệt lệ đó, mối tương đồng của nhịp điệu bên trong đó, vốn đạt được thông qua một cuốn sách được hai người đọc cùng một lúc, giống như bạn nghĩ mình làm được với Ludmilla? Bạn không thể không gán cho người nữ độc giả vô hình mà Marana gọi ra kia những đường nét của Người đọc Nữ mà bạn biết; kìa bạn thấy Ludmilla giữa những bức màn chống muỗi, nằm nghiêng một bên, làn sóng tóc đổ trên trang sách, giữa tiết gió mùa khiến con người kiệt quệ, trong khi mưu đồ chốn cung đình lặng lẽ mài sắc lưỡi dao của nó, còn nàng thì đắm mình vào dòng chảy của sự đọc như thể đắm vào hành vi khả dĩ độc nhất của sự sống trong một thế giới nơi chỉ có cát khô tồn tại bên trên những tầng quặng dầu cùng với nguy cơ chết vì những lý do quốc gia và vì phân chia nguồn năng lượng...

Bạn xem qua lần nữa mở thư từ để tìm những tin tức mới hơn về Sultan phu nhân... Bạn thấy những hình dáng phụ nữ khác xuất hiện rồi biến mất:

trên hòn đảo giữa Ấn Độ Dương, một phụ nữ trên bờ biển “đeo cặp kính to sẫm màu, toàn thân bôi dầu cây óc chó, cầm một tờ tạp chí đại chúng New York giơ lên làm như một tấm khiên nhỏ xíu chắn giữa người nàng và những tia nắng gắt mùa hè.” Số tạp chí nàng đang đọc này đăng trước phần đầu cuốn truyện ly kỳ mới chưa xuất bản của Silas Flannery. Marana giải thích với nàng rằng đăng trước chương đầu trên tạp chí là dấu hiệu cho thấy nhà văn Ái Nhĩ Lan này sẵn sàng ký hợp đồng với những hãng nào muốn nhãn hiệu ulyt ky của mình xuất hiện trong cuốn tiểu thuyết, hay là nhãn hiệu sâm banh, kiểu ô tô, điểm du lịch. “Dường như trí tưởng tượng của ông càng được kích thích nếu càng nhận được nhiều hoa hồng quảng cáo.” Người phụ nữ thất vọng: nàng là một độc giả nhiệt thành của Silas Flannery. “Những tiểu thuyết tôi thích là những cuốn khiến ta bứt rứt ngay từ trang đầu...,” nàng nói.

từ sân thượng một biệt thự nhỏ ở Thụy Sĩ, Silas Flannery đang nhòm qua kính viễn vọng lắp trên giá ba chân mà quan sát một thiếu phụ nằm trên ghế xếp chăm chú đọc sách trên một sân thượng khác, cách hai trăm mét dưới thung lũng. “Ngày nào nàng cũng ở đó,” nhà văn viết. “Lần nào chuẩn bị ngồi vào bàn viết, tôi đều cảm thấy cần phải nhìn nàng. Ai biết nàng đang đọc gì? Tôi biết đó không phải là một cuốn của tôi, và một cách bản năng tôi đau lòng với ý nghĩ đó, tôi cảm thấy ganh tị cho những cuốn sách của tôi, chúng hẳn cũng muốn được đọc như nàng đang đọc. Tôi chẳng bao giờ chán quan sát nàng: nàng như thể sống trong một thứ sinh quyển treo trong một thời gian khác và không gian khác. Tôi ngồi vào bàn viết, nhưng không một câu chuyện nào tôi chế ra tương ứng với những gì tôi muốn thông đạt.” Marana hỏi ông liệu đó có phải là lý do khiến ông không làm việc được nữa không. “Ồ, không, tôi có viết,” ông đáp, “chính bây giờ, chỉ bây giờ tôi mới viết, từ khi tôi quan sát nàng. Tôi chẳng làm gì khác ngoài theo dõi sự đọc của người đàn bà đó, nhìn từ đây, ngày này qua ngày khác, giờ này qua giờ

khác. Tôi đọc trên mặt nàng những gì nàng muốn được đọc, rồi tôi viết nó ra một cách trung thành.” “Quá ư trung thành,” Marana ngắt ngang, lạnh như băng. “Với tư cách dịch giả và người đại diện cho quyền lợi của Bertrand Vandervelde, tác giả cuốn tiểu thuyết mà người phụ nữ kia đọc, *Nhìn xuống bóng tối đang dần dày đặc*, tôi cảnh cáo ông hãy ngừng đạo văn cuốn ấy!” Flannery tái mặt; hình như chỉ có một mối quan tâm duy nhất chiếm lĩnh tâm trí ông. “Vậy là, theo ông, độc giả kia... cuốn sách cô ấy ngẫu nhiên đọc say sưa thế kia là tiểu thuyết của Vandervelde? Tôi không chịu nổi điều đó...”

nơi sân bay châu Phi, giữa các con tin của vụ bắt cóc đang nằm ườn ra giữa đất mà chờ đợi, quạt phành phạch hoặc túm tụm vào nhau dưới mấy tấm chăn do các nữ tiếp viên phân phát khi đêm xuống, nhiệt độ hạ thấp đột ngột, Marana chiêm ngưỡng sự diễm nhiên tự tại của một thiếu phụ trẻ thu mình vào một góc, đôi tay ôm lấy hai đầu gối dựng cao lên dưới chiếc váy dài để làm giá kê sách; mái tóc nàng rủ xuống trên cuốn sách che khuất mặt nàng; bàn tay nàng thư thả lật từng trang sách như thể tất cả những gì hệ trọng đều được định đoạt ở đó, trong chương kế. “Trong cái tình trạng xuống cấp mà vụ bắt con tin dằng dai và bừa bãi này gây ra cho bộ dạng và hành vi của tất cả chúng tôi, người đàn bà này đối với tôi có vẻ an toàn vô sự, cách biệt, bao bọc kín bưng như trên một mặt trăng xa xôi...” Chính khi đó Marana nghĩ: mình phải thuyết phục đám loạn quân OAP rằng cuốn sách đáng cho bọn họ cất công dựng lên toàn bộ cái chiến dịch đầy nguy cơ kia không phải là cuốn họ tịch thu của tôi, mà là cuốn nàng kia đang đọc...

ở New York, trong phòng đối chứng, độc giả bị cột chặt hai cổ tay vào ghế, với áp kế và một cái đai để nghe ngóng những âm thanh trong cơ thể, hai thái dương nàng khuất dưới mái tóc dày bị siết chặt trong những sợi cáp ngoằn ngoèo của máy điện não đồ ghi nhận cường độ tập trung của nàng và

tần suất kích thích ở nàng. “Toàn bộ công việc của chúng tôi tùy thuộc vào mức độ nhạy cảm của chủ thể mà chúng tôi có trong tay để thử nghiệm đối chúng: và, còn hơn thế, chủ thể phải là người có thị lực tốt và thần kinh mạnh, để có thể đọc liên tục không ngừng các tiểu thuyết và dị bản tiểu thuyết ngay khi chúng được máy tính sản xuất ra. Nếu sự chú ý đọc đạt đến mức cao nhất định và với sự liên tục nhất định thì sản phẩm đủ chất lượng và có thể đưa ra thị trường; nếu như, ngược lại, sự chú ý lơ đãng và dao động thì tổ hợp bị khước từ, các yếu tố của nó bị phân ly ra rồi được dùng lại trong những văn cảnh khác.” Người đàn ông mặc bờ lu trắng xé những tấm phiếu in biểu đồ điện não ra khỏi máy hết tấm này đến tấm khác giống như xé những tờ lịch. “Càng ngày càng tệ,” ông ta nói. “Một số tiểu thuyết đang được sản xuất đây chả cuốn nào trụ được sắt. Hoặc phải điều chỉnh lại chương trình hoặc không còn dùng được người đọc này nữa.” Tôi nhìn khuôn mặt thanh mảnh bị đóng khuôn giữa mấy bức màn và tấm lật kiểu lưỡi trai phía trên mắt, khuôn mặt ấy vô cảm còn do mấy cái nút gấn tai và cái đai bịt cằm không cho phép quai hàm cử động, số phận nàng rồi sẽ ra sao?

Bạn không tìm thấy lời đáp này cho cái câu hỏi mà Marana cho qua một cách gần như thờ ơ. Ghìm hơi thở, bạn đã theo sát từng chữ một những chuyển hóa của Người đọc giả nữ, như thế đó vẫn luôn là cùng một người. Nhưng thậm chí dù đó là nhiều người đi nữa, với tất cả họ bạn đều gán cho ngoại hình của Ludmilla... Chẳng phải người như nàng thì mới khẳng định rằng giờ đây người ta chỉ có thể đòi hỏi một cuốn tiểu thuyết phải khuấy động tận đáy nỗi thống khổ vùi sâu chôn chặt, như là điều kiện chốt cùng của chân lý rồi đây sẽ cứu nó khỏi thân phận sản phẩm làm ra hàng loạt, thân phận mà nó không còn cơ thoát khỏi? Hình ảnh nàng trần truồng dưới mặt trời xích đạo nay đã có vẻ đáng tin với bạn hơn là hình ảnh nàng ẩn sau tấm mạng của Sultan Phu nhân, nhưng ấy cũng vẫn có thể là chính nàng Mata Hari trầm ngâm bước qua những cuộc cách mạng ngoài châu Âu đang mở đường cho xe ủi đất của một hãng xi măng... Rũ bỏ hình ảnh ấy đi, rồi

tiếp nhận hình ảnh chiếc ghế xếp khi nó đến với bạn qua bầu không khí trong vắt vùng núi Alps. Nơi đây bạn sẵn sàng từ bỏ mọi thứ: bỏ đó mà lên đường, truy tìm nơi ẩn náu của Flannery, chỉ để quan sát bằng kính viễn vọng người đàn bà đang đọc sách hoặc là tìm những dấu vết của nàng trong nhật ký của nhà văn đang hồi tắc tị... (Hay phải chăng cái lôi cuốn bạn là ý tưởng có thể tiếp tục đọc *Nhìn xuống bóng tối đang dần dày đặc*, thậm chí dù dưới một tí khác và ký một tên khác?) Nhưng giờ Marana truyền đạt những tin tức càng lúc càng đáng ngại: đây nàng là con tin của bọn bắt cóc, kia nàng bị cầm tù trong một căn nhà ổ chuột ở Manhattan... Làm thế nào nàng lại rơi vào đó, bị xích vào một dụng cụ tra tấn? Tại sao nàng bị buộc phải chịu đựng như một trò tra tấn cái vốn dĩ là trạng huống tự nhiên của nàng, sự đọc? Và cái mưu đồ bí mật nào khiến cho đường đi của các nhân vật đó thường xuyên cắt nhau: nàng, Marana, cái giáo phái bí ẩn chuyên ăn cắp các bản thảo?

Theo như bạn thu thập được từ những gợi ý bóng gió được gieo rải rác qua các bức thư này thì Lực lượng Ngụy thư, bị tan tác vì những cuộc giao tranh huynh đệ tương tàn và vượt khỏi khả năng kiểm soát của người sáng lập là Ermes Marana, đã tách thành hai nhóm: một giáo phái gồm các tín đồ đã được khai minh của Tổng Thiên thần Ánh sáng, và một giáo phái gồm các tín đồ hư vô chủ nghĩa của Đầu lĩnh Bóng tối. Nhóm trước tin chắc rằng trong số những ngụy thư đang tràn ngập thế giới họ có thể lần ra được số ít cuốn mang một chân lý có lẽ là ngoài-con-người hoặc ngoài Trái đất. Nhóm sau cho rằng chỉ có sự giả mạo, huyền hoặc hóa, dối trá có chủ định thì mới đại diện được cho giá trị tuyệt đối trong một cuốn sách, một chân lý không thể bị những thứ ngụy chân lý đang ngự trị làm cho uestap.

“Tôi cứ ngỡ tôi chỉ có một mình trong buồng thang máy,” Marana viết, lại từ New York. “Thế nhưng một dáng người trôi lên bên cạnh tôi: một người trẻ tuổi tóc dài như rễ cây đã ngồi nấp sẵn trong góc buồng, mình quấn bộ đồ bằng vải thô. Đây không phải thang máy đúng nghĩa mà là thang chở hàng, một cái lồng đóng lại bằng cửa xếp. Cứ tới mỗi tầng, phối cảnh

những căn phòng bỏ không lại xuất hiện, những bức tường bệch bạc với dấu vết còn lại của những bàn ghế bị mang đi và đường ống bị nhổ ra, một sa mạc gồm những sàn và trần nhà meo mốc.

Bằng hai bàn tay đỏ lựng có cổ tay dài, gã thanh niên cho thang dừng lại giữa hai tầng.

“Đưa bản thảo cho tôi. Sách này ông mang tới là cho chúng tôi, không phải cho ai khác. Cho dù ông nghĩ ngược lại đi nữa. Đây là một cuốn sách thực, cho dù tác giả của nó đã viết ra hàng bao nhiêu sách giả. Cho nên nó thuộc về chúng tôi.”

“Bằng một thế nhu đạo gã quật tôi xuống sàn rồi đoạt lấy bản thảo. Ngay lúc đó tôi nhận ra rằng gã thanh niên cuồng tín này tin chắc gã đang cầm cuốn nhật ký về cơn khủng hoảng tinh thần của Silas Flannery chứ không phải đề cương cho một trong những cuốn truyện ly kỳ bình thường của ông ta. Thật kỳ lạ, các mật phái này hăm hở muốn chộp ngay đến thế bất cứ mẩu tin gì, dù nguy hay chân, miễn sao trùng hợp với những gì họ trông đợi. Cơn khủng hoảng của Flannery đã kích động hai phe đối địch nhau của Lực lượng Ngụy thư, và, với những hy vọng đối nghịch nhau, họ đã tung những tay do thám của mình vào các thung lũng bao quanh ngôi biệt thự của tiểu thuyết gia. Người của Phe Bóng tối, khi biết nhà sản xuất vĩ đại chuyên làm ra tiểu thuyết hàng loạt kia không còn có khả năng tin vào những trò về của mình nữa, đã tự thuyết phục mình rằng cuốn tiểu thuyết tiếp theo của ông ta sẽ đánh dấu bước chuyển từ tín điều tồi rẻ tiền và tương đối sang tín điều tồi cốt tử và tuyệt đối, kiệt tác của sự trá ngụy mang tư cách như tri thức, và do vậy sẽ là cuốn sách họ truy lùng bao lâu nay. Ngược lại, tín đồ của Phe Ánh sáng cho rằng từ cơn khủng hoảng của một chuyên gia về sự giả dối như thế chỉ có thể ra đời một cơn đại biến về chân lý, và đây chính là cái họ tin cuốn nhật ký nhà văn mà người ta bàn tới quá nhiều kia sẽ trở thành... Biết được lời đồn do Flannery tung ra rằng tôi đã đánh cắp của ông ta một bản thảo quan trọng, phe này lẫn phe kia đều đồng nhất bản thảo đó với đối tượng mình lùng kiếm, và cả hai đều cất công tìm tôi, Phe Bóng tối

gây ra vụ bắt cóc máy bay, Phe Ánh sáng thì vụ tước đoạt trong thang máy...

“Gã thanh niên trông như cái cây kia, sau khi giấu bản thảo vào trong áo khoác, liền chuồi ra khỏi thang máy, đóng sầm cửa ngay vào mặt tôi, và giờ gã đang nhấn nút để cho tôi biến xuống phía dưới, sau khi ném vào tôi lời đe dọa cuối: ‘Nợ của ông chưa dứt đâu, Đặc vụ Huyền hóa ạ! Chúng tôi còn phải giải cứu Chị của chúng tôi đang bị xích vào cổ máy của những Kẻ làm đồ giả!’ Tôi phá lên cười trong khi từ từ tụt xuống. ‘Chẳng có cổ máy nào hét, nhóc ời. Chính Tổ Phụ Truyện kể mới là người đọc cho chúng ta nghe những cuốn sách của chúng ta!’”

“Gã đưa thang máy lên trở lại. ‘Ông bảo Tổ Phụ Truyện kể à?’ Gã tái mặt. Đã nhiều năm nay các tín đồ giáo phái vẫn truy tìm ông lão mù, qua mọi châu lục, nơi truyền thuyết về ông được lưu truyền trong vô số di bản địa phương.

“Phải, đi mà nói lại thế với Tổng thiên thần Ánh sáng! Thưa với ngài rằng tôi đã tìm ra Tổ Phụ Truyện kể! Tôi nắm ông ta trong tay rồi, giờ thì ông ta làm việc cho tôi! Xuống nào, máy điện!’ Và lần này chính tôi là người nhấn nút DOWN.”

Đến lúc này thì có hai nỗi khao khát song song giằng co nhau trong lòng bạn. Bạn hẳn sẵn sàng lên đường ngay lập tức, băng đại dương, đi khắp châu lục bên dưới Chũ thập phương Nam cho đến khi tìm ra nơi ẩn náu cuối cùng của Ermes Marana và moi sự thật từ ông ta, hay ít nhất là lấy được từ ông ta phần tiếp theo của những tiểu thuyết bị ngắt nửa chừng. Đồng thời bạn muốn hỏi Cavedagna liệu ông ta có thể để cho bạn đọc ngay *Trong mạng lưới những đường xoắn xuýt* của Flannery giả mạo (hay chính hiệu?), vốn cũng có thể chính là *Nhìn xuống bóng tối đang dần dày đặc* của Vandervelde chính hiệu (hay giả mạo?) hay không. Và bạn chỉ muốn chạy ngay đến quán cà phê nơi bạn đã hẹn gặp Ludmilla, để kể cho nàng nghe cuộc điều tra của bạn đã dẫn đến những kết quả rồi rắm thế nào và để thuyết phục chính mình, bằng cách nhìn thấy nàng, rằng không thể có gì chung

giữa nàng với các nữ độc giả mà tay dịch giả bị huyền thoại ám ảnh kia đã gặp khắp nơi trên thế giới.

Hai khao khát sau cùng thì dễ thỏa mãn thôi, và không loại trừ nhau. Nơi quán cà phê, trong khi chờ Ludmilla, bạn bắt đầu đọc cuốn sách Marana gửi.

Trong mạng lưới những đường xoắn xuýt

Cảm giác đầu tiên cuốn sách này cần chuyển tải là những gì tôi cảm thấy khi nghe điện thoại đổ chuông; tôi nói “cần” là bởi tôi hoài nghi không biết liệu những lời viết ra có đem lại được dù chỉ một phần ý niệm về nó hay không; sẽ là không đủ nếu tuyên bố rằng phản ứng của tôi là phản ứng khước từ, là sự trốn tránh lời hiệu triệu hung hăng dọa nạt này, bởi nó cũng là một cảm giác về sự cấp bách, nghiệt ngã, ép buộc, nó thúc hồi tôi phải tuân lệnh cái âm thanh đó, hồi hả trả lời thậm chí dù tôi biết chắc việc đó sẽ chẳng đem lại gì khác ngoài khổ sở và bực bội. Cũng chẳng phải tôi tin rằng thay vì có công mô tả trạng thái tinh thần này thì dùng một ẩn dụ sẽ tốt hơn – chẳng hạn như đầu mũi tên bén ngọt xuyên suốt qua thịt da trần trụi ở bên hông, đấy chẳng phải vì người ta không thể dùng một cảm giác có tính hình ảnh để khắc họa một cảm giác đã biết – dẫu ngày nay không một ai biết tới cảm giác bị trúng tên song tất cả chúng ta đều tin mình có thể dễ dàng mượn tượng ra điều đó – cái cảm giác vô vọng, không được che chắn trước sự hiện diện của cái gì đó đến chạm vào ta từ những không gian xa lạ ta không hề biết tới, và điều này cũng rất đúng khi dùng để nói về tiếng điện thoại đổ chuông – nhưng đúng hơn là bởi tính xâm lấn vô phương lay chuyển, không biến đổi của mũi tên, nó loại trừ mọi ý đồ, mọi hàm ý, mọi dẫn đo lường lự có thể có trong giọng ai đó tôi không nhìn thấy, mặc dù ngay cả khi kẻ đó chưa kịp nói gì đi nữa thì tôi cũng đã đoán trước được nó là gì rồi, nếu không phải đoán những gì y sẽ nói thì ít nhất cũng là đoán phản ứng của tôi sẽ ra sao trước những gì y nói. Lý tưởng ra thì cuốn sách nên bắt đầu bằng việc đem lại cảm giác về một không gian được sự hiện diện của tôi chiếm hữu, bởi bốn phía quanh tôi chỉ có những vật trơ, kể cả cái điện thoại, một không gian dường như không thể chứa gì khác ngoài tôi, cô biệt trong thời gian nội tại của tôi, thế rồi có sự phá ngang dòng chảy liên tục của thời gian, không gian không còn như trước bởi giờ nó bị tiếng chuông chiếm hữu, và sự hiện diện của tôi không còn như trước do nó đã bị khuôn định bởi ý chí của cái vật đang gọi này. Cuốn sách cũng phải bắt đầu bằng việc truyền

đạt điều này không chỉ ngay tức thì mà còn như một sự khuếch tán trong không gian và thời gian của những tiếng chuông này, những tiếng chuông cắt rời thành từng khúc dòng chảy liên tục của không gian của thời gian và của ý chí.

Có lẽ sai lầm nằm ở việc xác lập rằng vào lúc ban đầu tôi và cái điện thoại nằm trong một không gian hữu hạn chẳng hạn như căn nhà tôi, trong khi điều tôi phải truyền đạt là tình thế của tôi trong tương quan với nhiều cái điện thoại đổ chuông; những điện thoại này có lẽ không phải gọi tôi, không có liên hệ gì với tôi, nhưng nội một việc tôi có thể bị một cái điện thoại gọi tới cũng đã đủ cho việc tất cả điện thoại đều gọi cho tôi là có thể xảy ra hay ít nhất có thể hình dung được. Chẳng hạn, khi điện thoại đổ chuông trong một căn nhà cạnh nhà tôi, trong một thoáng tôi tự hỏi có phải nó đang đổ chuông trong nhà tôi không, một mối nghi hoặc vốn lập tức tỏ ra không có cơ sở nhưng vẫn cứ lưu lại dấu vết bởi vì cũng có thể cuộc gọi ấy quả thực gọi cho tôi nhưng do nhầm số hoặc dấu nhầm đường nối nên lại chuyển sang nhà hàng xóm, và chuyện ấy lại càng có thể xảy ra bởi trong nhà đó chẳng ai trả lời và điện thoại cứ đổ chuông mãi, thế rồi trong thứ logic phi lý mà tiếng chuông điện thoại chẳng bao giờ không khơi dậy ở tôi, tôi nghĩ: Có lẽ đúng là gọi mình thật, có lẽ hàng xóm họ có nhà nhưng không trả lời là bởi ông ta biết, có lẽ người gọi cũng biết mình đang gọi nhầm số nhưng cố tình làm thế để buộc tôi cứ mãi trong tâm trạng này, biết rằng tôi không thể trả lời song vẫn biết mình nên trả lời.

Hay là nỗi thấp thỏm khi tôi vừa mới ra khỏi nhà thì nghe điện thoại đổ chuông có thể là trong nhà tôi mà cũng có thể trong một căn hộ khác và tôi vội vàng quay lại, về tới nhà hết cả hơi, chạy lên lầu thì điện thoại đã im bật và tôi sẽ chẳng bao giờ biết có phải người ta gọi cho tôi không.

Hay là khi tôi đã ra ngoài phố, và tôi nghe điện thoại đổ chuông trong những căn nhà lạ; kể cả khi tôi đang ở những thành phố lạ, những thành phố nơi sự có mặt của tôi chẳng một ai biết tới, kể cả lúc đó, mỗi khi nghe một tiếng chuông, ý nghĩ đầu tiên của tôi mỗi lần chỉ trong một phần nhỏ của một giây là cái điện thoại đó đang gọi tôi, và trong phần nhỏ kế tiếp của giây

thì lại có niềm nhẹ nhõm khi biết rằng tại thời điểm này mình được miễn trừ khỏi mọi cuộc gọi, không ai với tới được, an toàn, nhưng niềm nhẹ nhõm này cũng chỉ kéo dài trong một phần nhỏ của giây, bởi ngay sau đó tôi nghĩ không chỉ cái điện thoại lạ ấy đang đổ chuông; cách đó nhiều cây số, hàng trăm hàng ngàn cây số lại cũng có cái điện thoại trong nhà tôi, nhất định là ngay trong thời điểm đó nó cũng đang đổ chuông tới lui trong các căn phòng vắng chủ, và một lần nữa tôi bị giằng xé giữa một đằng là sự cần phải trả lời còn một đằng là việc tôi không thể trả lời.

Mỗi buổi sáng trước khi các buổi dạy của tôi bắt đầu tôi thường chạy bộ một tiếng; nghĩa là, tôi mặc bộ đồ thể thao Olympic vào rồi ra ngoài chạy bởi tôi cảm thấy cần phải chuyển động, bởi bác sĩ đã ra lệnh phải chiến đấu chống lại chỗ trọng lượng thừa đang đè nén tôi, và cũng để thư giãn thần kinh một chút. Suốt cả ngày ở nơi này, nếu không đi đến khu học xá, đến thư viện, đến dự giờ đồng nghiệp hay đến quán cà phê của trường thì ta chả biết đi đâu nữa; bởi vậy việc duy nhất là khởi sự chạy theo lối này hay lối kia lên đồi, giữa những cây thích và cây liễu, cũng như nhiều sinh viên và cả nhiều đồng nghiệp của tôi vẫn chạy. Chúng tôi chạy ngang qua nhau trên những lối mòn đầy lá rì rào và đôi khi chúng tôi nói “Chào!” với nhau, đôi khi chẳng nói gì, bởi chúng tôi còn phải giữ hơi. Cả điều này nữa cũng là một lợi thế của chạy bộ so với các môn thể thao khác; mỗi người tự biết việc mình và không bị đòi hỏi phải đáp lại những người khác.

Ngọn đồi đã có nhà xây khắp cả; khi chạy tôi băng qua những ngôi nhà gỗ hai tầng có sân, tất cả vừa khác nhau vừa giống nhau, và rất thường khi tôi nghe tiếng điện thoại đổ chuông. Điều này khiến tôi bồn chồn; một cách bản năng tôi chậm bước lại; tôi dỏng tai nghe xem có ai trả lời không và tôi đâm sốt ruột khi tiếng chuông cứ tiếp tục. Khi chạy tiếp, tôi băng qua một ngôi nhà khác trong đó điện thoại đang đổ chuông và tôi nghĩ: Có một cái điện thoại đang đuổi theo mình, có ai đó đang tìm tất cả các số ở Chestnut Lane trong danh bạ điện thoại, và hẳn đang gọi hết nhà này tới nhà khác để xem liệu có tóm được mình không.

Đôi khi các ngôi nhà đều im tiếng và vắng vẻ, sóc chạy lên mấy thân cây, lũ chim giẻ cùi sà xuống mổ thức ăn người ta dọn cho chúng trong mấy cái bát gỗ. Trong khi chạy tôi nghe một cảm giác lo âu mờ mờ, và thậm chí trước khi tai tôi tóm bắt được âm thanh thì tâm trí tôi đã ghi nhận khả năng có tiếng chuông điện thoại, hầu như là vờn nó tới, hút nó ra từ trong sự vắng mặt của chính nó, và ngay khi đó từ một ngôi nhà vang lên, thoát tiên còn vắng vắng sau dần dần rõ hơn, tiếng kêu rền của một cái chuông, tần số rung của nó chắc hẳn đã được một cái ăng ten ở bên trong tôi bắt được này giờ rồi thì sau đó thính giác tôi mới lĩnh hội được, thế là tôi cầm đầu cầm cổ chạy trong một nỗi cuồng nộ lỗ bịch, tôi là tù nhân của một vòng tròn mà trung tâm là cái điện thoại đổ chuông trong ngôi nhà đó, tôi chạy mà không hề chuyển động, tôi cứ vờn quanh mà không rút ngắn bước chạy của mình.

“Nếu cho tới giờ không ai trả lời thì nghĩa là chẳng ai ở nhà... Nhưng nếu vậy sao người ta cứ gọi mãi? Họ hy vọng cái gì? Có phải là có một người điếc cư ngụ ở đó, nên họ hy vọng nếu cứ gọi hoài gọi mãi thì rồi chủ nhà sẽ nghe thấy họ? Có lẽ có một người bại liệt sống ở đó, nên người ta phải dự trù sẽ đợi rất lâu để ông ta có thì giờ bò tới chỗ điện thoại... Có lẽ một người muốn tự sát sống ở đó, và chừng nào ta còn gọi cho anh ta thì vẫn còn chút ít hy vọng ngăn được anh ta làm hành động cực đoan...” Chắc có lẽ tôi nên cố làm chính mình trở nên có ích, giúp một tay, giúp người điếc, người liệt, người tự sát... Và đồng thời tôi nghĩ – theo cái logic phi lý đang vận hành bên trong tôi – rằng khi làm thế, tôi có thể bảo đảm rằng cuộc gọi ấy không phải do thế nào đấy mà dành cho tôi...

Vẫn chạy, tôi đẩy mạnh cổng ra, vào trong sân, vòng quanh ngôi nhà, xem xét khoảnh sân sau nhà, phóng tới đằng sau nhà để xe, đến lán đựng dụng cụ, chuồng chó. Tất cả đều có vẻ trống rỗng, hoang vắng. Qua một ô cửa sổ mở phía sau nhà tôi thấy được một căn phòng hỗn độn, điện thoại để trên bàn tiếp tục đổ chuông. Cửa chớp đóng sầm, khung cửa kính bị kẹt giữa tấm ri đô xơ xác.

Tôi đã vòng quanh ngôi nhà ba lần; tôi tiếp tục thực hiện động tác chạy bộ, nhấc cao cùi chỏ và gót chân, thở bằng nhịp chạy sao cho người ta thấy

rõ rằng sự đột nhập của tôi không phải là đột nhập của một kẻ trộm; nếu người ta bắt gặp tôi vào lúc này tôi sẽ khó mà giải thích được mình vào là bởi nghe thấy tiếng chuông điện thoại. Một con chó sủa; không phải ở đây – ấy là con chó của một nhà khác tôi không nhìn thấy – nhưng trong một thoáng cái dấu hiệu “chó sủa” là mạnh mẽ hơn so với “điện thoại đổ chuông” và thế là đủ mở ra một lối thoát trong cái vòng tròn đang giam cầm tôi; giờ tôi tiếp tục chạy dọc hàng cây ven đường, để lại đằng sau tiếng chuông càng lúc càng nhỏ lại.

Tôi chạy cho tới khi không còn nhà cửa nữa. Trên một cánh đồng tôi dừng chân thở lấy hơi. Tôi làm vài động tác khom gối, hít đất, tôi xoa bóp các cơ chân để chúng không nhiễm lạnh. Tôi xem giờ. Tôi muộn mất rồi, tôi phải quay lại nếu không muốn bắt sinh viên đợi. Chỉ cần một cái tin đồn lan đi rằng tôi chạy bộ qua rừng vào cái giờ lẽ ra tôi phải giảng bài... Tôi lao lên con đường quay về, không quan tâm đến một cái gì: tôi thậm chí sẽ không nhận ra ngôi nhà đó, tôi sẽ băng qua nó mà không chú ý. Với lại, ngôi nhà đó giống hệt các ngôi nhà khác về mọi phương diện, và cách duy nhất để nó nổi bật lên sẽ là nếu điện thoại lại đổ chuông, mà điều đó thì không thể...

Càng nghiên đi ngẫm lại những ý nghĩ đó trong đầu, trong khi chạy từ trên đồi xuống, tôi càng như thế lại nghe thấy tiếng chuông ấy; nó càng lúc càng rõ càng dễ nhận ra hơn, thế đó, tôi lại nhìn thấy ngôi nhà đó và điện thoại vẫn đang đổ chuông. Tôi vào trong vườn, tôi đi vòng quanh ngôi nhà, tôi chạy về phía ô cửa sổ. Tôi chỉ cần vươn tay là nhắc được ống nghe. Thở không ra hơi, tôi nói, “Ông ấy không có nhà...” và từ ống nghe một giọng – hơi bực bội, nhưng chỉ hơi thôi, bởi cái nổi bật nhất ở giọng này là cái lạnh lùng, sự bình thản – nói:

“Giờ ông nghe tôi đây. Marjorie đang ở đây, lát nữa cô ấy sẽ tỉnh, nhưng cô ấy đang bị trói không thể đi đâu được. Ghi lại địa chỉ này cho cẩn thận: một trăm mười lăm phố Hillside. Ông tới đây đón cô ta là tốt nhất; bằng không, sẽ có một can xăng dưới tầng hầm và một môi thuốc bằng chất dẻo gắn với đồng hồ hẹn giờ. Nửa giờ nữa căn nhà này sẽ rừng rực cháy...”

“Nhưng tôi không phải là...” tôi toan đáp.

Họ đã gác máy.

Giờ tôi làm gì đây? Dĩ nhiên tôi có thể gọi cảnh sát, sở cứu hỏa, bằng chính điện thoại này, nhưng tôi giải thích làm sao, biện minh thế nào chuyện chính tôi đây nói cách khác là chuyện làm thế nào tôi đây, kẻ đáng lý ra chẳng có liên quan gì tới vụ này, lại liên quan tới vụ này? Tôi lại bắt đầu chạy, tôi vòng quanh ngôi nhà lần nữa, rồi quay về lối của mình.

Tôi thấy tiếc cho cô Marjorie đó, nhưng nếu cô ta đã lâm vào tình thế nguy cấp như vậy thì ắt cô ta có dính vào có Trời biết những chuyện gì, và nếu tôi tiến lên để giúp cô ta, sẽ chẳng ai tin rằng tôi không biết cô ta rồi sẽ có vụ lôi thôi to, tôi là giáo sư ở một trường khác được mời tới trường này thỉnh giảng, uy tín của cả hai trường sẽ bị phương hại...

Nói đúng ra, khi một sinh mạng đang nằm trên bàn cân thì những toan tính kia nên được đẩy xuống hàng thứ yếu... Tôi chậm bước. Tôi có thể vào bất cứ nhà nào trong các nhà kia, hỏi người ta xem liệu họ có cho tôi gọi cảnh sát không, trước tiên là nói thật rõ rằng tôi không biết cô Marjorie này, tôi chả biết Marjorie nào hết...

Thật ra thì ở trường này có một sinh viên tên Marjorie, Marjorie Stubbs: tôi nhận ra cô ngay lập tức giữa các cô gái đến dự giờ tôi dạy. Cô là một thiếu nữ mà người ta có thể nói rằng rất hấp dẫn đối với tôi, thật dở là lúc tôi mời cô đến nhà tôi để cho cô mượn vài cuốn sách thì chắc hẳn tôi đã tạo ra một tình huống khó xử. Mời cô đến là một sai lầm: đây là giữa những ngày đầu tiên tôi đến dạy, ở đây người ta còn chưa biết tôi là loại người nào, cô có thể hiểu lầm ý định của tôi, mà quả là cô hiểu lầm thật, một hiểu lầm khó chịu, mãi đến giờ vẫn rất khó làm sáng tỏ vì cô cứ có cái lối nhìn tôi đầy mai mỉa, còn tôi thì chẳng có khả năng nói với cô một lời mà không ập úng, các cô gái khác cũng nhìn tối với nụ cười mai mỉa...

Phải, tôi không muốn nổi bứt rứt này, vốn lại sống dậy trong tôi bởi cái tên Marjorie, ngăn không cho tôi can thiệp để cứu một Marjorie khác mà sinh mạng đang cơn nguy khốn... Trừ phi là chính Marjorie đó... Trừ phi cú điện thoại kia là nhằm gọi chính tôi... Một nhóm gangster rất nhiều thế lực

đang để mắt tới tôi, chúng biết là sáng nào tôi cũng chạy bộ dọc con đường đó, có thể chúng có người canh gác trên ngọn đồi cầm kính viễn vọng dõi theo bước chạy của tôi, khi tôi đến gần ngôi nhà vắng chủ kia thì chúng gọi vào điện thoại ấy, chúng gọi là gọi cho tôi, vì chúng biết cái ấn tượng xui xẻo tôi đã gây ra nơi Marjorie ngày hôm đó ở nhà tôi và giờ chúng đang tổng tiền tôi...

Hầu như không tự nhận ra, tôi thấy mình ngay cổng vào khu học xá, vẫn cứ chạy, vận bộ đồ tập và mang giày chạy, tôi không ghé vào nhà mình đựng thay quần áo và lấy sách vở, giờ tôi làm gì đây? Tôi tiếp tục chạy ngang qua khu học xá, tôi gặp vài cô gái đi thơ thẩn thành từng nhóm nhỏ trên bãi cỏ, họ là sinh viên của tôi và đang trên đường đến lớp do tôi dạy, họ nhìn tôi bằng nụ cười mai mỉa mà tôi không chịu nổi.

Vẫn làm động tác chạy, tôi ngăn Lorna Clifford lại mà hỏi, “Cô Stubbs có đây không?”

Cô Clifford chớp chớp mắt. “Marjorie ấy à? Đã hai hôm nay nó không lộ mặt. Sao ạ?”

Tôi đã chạy đi rồi. Tôi rời khu học xá. Tôi theo tuyến đại lộ Grosvenor, rời phố Cedar, rời đường Maple. Tôi đứt hết cả hơi, tôi chạy chỉ vì tôi không thể cảm thấy mặt đất dưới chân mình, hay hai lá phổi trong ngực mình. Đường Hillside đây. Mười một, mười lăm, hai bảy, năm mốt; tạ ơn Chúa các số nhà qua nhanh, nhảy cóc từ chục này sang chục nọ. 115 đây rồi. Cửa mở, tôi trèo lên cầu thang, tôi vào một căn phòng tranh tối tranh sáng. Marjorie kia, bị trói trên đi văng, miệng bị nhét giẻ. Tôi tháo giẻ, cởi trói cho cô. Cô nôn mửa. Cô nhìn tôi khinh miệt.

“Ông là đồ đê tiện,” cô nói với tôi.

Bạn ngồi nơi bàn trong quán cà phê, vừa đọc cuốn tiểu thuyết của Silas Flannery mà ông Cavedagna cho bạn mượn vừa đợi Ludmilla. Tâm trí bạn bị hai nỗi bận tâm đồng thời xâm chiếm: bận tâm bên trong, về sự đọc của bạn, và bận tâm bên ngoài, về Ludmilla, nàng đến muộn giờ hẹn. Bạn tập trung vào việc đọc, cố chuyển mỗi quan tâm về nàng sang cuốn sách, như thể hy vọng thấy nàng tiến về phía bạn từ trong những trang sách. Nhưng bạn không đọc được nữa, cuốn tiểu thuyết đã chững lại trên trang sách trước mắt bạn, như thể duy sự xuất hiện của Ludmilla mới có thể làm chuỗi sự kiện vận hành tiếp mà thôi.

Người ta gọi bạn. Cái tên mà anh bồi đang nhắc đi nhắc lại giữa các bàn chính là tên bạn. Đứng dậy đi, có người gọi điện cho bạn đó. Là Ludmilla chẳng? Đúng nàng. “Em sẽ giải thích sau. Giờ em không tới được.”

“Nè, anh có cuốn sách rồi nhá! Không, không phải cuốn ấy, chả phải cuốn nào trong số ấy hết, mà là một cuốn mới. Nghe này...” Chắc bạn không định kể cho nàng nghe câu chuyện trong cuốn tiểu thuyết qua điện thoại đấy chứ? Hãy nghe nàng nói đã, nghe xem nàng muốn nói gì với bạn.

“Anh đến với em đi,” Ludmilla nói. “Ừ, đến nhà em. Giờ em không có nhà, nhưng cũng sắp về. Nếu anh đến trước thì cứ vào nhà đợi em. Chìa khóa ở dưới thảm chùi chân ấy.”

Giản dị và thoải mái là lối sống của nàng, chìa khóa để dưới thảm chùi chân, lòng tin cậy đối với người thân thuộc, thêm nữa cũng chẳng có gì nhiều để bị trộm, hãm hại. Bạn chạy tới địa chỉ nàng cho bạn. Bạn bấm chuông, hoài công vô ích. Như nàng đã nói, nàng không có nhà. Bạn tìm thấy chìa khóa. Bạn bước vào vùng tranh tối tranh sáng do những tấm rèm buông xuống.

Nhà một cô gái độc thân, nhà của Ludmilla: nàng sống một mình. Có phải đây là điều đầu tiên bạn muốn kiểm chứng không? Liệu có dấu vết nào

cho thấy có một gã đàn ông hiện diện không? Hay bạn muốn tránh đừng biết điều đó được lâu chùng nào hay chùng ấy, sống trong ngu muội, trong hoài nghi? Nhất định là có cái gì đó ngăn cản bạn dòm ngó chỗ này chỗ nọ (bạn có vén rèm lên một chút, nhưng chỉ một chút thôi). Có lẽ là bởi bạn cân nhắc rằng nếu như lợi dụng lòng tin cậy của nàng để tiến hành một cuộc điều tra thám tử thì bạn sẽ không xứng đáng với lòng tin cậy đó. Hoặc có thể vì bạn nghĩ mình đã biết nằm lòng rằng căn hộ của một cô gái độc thân trông ra làm sao; chưa nhìn bạn cũng đã biết trong đó gồm những đồ đạc gì rồi. Chúng ta đang sống trong một thời đại đồng dạng, trong những mô hình văn hóa được ấn định rạch ròi: đồ gỗ, đồ trang trí, chăn đệm, máy nghe nhạc, người ta đã chọn những thứ đó để đưa vào một số lượng giới hạn những khả năng. Làm sao chúng có thể tiết lộ cho bạn biết nàng thực sự là người thế nào?

Bạn là người thế nào, hử Người đọc Nữ? Đã đến lúc cuốn sách kể ở ngôi thứ hai này phải hướng tới không chỉ “bạn” chung chung giống đực, có thể là anh em trai hay phiên bản thứ hai của một cái tôi giả định, mà là hướng trực tiếp tới bạn, người đã xuất hiện từ chương hai với tư cách Ngôi thứ ba cần thiết để cuốn tiểu thuyết này thực sự là tiểu thuyết, để cho một cái gì đó diễn ra giữa Ngôi thứ hai giống đực đó và Ngôi thứ ba giống cái, để cho một cái gì đó hình thành, phát triển, hoặc thoái bộ tùy theo các tiết đoạn của sự kiện nhân sinh. Hay đúng hơn, tùy theo những mẫu hình tâm trí mà qua đó chúng ta sống những sự kiện nhân sinh ấy. Hay đúng hơn, tùy theo các mẫu hình tâm trí mà qua đó chúng ta gán cho sự kiện nhân sinh những ý nghĩa cho phép ta sống các sự kiện ấy.

Cho đến giờ cuốn sách đã cẩn thận để ngỏ cho Người đọc đang đọc cái khả năng đồng nhất bản thân mình với Người đọc đang được đọc: chính vì vậy anh ta không được đặt tên bởi một cái tên sẽ tự động khiến anh ta trở nên tương đồng với Ngôi thứ ba, hay là một nhân vật (trong khi đó thì bạn, người ở Ngôi thứ ba, thì lại cần được đặt cho một cái tên, Ludmilla), thế nên anh ta vẫn được giữ là một đại từ, trong trạng thái trừu tượng của các đại từ,

thích hợp với bất cứ thuộc tính và bất cứ hành vi nào. Ta sẽ cùng xem nhé, Người đọc Nữ, liệu cuốn sách này có vẽ được một chân dung chân xác về bạn không, bắt đầu từ cái khung quây lấy bạn từ mọi phía và xác lập nên những đường viền của hình dong bạn.

Bạn xuất hiện lần đầu tiên trước mặt Người đọc trong một hiệu sách; bạn khoác lấy hình hài, tách mình ra khỏi một bức tường đầy kệ sách, như thể số lượng những quyển sách khiến cho cần phải có sự hiện diện của một Người đọc Nữ trẻ tuổi. Căn nhà của bạn, là nơi bạn đọc sách, có thể cho chúng tôi biết sách chiếm vị trí nào trong đời bạn, liệu sách có phải là hàng rào phòng ngự bạn xây lên để giữ khoảng cách xa với thế giới bên ngoài hay không, liệu sách có phải là một giấc mơ nơi bạn chìm vào như vào một thứ ma túy hay không, hay là những cây cầu bạn ném ra ngoài, ném về phía cái thế giới làm bạn thích thú đến nỗi bạn những muốn nhún lên nhiều lần và mở rộng chiều kích của nó thông qua sách. Để hiểu được điều này, Người đọc của chúng ta biết, bước đầu tiên là vào thăm căn bếp.

Trong căn nhà thì bếp là phần hé lộ nhiều điều nhất về bạn: bạn có tự nấu ăn lấy không (chắc có, nếu không phải hằng ngày thì ít nhất cũng khá đều đặn), bạn chỉ nấu cho mình bạn hay cho cả người khác (thường chỉ cho mình bạn, nhưng một cách chu đáo, như thế bạn cũng nấu cho cả người khác nữa, và đôi khi cho cả những người khác nữa, song một cách ơ hờ như thể bạn đang nấu cho mình bạn thôi), bạn thường chỉ làm những thứ giản dị nhất hay là ưa những món ăn ngon (những thứ bạn mua và các đồ lễ bạn dùng gợi ý rằng bạn thích những thực đơn phức tạp cầu kỳ, ít nhất là trong ý định; không nhất thiết là bạn háu ăn, nhưng chắc hẳn bạn không thể vui bụng khi nghĩ tới chuyện ăn bữa tối bằng hai quả trứng chiên), liệu việc đứng nơi bếp lò đối với bạn là một nhu cầu thiết yếu mà khổ sở hay cũng là một niềm vui thú (căn bếp bé tí được trang bị và sắp xếp sao cho bạn có thể đi tới đi lui một cách thuận tiện và không phải quá gắng công, mục đích là để bạn không phải lui cui trong đó quá lâu nhưng cũng có thể ở trong đó mà không miễn cưỡng). Các thiết bị đều nằm đúng chỗ, những con vật hữu ích mà công trạng người ta cần phải nhớ, mặc dù không nhất thiết phải tôn thờ đặc biệt.

Giữa các dụng cụ này ta có thể nhận ra một xu hướng truy tầm thẩm mỹ (một bộ đầy đủ những con dao pha hình bán nguyệt kích cỡ nhỏ dần, trong khi chỉ cần một con là đủ), song nhìn chung các yếu tố trang trí cũng là những vật hữu dụng, chỉ một phần nhỏ là thuần trang điểm cho vui mắt. Đồ ăn dự trữ có thể cho chúng tôi biết đôi điều về bạn: nhiều loại rau, một số hiển nhiên được dùng thường xuyên, số khác dường như chỉ có cho đủ bộ; cả mù tạt cũng thế; nhưng đặc biệt, chính những dây tỏi được treo vừa vịn tầm tay mới chỉ ra một mối liên hệ với thức ăn không hề hừng cũng không đại khái qua loa. Ghé nhìn một cái vào tủ lạnh, bạn có thể thu thập thêm những thông tin quý báu khác: ngăn đựng trứng còn mỗi một quả; chanh chỉ còn nửa quả mà cũng đã héo mất nửa; nói cách khác, ta lưu ý thấy rằng về chuyện bổ sung thức ăn thiết yếu hằng ngày thì bạn có phần hơi lơ là. Bù lại, có hạt dẻ nghiền, ô liu đen, một lọ con đựng diếp củ hay cải ngựa: rõ là mỗi khi mua sắm bạn thường đắm mình theo sức hấp dẫn của những món người ta bày bán chứ không ngần ngại xem ở nhà mình đang thiếu cái gì.

Vì vậy, khi quan sát căn bếp nhà bạn, người ta có thể dựng nên hình ảnh bạn là một phụ nữ hướng ngoại, sáng suốt, đầy nhục cảm và có phương pháp, luôn bắt cảm quan thực tế phải phục vụ cho trí tưởng tượng. Liệu một người đàn ông có thể chỉ vừa nhìn thấy căn bếp của bạn là đã phải lòng bạn không? Ai biết? Hẳn là Người đọc; anh ta khá có thiện cảm với bạn rồi đó.

Anh ta tiếp tục khám phá căn hộ mà bạn đã trao chìa khóa cho. Có vô số thứ bạn gom góp về xung quanh bạn: quạt này, bưu thiếp này, lọ nước hoa này, rồi thì vòng cổ treo trên mấy bức tường. Nhưng xem xét kỹ hơn thì sẽ thấy mỗi vật đều có vẻ đặc biệt, chút gì đó bất ngờ. Mối quan hệ của bạn với đồ vật là có tính chọn lọc, cá nhân: chỉ những đồ vật nào bạn cảm thấy là của bạn thì mới thành của bạn: đó là một mối quan hệ với tính vật chất của đồ vật; đối với bạn, không một ý niệm mang tính lý trí hay cảm tính nào thay thế được việc nhìn thấy và sờ tay vào các vật. Và một khi đồ vật đã gắn liền với bạn, được bạn đóng dấu sở hữu, chúng không còn có vẻ hiện diện một cách tình cờ nữa, chúng mang vào mình ý nghĩa như là thành tố của một

diễn ngôn, như một ký ức tạo thành từ những dấu hiệu và biểu tượng. Bạn là người có bản tính chiếm hữu ư? Có lẽ hãy còn chưa đủ bằng chứng để nói: hiện giờ thì có thể nói bạn có bản tính ưa chiếm hữu chính mình, rằng bạn gắn bó với các ký hiệu trong đó bạn nhận ra một cái gì đó của bản thân mình, e sợ đánh mất chính mình cùng với chúng.

Nơi một góc tường có một số bức ảnh lồng khung, treo sát vào nhau. Ảnh chụp ai? Chụp bạn ở nhiều lứa tuổi khác nhau, và của nhiều người khác, đàn ông có, đàn bà có, cả những bức rất cũ dường như lấy ra từ một tập ảnh gia đình; nhưng hợp chung lại thì các ảnh này dường như có một chức năng, không hẳn để nhắc ta nhớ lại một số người cụ thể, mà là để tạo thành một bức tranh ghép về những cấu trúc phân tầng của một hiện hữu. Các khung ảnh chẳng cái nào giống cái nào, khung có họa tiết hoa theo trường phái Tân Nghệ thuật thế kỷ mười chín, khung bằng bạc, đồng, khung có tráng men, khung bằng đôi môi, bằng da, bằng gỗ chạm; có thể ý đồ là để tôn thêm giá trị cho những mảnh nhỏ của đời sống thực kia, nhưng cũng có thể đây là một bộ sưu tập khung ảnh và các bức ảnh có đây chẳng qua để lấp đầy khung; quả thực, lồng trong một số khung lại là những ảnh cắt từ báo ra, có một khung bao quanh một trang thư cũ nào đó không đọc được, một khung thì để trống.

Chẳng còn gì khác treo trên phần còn lại của bức tường, cũng chẳng có món đồ gỗ nào kê vào đó. Và toàn bộ căn nhà cũng có phần giống vậy: tường trống trơn ở đây, tường treo chi chít thứ ở kia, như để đáp ứng nhu cầu tập trung các ký hiệu thành một thứ chữ viết dày đặc, quanh đó chừa khoảng trống ngỗ hầu tìm lại được sự thư thái.

Cách bố trí bàn ghế và những thứ đặt trên đó cũng chẳng hề cân xứng nốt. Cái trật tự mà bạn tìm cách đạt tới (khoảng không trong nhà bạn thì có giới hạn, nhưng bạn tỏ ra có quan tâm nhất định đến việc khai thác nó, làm cho nó như thể rộng hơn) không phải là sự áp dụng một sơ đồ, mà là đạt tới một sự hài hòa giữa những đồ vật đang có đó.

Nói ngắn gọn, bạn ngăn nắp hay không ngăn nắp? Căn nhà của bạn không trả lời những câu hỏi gặng này bằng một tiếng có hoặc không. Bạn có

một ý tưởng về trật tự, đúng thế, thậm chí là một ý tưởng khắt khe, nhưng trên thực tế chẳng một sự ứng dụng có phương pháp nào tương hợp với nó cả. Hiển nhiên mối quan tâm của bạn đối với căn nhà là có tính thất thường: nó theo sát sự khó khăn của những ngày bạn sống, những thăng trầm của tâm trạng bạn.

Bạn u sầu hay vui tươi? Căn nhà, trong sự hiền minh của nó, dường như đã tận dụng những lúc vui tươi của bạn để tự chuẩn bị cho mình làm nơi che chở bạn vào những lúc bạn u sầu.

Bạn có thực sự hiếu khách không, hay liệu cung cách bạn để cho người quen bước vào căn nhà là một dấu hiệu của sự thờ ơ? Người đọc đang tìm một chỗ thuận tiện để ngồi đọc mà không xâm phạm những không gian rõ là được dành riêng cho bạn; anh ta đang dần có ý nghĩ rằng một vị khách có thể rất thoải mái trong nhà bạn với điều kiện anh ta thích nghi được với các quy tắc của bạn.

Còn gì nữa? Máy cảnh trồng trong chậu xem ra đã mấy ngày không được tưới, nhưng có lẽ bạn đã cố tình chọn những loài cây không cần chăm sóc nhiều. Còn lại thì trong mấy căn phòng này không có dấu vết của chó hoặc mèo hoặc chim; bạn là một phụ nữ có xu hướng không muốn gánh thêm trách nhiệm, đây có thể là dấu hiệu cho thấy tính ích kỷ hoặc cũng có thể cho thấy bạn tập trung vào những mối quan tâm khác ít chịu tác động từ ngoài hơn, và cũng là dấu hiệu cho thấy bạn không cần những thứ thay thế mang tính biểu tượng cho những động lực tự nhiên vốn thường khiến bạn quan tâm tới những người khác, tham gia vào câu chuyện của họ, vào đời sống, vào những cuốn sách...

Ta nhìn mấy cuốn sách xem nào. Điều đầu tiên ta nhận thấy, ít nhất là khi nhìn những thứ nổi bật nhất bạn có, ấy là chức năng của sách đối với bạn là để đọc ngay lập tức; sách không phải là công cụ nghiên cứu hay tham khảo hay là những thành phần cấu tạo nên một thư viện được sắp xếp theo trật tự nào đó. Có lẽ thỉnh thoảng bạn cũng đã thử mang lại cái gì đó giống

như là trật tự cho các kệ sách của mình, nhưng mọi nỗ lực phân loại đều nhanh chóng bị phá hỏng bởi những lần bạn mang thứ khác loại về. Lý do chính để bạn đặt các tập sách cạnh nhau, ngoài chuyện kích thước những cuốn cao nhất hay những cuốn thấp nhất, vẫn là trật tự theo ngày tháng chúng về đây, cuốn này sau cuốn nọ; dù sao thì bạn vẫn luôn có thể đặt tay lên bất cứ cuốn nào, mà cũng vì sách chẳng nhiều lắm (ắt là bạn đã bỏ lại mấy kệ sách khác ở những nhà khác, trong những giai đoạn khác của đời bạn), và có lẽ bạn không hay thấy mình đang cố lòng cho ra một cuốn sách mình đã đọc rồi.

Nói gọn, bạn xem ra không phải là một Người Đọc Hay Đọc Lại. Bạn nhớ rất rõ tất cả những gì đã đọc (đây là một trong những điều trước tiên bạn truyền đạt được về bản thân mình); có lẽ đối với bạn mỗi cuốn sách đều trở nên đồng nhất với việc bạn đọc nó vào một thời điểm nhất định, một lần và mãi mãi. Và cũng như bạn lưu giữ những cuốn sách đó trong ký ức, bạn muốn lưu giữ chúng như những món đồ, giữ chúng ở gần mình.

Giữa các sách của bạn, trong mớ đa tạp chẳng làm nên một thư viện này, vẫn có thể phân biệt được một phần chết hoặc ngủ yên, vốn là kho chứa những sách được để sang bên, những sách đã đọc và hiếm khi đọc lại, hay những sách bạn chưa đọc và sẽ không đọc nhưng vẫn giữ lại (và phủi bụi), rồi thì đến phần sống, là những cuốn sách bạn đang đọc hoặc dự định đọc hay là những cuốn mà bạn chưa tách mình ra được hay là những cuốn bạn thích có, thích nhìn thấy quanh mình. Không như các thực phẩm trong nhà bếp, nơi đây là phần sống, để tiêu thụ ngay, nó cho biết nhiều nhất về bạn. Nhiều cuốn sách nằm ngổn ngang, vài cuốn để mở, những cuốn khác có những mẫu bìa đánh dấu tự làm lấy hay là góc trang gấp lại.

Hiển nhiên là bạn có thói quen đọc vài sách cùng một lúc, bạn chọn nhiều thứ để đọc vào những giờ khác nhau trong ngày, tại những góc khác nhau trong nhà bạn vốn đã chật ních đồ: có những cuốn sách đọc bên bàn ngủ, những cuốn nằm cạnh ghế bành, trong bếp, trong buồng tắm.

Đó có thể là một nét quan trọng cần bổ sung vào chân dung bạn: tâm trí bạn có những bức vách bên trong cho phép bạn ngăn ra thành những thời

gian khác nhau trong đó bạn có thể ngừng hoặc trôi, có thể tập trung vào nhiều kênh song song, hết vào kênh này lại chuyển sang kênh khác. Có phải thế là đủ để nói rằng bạn thích sống vài cuộc đời cùng một lúc chẳng? Hay bạn thực sự đang sống như thế? Rằng bạn tách rời cuộc sống của mình với một người này ở một môi trường này với cuộc sống của bạn với một người khác ở một môi trường khác, nơi khác? Rằng trong mỗi một trải nghiệm bạn đều chấp nhận như là chuyện đương nhiên một sự bất mãn vốn chỉ có thể được đền bù bằng tổng gộp mọi bất mãn?

Người đọc, đóng tai lên nào. Mỗi ngờ vực này đang len lỏi vào trong óc bạn, để nuôi dưỡng mỗi lo âu của bạn như một kẻ ghen tuông mà vẫn chưa nhận ra mình là kẻ ghen tuông. Ludmilla, bản thân là người đọc nhiều cuốn sách cùng một lúc, để tránh phải chịu nỗi thất vọng mà bất cứ câu chuyện nào cũng có thể gây cho nàng, nàng có xu hướng dẫn dắt nhiều câu chuyện khác nữa cùng một lúc...

(Chớ tin rằng cuốn sách đang buông lời bạn, Người đọc ạ. Từ ‘bạn’ mà này giờ được chuyển sang Người đọc Nữ có thể lại chuyển sang nói về bạn ở bất cứ câu nào. Bạn luôn luôn là một ‘bạn’ khả hữu. Ai mà dám kết án bạn để cho bạn mất đi cái ‘bạn’ ấy, một tai họa cũng kinh khủng chả khác gì mất đi cái ‘tôi’. Để một diễn ngôn ở ngôi thứ hai trở thành tiểu thuyết thì ít nhất cũng phải có hai ‘bạn’, vừa khác biệt vừa song hành, đứng hẳn ra ngoài cái đám đông những chàng, những nàng và những họ).

Thế nhưng việc nhìn thấy những cuốn sách trong nhà Ludmilla vẫn làm bạn an lòng. Đọc là niềm cô đơn. Với bạn, Ludmilla có vẻ được bảo vệ nhờ những tấm van của cuốn sách mở giống như con sò trong cái vỏ của nó. Cái bóng của một người đàn ông khác, hẳn là có, trên thực tế là nhất định có, cho dầu chưa bị xóa sạch thì cũng đã bị gạt sang bên. Người ta đọc là đọc một mình, dù có hai người cùng đọc đi chẳng nữa. Nhưng nếu vậy thì bạn kiếm cái gì ở đây? Có phải bạn muốn xuyên thấu vào trong vỏ sò của nàng, len lỏi vào giữa các trang những cuốn sách nàng đang đọc? Hay liệu mối quan hệ giữa Người đọc Này với Người đọc Kia vẫn là quan hệ giữa hai vỏ

sò riêng rẽ, vốn chỉ có thể thông đạt với nhau qua sự đối đầu một phần của hai trải nghiệm loại biệt nhau?

Bạn có đem theo mình cuốn sách bạn đang đọc trong quán cà phê, cuốn mà bạn háo hức muốn đọc tiếp, để rồi bạn có thể trao sang cho nàng, để lại đàm đạo với nàng thông qua cái kênh do lời người khác đào nên, những lời mà, do được thốt ra bởi một giọng nói lạ, bởi giọng của cái kẻ chẳng là ai câm lặng được tạo nên bằng mực và khoảng trắng giữa các chữ in kia, có thể trở thành giọng của bạn và của nàng, một ngôn ngữ, một thứ mã giữa hai bạn với nhau, một phương tiện để trao đổi các ký hiệu và nhận ra nhau.

Một chiếc chìa khóa xoay trong ổ. Bạn nín lặng, như thể muốn làm nàng ngạc nhiên, như để xác nhận với chính mình và với nàng rằng việc bạn có mặt ở đây là điều tự nhiên. Nhưng bước chân không phải của nàng. Chầm chậm, một người đàn ông hiện ra nơi hành lang, bạn thấy cái bóng của y qua mấy tấm rèm, một cái áo gió bằng da thuộc, một bước chân cho thấy y quen với nơi này nhưng có những quăng ngừng dài, như của một kẻ đang tìm kiếm cái gì. Bạn nhận ra y. Đó là Irnerio.

Bạn phải quyết định tức khắc mình nên có thái độ gì. Sự ngã lòng khi thấy gã vào nhà nàng như vào nhà gã còn mạnh hơn cảm giác áy náy vì chính bạn đang ở đây nửa kín nửa hở. Dù vậy, bạn biết quá rõ rằng nhà của Ludmilla luôn rộng mở cho bạn bè nàng: chìa khóa nằm ngay dưới thảm chùi chân.

Ngay từ khi mới vào, bằng cách nào đó bạn đã cảm thấy mình bị những cái bóng không có mặt khẽ lướt qua. Irnerio ít nhất là một bóng ma quen mặt. Cũng như bạn với gã vậy.

“À, cậu ở đây à.” Gã nhận ra bạn trước nhưng không ngạc nhiên. Sự tự nhiên này, mới một thoáng trước bạn còn muốn áp đặt, bây giờ chả làm bạn vui.

“Ludmilla không có nhà,” bạn nói, ít nhất là để xác lập sự ưu tiên của bạn trong việc biết tin này, hay thực ra là trong việc chiếm hữu lãnh địa này.

“Tớ biết,” gã nói, hờ hững. Gã tìm quanh, lục lạo mấy cuốn sách.

“Tớ giúp gì được không?” bạn nói tiếp, tuồng như muốn khiêu khích gã.

“Tớ đang tìm một cuốn sách,” Irnerio nói.

“Tớ cứ tưởng cậu chả bao giờ đọc,” bạn đáp.

“Không phải để đọc. Mà để làm. Tớ làm cái này cái nọ bằng những quyển sách. Tớ làm ra các món. Ủ, nghệ phẩm ấy: tượng, tranh, cậu muốn gọi là gì cũng được. Tớ thậm chí từng làm cả show. Tớ lấy mát tít gấn mấy quyển sách vào nhau, vậy là chúng như thế nào thì giữ nguyên thế ấy. Gấp, hay mở, không thì tớ cho chúng hình dáng, tớ tạc, tớ đục lỗ chúng. Một quyển sách là chất liệu chế tác tốt; với nó cậu có thể làm ra đủ thứ.”

“Ludmilla đồng ý à?”

“Cô ấy thích mấy món tớ làm. Cô ấy góp ý cho tớ. Các nhà phê bình nói việc tớ làm là quan trọng. Giờ họ đang cho tất tật tác phẩm của tớ vào một cuốn sách. Họ bắt tớ nói chuyện với ông Cavedagna. Một cuốn sách có ảnh chụp tất cả tác phẩm của tớ. Khi sách này in ra, tớ sẽ dùng nó cho một tác phẩm khác, nhiều tác phẩm. Rồi người ta sẽ cho nó vào một cuốn sách khác, cứ thế.”

“Ý tôi là Ludmilla đồng ý để cậu lấy sách của cô ấy đi ấy...”

“Cô ấy có khối... Có khi tự cô ấy cho tớ sách là khác, cho là để tớ sáng tác, mấy cuốn cô ấy không cần ấy. Nhưng cuốn nào với tớ cũng tốt hết. Có vài cuốn ngay lập tức cho tớ ý tưởng tớ có thể làm gì với nó, những cuốn khác thì không. Đôi khi tớ có một ý tưởng nhưng tớ không làm được chừng nào chưa tìm được đúng cuốn sách.” Gã đang xáo tung mấy cuốn sách trên một kệ sách, gã nhắc nhắc một cuốn trên tay để xem nặng nhẹ, quan sát gáy và mép sách, đặt xuống. “Có những cuốn tớ thấy phù hợp, và những cuốn tớ không chịu được, mà thứ ấy thì tớ gặp luôn.”

Giờ thì bức Vạn Lý Trường Thành bằng sách mà bạn những mong sẽ ngăn không cho tên xâm lược dã man này được lại gần Ludmilla hóa ra là

một món đồ chơi mà hấn tháo tung ra một cách tuyệt đối tự tin. Bạn cười to ra chiều cay đắng. “Rõ là cậu thuộc nằm lòng thư viện của Ludmilla...”

“Ồ, bao giờ lại chẳng cùng một thứ ấy thôi, hầu hết... Nhưng thấy bao nhiêu sách nằm chung một chỗ thì cũng thích. Tớ yêu sách...”

“Tôi không hiểu cậu.”

“Ừ, tớ thích thấy sách quanh mình. Vì vậy ở đây mới thích, nhà Ludmilla ấy. Cậu không nghĩ thế à?”

Tầng tầng lớp lớp những trang giấy kín chữ cột buộc căn phòng giống như vòm lá dày đặc trong một khu rừng rậm rạp, không, như những lớp đá theo phần tầng địa chất, những phiến đá xám, những mảnh đá lửa; thế nên bạn cô nhìn xuyên qua cặp mắt Irnerio để thấy cái nền mà trên đó hình dáng sống động của Ludmilla phải nổi bật lên. Nếu bạn giành được sự tin cậy của Irnerio, gã sẽ tiết lộ cho bạn về điều bí mật khiến bạn tò mò, quan hệ giữa Người Không đọc và Người Đọc Nữ, Ludmilla. Nhanh lên, hỏi gã gì đó về đề tài này đi, bất cứ điều gì. “Nhưng cậu” – đây là câu hỏi duy nhất nảy ra trong trí bạn – “trong khi cô ấy đọc, cậu làm gì?”

“Tớ ngắm cô ấy đọc cũng chả hề gì,” Irnerio nói. “Với lại, cũng phải có người đọc sách chứ, phải không? Ít nhất thì tớ cũng thấy thoải mái: bản thân tớ sẽ không phải đọc.”

Bạn chẳng có nhiều lý do để mừng, Người đọc ạ. Cái bí mật được tiết lộ với bạn, sự thân tình giữa hai người bạn họ, hàm chứa trong mối quan hệ hỗ tương của hai tiết tấu cốt tử. Với Irnerio tất cả những gì đáng kể là cuộc sống được sống từng khoảnh khắc một; nghệ thuật đối với gã chỉ xứng đáng là sự tiêu dùng năng lượng sống, chứ không như một tác phẩm sẽ còn tồn tại, không như sự tích lũy sự sống mà Ludmilla tìm kiếm trong những cuốn sách. Nhưng gã cũng công nhận – mà không cần phải đọc – rằng năng lượng có được tích lũy bằng cách nào đấy, và gã thấy có nghĩa vụ đem nó trở lại vòng lưu chuyển, dùng sách của Ludmilla làm cơ sở vật chất cho những tác phẩm mà gã có thể dồn vào năng lượng của chính mình, ít nhất là trong khoảnh khắc.

“Cuốn này hợp với tớ đây,” Irnerio nói và đã toan nhét một tập sách vào túi áo gió gã mặc.

“Không, để cuốn ấy lại. Cuốn ấy tôi đang đọc. Với lại không phải sách của tôi, tôi phải trả lại cho Cavedagna. Lấy cuốn khác đi. Đây, cuốn này... Gần hết như nhau mà...”

Bạn đã cầm lên một cuốn sách có dải băng đỏ – SÁCH BÁN CHẠY MỚI NHẤT CỦA SILAS FLANNERY – và chỉ nội điều này là đã rõ tại sao lại hết như nhau, bởi tất cả tiểu thuyết của Flannery đều được ấn hành theo một xê ri được thiết kế đặc biệt. Nhưng không chỉ có vậy: nhan đề nổi bật lên trên cái bìa ngoài là *Trong mạng lưới những đường...* Đây là hai bản của cùng một cuốn sách! Bạn không ngờ tới điều này. “Ái chà, thế này thì lạ quá! Tôi chả bao giờ nghĩ Ludmilla đã có nó rồi...”

Irnerio giơ cả hai tay lên. “Đây không phải của Ludmilla. Tớ không muốn dính dáng gì đến thứ này hết. Tớ cứ nghĩ trong thiên hạ không còn nhiều cái thứ này nữa mới phải.”

“Sao cơ? Vậy thì của ai? Cậu nói thế là ý gì?” Irnerio dùng hai ngón tay nhắc quyển sách lên, đi về phía một cánh cửa nhỏ, ném vào trong. Bạn theo sau gã; bạn thò đầu vào một phòng chứa đồ nhỏ tối tăm; bạn thấy một cái bàn trên có chiếc máy chữ, một máy thu âm, nhiều tờ điện, một tập hồ sơ vĩ đại. Từ tập hồ sơ ấy bạn nhặt lên tờ giấy dùng làm trang nhan đề, bạn mang nó đến bên ngọn đèn, bạn đọc, “Bản dịch của Ermes Marana.”

Bạn choáng váng. Đọc những bức thư của Marana, bạn cảm thấy mỗi lần gỡ trang là lại gặp Ludmilla... Bạn không sao thôi nghĩ về nàng: điều đó bạn giải thích bằng cách này đây, bằng chứng cho thấy bạn đang yêu. Giờ đây, đi quanh căn nhà của Ludmilla, bạn bắt gặp những dấu vết của Marana. Có phải đó là một nỗi ám ảnh đeo đuổi bạn không? Không, ngay từ đầu cái bạn cảm thấy là một linh cảm rằng giữa bọn họ có tình ý... Sự ghen tuông, vốn trước nay là một trò chơi mà bạn chơi với chính mình, lúc này hành hạ bạn không thương tiếc. Mà không chỉ ghen tuông: nó là sự ngờ vực, bất tín,

cảm giác bạn không thể tin chắc về bất cứ cái gì hay bất cứ ai... Cuộc truy lùng cuốn sách bị ngắt ngang, vốn đã truyền vào bạn một niềm phấn khích đặc biệt bởi bạn đang tiến hành nó cùng với Người đọc Nữ, hóa ra cũng chính là truy lùng nàng, kẻ luôn vượt thoát khỏi bạn trong cơ man nào những bí ẩn, những lọc lừa, những nguy trang...

“Nhưng... Marana thì can dự gì tới chuyện này?” bạn hỏi. “Hắn sống ở đây à?”

Irrerio lắc đầu. “Trước kia hắn ở đây. Thời đó nay qua rồi. Hắn không nên trở lại đây nữa. Nhưng đến giờ tất cả truyện của hắn đều bảo hòa sự giả dối đến mức bất cứ điều gì người ta nói về hắn đều giả dối. Hắn đã thành công trong việc này, ít nhất là thế. Những cuốn sách hắn mang tới đây trông in hệt như những cuốn ở ngoài kia, nhưng tôi nhận ra chúng ngay lập tức, từ xa đã nhận ra. Và khi tôi nghĩ rằng chúng không nên ở đây thêm nữa, không nên thêm bất cứ giấy má nào của hắn, ngoại trừ cái gian kho kia... Nhưng thỉnh thoảng một dấu vết của hắn lại nảy ra. Đôi khi tôi ngờ rằng hắn cài sẵn chúng ở đây, những khi không có ai ở nhà là hắn lại tới và vẫn tiếp tục làm những vụ hắn thường làm, một cách lén lút...”

“Vụ gì?”

“Tớ không biết. Ludmilla nói hắn hề đã chạm tới cái gì thì, nếu cái đó trước kia không giả, nó sẽ thành ra giả. Tớ chỉ biết mỗi chuyện là nếu tớ thử làm ra tác phẩm của tớ từ mấy cuốn sách của hắn, tác phẩm của tớ sẽ hóa ra là giả: cho dù nó trông y hệt như các tác phẩm tớ luôn làm ra đi nữa...”

“Nhưng tại sao Ludmilla vẫn cứ giữ những thứ của hắn trong gian nhà kho kia? Có phải cô ấy đợi hắn quay lại không?”

“Hồi hắn còn ở đây, Ludmilla chả sung sướng gì... Cô ấy không đọc nữa... Rồi cô ấy bỏ đi... Cô ấy là người ra đi trước... Rồi đến lượt hắn đi...”

Cái bóng đang rời khỏi bạn. Bạn thở lại được rồi. Quá khứ đã khép lại. “Thế nếu hắn lại chường mặt ra?”

“Cô ấy sẽ lại đi nữa...”

“Đi đâu?”

“Ừm... Thụy Sĩ... Tôi không biết...”

“Có người đàn ông khác ở Thụy Sĩ à?” Một cách bản năng bạn nghĩ tới tay nhà văn dùng kính viễn vọng.

“Bạn có thể gọi hắn là người đàn ông khác, nhưng đó là một thứ chuyện hoàn toàn khác. Tay già chuyên viết truyện ly kỳ...”

“Silas Flannery?”

“Cô ấy nói, khi Marana thuyết phục cô ấy rằng sự khác biệt giữa cái thực và cái giả chỉ là một thành kiến của chúng ta, cô ấy cảm thấy cần phải gặp ai đó chuyên làm ra sách theo kiểu một dây bí làm ra quả bí... cô ấy nói vậy đấy...”

Cửa bất ngờ bật mở. Ludmilla vào, quăng áo khoác lên một cái ghế, những gói gùng của nàng. “A, tuyệt quá! Nhiều bạn thế này! Xin lỗi tôi về muộn!”

Bạn dùng trà, ngồi cùng với nàng. Imerio lẽ ra cũng có mặt ở đó, nhưng ghế đã trống.

“Hắn mới đây mà. Hắn đi đâu rồi?”

“Ồ, chắc anh ấy đi rồi. Anh ấy bao giờ cũng vậy, đến rồi đi mà chả nói gì hết.”

“Người ta cứ đến nhà em rồi lại đi như thế à?”

“Sao lại không? Làm sao anh vào được?”

“Đã anh mà rồi lại bao nhiêu người nữa!”

“Gì đây? Một màn ghen tuông á?”

“Anh có quyền gì đây?”

“Anh nghĩ là sẽ đến lúc anh có cái quyền đó à? Nếu vậy thì thậm chí đừng bắt đầu còn hơn.”

“Bắt đầu cái gì?”

Bạn đặt tách trà lên cái bàn cà phê. Bạn rời ghế bành để chuyển sang đi văng, nơi nàng ngồi.

(Bắt đầu. Bạn là người đã nói chữ ấy, Ludmilla. Nhưng làm thế nào xác lập đúng cái khoảnh khắc nơi một câu chuyện bắt đầu? Mọi cái đều đã bắt đầu từ trước rồi, dòng đầu của trang đầu của mỗi cuốn tiểu thuyết đều quy chiếu tới một cái gì đã xảy ra bên ngoài cuốn sách. Hoặc câu chuyện thực là câu chuyện khởi đầu mười hay một trăm trang sau đấy, còn mọi thứ đi trước nó chỉ là đoạn đề từ mà thôi. Cuộc đời của các cá nhân thuộc giống người tạo thành một cốt truyện liên tục không ngừng, trong đó mọi mưu toan nhằm tách bạch một mẫu sự sống vốn mang một ý nghĩa riêng biệt so với phần còn lại – chẳng hạn, cuộc gặp giữa hai người mà rồi sẽ là cuộc gặp có tính quyết định với cả hai – đều phải luôn ghi nhớ rằng mỗi người trong hai người ấy mang trong mình một kết cấu phức tạp gồm các sự kiện, môi trường, những con người khác, và rằng từ cuộc gặp gỡ đó, đến lượt mình, những câu chuyện khác sẽ phát sinh và rồi chúng sẽ bứt ra khỏi câu chuyện chung.)

Giờ các bạn cùng ở trên giường, Người đọc và Người đọc Nữ. Vậy là đã đến lúc phải gọi các bạn bằng ngôi thứ hai số nhiều, một việc rất ư nghiêm trọng, là bởi nó cũng bằng như coi hai bạn là một chủ thể duy nhất. Tôi đang nói với hai bạn, một mớ rối nùi khó có thể nhận ra dưới tấm trải giường nhàu nát. Có thể sau đó các bạn sẽ mỗi người xoay mỗi ngả và câu chuyện sẽ lại phải hì hục sang số, để luân phiên thay đổi giữa *bạn* số ít giống cái và *bạn* số ít giống đực; nhưng lúc này, bởi thân thể các bạn đang cố gắng tìm ra, da sát vào da, sự dính liền hào phóng nhất về cảm giác, cố truyền cho và thụ nhận những rung động và sóng, cố bù cho nhau những sự tròn đầy và những khoảng rỗng, bởi trong hành vi tinh thần các bạn cũng đã đồng ý về sự đồng thuận tối đa, nên người ta có thể nói với các bạn bằng một ngôn từ rành rọt vốn ôm chứa cả hai bạn thành một người duy nhất có hai đầu. Trước hết cần phải xác lập lĩnh vực hành động, hay là mô thức hiện hữu, cho cái dạng thực thể kép này mà các bạn tạo thành. Sự định danh hổ tương này

đang dẫn đến đâu? Cái chủ đề trung tâm trở đi trở lại trong các biến tấu và điều hướng của các bạn là gì? Một sự căng thẳng tập trung vào việc dừng để một cái gì đánh mất tiềm năng của nó, vào việc kéo dài một trạng thái hành động vì đối ứng, vào việc khai thác sự tích tụ dần khát vọng của người khác hầu như đôi năng lượng của chính mình? Hay có phải đó là sự buông mình đầy quy phục nhất, sự khai thác cái mệnh mông của những không gian có thể ve vuốt và ve vuốt lẫn nhau, sự hòa tan bản thể ta vào một cái hồ mà bề mặt là nhạy cảm vô cùng tận? Trong cả hai tình huống các bạn nhất định là không hiện hữu ở đâu khác ngoại trừ trong quan hệ với nhau, nhưng, để cho tình huống ấy có thể xảy ra, những cái tôi của từng người trong các bạn không hẳn là cần phải tự xóa mình mà đúng hơn là cần phải chiếm lấy không e ngại mọi khoảng không của không gian tinh thần, đầu tư vào chính nó với mức lãi suất tối đa hoặc chi tiêu chính nó cho đến đồng xu cuối. Nói gọn, việc các bạn đang làm rất đẹp nhưng về mặt ngữ pháp nó chẳng thay đổi một cái gì. Vào lúc các bạn có vẻ như là một *các bạn* thống nhất hơn bao giờ hết, một ngôi thứ hai số nhiều, các bạn chính là hai *bạn* số ít, tách biệt và tự khép kín trong chính mình hơn trước.

(Nay điều này đã đúng rồi, khi các bạn vẫn còn bị chiếm hữu, mỗi người bởi sự có mặt của người kia, một cách biệt lệ. Hãy hình dung rằng chẳng bao lâu nữa điều này sẽ xảy ra, khi những bóng ma vốn thường không gặp nhau rồi sẽ thường xuyên ghé thăm tâm trí các bạn, kèm theo những cuộc gặp gỡ của thân thể các bạn vốn đã được thói quen thử lửa.)

Ludmilla ạ, giờ bạn đang bị người ta đọc. Thân thể bạn đang làm đối tượng cho một sự đọc có hệ thống, qua những kênh thông tin xúc giác, thị giác và khứu giác, và chẳng phải không có đôi chút sự can thiệp của những nụ mầm vị giác. Thính giác cũng có vai trò của nó, tinh nhạy nắm bắt những tiếng thở dốc và kêu ư ử của bạn. Không chỉ có thân thể làm đối tượng cho sự đọc ở bên trong bạn: thân thể là đáng kể song chỉ trong chừng mực nó là một phần của một phức hệ những yếu tố tinh vi, không phải tất cả đều nhìn thấy được và không phải tất cả đều hiện diện, nhưng đều hiển thị trong

những sự kiện nhìn thấy được và hiện diện: mắt bạn mờ đi, tiếng bạn cười, lời bạn nói, cái kiểu bạn gom tóc mình vào rồi lại gạt cho xõa ra, những sáng kiến của bạn và những dè dặt của bạn, và tất cả những dấu hiệu nằm nơi ranh giới ngăn giữa bạn với những cái thường dùng những thói quen những ký ức những tiền sử và kiểu cách, tất cả những mã hiệu, tất cả những bảng mẫu tự nghèo nàn mà qua đó một con người đôi lúc tin rằng mình đang đọc một con người khác.

Và cả bạn cũng thế, hỡi Người đọc, lúc này bạn cũng đang là đối tượng của sự đọc: Người đọc Nữ lúc này đang khảo sát thân thể bạn như thể đang lướt qua bảng chỉ mục; và đôi lúc nàng khảo xét nó như thể bị xâm chiếm bởi mối tò mò đột ngột và cụ thể, rồi thì nàng đà đặn nhấn nha tra hỏi nó và đợi cho một câu trả lời câm lặng đến với nàng, như thể mỗi cuộc thẩm tra từng phần chỉ khiến nàng quan tâm trong bối cảnh một sự thăm dò rộng hơn về mặt không gian. Lúc thì nàng nhấn mãi vào những chi tiết không đáng kể, có thể là những lỗi nhỏ nhặt về mặt kiểu dáng, chẳng hạn như cục hầu to gồ hay cái kiểu bạn hay vùi đầu vào chỗ hõm của vai nàng, và nàng khai thác chúng nhằm xác lập một lần ranh của sự tách rời, sự để dành không thể thiếu, hay sự thăm thiết mang tính đùa cợt; nhưng rồi thay vào đó cái chi tiết được phát hiện tình cờ lại được nâng niu đặc biệt – chẳng hạn, hình dáng cái cằm bạn hay một cú véo nhỏ bạn véo vào vai nàng – và từ chỗ khởi đầu này nàng lấy đà tiến tới, đọc hết (bạn cũng cùng nàng đọc) hết trang này tới trang khác từ đầu chí cuối không bỏ sót một dấu phẩy. Trong khi đó, trong niềm thỏa mãn bạn nhận được từ cung cách nàng đọc bạn, từ những đoạn trích bằng ngôn từ về tính khách quan vật thể của bạn, bạn bắt đầu đắm ngờ vực: rằng chả phải nàng đang đọc bạn, chỉ mình bạn và toàn bộ con người bạn như bạn có, mà nàng đang dùng bạn, dùng những mảnh rời của bạn bị tách khỏi văn cảnh dựng dựng lên cho riêng nàng một bạn tình ma quái, chỉ riêng mình nàng biết, trong cảnh tranh tối tranh sáng vùng nửa ý thức của nàng, và cái nàng đang giải mã là vị khách hư huyền này, chứ không phải bạn.

Hai người đang yêu đọc thân thể của nhau (đọc cái khối kết tinh gom tâm trí và thân thể mà những người yêu nhau thường lên giường để ngủ cùng) thì khác với người ta đọc những trang chữ ở chỗ, sự đọc của những người đang yêu là không tuyến tính. Nó bắt đầu ở bất cứ điểm nào, lướt qua, lặp lại chính mình, quay ngược lại, khăng khăng dừng, tẽ ra thành nhiều thông điệp đồng thời và tỏa đi theo nhiều hướng, lại hội tụ về, có những thời điểm bực tức, lật trang, tìm thấy chỗ của mình, lạc lối. Có thể nhận ra một hướng đi trong đó, một lộ trình đi đến cuối, bởi nó có xu hướng dẫn đến một đỉnh điểm, và để nhằm đạt tới đoạn kết này nó sắp xếp những cụm từ đầy tiết điệu, những vế câu đăng đối, sự trở đi trở lại các mô típ. Nhưng cái đỉnh điểm này có thật là đoạn kết không? Hay liệu là cuộc đua hướng về đoạn kết này bị đối nghịch lại bởi một động năng khác vận hành theo hướng ngược lại, bởi ngược các chuyển động, khôi phục lại thời gian?

Nếu người ta muốn mô tả toàn bộ chuyện này bằng hình ảnh, thì từng tiểu đoạn, với đỉnh điểm của nó, sẽ đòi hỏi một mô hình ba chiều, có thể bốn chiều, hay đúng hơn là cả mô hình nào cả: mỗi một trải nghiệm đều không thể lặp lại. Cái làm cho sự làm tình và sự đọc giống nhau nhất là, ở cả hai sự ấy, thời gian và không gian đều mở, khác với thời gian và không gian đo lường được.

Trong sự ứng biến đầy bối rối của cuộc gặp đầu tiên, hai bên cũng đã đọc thay cái tương lai có thể xảy ra là hai người rồi sẽ chung sống. Hôm nay thì mỗi người trong các bạn là đối tượng cho sự đọc của người kia, mỗi người đọc thấy ở người kia câu chuyện chưa được viết ra. Ngày mai, Người đọc và Người đọc Nữ, nếu các bạn ở bên nhau, nếu bạn nằm xuống trên cùng một cái giường như một đôi đã yên bề, mỗi người sẽ bật ngọn đèn bên giường ở phía của mình rồi sẽ chìm vào cuốn sách của anh ta hoặc chị ta; hai sự đọc song song sẽ đồng hành với giấc ngủ đang đến gần; trước tiên là bạn, sau đó thì bạn sẽ tắt đèn; quay về từ những vũ trụ riêng biệt, các bạn sẽ tìm thấy lại nhau chỉ một thoáng chốc trong bóng tối nơi mọi chia cách đều bị xóa bỏ, trước khi những giấc mơ theo những hướng khác nhau lại tách các

bạn ra, người này ra phía này, người kia ra phía nọ. Song đừng mai mỉa cái viễn cảnh đời sống hôn nhân tâm đầu ý hợp này: để đối lại với nó, người ta liệu có biết hình ảnh nào hạnh phúc hơn về một cặp vợ chồng?

Bạn nói với Ludmilla về cuốn tiểu thuyết bạn đọc trong khi đợi nàng. “Nó là cuốn sách thuộc loại em thích: nó truyền cho ta cảm giác bất an ngay từ trang đầu...”

Một ánh lóe nghi vấn thoáng qua trong cái nhìn của nàng. Một mối ngờ vực xâm chiếm bạn; có lẽ cụm từ về mối bất an không phải là điều bạn đã nghe nàng nói, bạn đọc được nó ở đâu đó... Hoặc có thể Ludmilla đã thổi tin vào sự lo âu như một điều kiện của chân lý... Có thể ai đó đã chứng minh với nàng rằng sự lo âu, cả nó nữa, cũng là một cơ chế vận hành máy móc, rằng chả có gì dễ bị làm giả hơn là cái vô thức...

Nàng nói, “Em thích những cuốn sách nơi mà mọi điều bí ẩn và nỗi lo âu đều đi qua một tâm trí chính xác và lạnh, không có bóng tối, như tâm trí của một nhà chơi cờ.”

“Dù thế nào thì, đây là chuyện về một nhân vật trở nên bứt rứt khi nghe một cái điện thoại đổ chuông. Một hôm ông ta đang chạy tập thể dục...”

“Đừng kể thêm cho em nữa. Để em đọc.”

“Chính anh còn chưa đọc được nhiều hơn thế bao nhiêu. Anh sẽ mang tới cho em.”

Bạn ra khỏi giường, bạn đi lòng cuốn sách ở phòng bên, nơi mà bước ngoặt đột ngột trong quan hệ giữa bạn với Ludmilla đã ngăn trở dòng chảy bình thường của sự kiện.

Bạn tìm chẳng thấy đâu.

(Bạn sẽ tìm ra lại nó ở một triển lãm nghệ thuật: tác phẩm mới nhất của nhà điêu khắc Irnerio. Trang mà bạn gấp mép để làm dấu chỗ mình đang đọc lúc này bị căng ra nơi chân đế một hộp son phấn sáu mặt, được dán vào đó,

được quét nhựa trong suốt nom sáng bóng lên. Một bóng đen cháy sém, như thể từ một ngọn lửa phả ra từ bên trong cuốn sách, làm cho bề mặt trang sách như gợn sóng và mở ra một chuỗi tầng bậc giống như vỏ trái cây bị gặm nhấm nhờ.)

“Anh không tìm thấy, nhưng không sao,” bạn nói với nàng. “Anh để ý thấy đằng nào em cũng có một bản khác rồi. Quả tình anh cứ nghĩ em đã đọc cuốn ấy rồi...”

Không để nàng biết, bạn đã vào trong buồng kho tìm cuốn sách Flannery có buộc dải băng đỏ. “Nó đây này.”

Ludmilla mở sách ra. Có một dòng chữ đề, “Tặng Ludmilla... Silas Flannery.” “Vâng, là của em...”

“À, vậy là em gặp Flannery rồi?” bạn kêu lên, làm như bạn chả biết gì.

“Vâng, ông ấy tặng em cuốn sách này... Nhưng em tin chắc nó đã bị người ta trộm mất của em, trước khi em đọc được...”

“Bị Irnerio trộm?”

“Ừm...”

Đã đến lúc bạn lật bài ngửa với nàng.

“Không phải Irnerio, và chuyện ấy em biết. Irnerio ấy hả, nhìn thấy cuốn ấy là cậu ta quăng luôn vào cái buồng tối kia, nơi em cất giữ...”

“Ai cho anh quyền sục sạo lung tung thế?”

“Irnerio bảo kẻ nào đó thường hay trộm sách của em thỉnh thoảng vẫn hay lén về đây để thay sách thật bằng sách giả...”

“Irnerio chả biết gì sất.”

“Anh thì có: Cavedagna đưa cho anh đọc thư của Marana.”

“Cái gì Marana nói cũng là mẹo lừa hết cả.”

“Có một cái đúng: gã đó vẫn tiếp tục nghĩ tới em, muốn thấy em trong tất cả những cuồng tưởng đam mê của gã, gã bị ám ảnh bởi hình ảnh em đang đọc sách.”

“Đó là thứ gã chẳng bao giờ chịu đựng nổi.”

Dần dần bạn sẽ tìm được cách hiểu thêm đôi điều về nguồn gốc những mưu đồ của tay dịch giả: cái lò xo bí mật làm cho chúng vận hành là cơn ghen của gã đối với địch thủ vô hình thường xuyên xuất hiện giữa gã và Ludmilla, cái giọng câm lặng nói với nàng qua những cuốn sách, cái bóng ma vừa có ngàn bộ mặt vừa không có mặt, càng thoát hiện thoát biến hơn bởi đối với Ludmilla các tác giả chẳng bao giờ được hóa thân thành những cá thể bằng xương thịt, với nàng họ chỉ hiện hữu nơi những trang sách được ẩn hành, người chết lẫn kẻ sống đều có mặt đó luôn luôn sẵn sàng tương thông với nàng, làm nàng kinh ngạc, và Ludmilla luôn sẵn sàng theo họ, trong những mối quan hệ bốc đồng nông nổi người ta có thể có với những con người không thể xác. Làm sao mà đánh bại được không phải những tác giả mà là những chức năng của tác giả, cái ý tưởng rằng sau mỗi cuốn sách đều có một kẻ nào đó bảo đảm rằng có một sự thực trong cái thế giới những bóng ma và phát minh kia, bảo đảm bằng mỗi một sự kiện là y đã dốc vào trong đó sự thực của chính y, đã đồng hóa chính mình với cái cấu trúc bằng ngôn từ đó? Luôn luôn, do sở thích và tài năng của gã buộc gã đi theo hướng đó, song trên hết là từ khi quan hệ giữa gã với Ludmilla bắt đầu lâm vào khủng hoảng, Ermes Marana mơ đến một thứ văn chương tạo nên hoàn toàn bằng những ngụ thư, bằng những gán ghép sai lạc, bằng những bắt chước những làm giả và xào xáo. Nếu ý nghĩ này đã tự áp đặt được nó, nếu một sự bất định có hệ thống về chuyện căn tính của nhà văn đã ngăn không cho người đọc phớt lờ mình tin cậy – không hẳn tin cậy những gì được kể với anh ta mà tin cậy ở cái giọng kể câm lặng -, thì có lẽ về phương diện bên ngoài tòa nhà văn chương hẳn sẽ không hề thay đổi... song bên dưới, trong nền móng, nơi mối quan hệ giữa người đọc và văn bản được thiết lập, cái gì đó hẳn đã thay đổi vĩnh viễn. Nếu thế Ermes Marana hẳn không còn cảm

thấy mình bị Ludmilla bỏ rơi bởi nàng đắm mình vào sự đọc: giữa cuốn sách và nàng hẳn luôn luôn lấp ló cái bóng của sự huyền hoặc hóa, và gã, khi đồng nhất mình với sự huyền hoặc hóa, hẳn cũng đã khẳng định sự hiện diện của mình.

Mắt bạn nhìn xuống phần đầu cuốn sách. “Nhưng đây không phải cuốn anh đang đọc... Cùng một nhan đề, cùng một cái bìa, mọi thứ giống hệt... Nhưng là cuốn khác! Một trong hai cuốn là đồ giả.”

“Dĩ nhiên nó là đồ giả,” Ludmilla nói, giọng nhỏ đi.

“Em nói nó là đồ giả bởi nó đã qua tay Marana sao? Nhưng cuốn sách anh đang đọc cũng là cuốn hẳn gửi cho Cavedagna mà! Cả hai đều là giả được sao?”

“Chỉ một người duy nhất có thể cho ta biết sự thực: là tác giả.”

“Em có thể hỏi ông ta, bởi em là bạn ông ta...”

“Hồi trước thôi.”

“Em đi là đi tới chỗ ông ta phải không, lúc em bỏ Marana ấy?”

“Anh biết hết!” nàng nói, bằng giọng mỉa mai khiến cho bạn bực bội hơn bất cứ gì.

Người đọc, bạn quyết định rồi: bạn sẽ đi gặp tay nhà văn. Trong khi đó, xoay lưng lại Ludmilla, bạn đã bắt đầu đọc cuốn sách mới chứa trong cũng một cái bìa ấy.

(Cùng một cái bìa nhưng chỉ đến một mức độ thôi. Cái dải băng đề **SÁCH BÁN CHẠY MỚI NHẤT CỦA SILAS FLANNERY** che mất chữ cuối của nhan đề. Bạn chỉ cần giở dải băng lên là sẽ nhận ra rằng nhan đề cuốn tiểu thuyết không phải *Trong mạng lưới những đường xoắn xuýt* như cuốn kia; nó được gọi là *Trong mạng lưới những đường giao cắt*.)

Trong mạng lưới những đường giao cắt

Nghiên ngẫm, chiêm nghiệm: đối với tôi, mỗi một hoạt động tư duy đều quy về những tấm gương. Theo Plotinus, linh hồn là một tấm gương tạo ra những sự vật có thực bằng cách phản ánh những ý tưởng thuộc một lý tính cấp cao hơn. Có thể chính vì vậy mà tôi cần phải có gương mới suy nghĩ được: tôi không thể tập trung nếu không có sự hiện diện của những ảnh chiếu, như thể linh hồn tôi cần một hình mẫu để bắt chước mỗi khi nó muốn sử dụng khả năng tư biện của mình. (Từ “tư biện” ở đây mang toàn bộ các nghĩa của nó: tôi vừa là một người có suy nghĩ lại vừa là nhà kinh doanh, lại cũng là người sưu tầm dụng cụ quang học).

Thời khắc tôi ghé mắt vào kính vạn hoa, tôi cảm thấy tâm trí tôi, như những mảnh màu sắc và đường nét khác biệt nhau kết tập lại tạo thành những hình thể đều đặn, liền nhận ra lập tức cái quy trình cần tuân thủ: thậm chí dù đó chỉ là sự phát lộ không thể khác và thoáng chốc về một cấu trúc nghiêm ngặt mà chỉ cần ta khẽ nhẹ móng tay vào thành ống là lập tức sẽ tan thành rùng mảnh, để rồi bị thay thế bởi một cấu trúc khác, trong đó cũng chính các yếu tố kia lại tụ hội thành một mẫu hình khác.

Ngay từ khi nhận ra, từ hồi niên thiếu, rằng việc ngẫm nhìn những khu vườn tráng men bị xáo lẩn lung tung dưới đáy một cái giếng làm bằng kính khơi dậy ở tôi cái năng lực đưa ra những quyết định thực tiễn và tiên đoán táo bạo, tôi đã bắt tay vào sưu tầm kính vạn hoa. Lịch sử của món đồ tương đối mới này (kính vạn hoa do nhà vật lý người Scotland tên Sir David Brewster – tác giả của một tập *Khảo luận về các công cụ triết học mới* cùng với nhiều trước tác khác – sáng chế và được cấp bằng phát minh vào năm 1817) làm cho bộ sưu tập của tôi bị bó gọn trong những ranh giới hạn hẹp về niên đại. Nhưng chẳng bao lâu sau tôi mở rộng phạm vi nghiên cứu sang một lĩnh vực đồ cổ nổi tiếng và hứng thú hơn nhiều: các dụng cụ phản xạ hồi thế kỷ mười bảy, những nhà hát nho nhỏ với nhiều kiểu dáng khác nhau nơi ta có thể thấy một nhân vật được nhân lên nhiều lần khi góc độ giữa các tấm

kính bị thay đổi. Mục đích của tôi là tái tạo cái viện bảo tàng đã được thu thập bởi linh mục dòng Tên Athanasius Kircher, tác giả *Ars Magna Lucis et Umbrae* (1646) và là người phát minh ra “nhà hát đa ảnh” trong đó chừng sáu mươi tấm kính nhỏ xếp hàng bên trong một cái hộp to làm cho một cảnh cây hóa thành một khu rừng, một chú lính chì thành cả đạo quân, quyển sách nhỏ thành cả một thư viện.

Các doanh nhân mà tôi thường cho xem bộ sưu tập này trước các cuộc họp chỉ liếc nhìn những khí cụ kỳ quặc đó với vẻ hiếu kỳ hời hợt. Họ không biết rằng tôi đã dựng lên đế quốc tài chính của mình dựa trên chính nguyên lý của kính vạn hoa và dụng cụ phản xạ, bằng cách nhân lên – như trong một trò chơi với các tấm gương – những công ty không có vốn, mở rộng tín dụng, làm cho những khoản thâm hụt tai hại biến mất tăm trong các góc chết của những phối cảnh ảo. Bí quyết của tôi, bí quyết để tôi không ngừng gặt hái thành công tài chính giữa một thời kỳ đã chứng kiến quá nhiều cơn khủng hoảng, quá nhiều thị trường sụp đổ và công ty phá sản, luôn luôn là như vậy: tôi không bao giờ nghĩ trực tiếp về tiền nong, lãi lỗ, làm ăn, mà chỉ nghĩ về các góc khúc xạ được thiết lập nên giữa những bề mặt tỏa sáng xếp nghiêng theo nhiều cách khác nhau.

Chính hình ảnh của tôi mới là cái tôi nhân lên, nhưng không phải vì bệnh tự yêu mình hay thói tự cao tự đại như người ta có thể định ninh một cách quá dễ dàng: ngược lại, tôi muốn che giấu – giữa quá nhiều bóng ma hư ảo của chính tôi – cái tôi đích thực, kẻ làm chúng chuyển động. Vì lý do này, giá như không sợ bị hiểu lầm thì tôi đã chẳng việc gì phải chống lại việc tái tạo ở trong nhà tôi căn phòng chật kín những tấm gương xếp thành hàng theo đồ án của Kircher, trong đó tôi sẽ thấy chính mình đi trên trần nhà, đầu chúc xuống, như thể tôi đang bay lên cao từ đáy sâu của sàn nhà.

Những trang tôi đang viết này cũng sẽ truyền một làn ánh sáng lạnh, như trong một cái ống có lắp gương, nơi một lượng vô hạn những hình ảnh bị đập vỡ ra và lật ngược lại rồi được nhân lên. Hình ảnh tôi tỏa đi mọi hướng và được nhân lên ở mọi góc là để làm nản lòng những kẻ nào muốn theo gót tôi. Tôi là người có lắm kẻ thù, tôi phải thường xuyên lẩn tránh

chúng. Khi chúng cho rằng đã tóm được tôi, kỳ thực chúng chỉ đánh vào một bề mặt gương trên đó xuất hiện rồi biến mất một trong hàng bao nhiêu ảnh chiếu của sự hiện diện khắp mọi nơi của tôi. Tôi cũng là người truy lùng đám kẻ thù đông đảo của mình, sừng sững hiện ra trước mặt chúng, tiến tới trong đội hình bất khả chiến bại và chặn ngang đường chúng cho dù chúng có quay sang hướng nào đi nữa. Trong một thế giới phản xạ, kẻ thù cũng có thể tin như tôi rằng chúng đang vây bủa quanh tôi từ mọi phía, nhưng chỉ mình tôi biết cách bố trí những tấm gương và có thể đặt mình ra ngoài mọi tầm với, còn chúng thì cứ xô vào nhau và thòp cổ lẫn nhau.

Tôi muốn câu chuyện của tôi biểu đạt tất cả điều này thông qua các chi tiết về hoạt động tài chính, những xoay chuyển bất ngờ đầy kịch tính ở các cuộc họp hội đồng quản trị, những cú điện thoại từ các tay môi giới đương cơn hoảng loạn, rồi thì cả một số mẫu của bản đồ thành phố, các hợp đồng bảo hiểm, miệng của Lorna khi nàng buột ra câu đó, cái nhìn chăm chăm của Elfrida như đang cân nhắc một bài tính không gì lay chuyển được của cô ta, hình ảnh này chồng chập lên hình ảnh kia, mạng đường kẻ ô của bản đồ thành phố lỗ đố những chữ x và những mũi tên, những xe mô tô vụt ra khỏi rồi biến mất vào các góc tấm gương, những chiếc mô tô đồng quy về chiếc Mercedes của tôi.

Ngay từ khi thấy rõ rằng bắt cóc tôi sẽ là cái kỳ tích mà không chỉ nhiều băng nhóm chuyên gia lừa đảo mà cả các đồng nghiệp và địch thủ hàng đầu của tôi trong giới tài chính cao cấp cũng đang khao khát, tôi đã nhận ra rằng, chỉ bằng cách nhân bội mình lên, nhân bội cá nhân tôi, sự hiện diện của tôi, những lối ra khỏi nhà của tôi, và những ngõ về nhà, nói gọn là nhân bội những khả năng bị phục kích, thì tôi mới có thể làm cho chuyện tôi rơi vào tay kẻ thù trở nên khó xảy ra hơn. Thành thử tôi đặt mua năm chiếc Mercedes *sedan* giống hệt chiếc của tôi, các chiếc này ra vào mấy cánh cổng bọc thép tòa biệt thự của tôi vào tất cả các giờ trong ngày, được các xe mô tô của đội cận vệ tôi hộ tống, mang bên trong một dáng người áo quần quần kỹ toàn đen, có thể là tôi mà cũng có thể là một kẻ đóng thế thường tình. Các công ty mà tôi là chủ tịch bao gồm toàn những chữ cái đầu mà đăng sau

chẳng có gì và một vài đại bản doanh đặt trong những căn phòng trống có thể hoán đổi nhau; vì vậy các cuộc họp kinh doanh của tôi có thể diễn ra ở các địa chỉ thường xuyên thay đổi, và để an toàn hơn nữa lần nào tôi cũng ra lệnh đổi địa điểm vào phút chót. Có những vấn đề tế nhị hơn nảy sinh từ mỗi dan díu ngoài hôn nhân của tôi với một phụ nữ đã ly hôn hai mươi chín tuổi, tên là Lorna, mỗi tuần tôi dành cho nàng hai, đôi khi ba buổi, mỗi buổi dài hai giờ bốn mươi lăm phút. Để bảo vệ Lorna thì điều duy nhất cần làm là làm sao cho không ai xác định vị trí của nàng được, và cái hệ thống mà tôi dùng tới là một hệ thống phô bày rất nhiều cuộc gặp gỡ tình ái diễn ra cùng một lúc, sao cho không ai hiểu nổi cô nào là tình nhân giả còn cô nào tình nhân thật. Ngày ngày cả tôi lẫn những người đóng thế tôi, theo những lịch trình thay đổi thường xuyên, lại đến thăm những căn hộ thuê tạm rải rác khắp nơi trong thành phố nơi có những phụ nữ hấp dẫn đang cư ngụ. Mạng lưới các nhân tình giả này cho phép tôi che giấu những cuộc gặp thực thụ giữa tôi và Lorna ngay cả với Elfrida vợ tôi, với cô ta thì tôi giải thích rằng trò dàn cảnh rắc rối này chẳng qua là một biện pháp bảo đảm an toàn. Về phần Elfrida, tôi đã khuyên cô ta nên phô bày tối đa các động thái của mình cho thiên hạ thấy nhằm đánh lạc hướng các âm mưu tội phạm thế nhưng cô ta không chịu nghe tôi. Elfrida thường hay lẩn lút, cũng như cô ta tránh những tấm gương trong bộ sưu tập của tôi, như thế cô ta sợ hình ảnh của mình sẽ bị chúng làm vỡ và hủy diệt: một thái độ có những động cơ sâu xa mà thực tình tôi không hiểu nổi và làm tôi bực tức không ít.

Tôi muốn sao cho mọi chi tiết tôi đang viết ra đây sẽ cùng hợp lại tạo nên ấn tượng về một cơ chế có sự chính xác cao, song đồng thời cũng là ấn tượng về một chuỗi liên tiếp những ánh chói lòa phản chiếu cái gì đó nằm ngoài tầm mắt. Vì lý do này tôi không được quên thường xuyên đưa vào, ở những nơi cốt truyện trở nên dày đặc nhất, một đoạn trích từ một văn bản cổ: chẳng hạn một đoạn trích từ *De Magia Naturale* của Giovanni Battista della Porta, trong đó ông nói rằng phù thủy – tức là “sứ giả của Tự nhiên” – cần phải biết “những lý do khiến cho mắt bị đánh lừa, những hình ảnh được tạo ra dưới nước, và trong những tấm gương được tạo nên dưới nhiều dạng khác nhau, đôi khi khiến hình ảnh bị đẩy bật ra khỏi gương, treo lơ

lững trong không trung, và anh ta phải biết rằng những vật được làm ra ở cách một quãng xa thì có thể nhìn thấy rõ.”

Chẳng bao lâu tôi hiểu ra rằng sự bất định tạo ra được nhờ những chiếc ô tô giống hệt nhau hết vào lại ra cũng không đủ để đánh bật được hiểm họa của những cam bẫy tội ác: chừng đó tôi nghĩ tới chuyện áp dụng khả năng nhân bội những cơ chế phản xạ cho chính bản thân các băng nhóm nữa, bằng cách tổ chức những cuộc phục kích giả và bắt cóc giả mà đối tượng là vài kẻ đóng giả tôi, kể đó là những cuộc thả con tin giả sau những cuộc trả tiền chuộc giả. Để làm việc này tôi phải gánh lấy nhiệm vụ lập ra một tổ chức tội phạm song song, có liên hệ ngày càng mật thiết với thế giới ngầm. Do đó tôi nắm được trong tay lượng thông tin đáng kể về những cuộc bắt cóc đang được âm thầm chuẩn bị, nhờ vậy tôi có thể hành động kịp thời, vừa để bảo vệ chính mình vừa để lợi dụng những tai họa xảy ra cho các đối thủ kinh doanh.

Đến lúc này câu chuyện có thể nhắc nhở rằng trong số các phẩm tính của gương mà sách cổ thường bàn tới có cả phẩm tính làm phát lộ những sự vật xa xôi và ẩn giấu. Các nhà địa dư Ả rập thời Trung cổ, khi mô tả cảng Alexandria, thường nhắc lại cây cột trụ trên hòn đảo Pharos, gắn trên đỉnh cột là một tấm gương bằng thép trong đó người ta có thể thấy từ rất xa những con thuyền từ Cyprus và Constantinople và mọi vùng lãnh thổ của La Mã đang tiến vào bến cảng. Bằng cách tập trung các tia nắng, những gương cong có thể nắm bắt được hình ảnh cái toàn thể. “Bản thân Thượng đế, vốn không thể nhìn thấy được dù bằng xương bằng thịt hay bằng tâm linh, Người lại cho phép ta chiêm quan Người trong một tấm gương,” Porfirio đã viết như vậy. Cùng với sự tán xạ ly tâm khiến cho hình ảnh tôi được phóng chiếu ra mọi chiều không gian, tôi muốn các trang này cũng phản ánh cả chuyển động đối nghịch qua đó tôi nhận được từ các tấm gương những hình ảnh mà thị giác trực tiếp không thể ôm chứa được. Từ gương này đến gương kia – điều này tôi thỉnh thoảng nằm mơ thấy – tông thành của các sự vật, cái toàn thể, toàn thể vũ trụ, minh triết thánh thiêng có thể tập trung các tia sáng của mình vào một tấm gương duy nhất. Hoặc có thể tri thức về muôn vật được

chôn giấu trong linh hồn, và một hệ thống gương khả dĩ nhân bội hình ảnh tôi đến vô tận và phản chiếu yếu tính của nó trong một hình ảnh duy nhất thì sẽ mở cho tôi thấy linh hồn của vạn vật, cái linh hồn ẩn giấu bên trong tôi.

Điều này chứ không phải gì khác ắt phải là sức mạnh của những tấm gương thần vốn được nhắc tới nhiều đến vậy trong những chuyên luận của các khoa học huyền bí và trong lời nguyện của các Phán quan Dị giáo: để buộc Thần Bóng tối phải hiện hình và sáp nhập hình ảnh của mình vào hình ảnh do gương phản chiếu. Tôi đã phải mở rộng bộ sưu tập của mình ra một lĩnh vực khác: các nhà buôn đồ cổ và nhà đấu giá trên toàn thế giới đều được báo trước hãy giữ riêng cho tôi những tiêu bản cực hiếm của các tấm gương thời Phục hưng vốn dĩ theo hình thức hoặc theo truyền thống có thể được xếp loại là gương thần.

Đó là một trò chơi khó, mỗi một sai lầm đều trả giá đắt. Nước đi sai đầu tiên của tôi là thuyết phục các đối thủ cùng với tôi thành lập một công ty chuyên bảo hiểm trong trường hợp bị bắt cóc. Tin chắc vào mạng lưới thông tin của mình trong thế giới ngầm, tôi cứ nghĩ mình có thể làm chủ được mọi điều gì xảy tới. Chẳng bao lâu tôi ngộ ra rằng các đối tác của tôi có quan hệ với các băng nhóm bắt cóc còn mật thiết hơn cả tôi. Đến vụ bắt cóc sau đó, khoản tiền chuộc được yêu cầu là toàn bộ vốn của công ty bảo hiểm này; thế rồi khoản này sẽ được chia chác giữa tổ chức của những kẻ ngoài pháp luật và các đồng lõa của chúng, các cổ đông của công ty, và điều này lẽ dĩ nhiên sẽ bất lợi cho người bị bắt cóc. Còn về phần danh tính của nạn nhân thì chẳng nghi ngờ gì nữa: là tôi.

Kế hoạch đánh bẫy tôi dự kiến rằng giữa các xe mô tô Honda của đoàn hộ tống tôi và chiếc xe bọc thép tôi ngồi, ba chiếc mô tô Yamaha do ba cảnh sát giả điều khiển sẽ trà trộn vào, bọn này sẽ bất thành linh bóp phanh trước chỗ đường vòng. Theo phản kế của tôi, thay vào đó sẽ có ba mô tô Suzuki chặn đầu chiếc Mercedes của tôi trước đó năm trăm mét, ấy là một vụ bắt cóc giả. Khi tôi thấy mình bị ba mô tô Kawasaki chặn đầu ở một ngã tư trước hai ngã tư kia, tôi nhận ra rằng phản kế của tôi đã bị vô hiệu hóa bởi một phản-phản-kế của tác giả nào tôi không biết.

Như trong ống kính vạn hoa, các giả thuyết tôi muốn ghi lại trong các dòng này vỡ ra và phân tán theo nhiều hướng, ngay khi trước mắt tôi bản đồ thành phố trở nên phân mảnh khi tôi tháo dỡ nó ra thành từng mảnh một để định vị các ngã tư nơi mà, theo mật thám của tôi, người ta sẽ chẳng bẫy tóm tôi, và để xác định cái điểm nơi tôi có thể vượt lên trước kẻ thù sao cho lật nhào mưu kế của chúng và xoay chuyển thành có lợi cho tôi. Mọi thứ lúc này xem ra đều bảo đảm với tôi; tấm gương thần châu tóm lại tất cả các lực ác và đặt vào tay tôi để tùy tôi sử dụng. Tôi đã không tính tới một kế hoạch bắt cóc thứ ba do những kẻ tôi không biết sắp đặt ra. Do ai?

Thật đáng kinh ngạc, thay vì đưa tôi vào một nơi ẩn náu bí mật, bọn bắt cóc tôi điệu tôi vào chính nhà tôi, nhốt tôi vào căn phòng phản xạ nơi tôi đã tái tạo một cách xiết bao cẩn trọng các đồ án của Athanasius Kircher. Các gương trên tường phản chiếu hình ảnh tôi thành vô hạn lần. Tôi đã bị chính mình bắt cóc chẳng? Có phải một trong các hình ảnh của tôi được phóng chiếu vào thế giới này đã chiếm chỗ tôi và giáng cấp tôi xuống hàng ảnh chiếu? Có phải tôi đã vờ gọi Ông Hoàng Bóng Tối và ông ta đang xuất hiện trước mặt tôi trong hình dạng của chính tôi?

Trên tấm gương một thân hình phụ nữ đang nằm, bị trói. Đó là Lorna. Nếu nàng có một cử động dù nhỏ nhất, da thịt trần truồng của nàng sẽ phơi ra, bị lặp lại trên mọi tấm gương. Tôi lao bổ về phía nàng, để giải thoát nàng khỏi đống dây trói và nùi bịt miệng, để ôm nàng; nhưng nàng quay về phía tôi, phần nộ. “Anh nghĩ anh đã có tôi trong tay anh sao? Anh lầm rồi!” Và nàng bấu móng tay vào mặt tôi. Có phải nàng cũng bị giam với tôi không? Phải chăng nàng là tù nhân của tôi? Phải chăng nàng là nhà giam của tôi?

Trong khi đó cửa mở. Elfrida tiến tới. “Em biết mỗi nguy đang đe dọa anh và đã cố cứu anh,” cô ta nói. “Phương pháp này có thể hơi thô bạo, nhưng em không có cách nào khác. Nhưng giờ em không tìm ra cửa để thoát khỏi cái lồng gương này được nữa. Nói em hay, nhanh lên, làm sao em ra ngoài được đây?”

Một mắt và một lông mày của Elfrida, một cái chân mang giày bốt bó chặt, mép cô ta với đôi môi mỏng dính và hàm răng quá trắng, một bàn tay

đeo đầy nhẫn nắm chặt khẩu súng lục được lặp lại và phóng to trong các tấm gương, và giữa các mảnh cắt của thân hình Elfrida có những mảng da Lorna xâm nhập vào, như những phong cảnh bằng da thịt. Tôi giờ không còn khả năng phân biệt nổi cái nào thuộc về người này cái nào thuộc về người nọ, tôi rối trí, tôi như đã đánh mất chính mình, tôi không thấy được hình chiếu của mình mà chỉ thấy hình chiếu của họ.

Trong một đoạn của Novalis, một người mới tập tu đã tìm tới được nơi cư ngụ bí mật của Isis và nhắc tấm mạng che vị nữ thần... Giờ đây dường như mọi thứ quanh tôi là một phần của tôi, dường như tôi đã trở thành được cái toàn thể, rốt cuộc thì cũng được...

[8]

Trích nhật ký của Silas Flannery

Nơi ghế xếp, trên sân thượng một biệt thự nhỏ trong thung lũng, có một thiếu phụ đang đọc sách. Ngày nào cũng vậy, trước khi bắt tay làm việc tôi ngừng một thoáng để quan sát nàng bằng kính thiên văn. Trong bầu không khí loãng và trong suốt này tôi thấy mình cảm nhận được nơi hình dáng bất động của nàng những dấu hiệu của cái cử động vô hình vốn là sự đọc, dòng chảy của cái nhìn và hơi thở, nhưng còn hơn thế là cuộc hành tiến của ngôn từ đi ngang qua người đọc, lộ trình hoặc chặng dừng của ngôn từ, những vọt trào của chúng, những lần lữa, những tạm ngừng, chú ý tập trung vào hoặc chệch ra ngoài, những khúc quay lại phía sau, chuyển hành trình có vẻ như bình lặng không thay đổi song ngược lại luôn luôn chuyển dịch và gập ghềnh đó.

Đã bao năm rồi tôi có thể tự cho phép mình đôi khi đọc một cách vô tư? Đã bao năm rồi tôi có thể đắm mình trong một cuốn sách do người khác viết ra, chẳng liên quan gì đến những gì bản thân tôi phải viết? Tôi quay lại thì thấy bàn giấy đang đợi tôi, máy đánh chữ với chồng giấy cuộn vào trong ru lô, chương cần phải khởi đầu. Từ khi tôi trở thành kẻ nô dịch vất sức mình cho sự viết, niềm lạc thú đọc sách đã chấm dứt với tôi. Những gì tôi làm có mục đích của nó: là trạng thái tinh thần của người đàn bà ngồi trên ghế xếp lọt vừa vặn trong khung hình thấu kính thiên văn của tôi, và đó là một trạng thái tinh thần mà tôi bị khước từ.

Ngày ngày, trước khi bắt tay làm việc, tôi nhìn người đàn bà ngồi nơi ghế xếp: tôi tự nhủ rằng kết quả của cái nỗ lực phi tự nhiên mà tôi tự buộc mình làm, sự viết, ắt phải là sự hít thở của người độc giả này, hành động đọc trở thành một quá trình tự nhiên, cái dòng chảy mang các câu đến nhập vào sự chú tâm của nàng như một bộ lọc, dừng một thoáng trước khi được hấp thu bởi những mạch tuần hoàn của tâm trí nàng rồi biến mất, chuyển hóa

thành những bóng ma bên trong nàng, thành cái mà ở trong nàng là riêng tư nhất và khép kín nhất.

Đôi khi lòng tôi choáng ngợp một ước muốn phi lý: sao cho câu văn tôi sắp viết sẽ là câu văn người đàn bà kia đọc ngay chính tại thời điểm đó. Ý nghĩ ấy mê hoặc tôi đến nỗi tôi tự thuyết phục mình đó là sự thật: tôi hồi hải viết câu văn, đứng dậy, lại bên cửa sổ, chìa kính thiên văn để kiểm tra tác động của câu văn tôi viết trong cái nhìn của nàng, trong cái bầu môi của nàng, trong điệu thuốc nàng châm, trong những chuyển dịch tư thế của thân nàng trên ghế xếp, trong đôi chân mà nàng bắt treo hoặc duỗi ra.

Đôi khi tôi thấy dường như khoảng cách giữa sự viết của tôi và sự đọc của nàng là không thể lấy gì để nối liền, rằng bất cứ cái gì tôi viết đều mang dấu triện của sự giả tạo và phi lý; nếu những gì tôi đang viết đều sẽ xuất hiện trên bề mặt nhẵn bóng của trang giấy nàng đang đọc, nó sẽ kêu ken két chói tai như móng tay cào vào khung cửa và nàng sẽ quăng phứt cuốn sách đi trong nỗi kinh hoàng.

Đôi khi tôi thuyết phục mình rằng thiếu phụ đang đọc cuốn sách *đích thực* của tôi, cuốn sách lẽ ra tôi phải viết từ lâu nhưng sẽ không bao giờ viết được, rằng cuốn sách ấy nằm kia, đúng từng chữ một, tôi có thể nhìn thấy nó nơi đầu mút kính thiên văn nhưng không đọc được trong đó viết gì, không thể biết cái gì được viết ra bởi cái tôi kia mà tôi đã không thể và sẽ không bao giờ có thể trở thành. Chẳng ích gì nếu bây giờ tôi lại ngồi xuống bàn, căng óc đoán, căng óc sao chép cuốn sách đích thực của tôi mà nàng đang đọc: dù tôi viết gì đi nữa thì cũng đều là giả dối, là đồ rởm nếu so với cuốn sách đích thực của tôi, cuốn sách mà không ai khác ngoài nàng sẽ đọc.

Và cũng như tôi quan sát nàng trong khi nàng đọc, giả thiết nàng cũng chìa kính thiên văn vào tôi trong khi tôi viết thì sao? Tôi ngồi nơi bàn giấy xoay lưng ra cửa sổ, và kia đằng sau tôi tôi cảm thấy một con mắt hút lấy dòng chảy các câu văn, dẫn câu chuyện vào những đường hướng vượt khỏi

tâm năm bắt của tôi. Người đọc của tôi là bầy ma cà rồng của tôi. Tôi cảm thấy có một đám đông độc giả đang nhìn qua vai tôi mà chớp lấy các từ ngay khi chúng được buông xuống giấy. Tôi không thể viết nếu như có ai đó đang quan sát tôi: tôi cảm thấy những gì tôi viết không còn thuộc về tôi nữa. Tôi những muốn mình biến đi, để lại cho nỗi mong đợi ẩn trong mắt họ chẳng gì khác ngoài trang giấy kẹp trong máy chữ, hay nhiều nhất là mấy ngón tay tôi gõ vào các phím.

Nếu như tôi không ở đây thì hẳn tôi sẽ viết hay đến nhường nào! Nếu, giữa trang giấy trắng và hành động viết những từ ngữ và câu chuyện vốn tự chúng hình thành rồi biến mất mà không có một ai viết chúng ra, đừng có chèn vào cái bức màn chia cắt rầy rà bất tiện là bản thể tôi! Phong cách, sở thích, triết lý cá nhân, tính chủ quan, nền tảng văn hóa, kinh nghiệm thực tế, tâm lý, tài năng, những ngón khéo và mẹo vặt của nghề: tất cả những yếu tố khiến người ta có thể nhận ra những gì tôi viết là của tôi thì đối với tôi lại hồ như một cái lồng câu thúc các khả năng của tôi. Giá như tôi chỉ là một bàn tay, một bàn tay bị cắt rời năm lấy bút mà viết... Ai sẽ làm chuyển động bàn tay đó? Cái đám đông vô danh kia ư? Tinh thần của các thời đại? Vô thức tập thể? Tôi không biết. Tôi muốn xóa bỏ mình chẳng phải để làm kẻ phát ngôn cho cái gì đó vô phương xác định. Mà chỉ để chuyển tải điều có thể viết ra đang chờ được viết ra, điều có thể kể mà không ai kể.

Có lẽ người đàn bà tôi quan sát bằng kính thiên văn biết tôi cần phải viết gì; hay đúng hơn, *nàng không biết điều đó*, bởi thực ra nàng đang đợi tôi viết cái nàng *không biết*, nhưng điều nàng biết chắc là nàng đang đợi, cái khoảng rỗng mà ngôn từ của tôi phải lấp đầy.

Đôi khi tôi nghĩ về chủ đề cuốn sách cần được viết như về một cái gì hiện hữu sẵn rồi: những ý nghĩ đã nghĩ rồi, những đối thoại đã nói rồi, những câu chuyện xảy ra rồi, những nơi chốn và bối cảnh đã thấy rồi; cuốn sách rồi sẽ chỉ đơn thuần là tương đương với cái thế giới chưa được viết ra

chuyển hóa thành sự viết. Những lúc khác, ngược lại, tôi dường như hiểu rằng giữa cuốn sách cần được viết và những sự vật hiện hữu sẵn rồi chỉ có thể có một thứ quan hệ bổ sung: cuốn sách phải là đối thể được viết ra của cái thế giới không được viết ra; chủ đề của nó phải là những gì không hiện hữu và không thể hiện hữu ngoại trừ khi được viết ra; nhưng sự vắng mặt của nó được cảm nhận một cách mơ hồ bởi cái hiện hữu, trong sự bất toàn của chính nó.

Tôi thấy rằng cách này hay cách khác tôi cứ quẩn quanh với ý nghĩ về sự tương thuộc giữa cái thế giới chưa được viết ra với cuốn sách tôi cần phải viết. Chính vì vậy mà sự viết bày ra trước mắt tôi như một việc nặng nề đến nỗi tôi bị nó đè bẹp. Tôi ghé mắt vào kính thiên văn và chỉnh kính về phía độ cao kia. Giữa đôi mắt nàng và trang sách có một con bướm trắng đang vỗ cánh. Dù nàng đang đọc gì đi nữa, giờ đây chắc chắn là con bướm kia đã chiếm lĩnh sự chú ý của nàng. Thế giới không được viết ra đạt tới đỉnh điểm của nó nơi con bướm ấy. Cái kết quả mà tôi phải nhắm tới là một cái gì cụ thể, gần gũi, nhẹ nhõm.

Nhìn người đàn bà ngồi nơi ghế xếp, tôi cảm thấy cái nhu cầu viết “từ cái thực”, nghĩa là không phải viết nàng mà là viết cái sự đọc của nàng, viết gì cũng được, nhưng viết mà luôn nghĩ rằng nó phải đi qua sự đọc của nàng.

Lúc này, nhìn con bướm đậu xuống cuốn sách của tôi, tôi muốn viết “từ cái thực”, viết mà luôn mang con bướm đó trong tâm tưởng. Chẳng hạn, viết ra một tội ác rùng rợn nhưng bằng cách nào đó “giống như” con bướm, cũng nhẹ và tinh tế như con bướm.

Tôi cũng có thể miêu tả con bướm, nhưng ghi nhớ trong tâm tưởng cảnh rùng rợn của một tội ác, sao cho con bướm trở thành cái gì đó thật đáng sợ.

Ý tưởng cho một câu chuyện. Hai nhà văn, sống ở hai biệt thự nhỏ trên hai triền thung lũng đối diện nhau, lúc thì người này quan sát người kia lúc

thì ngược lại. Một trong hai người hay viết vào buổi sáng, người kia viết vào chiều tối. Sáng sáng chiều chiều, nhà văn nào không viết thì chĩa kính thiên văn vào người đang viết.

Một người là nhà văn mẫn chữ, người kia nhà văn phu chữ. Nhà văn phu chữ quan sát nhà văn mẫn chữ bôi đầy trang giấy bằng những dòng đều tăm tắp, bản thảo cứ cao dần lên thành một đồng trang ngay ngắn. Nhoáng cái cuốn sách đã sắp hoàn thành: nhất định là một cuốn ăn khách – nhà văn phu chữ nghĩ, với sự khinh khỉnh nhất định nhưng đồng thời cũng có phần ghen tị. Ông ta coi nhà văn mẫn chữ chẳng gì hơn là một thợ thủ công khéo léo khôn ngoan có khả năng sòn sòn để những cuốn tiểu-thuyết-làm-bằng-máy chiều theo thị hiếu công chúng; nhưng ông không dẫn nỗi cảm giác ghen tị mạnh mẽ đối với con người biết thể hiện mình bằng niềm tự tin có hệ thống đến thế. Không chỉ ghen tị, nó còn là khâm phục nữa, phải, khâm phục chân thành: trong cung cách người kia trút hết năng lượng của mình vào sự viết nhất định là có một sự hào phóng, một niềm tin vào sự tương thông, vào việc trao cho người khác những gì người khác trông đợi ở y, mà không tạo ra những rắc rối nội hướng nào cho bản thân mình. Nhà văn phu chữ sẵn sàng cho đi bất cứ cái gì nếu ông có thể giống như nhà văn mẫn chữ: ông sẽ lấy y làm mẫu mực; tham vọng lớn lao nhất của ông giờ đây là thành như kẻ kia.

Nhà văn mẫn chữ quan sát nhà văn phu chữ những khi ông kia ngồi nơi bàn viết, gặm móng tay, gỡ đầu gỡ cổ, xé một trang viết thành từng mảnh, đứng dậy vào bếp pha ít cà phê, rồi ít trà, rồi nước hoa cúc, rồi thì đọc một bài thơ của Hölderlin (trong khi rõ ràng là Hölderlin tuyệt chẳng liên quan gì đến cái y đang viết), chép lại một trang đã viết rồi lại gạch bỏ hết dòng này đến dòng kia, gọi điện thoại cho cửa hàng tẩy quần áo (mặc dù hai bên đã thỏa thuận là cái quần đen phải tới thứ Ba mới xong), rồi thì ghi chú đôi điều lúc này không có ích nhưng sau này thì có thể, rồi thì đến chỗ cuốn từ điển bách khoa tìm mục Tasmania (mặc dù rõ ràng là cái y đang viết chẳng hề nhắc gì tới Tasmania), xé hai trang giấy, đặt một đĩa Ravel vào máy hát. Nhà văn mẫn chữ chưa bao giờ ưa tác phẩm của nhà văn phu chữ; mỗi khi đọc

chúng, ông luôn cảm thấy mình đang sắp sửa nắm bắt được điểm quyết định, nhưng rồi nó lại chuội thoát khỏi ông và ông chỉ còn lại mỗi một cảm giác khó ở. Nhưng lúc này khi đang quan sát kẻ kia viết, ông cảm thấy người này đang chiến đấu với cái gì đó mơ hồ, một mớ bòng bong, một con đường cần phải đào dần tới một nơi không ai biết là đâu; đôi khi ông cảm thấy người kia đang đi trên một sợi dây chằng qua hư không, và lòng ông tràn ngập niềm ngưỡng mộ. Không chỉ ngưỡng mộ mà còn ghen tị; bởi ông cảm thấy tác phẩm của chính mình mới hạn hẹp làm sao, hời hợt làm sao so với những gì nhà văn phu chữ đang tìm kiếm.

Trên sân thượng một biệt thự nhỏ dưới đáy thung lũng một thiếu phụ vừa tắm nắng vừa đọc sách. Hai nhà văn quan sát nàng bằng kính thiên văn. “Nàng mê mết làm sao! Nàng nín cả thở kìa! Nàng lật trang mới cuống cuồng hồi hả làm sao!” nhà văn phu chữ nghĩ. “Nhất định là nàng đang đọc một cuốn tiểu thuyết có hiệu ứng lớn lao, giống như tác phẩm của tay nhà văn mẫn chữ!” “Nàng mê mết làm sao! Hồ như biến đổi hẳn vì trầm tư suy tưởng, hồ như nàng nhìn thấy một chân lý uyên áo đang được phát lộ!” nhà văn mẫn chữ nghĩ. “Chắc chắn nàng đang đọc một cuốn sách đầy những nghĩa ẩn mật, như sách của gã nhà văn phu chữ!”

Khát khao lớn nhất của nhà văn phu chữ là được người ta đọc giống như người thiếu phụ kia đang đọc. Ông bắt đầu viết một tiểu thuyết mà ông cho là nhà văn mẫn chữ hẳn sẽ viết. Trong khi đó khát khao lớn nhất của nhà văn mẫn chữ là được người ta đọc giống như người thiếu phụ kia đọc; ông bắt đầu viết một tiểu thuyết mà ông cho là nhà văn phu chữ hẳn sẽ viết.

Đầu tiên một nhà văn đến gặp thiếu phụ, sau đó là người kia. Cả hai đều nói với nàng họ muốn nàng đọc cuốn tiểu thuyết họ vừa mới viết xong.

Thiếu phụ nhận hai bản thảo. Sau vài ngày nàng mời các tác giả đến nhà nàng, cả hai người, khiến họ thật kinh ngạc. “Đùa kiểu gì thế này?” nàng nói. “Các vị đưa tôi hai bản của cùng một cuốn tiểu thuyết!”

Hoặc nữa:

Thiếu phụ nhận hai bản thảo nhưng bị lẫn lộn. Nàng trả lại cho nhà văn mẫn chữ cuốn tiểu thuyết của nhà văn phu chữ viết theo lối của nhà văn mẫn chữ, và trả lại cho nhà văn phu chữ cuốn tiểu thuyết của nhà văn mẫn chữ viết theo lối của nhà văn phu chữ. Cả hai, khi thấy người ta giả mạo mình, đều phản ứng dữ dội và phát hiện trở lại nguồn mạch riêng của mình.

Hoặc là:

Một cơn gió thổi xáo tung hai bản thảo. Nàng độc giả cố sắp xếp lại chúng. kết quả là một cuốn tiểu thuyết duy nhất, kỳ tuyệt, các nhà phê bình chẳng biết gọi thế nào cho phải. Nó là cuốn tiểu thuyết mà cả nhà văn mẫn chữ lẫn nhà văn phu chữ đều luôn ao ước viết.

Hoặc là:

Thiếu phụ xưa nay luôn là độc giả cuồng nhiệt của nhà văn mẫn chữ và luôn kính trọng nhà văn phu chữ. Đọc tiểu thuyết mới của nhà văn mẫn chữ, nàng thấy nó thật giả tạo và nhận ra rằng mọi thứ ông ta viết đều giả tạo; mặt khác, nhớ lại các tác phẩm của nhà văn phu chữ, giờ đây nàng thấy chúng thật tuyệt vời và nóng lòng muốn đọc ngay tiểu thuyết mới của ông. Nhưng nàng lại gặp một thứ hoàn toàn khác với cái nàng kỳ vọng, thế là nàng cũng tống ông ta đi cho khuất mắt.

Hoặc là:

Như trên, thay “mẫn chữ” bằng “phu chữ” và “phu chữ” bằng “mẫn chữ”.

Hoặc là:

Thiếu phụ là người hâm mộ nhiệt thành, vân vân và vân vân, của nhà văn mẫn chữ và kính trọng nhà văn phu chữ. Khi đọc tiểu thuyết mới của nhà văn mẫn chữ nàng hoàn toàn không nhận ra rằng có cái gì đó đã thay đổi; nàng thích nó, tuy không say mê đặc biệt. Còn bản thảo của nhà văn phu chữ, nàng thấy nó nhạt phèo như mọi tác phẩm khác của tác gia này. Nàng hồi âm cho hai nhà văn bằng đôi lời lịch thiệp. Cả hai đều tin chắc nàng không thể là một độc giả tinh tường cho lắm và rồi họ không quan tâm đến nàng nữa.

Hoặc là:

Giống như trên, thay, vân vân.

Tôi đọc được trong một cuốn sách rằng đối tượng của tư duy có thể được biểu thị bằng động từ “nghĩ – to think” ở ngôi thứ ba số ít vô nhân xưng: ta không nói “tôi nghĩ – I think” mà nói “it thinks” cũng như ta nói “it rains – trời mưa”. Có sự tư duy trong vũ trụ – đây là cái hằng số mà chúng ta phải lấy làm điểm xuất phát mỗi lần.

Liệu có khi nào tôi có thể nói, “Hôm nay viết”, “Today it writes”, giống như ta nói “Hôm nay mưa” “Today it rains”, “Hôm nay gió” “Today it is windy”? Chỉ khi nào tôi thấy dùng động từ “viết” “write” ở thể vô nhân xưng là điều tự nhiên thì tôi mới có thể mong rằng vừa được biểu thị thông qua tôi một cái gì đó ít hạn hẹp hơn là nhân cách của một cá thể.

Còn động từ “đọc” “to write” thì sao? Liệu ta có thể nói “Hôm nay đọc” “Today it reads” như ta nói “Hôm nay mưa” “Today it rains” hay không? Nghĩ kỹ, ta sẽ thấy đọc nhất thiết phải là một hành động cá nhân, cá nhân hơn nhiều so với viết. Nếu ta giả định rằng sự viết là nhằm vượt ra ngoài các giới hạn của tác giả, thì nó sẽ chỉ tiếp tục có ý nghĩa khi nó được đọc bởi một người duy nhất và đi ngang qua những mạch thần kinh của người này. Duy chỉ khả năng được đọc bởi một cá nhân nào đó mới chứng tỏ rằng cái được viết ra có dự phần vào sức mạnh của sự viết, một sức mạnh vượt quá một cá nhân. Vũ trụ sẽ tự biểu đạt về mình chừng nào một ai đó còn có khả năng nói, “Tôi đọc, vì vậy (*nó/cái đó*) viết”.

Đây là niềm phúc lạc đặc biệt mà tôi thấy xuất hiện trên mặt người đọc này, niềm phúc lạc mà tôi thì bị chối từ.

Trên tường đối diện bàn viết của tôi có treo một poster mà ai đó tặng tôi. Con chó Snoopy ngồi trên một cái máy đánh chữ, và trong bức tranh ta đọc thấy câu “Ấy là một đêm tối trời đầy bão tố...” Mỗi khi ngồi xuống đây tôi lại đọc “Ấy là một đêm tối trời đầy bão tố...” và *câu mở đầu* đó dường

như mở ra bước chuyển từ thế giới này sang thế giới khác, từ thời gian không gian ở đây bây giờ sang thời gian không gian của từ được viết ra; tôi cảm thấy nỗi hồi hộp của một khởi đầu có thể được theo sau bởi nhiều rất nhiều diễn tiến khác nhau, không bao giờ với cạn; tôi tin chắc rằng chẳng có gì tốt hơn một đoạn mở đầu bình thường, một đòn tấn công mà từ đó ta có thể chờ đợi mọi thứ và chẳng chờ đợi một cái gì; và tôi cũng nhận ra rằng con chó say mê huyền thoại sẽ không bao giờ thêm được vào sau bảy từ đầu bảy từ khác hay mười hai từ nữa mà không phá vỡ câu thần chú. Sự dễ dàng của lối mở vào một thế giới khác là một ảo tưởng: ta bắt đầu viết trong vội vã, dự cảm niềm hạnh phúc của một sự đọc trong tương lai, thế mà khoảng trống không lại há hoác ra trên trang giấy trắng.

Từ khi có bức poster này trước mắt, tôi không còn viết cho rớt một trang được nữa. Tôi phải hạ con Snoopy khốn kiếp này xuống càng nhanh càng tốt, nhưng tôi không đành lòng làm vậy; bức tranh trẻ con đó với tôi đã trở thành biểu tượng cho tình cảnh của tôi, một lời cảnh báo, một thách thức.

Sự hấp dẫn đầy lãng mạn được tạo ra trong trạng thái thuần khiết bởi những câu đầu của chương đầu nhiều cuốn tiểu thuyết chẳng mấy chốc mất đi khi câu chuyện tiếp diễn: nó là lời hứa hẹn về một quãng thời gian đọc trải ra trước chúng ta và có thể bao hàm mọi sự phát triển có thể xảy ra. Tôi hẳn sẽ có thể viết một cuốn sách vốn chỉ là một *khúc dạo đầu*, vốn duy trì từ đầu đến cuối cái tiềm năng của sự khởi đầu, sự kỳ vọng vốn vẫn chưa tập trung vào một đối tượng. Nhưng làm sao xây dựng được một cuốn sách như thế? Liệu nó có thể ngắt ngang ngay sau đoạn đầu không? Liệu những gì sơ khởi có thể kéo dài ra vô hạn không? Liệu nó có thể làm bắt đầu một câu chuyện khác bên trong một câu chuyện khác không, như trong *Nghìn lẻ một đêm*?

Hôm nay tôi sẽ bắt tay chép lại những câu đầu của một cuốn tiểu thuyết lừng danh, để xem liệu năng lượng hàm chứa trong đoạn đầu đó có sẽ truyền sang tay tôi không, bàn tay một khi đã nhận được cú hích đúng là sẽ tự mình chuyển động.

Vào một ngày đầu tháng bảy oi bức lạ thường, lúc xế chiều có một người trẻ tuổi rời căn gác xếp thuê lại trong ngõ S., bước ra phố và chậm rãi đi về phía cầu K., dáng như tần ngần do dự.

Tôi cũng sẽ chép lại đoạn thứ nhì, không thể thiếu, ngõ hầu tôi có thể bị cuốn theo dòng tự sự:

Khi xuống thang gác, chàng đã may mắn tránh mặt được bà chủ trọ. Căn buồng xếp của chàng kế sát dưới mái một tòa nhà cao năm tầng và trông giống một cái tủ hơn là một gian phòng ở. Và cứ thế cho đến: Chàng mắc nợ bà chủ trọ lút đầu lút cổ và sợ gặp mặt bà ta lắm.

Đến lúc này thì câu kể tiếp lời cuốn tôi mạnh đến nỗi tôi không thể kìm mình dừng chép lại: *Cũng chẳng phải chàng hèn nhát và khiếp nhược đến thế, trái lại nữa là đàng khác; nhưng ít lâu nay tâm thần chàng kích động và căng thẳng khác thường, gần như mắc chứng ưu uất.* Và cứ thế tôi có thể tiếp tục cho tới cả đoạn sau, hay thực ra là cả mấy trang, cho tới khi nhân vật chính tự giới thiệu với cụ già cầm đờ. *“Tôi là Raskolnikov, sinh viên. Tháng trước tôi có đến nhà bà một lần,” người trẻ tuổi vội nói lấp bắp và khe nghiêng mình chào: chàng vừa sực nhớ ra rằng mình cần phải nhã nhặn.*

Tôi dừng lại trước khi đắm mình theo sự cám dỗ chép lại toàn bộ *Tội ác và hình phạt*. Trong khoảnh khắc tôi như hiểu ra ý nghĩa và sự hấp dẫn của một nghề mà cho đến giờ tôi không thể hiểu: nghề của người sao chép. Người sao chép sống đồng thời trong hai chiều thời gian, chiều của sự đọc và chiều của sự viết: anh ta có thể viết mà không phải thống khổ vì cái khoảng trống không mở ra trước ngòi bút của anh ta; đọc mà không phải thống khổ rằng hành vi của chính mình không trở thành cụ thể trong một đối tượng vật chất nào đó.

Có một người đến gặp tôi, bảo anh ta là dịch giả của tôi, để cảnh báo tôi về một hành vi đê tiện đang phương hại tới tôi và tới anh ta: người ta xuất bản những bản dịch lậu không có bản quyền từ sách của tôi. Anh ta đưa tôi xem một cuốn, tôi lật qua nhưng chẳng nắm được gì mấy: sách viết bằng

tiếng Nhật, và những từ duy nhất bằng chữ cái la tinh là tên họ tôi trên trang nhan đề.

“Thậm chí tôi chẳng hình dung được đây là cuốn nào của tôi nữa,” tôi vừa nói vừa đưa trả sách cho anh ta. “Thật chẳng may, tôi không biết tiếng Nhật.”

“Cho dù biết tiếng đi nữa ông cũng chả nhận ra cuốn sách đâu,” vị khách của tôi nói. “Nó là một cuốn ông chưa hề viết.”

Anh ta giải thích cho tôi rằng kỹ năng điều luyện của người Nhật trong việc chế tạo ra những món hàng nhái hoàn hảo các sản phẩm của phương Tây nay đã lan sang cả văn chương. Một công ty ở Osaka đã mày mò năm được công thức cho tiểu thuyết của Silas Flannery và nay đang mày mò sản xuất những cuốn hoàn toàn mới, mà lại là nhất hạng, để có thể xâm lấn thị trường thế giới. Chúng được dịch lại ra tiếng Anh (hay đúng hơn là dịch ra tiếng Anh, họ bảo bản gốc là tiếng Anh rồi sau mới được dịch ra tiếng Nhật), và không một nhà phê bình nào phân biệt nổi chúng với tiểu thuyết Flannery thứ thiệt.

Tin tức về sự lừa đảo quỷ quyệt này làm tôi hết sức bức tức, nhưng nó còn đi xa hơn cơn phẫn nộ có thể hiểu được của tôi trước sự tổn thất về kinh tế và đạo đức: tôi còn cảm thấy một nỗi lồi cuốn dè dặt đối với mấy món đồ giả kia, với sự nổi dãi này của tôi vốn đơm hoa kết trái trên lãnh địa một nền văn minh khác. Tôi hình dung một ông già người Nhật mặc kimono băng qua một cây cầu nhỏ cong cong: ông ta là bản ngã Nhật Bản của tôi đang tưởng tượng ra một trong các câu chuyện của tôi, và ông ta thành công trong việc hợp nhất với tôi thông qua một hành trình tâm linh mà với tôi là hoàn toàn xa lạ. Bởi vậy mà những cuốn Flannery giả do cái công ty lừa đảo ở Osaka sản xuất ra dĩ nhiên sẽ là những thứ bắt chước thô thiển, nhưng đồng thời chúng hẳn hàm chứa một minh triết tinh tế và cổ xưa mà những cuốn Flannery thứ thiệt hoàn toàn thiếu.

Lẽ tự nhiên, khi có mặt người lạ, tôi phải che giấu sự mập mờ nước đôi trong phản ứng của mình, nên tôi làm như thể chỉ quan tâm đến chuyện thu

thập mọi dữ liệu cần thiết để đâm đơn kiện.

“Tôi sẽ kiện ra tòa những kẻ làm giả và bất cứ ai hợp tác trong việc truyền bá những cuốn sách giả!” tôi nói, nhìn vào mắt tay dịch giả một cách đầy ngụ ý, bởi tôi ngờ rằng gã thanh niên này chẳng phải là không đóng một vai nào trong vụ làm ăn mờ ám này. Gã nói tên gã là Ermes Marana, một cái tên tôi chưa bao giờ nghe. Đầu gã thôn thôn theo chiều ngang, giống như chiếc khinh khí cầu, và dường như che giấu nhiều thứ đằng sau cặp lông mày chổi xể.

Tôi hỏi gã đang sống ở đâu. “Hiện giờ thì ở Nhật,” gã trả lời tôi.

Gã tuyên bố rằng chính gã phần nộ khi có kẻ sử dụng cái tên tôi một cách đê tiện và sẵn sàng giúp tôi chấm dứt trò gian dối này, nhưng nói thêm rằng xét cho cùng cũng chẳng có gì ghê gớm cả, bởi vì theo gã giá trị của văn chương nằm ở sức mạnh huyền thoại hóa của nó, trong sự huyền thoại hóa có sự thực; vì vậy một món đồ giả, với tư cách sự huyền thoại hóa của một sự huyền thoại hóa, là tương đương với một sự thực được lũy thừa.

Gã tiếp tục trình bày cặn kẽ với tôi các lý thuyết của gã, theo đó tác giả của mỗi cuốn sách là một nhân vật hư cấu mà tác giả có thật phát minh ra để biến anh ta thành tác giả những tác phẩm hư cấu của mình. Tôi cảm thấy có thể chia sẻ nhiều khẳng định của gã, nhưng tôi thận trọng không để gã biết. Gã nói gã quan tâm đến tôi chủ yếu vì hai lý do: thứ nhất, vì tôi là một tác giả mà người ta có thể làm giả; thứ hai, vì gã nghĩ tôi có những năng khiếu cần thiết để thành một kẻ làm giả kiệt xuất, để tạo ra những ngụy thư hoàn hảo. Vì vậy tôi có thể là hiện thân cho cái mà với gã là tác giả lý tưởng, nghĩa là, kẻ tác giả vốn đã phân tán vào đám mây những hư cấu bao trùm thế giới bằng cái vỏ bọc dày của nó. Và bởi với gã sự trá ngụy là chân tánh của mọi thứ, nên tác giả nào làm ra được một hệ thống hoàn hảo những thứ trá ngụy thì có thể hợp nhất mình với cái toàn thể.

Tôi phải thôi nghĩ đến cuộc trò chuyện hôm qua với Marana. Cả tôi nữa, tôi cũng muốn xóa bỏ chính mình và tìm cho mỗi cuốn sách một cái tôi

khác, một giọng khác, một cái tên khác, để được tái sinh; nhưng mục đích của tôi là nằm bắt trong cuốn sách cái thế giới không thể đọc ra, không có trung tâm, không có cái ngã, không có tôi.

Nghĩ kỹ mà xem, nhà văn toàn triệt này có thể là một người rất khiêm nhường, loại mà ở Mỹ người ta gọi là *ghost writer*, nhà văn ma, một chuyên gia rất mực hữu dụng mặc dù chẳng tiếng tăm gì lắm: người biên tập vô danh mang lại hình thức cuốn sách cho những gì kẻ khác có để kể nhưng lại không có khả năng hoặc thiếu thời gian viết, anh ta là cái bàn tay viết mang lại ngôn từ cho những hiện thể quá bận rộn với việc hiện hữu. Có lẽ đó mới là thiên hướng thật của tôi và tôi đã thiếu nó. Lẽ ra tôi đã có thể nhân bội cái tôi của mình lên, mang lấy cái tôi của những người khác, vờ đóng những cái tôi rất khác với tôi và rất khác nhau.

Nhưng nếu một sự thật cá nhân là sự thật duy nhất mà *một* cuốn sách có thể hàm chứa, thì tôi hẳn cũng có thể chấp nhận nó mà viết ra sự thật của tôi. Cuốn sách về ký ức tôi ư? Không, ký ức chỉ thật chừng nào ta không cố định nó, chừng nào nó không bị gói kín trong một hình thức. Cuốn sách về các dự vọng của tôi ư? Chúng cũng chỉ thật chừng nào sự thôi thúc của chúng vận hành độc lập với ý chí hữu thức của tôi. Sự thật duy nhất mà tôi có thể viết là sự thật của khoảnh khắc tôi đang sống. Có lẽ cuốn sách đích thực là cuốn nhật ký này, nơi tôi cố ghi lại hình ảnh người đàn bà ngồi nơi ghế xếp vào những giờ khác nhau trong ngày, trong khi tôi quan sát nàng dưới ánh sáng đổi thay.

Sao lại không thừa nhận rằng sự bất mãn của tôi phát lộ một tham vọng vô bờ bến, có lẽ là một cơn mê sáng vĩ cuồng? với nhà văn muốn triệt tiêu chính mình để trao giọng nói cho những gì ở ngoài mình, có hai con đường mở ra: hoặc viết một cuốn sách có thể là có một không hai, khai phá đến cùng kiệt cái toàn thể trong những trang của nó; hoặc viết mọi cuốn sách,

nhằm theo đuổi cái toàn thể thông qua những hình ảnh vốn là một phần của nó. Cuốn sách có một không hai, vốn hàm chứa cái toàn thể, chỉ có thể là bản văn thiêng, là lời toàn thể được phát lộ. Nhưng tôi không tin rằng cái toàn thể có thể hàm chứa trong ngôn ngữ; vấn đề của tôi là cái nằm bên ngoài, cái không được viết, cái không thể viết. Cách duy nhất còn lại cho tôi là viết mọi cuốn sách, viết những cuốn sách của bất cứ tác gia nào có ở trên đời.

Nếu tôi nghĩ mình phải viết một cuốn sách, tất cả những vấn nạn về chuyện cuốn sách này nên ra sao và không nên ra sao sẽ cản trở tôi và ngăn không cho tôi tiến tới. Nếu như ngược lại tôi nghĩ mình đang viết cả một thư viện, đột nhiên tôi cảm thấy nhẹ nhõm: tôi biết dù mình viết cái gì đi nữa, nó cũng sẽ được hợp nhất vào cái khác, bị nói ngược lại, được cân bằng, được khuếch đại, bị chôn vùi bởi hàng trăm cuốn khác mà tôi còn phải viết.

Cuốn sách mà ta biết rõ nhất về hoàn cảnh được viết ra là kinh Koran. Có ít nhất hai khâu trung gian giữa cái toàn thể và cuốn sách này: Mohammed lắng nghe lời của Allah rồi thì đến lượt ông đọc cho thư lại của mình ghi. Có một lần – các nhà viết tiểu sử Đấng tiên tri kể lại – trong khi đọc cho thư lại Abdullah ghi, Mohammed dừng lại nửa chừng một câu, không nói hết. Viên thư lại, một cách bản năng, đề xuất phần kết. Lơ đãng, Đấng tiên tri chấp nhận như là lời thiêng điều Abdullah nói. Điều này khiến viên thư lại bị chấn động, anh ta liền từ bỏ Đấng tiên tri và mất niềm tin.

Anh ta lầm. Việc tổ chức câu, xét cho cùng, là một trách nhiệm thuộc về anh ta; anh ta là người phải xử lý sự nhất quán bên trong của ngôn ngữ viết, bằng ngữ pháp và cú pháp, để nắn cho tuôn vào đó cái dòng chảy uyển chuyển của một ý tưởng vốn bành trướng ra ngoài toàn bộ ngôn ngữ trước khi nó trở thành lời, và của một lời vốn đặc biệt uyển chuyển như lời của nhà tiên tri. Sự cộng tác của viên thư lại là cần thiết cho Allah, một khi người đã quyết định diễn đạt mình bằng ngôn ngữ viết. Mohammed biết điều này và cho phép viên thư lại có đặc quyền kết thúc các câu; nhưng Abdullah không nhận thức được những quyền lực được giao phó cho anh ta.

Anh ta mất lòng tin vào Allah bởi anh ta thiếu niềm tin vào sự viết, và vào chính anh ta như là tác nhân của sự viết.

Nếu một kẻ ngoại đạo được phép suy ra những dị bản khác nhau của truyền thuyết về Đấng tiên tri, tôi sẽ liền đưa ra dị bản này: Abdullah mất niềm tin là bởi trong khi ghi theo lời đọc anh ta viết sai một chỗ và Mohammed, mặc dù nhận ra, lại quyết định không cải chính, vì thấy chỗ viết sai kia hay hơn. Cả trong trường hợp này, Abdullah cũng lắm khi thấy bị chần động. Chính là khi được viết lên trang sách, chứ không phải trước đó, mà lời, dầu là lời của nhà tiên tri trong cơn tuyệt hứng, mới trở thành xác định, nghĩa là trở thành sự viết. Duy chỉ thông qua sự hạn định của hành vi viết, sự mênh mông của cái chưa được viết mới trở nên đọc được, nghĩa là thông qua những bất định của phép chính tả, của những nhảy cóc, những bỏ sót, những cú nhảy vọt không được kiểm soát của lời và của bút. Nếu không thế thì cái ở ngoài chúng ta đã không một mực đòi thông đạt qua ngôn từ, nói hoặc viết: hãy để nó gửi thông điệp bằng những con đường khác.

Kia: con bướm trắng đã băng qua cả thung lũng và từ cuốn sách của nữ độc giả đã bay đến đây, để đậu xuống trang sách tôi đang viết.

Có những người kỳ lạ lai vãng trong thung lũng này: các đại diện văn chương chờ cuốn tiểu thuyết mới của tôi, họ đã thu tiền tạm ứng của các nhà xuất bản trên khắp thế giới cho cuốn tiểu thuyết này; các đại lý quảng cáo muốn nhân vật của tôi mặc một số món quần áo nhất định và uống một số thứ nước quả nhất định; các chuyên viên điện tử nằng nặc nài tôi cho họ viết nốt cuốn tiểu thuyết đang dang dở của tôi bằng máy vi tính. Tôi cố đi ra ngoài càng ít càng tốt; tôi tránh ngôi làng; nếu muốn đi dạo, tôi chọn những đường mòn trên núi.

Hôm nay tôi chạm trán một nhóm thiếu niên trông như hưởng đạo sinh đang hào hứng nhưng đồng thời tỉ mỉ trải một số mảnh vải bạt lên đồng cỏ làm thành những dạng hình học.

“Dấu hiệu cho máy bay hả?” tôi hỏi.

“Cho đĩa bay,” chúng đáp. “Bọn tôi là những nhà quan sát vật thể bay chưa xác định. Đây là một nơi trung chuyển, kiểu như một lộ trình nơi có rất nhiều đĩa bay qua lại thời gian gần đây. Người ta nghĩ đó là vì có một nhà văn sống ở đâu đó gần đây và cư dân của các hành tinh khác muốn dùng ông ta để truyền đạt thông tin.”

“Điều gì khiến các cậu tin thế?” tôi hỏi.

“Thực tế là đã ít lâu nay ông nhà văn lâm vào khủng hoảng không viết được nữa. Báo chí đang tự hỏi nguyên nhân là gì đây. Theo tính toán của bọn tôi, có thể là do cư dân các thế giới khác buộc ông ta thôi không hoạt động nữa, sao cho ông ta bị rút kiệt hết các ước định thuộc về trái đất và trở nên dễ tiếp nhận cái mới.”

“Nhưng sao chính là ông ta?”

“Những người ngoài trái đất không thể nói điều này điều kia một cách trực tiếp. Họ phải biểu đạt mình bằng cách gián tiếp, bằng cách dùng hình tượng – tỉ như là thông qua những câu chuyện khơi gợi nên những cảm xúc khác thường. Nhà văn này hẳn là có một kỹ thuật tốt và một sự linh hoạt nhất định về ý tưởng.”

“Nhưng sách của ông ta các cậu đã đọc chưa?”

“Những gì ông ta đã viết tới giờ không đáng quan tâm. Chính trong cuốn sách ông ta sẽ viết khi đã thoát khỏi cơn khủng hoảng mới có thể hàm chứa mỗi tương thông vũ trụ.”

“Truyền đạt tới ông ta bằng cách nào?”

“Qua tâm linh. Thậm chí ông ta sẽ chẳng nhận thức được. Ông ta sẽ tin mình đang viết đúng như tài năng của mình; nhưng thực ra đây là thông điệp từ không gian, tới trên những sóng mà não ông ta bắt được, nó sẽ thâm nhập vào những gì ông ta viết.”

“Và các cậu sẽ giải mã được thông điệp đó?”

Chúng không trả lời tôi.

Khi nghĩ rằng sự chờ đợi liên hành tinh của đám trẻ đó rồi sẽ bị thất vọng, tôi cảm thấy buồn sao đó. Trong sâu xa, tôi cũng có thể dễ dàng nhét vào trong cuốn sách kế tiếp của mình một cái gì đó mà đối với họ tuồng như là sự khai ngộ một chân lý vũ trụ. Hiện giờ tôi chẳng có ý niệm về việc mình sẽ phát kiến được cái gì, nhưng nếu tôi khởi sự viết, một ý tưởng sẽ đến với tôi.

Nếu đúng như chúng nói thì sao? Nếu như tôi tin rằng quả thật mình chỉ làm như đang viết, trong khi cái tôi viết thực ra là được những người ngoài hành tinh đọc cho tôi?

Tôi chờ mãi một sự khai ngộ từ khoảng không giữa các vì sao nhưng hoài công: cuốn tiểu thuyết của tôi chẳng tiến được gì. Nếu tôi có lúc tự dừng bắt đầu ghi kín hết trang này đến trang khác, đó hẳn sẽ là dấu hiệu cho thấy thiên hà đang nhắm vào tôi mà gửi thông điệp.

Nhưng cái duy nhất tôi viết được là cuốn nhật ký này, sự chiêm ngưỡng một người đàn bà trẻ đang đọc sách, và tôi không biết đó là cuốn sách gì. Có phải thông điệp ngoài trái đất ẩn chứa trong cuốn nhật ký của tôi không? Hay trong cuốn sách của nàng?

Có một cô gái đến gặp tôi, cô đang viết một chuyên luận về các tiểu thuyết của tôi cho một cuộc hội thảo đại học rất quan trọng về nghiên cứu văn chương. Tôi thấy sáng tác của tôi là phương tiện hoàn hảo cho cô trình bày các lý thuyết của cô, và đây chắc chắn là một việc tích cực – cho những cuốn tiểu thuyết hay cho các lý thuyết, tôi không biết. Từ lời trình bày rất chi tiết của cô, tôi nắm được rằng một tác phẩm của tôi đang được cô miệt mài theo đuổi: song những cuốn sách của tôi nhìn qua mắt cô lại trở thành không thể nhận ra đối với tôi. Tôi chắc rằng Lotaria (là tên cô) đã đọc chúng một cách thấu đáo, nhưng tôi tin rằng cô đọc chỉ để tìm ra ở chúng những gì cô đã tin chắc từ trước khi đọc chúng.

Tôi thử nói điều này với cô. Cô đập lại, hơi bực tức, “Sao cơ? Ông muốn tôi đọc ra trong sách của ông chỉ những gì ông tin chắc mà thôi sao?”

Tôi đáp, “Không phải vậy. Tôi chờ đợi độc giả đọc ra trong sách của tôi cái gì đó mà tôi không biết, nhưng tôi có thể chờ đợi điều đó chỉ từ những ai chờ đợi đọc ra được một cái gì mà bản thân họ không biết.”

(May sao tôi có thể quan sát bằng kính viễn vọng người đàn bà đọc sách khác kia và tự thuyết phục mình rằng không phải độc giả nào cũng như cô Lotaria này.)

“Cái ông muốn là một cách đọc thụ động, trốn tránh và thoái bộ,” Lotaria nói. “Chị tôi đọc theo cách ấy đấy. Chính là khi quan sát chị ấy đọc ngẫu nhiên tiểu thuyết của Silas Flannery hết cuốn này tới cuốn khác mà không tự đặt cho mình một vấn đề gì, tôi mới nảy ra ý tưởng dùng những cuốn sách đó làm chủ đề cho chuyên luận của tôi. Chính vì vậy tôi mới đọc tác phẩm của ông, ông Flannery à, nếu ông muốn biết: để cho chị Ludmilla tôi thấy phải đọc một tác gia như thế nào. Kể cả Silas Flannery.”

“Cám ơn cô vì cái ‘kể cả’ ấy. Nhưng sao cô không đến cùng chị cô?”

“Ludmilla một mực cho rằng tốt hơn không nên quen biết các tác gia với tư cách cá nhân, bởi con người thật không bao giờ tương hợp với tưởng tượng của mình về ông ta khi đọc sách của ông ta.”

Tôi hẳn sẽ nói rằng cô ta có thể là độc giả lý tưởng của tôi, cái cô Ludmilla này.

Chiều qua, khi bước vào thư phòng, tôi thấy cái bóng của một người lạ thoát ra ngoài qua cửa sổ. Tôi cố đuổi theo hẳn, nhưng chẳng thấy dấu vết hẳn đâu. Thường tôi vẫn nghe đâu như có người nấp trong những bụi cây quanh nhà, nhất là về đêm.

Mặc dù tôi rời khỏi nhà càng ít càng hay, tôi có ấn tượng như có ai đó mó tay vào giấy tờ của tôi. Đã hơn một lần tôi phát hiện rằng một số trang bản thảo của tôi bị mất. Ít ngày sau tôi sẽ lại thấy các trang đó ở nguyên chỗ cũ. Nhưng thường tôi không còn nhận ra bản thảo của mình, như thể tôi đã quên mất mình viết gì, hoặc hồ như qua một đêm tôi đã thay đổi đến mức không còn nhận ra nổi chính mình trong cái tôi của ngày hôm qua.

Tôi hỏi Lotaria xem cô ta đã đọc dăm cuốn sách của tôi mà tôi cho cô mượn chưa. Cô nói chưa, vì cô chẳng có cái máy vi tính nào để dùng.

Cô giải thích với tôi rằng một máy vi tính được lập trình thích đáng có thể đọc một tiểu thuyết trong vòng vài phút và ghi lại danh sách tất cả các từ có trong văn bản, theo thứ tự tần suất xuất hiện. “Bằng cách đó tôi có ngay trong tầm tay một bản đọc đã hoàn tất,” Lotaria nói, “thật là tiết kiệm thời gian không thể nào tính cho được. Thực ra đọc một văn bản có là gì khác ngoài chuyện ghi nhận một số sự hồi quy nhất định về chủ đề, sự nhấn đi nhấn lại một số hình thức và nghĩa? Bản đọc bằng điện toán cung cấp cho tôi một danh sách các tần suất xuất hiện, tôi chỉ cần liếc vào là có được ngay ý niệm về các vấn đề mà cuốn sách gợi ra cho công trình nghiên cứu phê bình của tôi. Lẽ tự nhiên, ở mức tần suất cao nhất thì danh sách liệt kê vô số những mạo từ, đại từ, tiểu từ, nhưng đó không phải là thứ tôi quan tâm. Tôi tiến thẳng tới những từ giàu nghĩa nhất; những từ có thể cho tôi hình dung chân xác về cuốn sách, ít nhất là một cách tương đối.”

Lotaria đem tới cho tôi vài cuốn tiểu thuyết đã được chuyển ghi bằng điện toán, dưới dạng những từ liệt kê theo thứ tự tần suất xuất hiện. “Trong một tiểu thuyết gồm từ năm mươi tới một trăm ngàn từ,” cô bảo tôi, “tôi khuyên ông nhìn kỹ trước hết là những từ được nhắc lại hai mươi lần. Nhìn đây. Các từ xuất hiện mười chín lần:

băng đạn, có, của anh, cùng [với], chỉ huy, làm, lập tức, lính canh, máu, nó, nhận, nhìn thấy, răng, sự sống...

“Các từ xuất hiện mười tám lần:

ăn, chết, chiều, cho tới, chú bé, đến, đi, điển trai, đó, đủ, khoai tây, lưỡi trai, mới, Pháp, qua, thời kỳ...

“Ông chưa thấy rõ là cuốn này nói tới cái gì sao?” Lotaria nói. “Không nghi ngờ gì hết: đây là một tiểu thuyết về chiến tranh, toàn hành động, lối viết nhanh, gãy gọn, có một dòng chảy ngầm bạo lực ở bên dưới. Lời kể hoàn toàn chỉ là ngoài mặt, tôi dám nói thế, nhưng để cho chắc ta vẫn nên

xem cả danh sách các từ chỉ được dùng một lần, mặc dù chẳng phải vì vậy mà kém quan trọng hơn. Lấy chuỗi này chẳng hạn:

thiếu ăn, thiếu cân, thiếu học, thiếu hồn, thiếu khí, thiếu máu, thiếu sinh, thiếu thần, thiếu dục, thiếu lực, thiếu năng, thiếu phát...

“Không, cuốn sách này không hoàn toàn nông cạn như bề ngoài đâu. Ất phải có cái gì đó ẩn giấu; tôi có thể tiến hành nghiên cứu theo những hướng này.” Lotaria đưa tôi xem một loạt danh mục khác. “Đây là một cuốn tiểu thuyết hoàn toàn khác. Nhìn là thấy ngay. Xem các từ trở đi trở lại khoảng năm mươi lần này:

đã, của ông, chồng, ít, Ricardo (51) có, đáp [lời], ga, gì, từng, trước (48) hiếm [khi], lần, Mario, mọi, phòng ngủ, vài (48) dường [như], đi, sáng, kẻ [mà] (47) nên (45) là, nghe, tay, tới (43) ai, Cecilia, cô gái, chiều, Delia, năm, sáu (42) có thể, cửa sổ, hầu [như], một mình, người, trở về (41) muốn, tôi (40) đời (39)

“Ông nghĩ sao về cuốn này? Một kiểu tự sự thủ thỉ chân tình, những cảm xúc tinh tế, tiết chế, một bối cảnh nhã đạ, cuộc sống hằng ngày ở tỉnh lẻ... Để xác nhận, chúng ta sẽ xem mẫu những từ chỉ được dùng một lần:

bất công, béo lên, chăm chỉ, đi xuống, ghen tuông, kỹ sư, khéo léo, lành lạnh, lừa gạt, mở rộng, nuốt, phát tướng, quỳ...

“Vậy là ta đã có ý niệm về bầu không khí, những tâm trạng, nền tảng xã hội... Ta có thể chuyển sang cuốn sách thứ ba:

Chúa Trời, đi, kể, lần, nhất là, tóc, tiền, thân thể, theo [như] (39) ai đó, bột, chiều, đồ ăn, lý do, mưa, ở lại, rượu, Vincenzo (38) chân, chết, nang, ngọt, trứng, vì thế, xanh (36) ái chà, còn lại, đầu, đen, làm, máy, ngày, ngực, ở lại, sẽ, thậm chí, trắng, trẻ con (35)

“Ở đây tôi dám nói chúng ta đang gặp một câu chuyện ngôn ngôn máu thịt, mãnh liệt, mọi thứ đều cụ thể, hơi tàn bạo, với nhục cảm trực tiếp, không tinh luyện, loại văn huê tình đại chúng. Nhưng đây, chúng ta cũng lại hãy xem danh mục những từ xuất hiện một lần. Tỉ như, nhìn đây:

bễ mặt, gái trinh, hạ nhục, hổ thẹn, kiểm chứng, ô nhục, rau, [rượu] vermut, trơ tráo, xấu hổ...

“Ông thấy chưa? Một mặc cảm tội lỗi, thuần khiết và giản dị! Một chỉ dẫn quý báu: truy vấn có tính phê phán có thể khởi đi từ đó, xây dựng một vài giả thuyết khả dĩ đứng được... Tôi đã nói gì với ông nhỉ? Chẳng phải là một hệ thống mau lẹ và hữu hiệu hay sao?”

Ý nghĩ rằng Lotaria đọc những sách do tôi viết theo cách đó gây ra vài cái khó cho tôi. Giờ đây, mỗi khi viết ra một từ, tôi nhìn thấy nó bị xoay tròn bởi bộ não điện tử, được xếp hạng dựa theo tần suất xuất hiện, kể bên những từ khác, là những từ gì thì tôi không biết, thế rồi tôi tự hỏi từ này mình đã dùng bao nhiêu lần, tôi cảm thấy toàn bộ trách nhiệm của sự viết đè nặng lên các âm tiết đơn lẻ đó, tôi cố hình dung xem người ta có thể rút ra những kết luận nào từ việc tôi đã dùng từ này một lần hay năm mươi lần. Có khi tôi xóa hẳn nó đi thì tốt hơn... Nhưng dù tôi có thử dùng từ nào khác đi nữa thì hẳn nó cũng không qua nổi bài sát hạch... Có lẽ thay vì một cuốn sách tôi có thể viết ra những danh mục từ, theo thứ tự bảng chữ cái, một cơn thác đổ những từ đơn lẻ trong đó biểu hiện cái sự thực mà tôi hẳn còn chưa biết, và từ đó thì máy vi tính, bằng cách đảo ngược chương trình, có thể xây dựng nên cuốn sách, sách của tôi.

Tôi đã gặp chị của cô Lotaria đang viết chuyên luận về tôi. Nàng đến không báo trước, như thể nàng chỉ tình cờ đi ngang qua đây. Nàng nói, “Tôi là Ludmilla. Tôi đã đọc tất cả tiểu thuyết của ông.”

Biết rằng nàng vốn không muốn gặp quen biết các tác gia trên phương diện cá nhân, tôi sửng sốt khi gặp nàng. Nàng bảo em gái nàng luôn có một quan điểm phiến diện về mọi sự; cũng vì lý do này mà, sau khi Lotaria kể với nàng về những cuộc gặp giữa tôi với cô ta, nàng muốn tự mình đi kiểm chứng, như để xác nhận sự tồn tại của tôi, bởi tôi tương ứng với hình mẫu lý tưởng của nàng về nhà văn.

Hình mẫu lý tưởng này – dùng chữ của nàng – là tác gia sản sinh ra sách “giống như dây bí sản sinh ra quả bí.” Nàng cũng dùng những ẩn dụ khác về các quá trình tự nhiên vốn cứ đường mình mình đi không bị ngăn trở – ngọn gió tạo hình cho núi non, trầm tích của thủy triều, những vòng thân cây cứ mỗi năm lại tăng thêm một – song đó là những ẩn dụ về sáng tạo văn chương nói chung, trong khi hình ảnh quả bí là quy trực tiếp về tôi.

“Cô giận là giận em cô phải không?” tôi hỏi nàng, cảm thấy trong lời nàng nói một giọng điệu luận chiến, như của một người đã quen kháng kháng giữ ý kiến mình chống lại người khác.

“Không, là với một người khác mà ông cũng có biết,” nàng nói.

Chẳng mấy khó khăn tôi cũng suy ra được duyên do ẩn sau việc nàng đến gặp tôi. Ludmilla là bạn, hay là bạn cũ của tay dịch giả Marana kia, kẻ vốn cho rằng văn chương càng hàm chứa nhiều thiết bị tinh vi, một mớ phức tạp những bánh răng, mảnh lối, cạm bẫy thì càng có giá.

“Thế thì, theo cô, tôi có làm điều gì khác biệt?”

“Tôi vẫn luôn nghĩ ông viết kiểu giống như một con thú đào hang hay xây ụ kiến hay làm tổ ong vậy.”

“Tôi không chắc điều cô nói có tán dương tôi quá không,” tôi đáp. “Dù thế nào thì, cô đã gặp tôi ở đây rồi, tôi hy vọng cô không quá thất vọng. Tôi có tương hợp với hình ảnh cô đã dựng nên về Silas Flannery không?”

“Tôi không thất vọng. Ngược lại. Nhưng không phải vì ông tương hợp với một hình ảnh, mà bởi ông là một người tuyệt đối bình thường, đúng như tôi chờ đợi, quả thực thế.”

“Các tiểu thuyết của tôi cho cô ý niệm về một người tuyệt đối bình thường?”

“Không, ông thấy đó... Các tiểu thuyết của Silas Flannery là một cái gì đó rất đặc trưng... dường như chúng vốn có sẵn đó từ trước rồi, từ trước khi ông viết chúng, đầy đủ mọi chi tiết rồi... Như thế là chúng đi qua ông vậy, chúng sử dụng ông vì ông biết cách viết, bởi nói gì thì nói phải có người nào

đó viết chúng ra chứ... Tôi ước gì có thể quan sát ông trong khi ông viết, để kiểm tra xem có đúng vậy không...”

Tôi cảm thấy nhói đau. Với cô gái này tôi chẳng là gì ngoài một năng lực biết viết vô nhân tính, sẵn sàng chuyển từ cái không được biểu đạt sang chỗ viết ra một thế giới tưởng tượng vốn hiện hữu độc lập với tôi. Thượng đế xin hãy cứu giúp tôi nếu nàng biết tôi chẳng còn lại bất cứ gì như nàng tưởng tượng: năng lượng biểu đạt không, một cái gì đó để mà biểu đạt cũng không nốt.

“Cô nghĩ cô sẽ thấy được gì nào? Nếu có ai đó quan sát tôi thì tôi không viết được...” tôi đáp.

Nàng giải thích rằng nàng tin mình đã hiểu điều này: sự thật của văn chương chỉ bao hàm ở tính chất vật thể của hành vi viết.

“Tính chất vật thể của hành vi...” Mấy từ này bắt đầu quay mòng mòng trong tâm trí tôi, trở nên gắn liền với những hình ảnh tôi vẫn thường cố xua đi nhưng hoài công. “Tính chất vật thể của hành động hiện hữu,” tôi áp ứng. “Đấy, cô thấy đấy, tôi đứng đây, tôi là một người đàn ông đang hiện hữu, đối diện với cô, hiện diện vật thể của cô...” Và một nỗi ghen tuông buốt nhói xâm chiếm tôi, không phải ghen với người khác, mà ghen với cái tôi khác kia được làm bằng mực bằng những dấu chấm dấu phẩy, kẻ đã viết ra những cuốn tiểu thuyết mà bây giờ tôi sẽ không viết nữa, gã tác gia đang tiếp tục bước vào cõi riêng tư của người đàn bà trẻ tuổi này, trong khi tôi ở đây, lúc này, với năng lượng vật thể mà tôi cảm thấy đang trào dâng, đáng tin cậy hơn rất nhiều so với xung năng sáng tạo, tôi bị ngăn cách khỏi nàng bởi khoảng cách mênh mông của một cái bàn phím và một tờ giấy trắng trên cuộn ru lô.

“Sự thông đạt có thể được thiết lập ở nhiều cấp độ,” tôi bắt đầu giải thích; tôi đến gần nàng bằng những chuyển động chắc chắn là hơi hấp tấp, song những hình ảnh thị giác và xúc giác đang xoay tít trong đầu tôi thúc hối tôi hãy loại bỏ mọi ngăn cách và mọi trì hoãn.

Ludmilla kháng cự, chuôi thoát ra. “Kìa, ông làm cái gì vậy, ông Flannery? Không phải vậy đâu! Ông lầm rồi!”

Đúng, lẽ ra tôi đã có thể hành động có phong thái hơn một chút, nhưng đến nước này rồi thì sửa chữa là quá muộn: giờ thì hoặc có tất cả hoặc không có gì. Tôi tiếp tục vừa đuối theo nàng vòng vòng quanh cái bàn vừa thốt ra những câu mà tôi nhận rõ là hoàn toàn ngu xuẩn, kiểu như, “Có lẽ cô cho rằng tôi già quá, nhưng trái lại...”

“Là hiểu lầm cả thôi, ông Flannery ời,” Ludmilla nói, rồi dừng lại, dựng cuốn Từ điển Webster Phổ thông dày cộp chặn giữa chúng tôi. “Tôi có thể dễ dàng làm tình với ông; ông là một quý ông dễ mến, ưa nhìn. Nhưng điều này sẽ chẳng có liên quan gì đến vấn đề chúng ta đang bàn luận... Nó sẽ chẳng có gì chung với tác giả Silas Flannery tác giả những cuốn tiểu thuyết tôi đã đọc... Như tôi giải thích với ông, ông với ông ta là hai người khác biệt, những mối quan hệ của các người không giao hội với nhau... Tôi chẳng nghi ngờ gì rằng ông cụ thể chính là con người này chứ không phải ai khác, mặc dù quả thực tôi thấy ông rất giống nhiều đàn ông khác tôi từng quen biết, nhưng người khiến tôi quan tâm là kẻ khác kia, là cái ông Silas Flannery hiện hữu trong các tác phẩm của Silas Flannery, độc lập với ông, ở đây...”

Tôi lau mồ hôi trán. Tôi ngồi xuống. Cái gì đó trong tôi đã biến mất: có lẽ là cái tôi, có lẽ là nội hàm của cái tôi. Nhưng chẳng phải đây là điều tôi muốn ư? Chẳng phải phi cá tính hóa là điều tôi đang cố đạt tới hay sao?

Có lẽ Marana và Ludmilla đến để nói với tôi cùng một điều, nhưng tôi không biết liệu đó là một sự giải phóng hay một sự buộc tội. Tại sao họ đến tìm chính tôi kia chứ, đúng lúc tôi cảm thấy bị xiềng xích hơn lúc nào hết vào chính mình, như trong một nhà tù?

Ngay khi Ludmilla đi khỏi tôi học tốc đi tới chỗ kính viễn vọng để tìm sự khuây khỏa nơi quang cảnh người đàn bà ngồi trên ghế xếp. Nhưng nàng không có đó. Tôi bắt đầu tự hỏi: nếu như nàng cũng chính là người đã đến

gặp tôi thì sao? Có lẽ trước sau luôn là chính nàng và chỉ có nàng là nguồn cơn mọi vấn nạn của tôi. Có lẽ có một âm mưu nào đây hòng ngăn không cho tôi viết, âm mưu mà Ludmilla cùng em gái nàng và tay dịch giả đều có dính líu vào.

“Những tiểu thuyết lôi cuốn tôi hơn hết,” Ludmilla nói, “là các tiểu thuyết tạo ra một ảo giác về sự trong suốt xung quanh một gút thắt những quan hệ nhân sinh, một gút thắt càng bí hiểm, tàn bạo và trái khoáy càng tốt.”

Tôi không hiểu nàng nói thế là để giải thích điều gì lôi cuốn nàng trong các tiểu thuyết của tôi, hay đó là điều nàng muốn tìm thấy trong tiểu thuyết của tôi song không tìm thấy.

Sự bất mãn thường trực, theo như tôi thấy, có vẻ là một đặc tính của Ludmilla: tôi thấy dường như những thứ nàng thích chỉ sau một đêm là lại thay đổi và ngày hôm nay chúng chỉ phản ánh tình trạng bất an của nàng (nhưng khi trở lại gặp tôi, nàng có vẻ đã quên hết những gì xảy ra hôm qua).

“Bằng kính viễn vọng tôi có thể quan sát một người đàn bà đọc sách trên một sân thượng trong thung lũng,” tôi nói với nàng. “Tôi tự hỏi những cuốn sách nàng ta đọc làm cho lòng người ta thanh thản hay bức rứt.”

“Ông thấy người đàn bà đó thế nào? Bình thản hay bức rứt?”

“Bình thản.”

“Vậy thì cô ta đọc những cuốn sách khiến người ta bức rứt.”

Tôi kể với Ludmilla những ý nghĩ kỳ lạ đã đến với tôi về chuyện các bản thảo của tôi: rằng chúng biến mất, chúng quay lại, chúng không còn là chúng như trước nữa. Nàng bảo tôi phải thật cẩn thận: có một âm mưu của những kẻ ngụy thư hiện đang có chân rết ở khắp nơi. Tôi hỏi nàng liệu có phải đầu lĩnh của âm mưu này là tình nhân cũ của nàng không.

“Những mưu đồ luôn luôn vượt thoát khỏi tay các đầu lĩnh của chúng,” nàng đáp, quanh co.

Ngụy thư, *apocrypha* (từ tiếng Hy Lạp *apokryphos*, nghĩa là ẩn giấu, bí mật): (1) ban đầu vốn là từ để gọi những cuốn “mật thư” của các chi phái tôn giáo; về sau để chỉ các văn bản không được thừa nhận là quy điển nơi những tôn giáo nào đã lập nên một bộ quy điển gồm các văn bản được khai thị; (2) dùng để chỉ những văn bản được quy, một cách sai lầm, là thuộc một thời kỳ hay của một tác gia nào đó.

Từ điển ghi vậy đó. Có lẽ thiên hướng đích thực của tôi là tác gia của những ngụy thư, theo nhiều nghĩa khác nhau của từ này: bởi sự viết luôn luôn có nghĩa là che giấu một cái gì đó sao cho người ta rồi sẽ khám phá ra; bởi sự thực có thể lộ hiện từ ngòi bút của tôi giống như một mảnh vỡ bị tách ra khỏi một khối đá lớn do một tác động dữ dội rồi thì văng ra xa; bởi không có sự chắc chắn nào nằm ngoài sự trá ngụy.

Tôi muốn tìm gặp lại Ermes Marana để đề nghị tôi với gã hợp tác với nhau dựng làm thế giới tràn ngập ngụy thư. Nhưng Marana giờ ở đâu? Gã quay về Nhật chưa? Tôi cố nài Ludmilla nói cho tôi biết về gã, mong rằng nàng sẽ nói điều gì đó cụ thể. Theo nàng, vì những gì gã làm, cái tay chuyên sáng tác ngụy thư này cần phải ẩn náu ở những lãnh thổ nơi đám tiểu thuyết gia đông đảo và viết khỏe, sao cho gã có thể ngụy trang những món hàng trá ngụy của mình, cho chúng trà trộn với số sản phẩm dồi dào được làm từ chất liệu thô thứ thiệt.

“Vậy là anh ta về lại Nhật rồi?” Nhưng Ludmilla xem chừng không biết tới bất cứ mối liên hệ nào giữa Nhật Bản với người đàn ông kia. Nàng tin rằng cái cơ sở bí mật cho các mưu đồ của tay dịch giả bịp bợm kia nằm ở một nơi hoàn toàn khác trên trái đất. Theo những tin tức gần đây nhất của Ermes, dấu vết của gã đã biến mất ở đâu đó gần dãy Andes. Dù thế nào thì Ludmilla chỉ bận tâm tới một điều: gã đang ở rất xa. Nàng đã tìm chốn ẩn

náu ở vùng núi này là để trốn tránh gã: giờ đây khi đã biết chắc sẽ không chạm mặt gã, nàng có thể về nhà.

“Ý cô là cô sắp đi khỏi đây sao?” tôi hỏi nàng.

“Sáng mai,” nàng nói.

Tin này khiến tôi rất mực u sầu. Đột nhiên tôi cảm thấy cô độc.

Tôi đã trò chuyện lại với những kẻ quan sát đĩa bay. Lần này chính bọn chúng đến gặp tôi, để kiểm chứng xem liệu tôi có ngẫu nhiên viết ra cuốn sách do người ngoài hành tinh đọc cho không.

“Không, nhưng tôi biết có thể tìm đâu ra cuốn sách ấy,” tôi vừa nói vừa đi lại chỗ kính viễn vọng. Ít lâu nay tôi có ý nghĩ rằng cuốn sách liên hành tinh đó có thể là cuốn sách mà cô gái ngồi trên ghế xếp kia đang đọc.

Trên sân thượng quen thuộc cô gái nọ chẳng thấy đâu. Thất vọng, tôi đảo kính viễn vọng vòng vòng quanh thung lũng thì thấy một người đàn ông ăn vận như dân thành phố ngồi trên một gờ đá, chăm chú đọc sách. Sự trùng hợp quá đúng lúc đến nỗi thật chẳng phải vô căn cứ nếu nghĩ đến một sự can thiệp từ ngoài trái đất.

“Cuốn sách các cậu đang tìm đó,” tôi vừa nói với đám thiếu niên kia vừa đưa cho họ cái kính viễn vọng đang chìa vào kẻ lạ mặt.

Từng người một chúng ghé mắt vào thấu kính, đoạn đưa mắt nhìn nhau, cảm ơn tôi rồi đi ra.

Tôi vừa có một Người đọc đến thăm, người này đề đạt với tôi một vấn đề khiến anh ta bứt rứt: anh ta đã tìm được hai bản in cuốn *Trong mạng lưới những đường vân vân* của tôi, bên ngoài giống hệt nhau, nhưng bên trong chứa hai cuốn tiểu thuyết khác nhau. Một cuốn là chuyện một ông giáo sư không chịu nổi mỗi khi điện thoại của mình đổ chuông, còn cuốn kia là chuyện một tay triệu phú chuyên sưu tập kính vạn hoa. Thật chẳng may anh

ta không thể cho tôi xem hai cuốn ấy, vì anh ta chưa kịp đọc hết thì cả hai đã bị lấy cắp, cuốn thứ hai thì ở cách đây chưa đầy một cây số.

Anh ta vẫn còn đang bần thần vì tình tiết lạ lùng này; anh kể với tôi rằng trước khi đến trình diện ở nhà tôi anh ta muốn bảo đảm chắc chắn rằng tôi đang có nhà, và đồng thời anh ta lại muốn đọc tiếp cuốn sách, để có thể thảo luận về nó với tôi một cách hoàn toàn tự tin; thế nên, sách trong tay, anh ta ngồi xuống một gờ đá nơi anh ta có thể để mắt quan sát ngôi biệt thự của tôi. Đến một lúc anh ta chợt thấy vây quanh mình là một đám rồ, bọn này nhảy xổ vào cuốn sách. Xung quanh cuốn sách này những kẻ rồ bắt giữ anh ta tùy hứng bày ra một thứ nghi lễ, một kẻ cầm cuốn sách giơ cao lên trong khi những tên còn lại chiêm ngưỡng nó với vẻ thành kính sâu xa. Không đếm xia đến sự phản đối của anh ta, sau đó chúng bỏ chạy vào rừng mang theo cuốn sách.

“Các thung lũng vùng này đầy đầy những nhân vật kỳ quặc,” tôi nói hầu trấn an anh ta. “Đừng nghĩ ngợi gì về cuốn sách ấy nữa, ông ạ; ông chẳng bị mất thứ gì quan trọng cả đâu: đó là một thứ giả mạo, sản xuất ở Nhật. Để khai thác một cách phi pháp thành công của các cuốn sách tôi viết trên toàn thế giới, một công ty Nhật Bản vô liêm sỉ cho lưu hành những cuốn sách mang tên tôi trên bìa nhưng trên thực tế là thứ văn ăn cắp lại từ tiểu thuyết do những tác giả Nhật ít tên tuổi viết ra, là những cuốn vốn chẳng thành công gì và kết cục là bị cho vào máy nghiền làm bột giấy. Sau rất nhiều điều tra, tôi đã vạch mặt trò gian dối này mà cả tôi lẫn các tác giả bị đạo văn là nạn nhân.”

“Thật ra thì tôi khá thích cuốn tiểu thuyết đang đọc dở kia,” Người đọc thú nhận, “và tôi tiếc là không thể theo dõi câu chuyện cho đến cùng.”

“Nếu đó là vấn đề duy nhất của ông thì tôi có thể nói cho ông biết nguồn: nó là một tiểu thuyết Nhật Bản, bị phỏng lược, các nhân vật và nơi chốn thật bị sửa tên thành tên phương Tây. Cuốn sách gốc là *Trên thảm lá sáng ánh trắng* của Takakumi Ikoka, nói rõ là thế, một tác giả không tồi chút nào. Tôi có thể đưa cho ông bản dịch tiếng Anh, đặt đền bù cho mất mát của ông.”

Tôi lấy cuốn sách để trên bàn đưa cho anh ta, sau khi cho vào một phong bì, dán kỹ lại, để anh ta không bị cám dỗ mà lật qua và do vậy sẽ không nhận ra ngay rằng nó chẳng có gì liên quan tới *Trong mạng lưới những đường giao cắt* hay với bất cứ tiểu thuyết nào khác của tôi, dù ngụ ý tác hay chính tác.

“Tôi biết là có rất nhiều sách mạo danh Flannery,” Người đọc nói, “và tôi đã đâm ra tin rằng ít nhất một trong hai cuốn ấy là đồ giả. Nhưng còn cuốn kia, liệu ông có cho biết là đồ giả được hay không?”

Nếu tôi cứ thế mà cho người này biết những vấn nạn của tôi thì hẳn là thiếu khôn ngoan. Tôi cố vớt vát tình thế bằng một câu thâm thúy, “Những cuốn sách duy nhất tôi nhận ra được là của mình là những cuốn tôi sẽ còn phải viết.”

Người đọc này tự kìm mình, chỉ khẽ mỉm cười lịch thiệp, rồi lại trở nên nghiêm trang nói, “Thưa ông Flannery, tôi biết ai đứng đằng sau vụ này: không phải người Nhật, mà là một gã Ermes Marana nào đó, kẻ đã đầu têu toàn bộ chuyện này chỉ vì ghen tuông đối với một thiếu phụ mà ông có biết, Ludmilla Vipiteno.”

“Thế thì tại sao ông đến gặp tôi?” tôi đáp. “Đến gặp cái ông đó mà hỏi ông ta sự thế thế nào.” Tôi bắt đầu đâm ngờ rằng giữa Người đọc này và Ludmilla có một mối dây gắn bó, và thế là đủ để giọng tôi mang âm sắc thù địch.

“Tôi không có cách nào khác,” Người đọc đáp. “Thực ra, tôi có cơ hội đi công tác sang khu vực gã ta đang ở, tại Nam Mỹ, và tôi sẽ tận dụng cơ hội này để tìm gã.”

Tôi không thú gì chuyện báo cho anh ta rằng, theo chỗ tôi biết, Ermes Marana làm việc cho người Nhật và tổng hành dinh các nhà ngụ thư của gã là ở Nhật. Với tôi điều quan trọng là sao cho vụ rầy rà này càng tránh xa khỏi Ludmilla càng tốt: thế nên tôi khuyến khích anh ta hãy đi công tác và hãy tiến hành tìm kiếm thật gắt gao cho tới khi nào tìm ra tay địch giả ma đó.

Người đọc bứt rứt không yên vì những trùng hợp bí ẩn đó. Anh ta bảo tôi rằng ít lâu nay, và vì những lý do rất khác nhau, cứ hễ đọc được vài trang một cuốn tiểu thuyết nào là anh ta cũng phải ngưng nửa chừng.

“Có lẽ vì mấy cuốn ấy làm ông chán,” tôi nói, hơi nghiêng về phía bi quan chủ nghĩa như mọi khi.

“Ngược lại, tôi buộc phải ngưng đọc đúng vào lúc chúng trở nên lôi cuốn nhất. Tôi nóng lòng muốn đọc tiếp lắm, nhưng cứ hễ tôi định ninh mình đang giở ra cuốn sách vừa bắt đầu đọc, tôi lại thấy trước mắt mình một cuốn sách hoàn toàn khác.”

“... Cuốn ấy thay vì hấp dẫn thì lại cực kỳ chán ngắt,” tôi móm ý.

“Không, lại còn lôi cuốn hơn. Nhưng cả cuốn này nữa tôi cũng chả đọc hết được. Và cứ thế.”

“Trường hợp của ông khiến tôi thêm hy vọng,” tôi bảo anh ta. “Với tôi, càng ngày càng hay có chuyện tôi nhặt một cuốn tiểu thuyết vừa xuất hiện và rồi thấy mình đang đọc cũng một cuốn sách mình đã đọc một trăm lần.”

Tôi cứ suy ngẫm mãi về cuộc trò chuyện cuối cùng với Người đọc đó. Có lẽ hành động đọc của anh ta mãnh liệt đến nỗi nó ngốn trọn tinh chất của cuốn tiểu thuyết ngay từ đầu, cho nên chẳng còn gì cho phần còn lại nữa. Điều này xảy ra với tôi khi viết: gần đây, mỗi cuốn tiểu thuyết tôi khởi sự viết đều bị vắt kiệt nhanh chóng sau đoạn mở đầu, như thể tôi đã nói hết tất cả những gì cần nói.

Tôi nảy ra ý tưởng viết một cuốn tiểu thuyết bao gồm chỉ chương đầu của nhiều tiểu thuyết. Nhân vật chính có thể là một Người đọc thường xuyên bị phá ngang không thể đọc hết. Người đọc này mua cuốn tiểu thuyết mới A của tác giả Z. Nhưng đó là một ấn bản bị lỗi, anh ta không thể đọc gì tiếp sau đoạn mở đầu... Anh ta trả cuốn sách lại cho nhà sách để đổi cuốn hoàn chỉnh...

Tôi có thể viết toàn bộ chuyện đó ở ngôi thứ hai: bạn, Người đọc... Tôi cũng có thể đưa vào đó một thiếu phụ trẻ, Người đọc Nữ, và một dịch giả chuyên cho ra những cuốn sách giả, và một nhà văn già thường xuyên viết nhật ký giống như cuốn nhật ký này...

Nhưng tôi sẽ không muốn Người đọc Nữ trẻ tuổi kia, khi trốn tránh Kẻ làm sách giả, rốt cuộc sẽ rơi vào tay Người đọc. Tôi sẽ lo liệu sao cho Người đọc lên đường lần theo dấu vết Kẻ làm sách giả, hẳn đang ẩn náu ở xứ nào đó rất xa xôi, sao cho Nhà văn có thể ở lại một mình với thiếu phụ, Người đọc Nữ.

Hiển nhiên, nếu không có một nhân vật nữ, cuộc hành trình của Người đọc sẽ mất đi sinh khí: anh ta phải gặp một phụ nữ nào đó khác trên đường. Có lẽ Người đọc Nữ kia có một người chị em...

Quả vậy, dường như Người đọc thực sự sẵn sàng ra đi. Anh ta sẽ mang theo *Trên thảm lá sáng ánh trắng* của Takakumi Ikoka, để đọc giữa đường.

Trên thảm lá sáng ánh trắng

Lá cây bạch quả rơi từ trên cành xuống giống như làn mưa mịn làm cho bãi cỏ lổ đổ vàng. Tôi đang tản bộ cùng ông Okeda trên lối mòn lát đá phẳng phiu. Tôi nói tôi muốn tách bạch cảm giác về từng chiếc lá bạch quả một ra khỏi cảm giác về mọi chiếc lá bạch quả khác, nhưng tôi đang tự hỏi liệu có thể làm thế chẳng. Ông Okeda bảo được. Tiền đề để cho tôi xuất phát, mà ông Okeda coi là rất có cơ sở, là thế này. Nếu từ một cây bạch quả có một chiếc lá vàng nhỏ độc nhất rơi xuống nằm trên cỏ, thì cảm giác khi ta nhìn nó sẽ là cảm giác về một chiếc lá vàng độc nhất. Nếu hai chiếc lá buông từ trên cây xuống, con mắt sẽ dõi theo vòng xoắn lượn của hai chiếc lá trong khi chúng đến gần nhau, sau đó tách nhau ra giữa không trung, như hai con bướm đuổi nhau, để cuối cùng lướt xuống nằm trên mặt cỏ, một lá chỗ này, một lá chỗ kia. Với ba lá cũng vậy, bốn lá cũng vậy, thậm chí năm lá; khi số lượng lá xoay tròn tròn trong không khí tăng lên, các cảm giác tương ứng với từng lá một trong số đó được thu tóm lại, tạo thành một cảm giác chung giống như cảm giác về một cơn mưa thình lạng, và – nếu một hơi gió cực nhỏ làm cho lá rơi chậm đi – thì sẽ tạo nên cảm giác về những đôi cánh treo giữa không trung, rồi thì cảm giác về những đốm sáng nhỏ được gieo ra, khi ta hạ cái nhìn xuống cỏ. Giờ thì, dù không để mất một cảm giác nào trong tổ hợp cảm giác chung để chịu này, tôi muốn giữ cho tách bạch hình ảnh riêng biệt của từng chiếc lá sao cho đừng lẫn với các hình ảnh khác, từ thời khắc nó nhập vào thị trường của tôi, dõi theo vũ điệu của nó trong không trung cho đến khi nó rơi xuống yên nghỉ trên lá cỏ. Sự tán đồng của ông Okeda khích lệ tôi trì chí dẫn theo mục đích này. Có lẽ rằng – tôi nói thêm, trong khi chiêm ngưỡng hình dáng lá bạch quả, một cái quạt nhỏ màu vàng có gờ trông như vỏ sò – tôi sẽ giữ được tách bạch bên trong cảm giác về mỗi một chiếc lá cảm giác về mỗi một thù của chiếc lá ấy. Ở điểm này ông Okeda sẽ không nói chắc điều gì; dạo trước kia sự im lặng của ông từng là lời cảnh báo rằng tôi chớ nên nhảy cóc qua một loạt giai đoạn chưa được kiểm định để vội vàng đưa ra kết luận. Ghi nhớ bài học này trong tâm trí, tôi bắt đầu

tập chú vào việc nắm bắt những cảm giác vi tế nhất ngay vào khoảnh khắc phân lập được chúng, khi sự sáng rõ của chúng hãy còn chưa bị lẫn vào một bó những ấn tượng bị khuếch tán.

Makiko, con gái út của ông Okeda, đến để dâng trà, với những cử động đầy tự chủ và nét duyên dáng vẫn còn hơi mang nét trẻ con. Khi nàng cúi xuống, tôi thấy trên cái gáy trần của nàng, dưới mái tóc buộc túm lại, lộ ra một lượt lông tơ mịn màng đen nhánh ở bên dưới dường như còn kéo dài dọc theo sống lưng nàng. Tôi đang tập trung nhìn nó thì cảm thấy con mắt bất động của ông Okeda dán vào tôi, dò xét tôi. Nhất định là ông nhận ra tôi đang thực tập trên cần cổ cô con gái ông khả năng phân lập các cảm giác. Tôi không nhìn ra chỗ khác, vừa bởi ấn tượng về lớp lông tơ dịu mềm trên làn da trắng xanh đã đầy quyền uy mà chế ngự tôi, cũng vừa bởi, mặc dù hướng sự chú ý của tôi đi nơi khác bằng vài nhận xét chung chung chẳng phải là việc khó đối với ông Okeda, nhưng ông không làm. Dù thế nào đi nữa, chẳng mấy chốc Makiko đã dâng trà xong và đứng dậy. Tôi nhìn đăm đăm một nốt ruồi phía trên môi nàng, bên trái, điều đó khiến tôi nhớ lại một cái gì đó của cảm giác trước đây, nhưng mờ nhạt hơn. Makiko thoát tiên nhìn tôi, bối rối, đoạn nàng cụp mắt xuống.

Chiều hôm ấy có một khoảnh khắc tôi không dễ quên, mặc dù khi kể lại tôi nhận ra rằng nó có vẻ thật vặt vãnh. Lúc ấy chúng tôi đang thủng thỉnh đi dạo dọc ven bờ cái hồ nhỏ về phía Bắc, cùng với Makiko và mẹ nàng, bà Miyagi. Ông Okeda đi một mình đằng trước, chống cây gậy dài làm bằng gỗ thích trắng. Chính giữa hồ, hai đóa hoa phồng phao của một loài huệ nước nở vào mùa thu đã nở rộ; bà Miyagi bày tỏ ý muốn hái mấy đóa hoa ấy, một cho bà, một cho con gái bà. Bà Miyagi vẫn mang vẻ mặt cau cau và hơi mệt mỏi như thường lệ của bà, nhưng lại phảng phất sự ương bướng rắn đanh khiến tôi đâm ngờ vực rằng trong câu chuyện dài mối quan hệ đầy sóng gió giữa bà và chồng bà, câu chuyện vốn đã có quá nhiều lời đồn thổi, vai trò của bà không chỉ là vai trò nạn nhân; và trên thực tế, giữa sự xa cách lạnh băng của ông Okeda và sự quyết tâm đầy ngang ngạnh của bà ta, tôi không thể nói rốt cuộc thì ai là kẻ nắm đằng chuôi, về phần Makiko, nàng luôn tỏ

lộ vẻ vui tươi vô tư lự mà một số đứa trẻ phải lớn lên trong cay đắng bởi cha mẹ bất hòa vẫn thường dùng để tự vệ trước hoàn cảnh quanh mình, và nàng mang nó suốt ở trong mình, cứ thế lớn lên, rồi giờ đây nàng mang nó mà đối mặt với thế giới người ngoài như thể ẩn nấu sau tấm khiên một sự phúc lạc còn non nớt và khó bắt.

Quỳ trên một hòn đá bên bờ hồ, tôi cúi về phía trước cho đến khi nắm được cái chồi gần nhất của cây huệ nước nổi bông bành, và tôi giật khẽ, cẩn thận cố không làm gãy, sao cho toàn bộ cây dạt về phía bờ. Bà Miyagi và cô con gái cũng quỳ xuống chìa tay ra mặt nước, sẵn sàng túm lấy những đóa hoa khi chúng đến vừa tầm tay với. Bờ cái hồ nhỏ này vừa thấp vừa dốc; để cúi về phía trước mà không quá nguy hiểm, hai người đàn bà đứng sau lưng tôi, vươn thẳng tay ra, mẹ một bên, con gái một bên. Đến một lúc tôi cảm thấy có một sự tiếp xúc ở chính xác một điểm, giữa cánh tay và lưng, ngang tầm hai dẻ xương sườn đầu tiên; hay đúng hơn, hai sự tiếp xúc khác nhau, một bên trái, một bên phải, về phía Tiểu thư Makiko, đó là một chút chạm nhẹ căng thẳng và hầu như phập phồng, trong khi về phía Bà Miyagi thì là một sức ép kín đáo, cọ nhẹ. Tôi nhận ra rằng, thông qua một cơ hội hiếm có và ngọt ngào, tôi đã cùng một lúc được nắm vú trái của cô con gái và nắm vú phải của bà mẹ cọ vào tôi, và rằng tôi phải nỗ lực hết sức để không làm mất đi sự tiếp xúc tình cờ đó và cảm nhận đến cùng hai cảm giác đồng thời đó, tách bạch chúng ra và so sánh sức thu hút của chúng với nhau.

“Gạt mấy cái lá ra thì cuống hoa sẽ cong về phía tay anh,” ông Okeda nói. Ông đang đứng phía trên ba chúng tôi trong khi chúng tôi cúi mình về phía cây huệ nước. Ông cầm trong tay cây gậy dài, lẽ ra nếu ông dùng gậy kéo loài cây mọc trong nước đó lại gần bờ thì sẽ dễ hơn nhiều; nhưng ông không làm vậy mà chỉ khuyên hai người đàn bà thực hiện cái cử động vốn chỉ làm kéo dài hơn sức ép của thân thể họ lên thân thể tôi.

Hai đóa hoa huệ nước hầu như đã xích lại trong tầm tay Miyagi và Makiko. Tôi tính toán nhanh rằng vào khoảnh khắc giật cú cuối cùng, bằng cách nhấc cùi chỏ phải lên rồi lại ép ngay vào sườn phải, tôi sẽ siết được bầu vú nhỏ xíu, rần căng của Makiko, trọn vẹn. Nhưng thành tựu của việc tóm

bắt hai đóa huệ nước làm rối loạn trật tự các cử động của chúng tôi, thế nên cánh tay phải tôi khép lại trên một vùng trống rỗng, trong khi bàn tay trái tôi, vốn không còn nắm giữ chồi cây, rơi trở lại và gập vùng thân dưới của bà Miyagi, hình như bà sẵn sàng tiếp nhận nó và hầu như níu giữ nó, với một cái giật thót đầy nhu thuận được chuyển dẫn sang toàn bộ thân mình tôi. Ngay khoảnh khắc đó một cái gì đã được định đoạt, nó có những hậu quả không thể trừ tính được, rồi tôi sẽ kể khi đến lúc.

Khi lại đi qua dưới cây bạch quả, tôi nói với ông Okeda rằng, trong việc chiêm quan cơn mưa lá, điều trọng yếu không phải là lĩnh hội từng chiếc lá một mà là lĩnh hội cái khoảng cách giữa lá này với lá kia, khoảng không khí rỗng chia cách chúng. Điều dường như tôi nắm được là thế này: sự vắng mặt cảm giác trên một phần lớn trường tiếp nhận là điều kiện cần để sự nhạy cảm của chúng ta có thể tập trung một cách cục bộ và nhất thời, cũng như trong âm nhạc, sự im lặng nền là cần thiết để các nốt nhạc có thể nổi bật lên trên đó.

Ông Okeda nói rằng trong những cảm nhận xúc giác thì điều này chắc chắn đúng; tôi rất sửng sốt trước câu trả lời của ông, bởi quả tình tôi đang nghĩ tới sự tiếp xúc của mình với thân thể của con gái ông và của vợ ông trong khi truyền đạt đến ông những quan sát của tôi về lá. Ông Okeda tiếp tục nói về những cảm nhận xúc giác với vẻ vô cùng tự nhiên, tuồng như đã rõ một điều là diễn ngôn của tôi chẳng có một chủ đề nào khác.

Để chuyển cuộc đàm đạo sang địa hạt khác, tôi thử đưa ra sự so sánh với việc đọc một cuốn tiểu thuyết trong đó một nhịp điệu kể chuyện thật điềm tĩnh, luôn luôn theo một giọng điệu tiết chế, nhằm gia cường một vài cảm giác tinh tế và chính xác mà tác giả muốn kêu gọi người đọc hãy chú tâm vào; nhưng trong trường hợp cuốn tiểu thuyết ta phải cân nhắc rằng trong chuỗi liên tục các câu thì mỗi lần chỉ có một cảm giác duy nhất được truyền đạt, dù đó là cảm giác đơn lẻ hay phức hợp, trong khi chiều rộng của trường thị giác và trường thính giác cho phép ta ghi nhận đồng thời một cái tổng thể phong phú hơn và phức tạp hơn nhiều. Khả năng thấu nhận của người đọc đối với hợp thể các cảm quan mà cuốn tiểu thuyết muốn chuyển

tải đến anh ta thực ra là bị quy giản đi nhiều, trước hết là bởi, sự đọc thường là hấp tấp và lơ đãng của anh ta không thể nắm bắt hoặc là bỏ qua một số nào đó những dấu hiệu và ý đồ thực sự hàm chứa trong văn bản, sau nữa là vì, luôn luôn có một cái gì đó cốt tử vẫn nằm ngoài câu được viết ra; thật vậy, những gì cuốn tiểu thuyết không nói cầm chắc là nhiều hơn những gì nó nói, và chỉ một ánh phản quang đặc biệt bao quanh những gì được viết mới có thể cho ta cái ảo tưởng mình cũng đang đọc cả những gì không được viết. Trước tất cả các chiêm nghiệm đó của tôi, ông Okeda im lặng, như ông vẫn luôn im lặng những khi tôi trót nói quá nhiều và cuối cùng không thể dứt ra khỏi mớ lý luận rối rắm của tôi.

Trong mấy ngày sau đó tôi chợt thấy mình rất hay ở một mình trong nhà với hai người phụ nữ, bởi ông Okeda đã quyết định đích thân tiến hành việc nghiên cứu trong thư viện, công việc trước nay vẫn là nhiệm vụ chính của tôi, thay vào đó ông muốn tôi cứ ở trong thư phòng ông để sắp xếp lại cho thứ tự mớ thẻ hồ sơ đồ sộ của ông. Tôi lo sợ một cách có cơ sở rằng ông Okeda đã nghe phong thanh về những cuộc trò chuyện giữa tôi và Giáo sư Kawasaki và đã đoán được ý định của tôi muốn dứt khỏi trường của ông đặng tiếp cận những giới hàn lâm rồi đây sẽ bảo đảm cho tiền đồ tương lai của tôi. Chắc chắn rằng, việc nấn ná quá lâu dưới sự kèm cặp về tri thức của ông Okeda đang làm hại tôi: tôi cảm thấy được điều đó từ những lời nhận xét châm biếm mà các trợ lý của Giáo sư Kawasaki nói về tôi, mặc dù đâu phải là họ khép kín chẳng có quan hệ gì với các khuynh hướng khác, cũng như đám bạn sinh viên của tôi. Chẳng nghi ngờ gì nữa, ông Okeda muốn giữ tôi suốt cả ngày ở nhà ông để ngăn không cho tôi cất cánh, để kìm hãm tự do tư duy của tôi giống như ông đã làm với các sinh viên khác của ông, họ giờ đây co rút lại đến chỗ chỉ làm mỗi việc do thám lẫn nhau và tố giác nhau mỗi khi có kẻ đi chệch dù chỉ một tí ti ra khỏi sự phục tùng tuyệt đối quyền lực của đại sư. Tôi phải quyết định dứt khoát càng sớm càng tốt để rời khỏi ông Okeda; nếu tôi còn lần lữa chưa làm, đó là vì những buổi sáng ở nhà ông khi vắng mặt ông gây nên ở trong tôi một tâm trạng phấn khích dễ chịu, mặc dù chẳng mấy có lợi cho công việc của tôi.

Thực tế là khi làm việc tôi thường bị chia trí; tôi tìm bất cứ có gì để đi vào các phòng khác, nơi tôi có thể tình cờ gặp Makiko, bắt gặp nàng ở chốn riêng tư của nàng giữa nhiều tình huống khác trong ngày. Nhưng thường thì giữa đường tôi hay gặp bà Miyagi hơn, và tôi đã dặn với bà, bởi vì với bà mẹ những cơ hội để trò chuyện – mà cũng để đùa cợt ranh ma, mặc dù đôi khi nhuốm chút cay đắng – nảy sinh dễ dàng hơn là với cô con gái.

Khi ăn tối, quanh món sukiyaki bồng lười, ông Okeda sẫm soi khuôn mặt chúng tôi như thể các bí mật của ngày hôm ấy được ghi trên đó, mạng lưới những đục vọng khác biệt nhau nhưng có liên thông với nhau, tôi cảm thấy mình bị vây bọc trong đó và không muốn thoát ra khỏi đó chừng nào chưa thỏa mãn được chúng từng cái một. Thế là hết tuần này sang tuần khác tôi khất lại chưa quyết định rời khỏi ông và khỏi cái công việc lương đã bèo bọt mà lại không có cơ đồ thăng tiến, và tôi nhận ra rằng chính ông, ông Okeda, mới là người đang siết chặt, từng mắt một, cái lưới đang kìm giữ tôi.

Ấy là một mùa thu tĩnh mịch. Khi kỳ trăng tròn tháng Mười một đến gần, một chiều nọ tôi thấy mình đang trò chuyện với Makiko về việc chỗ nào là thích hợp nhất để ngắm trăng qua những cành cây. Tôi khẳng khẳng rằng trên lối đi dưới cây bạch quả thảm lá rụng sẽ làm ánh trăng bị tán xạ thành một quầng sáng treo lơ lửng. Có một ý đồ rõ rệt trong điều tôi nói: đề nghị với Makiko rằng chúng tôi sẽ gặp nhau dưới cây bạch quả ngay đêm đó. Cô gái trả lời rằng chỗ cái hồ hay hơn, bởi vì trăng mùa thu, nếu như tiết trời lạnh và khô, sẽ phản chiếu trên mặt nước với đường nét sắc hơn so với trăng mùa hè thường bị sương mù che phủ.

“Tôi đồng ý,” tôi đơn đả nói. “Tôi nóng lòng được cùng cô tới bờ hồ khi trăng lên quá. Nhất là,” tôi nói thêm, “bởi cái hồ khuấy động những cảm xúc tinh tế trong ký ức tôi.”

Có lẽ rằng khi tôi thốt ra câu đó sự tiếp xúc với bầu vú Makiko quay trở lại ký ức tôi quá sống động, và giọng tôi nghe có vẻ hứng chí, khiến nàng cảnh giác. Thực sự là Makiko cau mày và im lặng một hồi. Để xua tan sự khó xử này, bởi tôi không muốn để nó làm đứt quãng sự mơ màng tình ái mà tôi đang thả mình theo, tôi làm một cử chỉ ngu dại và vô ý: tôi nhe răng ra

rời cắn chặt răng lại như đẽ cặn. Một cách bản năng Makiko nhảy lùi lại với vẻ đau đớn đột ngột, như thể nàng vừa thực sự bị cắn ở một nơi nhạy cảm nào đó. Nàng trấn tĩnh ngay lập tức và rời khỏi phòng. Tôi sẵn sàng để theo nàng.

Bà Miyagi đang ở phòng kế bên, ngồi trên tấm thảm trải sàn, tỉ mỉ sắp xếp những đóa hoa và nhánh cây mùa thu trong một cái lọ. Tiến tới như một kẻ mộng du, tôi bắt gặp bà đang cúi khom người dưới chân tôi, và tôi dừng lại vừa kịp để không va phải bà và vấp chân hất đổ mấy cành cây. Cử chỉ của Makiko đã khơi nên trong tôi một cơn hưng phấn bất ngờ, và trạng thái này của tôi không qua khỏi mắt bà Miyagi, bởi những bước chân bất cẩn của tôi đã khiến tôi đến với bà theo cách đó. Dù thế nào thì, phu nhân, không ngược mắt lên, vung vẩy trước mắt tôi cành hoa trà mà bà đang lựa thể cắm trong lọ, tuồng như bà muốn đánh hoặc đẩy lùi cái bộ phận của tôi đang chìa ra phía trên bà hoặc thậm chí là đùa với nó, khiêu khích nó, kêu nó dậy bằng một cú vừa mơn vừa vụt. Tôi hạ tay xuống để cố cứu không cho chỗ hoa lá phu nhân đang cắm kia bị đâm ra lộn xộn; trong khi đó, bà vẫn lo sửa tới sửa lui mấy nhánh cây, người cúi về phía trước; thế rồi tình cờ sao ngay lúc một trong hai bàn tay tôi vụng về chuôi vào khoảng giữa bộ kimono bà mặc và làn da trần của bà rồi thấy mình bóp chặt một bầu vú mềm và ấm dằng thuôn thuôn, thì một trong hai bàn tay của phu nhân, từ giữa những nhánh cây *keiyaki*, đã vươn về phía dương cụ của tôi mà nắm lấy một cách chắc nịch và chân thật, lôi nó từ quần áo của tôi ra như thể bà đang tiến hành công đoạn tỉa lá.

Cái gây hứng thú cho tôi nơi bầu vú của phu nhân Miyagi là đường tròn nổi rõ của núm vú, tạo nên bằng thứ thứ dày hoặc mịn, rải ra trên bề mặt một quầng vú toả rộng đáng kể, ngoài rìa thì dày hơn nhưng có những điểm nhô cao chạy dài lên tận đỉnh. Chắc hẳn mỗi một núm trong hai núm vú kia sai khiến những cảm giác ít nhiều sắc nhọn trong trường tiếp nhận của phu nhân Miyagi, một hiện tượng mà tôi có thể dễ dàng kiểm chứng bằng cách bắt chúng chịu một sức ép nhẹ càng khu biệt càng tốt, cách đều nhau chừng một giây, vừa làm vừa quan sát các phản ứng trực tiếp nơi núm vú và phản ứng

gián tiếp nơi hành vi chung của phu nhân, và phản ứng của chính tôi nữa, bởi vì một sự hô ứng nhất định rõ là đã được thiết lập giữa cảm quan của bà với cảm quan của tôi. Sự tri nhận tinh tế bằng xúc giác này, tôi tiến hành nó không chỉ bằng các đầu ngón tay mà còn bằng cách bố trí phương cách thích hợp nhất để dương cụ tôi luôn lên ngực bà bằng một cái mơn trớn cà nhẹ và vê tròn, bởi tư thế khi chúng tôi tình cờ gặp nhau lại thuận lợi cho sự tiếp xúc của những vùng nhạy cảm tính dục rất khác nhau đó của chúng tôi, và bởi bà chỉ cho tôi biết bà thích gì và khuyến khích tôi bằng cách đưa đường dẫn lối cho tôi một cách đầy uy quyền. Cũng tình cờ là cả da tôi nữa, dọc suốt dương cụ của tôi và nhất là ở phần lồi ra nơi chót đỉnh, nó cũng có những điểm và những đoạn có độ nhạy cảm đặc biệt vốn đi từ dễ chịu tột cùng cho đến thích thú cho đến ngứa ngáy cho đến đau đớn, cũng như có những điểm những đoạn vô sắc hay điếc đặc. Sự gặp gỡ cưỡng ép hoặc có tính toán giữa các chỗ tận cùng nhạy cảm hoặc siêu nhạy cảm khác nhau, của bà và của tôi, khơi dậy một loạt phản ứng khác nhau, và kiểm kê cho hết đấy gồm những phản ứng gì xem ra là việc quá gian nan đối với cả hai chúng tôi.

Chúng tôi đang định tiến hành những bài tập đó, thì, rất nhanh, từ khoảng mở của cánh cửa trượt, hình dáng Makiko xuất hiện. Hiển nhiên là cô gái đã lần lữa đợi tôi đuổi theo và giờ đây tiến vào để xem trở ngại nào đang giữ tôi lại. Nàng hiểu ra sự tình ngay lập tức và biến mất, song không nhanh đến mức khiến tôi không đủ thì giờ nhận ra rằng có gì đó nơi quần áo nàng mặc đã thay đổi: nàng đã thay chiếc áo len bó sát bằng một chiếc áo váy lụa dường như được làm ra với chủ ý là để không thể khép lại, để phải lơ lửng ra vì sức ép nội tại của những gì đang nảy nở bên trong nàng, để trôi tuột đi trên làn da mượt mà của nàng ngay trước đòn tấn công đầu tiên của nỗi thèm khát được tiếp xúc mà làn da mượt mà kia của nàng không thể không khơi dậy.

“Makiko!” tôi thét, bởi tôi muốn giải thích với nàng (nhưng kỳ thực hẳn là tôi sẽ không biết phải bắt đầu từ đâu) rằng tư thế của tôi với mẹ nàng mà nàng bắt gặp tình cờ kia chỉ là do một sự hội tụ ngẫu nhiên của những

tình huống đã buộc phải đi theo lối vòng vèo một nỗi khao khát vốn dĩ thật quá rõ ràng là hướng đến nàng, Makiko. Nỗi ham muốn mà lúc này đây chiếc áo lụa nàng mặc lơ lửng hay chờ được nối cho lơ lửng đang làm cho sống động và căng đầy lên như một món quà dâng tặng không úp mở, đến độ với hình bóng của Makiko trong mắt tôi và sự tiếp xúc của Phu nhân Miyagi trên da tôi, tôi gần như đắm mình vào nhục dục.

Phu nhân Miyagi ắt là biết rõ điều này, bởi bà túm chặt lưng tôi, lôi tôi ngã xuống chiếu cùng với bà và, bằng vài động tác uốn vặn mau lẹ của toàn bộ thân mình, bà chuồi âm vật ẩm ướt và hau háu của bà xuống dưới dương cụ của tôi, và rồi cái của tôi như thể bị một ống hút nuốt chửng vào chẳng mấy may sai chạy, trong khi cặp chân mảnh dẻ trần trụi của bà siết chặt hông tôi. Bà thật nhanh nhẹn và chuẩn xác, Phu nhân Miyagi: hai bàn chân mang tất cô tông màu trắng của bà bắt tréo qua vùng xương cụt và xương chậu của tôi, kẹp tôi cứng ngắc như gọng kìm.

Lời tôi gọi Makiko chẳng phải là không được nghe thấy. Đằng sau khung giấy cánh cửa trượt là hình dáng cô gái, nàng quỳ trên chiếu, rướn đầu ra phía trước, và lúc này nơi khung cửa khuôn mặt nàng xuất hiện, co rút lại trong một vẻ giống như ngưng thở, miệng há, mắt mở to, theo dõi những động tác giật cục của mẹ nàng và tôi với vẻ vừa bị thu hút vừa ghê tởm. Nhưng không chỉ một mình nàng: ngoài hành lang, nơi một cánh cửa khác mở ra, hình dáng một người đàn ông đang đứng bất động. Tôi không biết ông Okeda đứng đó từ bao lâu rồi. Ông đang nhìn chăm chặp, không phải nhìn vợ ông và tôi mà nhìn con gái ông đang quan sát chúng tôi. Trong con người lạnh lẽo của ông, trong lẫn mím răn căng của môi ông, phản ánh cơn cực khoái của Phu nhân Miyagi được phản ánh trong cái nhìn của con gái ông.

Ông thấy rằng tôi đang thấy. Ông không nhúc nhích. Tôi nhận ra ngay lúc ấy rằng ông sẽ không phá ngang tôi, cũng sẽ không đuổi tôi ra khỏi nhà, rằng ông sẽ không bao giờ nhắc tới tình tiết này hay những tình tiết khác có thể xảy ra và lặp lại; tôi cũng nhận ra rằng sự thông đồng này sẽ chẳng khiến tôi có chút quyền lực nào đối với ông, cũng chẳng khiến cho sự phục tùng

của tôi bớt nặng nề hơn. Đó là một bí mật ràng buộc tôi với ông thì có còn ông với tôi thì không: tôi không thể tiết lộ với bất cứ ai về những gì ông đang quan sát mà không thừa nhận rằng tôi có dự phần đồng lõa một cách vô liêm sỉ.

Thế mà tôi có thể làm gì được? Cái số tôi đã bị định đoạt là ngày càng bị vướng vào mớ bòng bong những sự hiểu lầm, bởi giờ đây Makiko coi tôi như một trong đám tình nhân đông đảo của mẹ nàng còn Miyagi thì biết tôi sống chỉ vì con gái bà mà thôi, và cả hai hẳn sẽ bắt tôi trả giá một cách tàn nghiệt, trong khi những lời ra tiếng vào của cộng đồng học thuật, vốn dĩ rất chóng lan truyền, được nuôi dưỡng nhờ sự ác tâm của các bạn đồng môn tôi, những kẻ sẵn sàng bằng cách ấy giúp cả cho những toan tính của ông thầy họ, nó rồi sẽ tung một ánh sáng gièm pha phi báng lên việc tôi thường xuyên lui tới nhà Okeda, khiến tôi mất thể diện dưới mắt những giáo sư đại học mà tôi trông cậy nhất hòng thay đổi tình thế của mình.

Dẫu cho bị dẫn dắt bởi những hoàn cảnh đó, tôi vẫn tìm được cách tập trung và phân tách cảm giác chung của cơ quan tính dục của mình – vốn đang bị cơ quan tính dục của Miyagi đè ép – thành những cảm giác tách bạch của từng điểm cá biệt của tôi và của bà, vốn càng lúc càng chịu sức ép bởi những chuyển động trượt của tôi và những co thắt quặn từng nhịp của bà. Nỗ lực tập chú này đặc biệt giúp tôi kéo dài cái trạng thái cần thiết cho bản thân sự quan sát, trì hoãn không cho khoảnh khắc đỉnh điểm cuối cùng ập đến nhanh hơn bằng cách phô bày rõ những khoảnh khắc vô nhạy cảm hay nhạy cảm một phần, rồi những khoảnh khắc này đến lượt mình làm tăng đến khôn lường giá trị của sự trở lại tức thì những kích thích nhục dục vốn được phân bố theo một cung cách bất khả đoán trong không gian và thời gian. “Makiko! Makiko!” tôi rên rỉ vào tai Phu nhân Miyagi, từng cơn từng cơn một gắn liền vào những khoảnh khắc siêu nhạy cảm đó hình ảnh con gái bà và chuỗi những cảm giác khác nhau đến khôn sánh nổi mà tôi hình dung nàng có thể khơi dậy trong tôi. Và để duy trì sự kiểm soát những phản ứng của mình tôi nghĩ đến cách mô tả mà tôi hẳn sẽ dùng để nói về chúng cũng ngay chiều hôm đó với ông Okeda: cơn mưa những chiếc lá bạch quả nhỏ bé

được đặc trưng bởi việc trong mỗi khoảnh khắc mỗi chiếc lá đang rơi đều nằm ở một cao độ khác biệt với các lá khác, còn khoảng không trống rỗng và vô cảm nơi hàm chứa các cảm nhận thị giác thì có thể được chia ra thành một chuỗi nhiều cấp độ, ở từng cấp độ trong số đó ta thấy một chiếc lá nhỏ đang xoay tròn và chỉ một thôi.

Bạn siết đai an toàn. Máy bay đang hạ cánh. Bay là đối cực với lộ hành: ta băng qua một khoảng đứt quãng trong không gian, bạn tan biến vào hư không, bạn chấp nhận mình không ở bất cứ một nơi nào trong một khoảng thời gian tự nó cũng là một thứ hư không trong thời gian; rồi bạn xuất hiện trở lại, ở một chỗ và tại một thời điểm chẳng có liên quan gì tới cái nơi và cái lúc khi bạn tan biến. Trong khoảng đó bạn làm gì? Bạn chiếm lĩnh như thế nào quãng vắng mặt này của bạn đối với thế gian và của thế gian đối với bạn? Bạn đọc sách; bạn không ngược mắt lên khỏi sách trong khoảng từ sân bay này đến sân bay kia, bởi vì bên ngoài trang sách là hư không, sự vô danh của những chặng dừng, của cái dạ con bằng kim khí ôm chứa bạn và nuôi dưỡng bạn, của cái đám đông hành khách lúc nào cũng khác nhau và lúc nào cũng giống nhau. Cũng bằng cách ấy bạn có thể bám chặt vào sự trừu tượng khác này của việc du hành, vốn tự thành thông qua sự đồng dạng vô danh tính của các con chữ in: cả ở đây nữa, chính sức khơi gợi của những cái tên mới thuyết phục bạn rằng bạn đang bay trên một cái gì đó chứ không phải chẳng trên một cái gì. Bạn nhận ra rằng cần phải khinh suất lắm thì bạn mới phớt lờ mình cho những dụng cụ chẳng mấy chắc chắn được dẫn dắt bằng sự phỏng chừng; hoặc có thể điều này biểu thị một xu hướng khôn cưỡng muốn được thụ động, muốn thoái bộ, muốn phụ thuộc vào kẻ khác như khi còn bé. (Nhưng đây là bạn đang suy tưởng về chuyến du hành trên không hay về sự đọc vậy?)

Máy bay đang tiếp đất; bạn chưa kịp đọc nốt cuốn tiểu thuyết *Trên thảm lá sáng ánh trắng* của Takakumi Ikoka. Bạn tiếp tục đọc trong khi bước xuống mấy bậc cầu thang, ngồi trong xe buýt băng qua các đường băng, đứng xếp hàng đợi người ta kiểm tra hộ chiếu và kiểm hải quan. Bạn đang tiến tới trước, tay cầm cuốn sách mở rộng trước mắt mình thì có ai đó giật sách khỏi tay bạn, và như thế có một tấm màn sân khấu được kéo lên, bạn thấy có nhiều cảnh sát dàn hàng trước mặt bạn, đeo băng đạn bằng da,

mang súng tự động khua lách cách, gắn đầy những con đại bàng, những ngù vai.

“Ồ kìa sách của tôi...” bạn kêu ca, chìa ra bàn tay không vũ khí, một cử chỉ giống như trẻ con, về phía cái hàng rào đầy uy quyền gồm những cúc áo lấp lánh và họng súng kia.

“Tịch thu, thưa ông. Cuốn sách này không được phép vào địa phận Ataguitania. Là sách cấm.”

“Nhưng làm thế nào mà...? Sách viết về lá thu...? Ai cho các người có quyền...?”

“Nó có tên trong danh mục những cuốn sách phải tịch thu. Luật của xứ chúng tôi là thế. Ông định lên lớp cho chúng tôi về luật của xứ chúng tôi phỏng?” Nhanh chóng, từ lời này sang lời khác, từ âm tiết này sang âm tiết khác, giọng điệu chuyển từ khô khan sang thô lỗ, từ thô lỗ sang hăm he, từ hăm he sang dọa nạt.

“Nhưng tôi... tôi đọc sắp xong rồi...”

“Quên đi,” một giọng sau lưng bạn thì thầm. “với bọn này thì có làm gì cũng bằng thừa, về cuốn sách thì chớ lo, tôi cũng có một bản đây. Ta sẽ nói về nó sau...”

Đó là một nữ hành khách, phong thái tự tin, dáng mảnh mai trong chiếc quần dài, mang kính râm to, xách đầy hành lý, đi qua trạm kiểm soát với vẻ đã quen với chuyện này lắm. Bạn có biết nàng không? Cho dù có vẻ như bạn nhận ra nàng đi nữa, bạn hãy làm như chẳng có chuyện gì hết: nhất định là nàng không muốn người ta để ý thấy nàng đang nói chuyện với bạn. Nàng đã ra dấu bảo bạn theo nàng: đừng để nàng vượt khỏi tầm mắt. Rời khỏi sân bay, nàng leo lên một chiếc taxi và ra hiệu bảo bạn bắt chiếc taxi sau chiếc của nàng. Đến quãng đồng trống xe của nàng dừng lại; nàng xách hết hành lý ra khỏi xe, chui vào xe bạn. Nếu không có mái tóc cắt rất ngắn và cặp kính râm to đùng của nàng thì bạn sẽ bảo nàng trông giống Lotaria.

Bạn đánh liều nói, “Nhưng cô là...”

“Corinna. Gọi tôi là Corinna.”

Corinna lục trong các túi, rút ra một cuốn sách đưa cho bạn.

“Nhưng đâu phải cuốn này,” bạn nói khi thấy trên bìa là một cái tit không quen và tên một tác giả không quen: *Quanh huyết mộ trống* của Calixto Bandera. “Cuốn bị họ tịch thu là của Ikoka cơ mà!”

“Chính là cái tôi đã cho anh. Ở Ataguitania sách phải mang bìa giả thì mới lưu hành được.”

Trong khi taxi chạy hết tốc lực ngang qua vùng ngoại ô bụi bặm hôi hám, bạn không cưỡng nổi sự cám dỗ muốn mở cuốn sách ra xem liệu Corinna có đưa bạn sách thật không. Nhưng không. Đó là một cuốn sách bạn thấy lần đầu tiên, và nó chẳng giống một cuốn tiểu thuyết Nhật Bản tí nào: vào đầu truyện có một người đàn ông cưỡi ngựa băng qua cao nguyên giữa những cây thùa, và anh ta thấy vài con chim ăn thịt tên là *zopilote* bay ở trên đầu.

“Nếu bìa là bìa giả thì ruột cũng giả nốt,” bạn nhận xét.

“Chứ anh còn mong gì?” Corinna nói. “Quá trình giả hóa, một khi nó đã khởi sự vận hành là sẽ không dừng lại. Chúng ta đang ở trong một đất nước mà cái gì làm giả được thì đã bị làm giả rồi: tranh trong viện bảo tàng, vàng thỏi, vé xe buýt. Phản cách mạng và cách mạng đánh nhau với những đòn giả hóa: hệ quả là không ai còn biết chắc cái nào thực cái nào giả, cảnh sát chính trị bắt chước những hành động cách mạng còn các nhà cách mạng thì ngụy trang làm cảnh sát.”

“Rồi thì rốt cuộc ai được lợi?”

“Còn sớm quá chưa nói được. Ta phải xem ai có thể khai thác được tốt nhất những sự giả hóa, giả hóa của mình và của người khác, dù đó là cảnh sát hay là tổ chức của chúng ta.”

Tay tài xế taxi đang dỏng tai lên. Bạn ra hiệu cho Corinna bảo nàng kiểm chế, đừng đưa ra những lời khinh suất.

Nhưng nàng nói, “Đừng sợ. Đây là taxi giả. Tuy nhiên, cái làm tôi thực sự lo là có một taxi khác đang theo sau ta.”

“Giả hay thật?”

“Giả, nhất định rồi, nhưng tôi không biết nó là của cảnh sát hay của chúng tôi.”

Bạn ngoái lại nhìn dọc con đường. “Nhưng mà,” bạn kêu lên, “có chiếc taxi thứ ba đang bám theo chiếc thứ hai...”

“Đó có thể là người của chúng tôi đang kiểm tra những động thái của cảnh sát, nhưng cũng có thể là cảnh sát đang bám đuôi người của chúng tôi...”

Chiếc taxi thứ hai vượt qua xe bạn, đỗ lại, mấy người có vũ trang nhảy bổ ra, buộc bạn rời khỏi xe. “Cảnh sát đây! Các người bị bắt!” Cả ba người trên xe bạn bị họ còng tay và buộc chui vào chiếc taxi thứ hai: bạn, Corinna, tài xế của bạn.

Corinna, bình thản mỉm cười, chào các cảnh sát, “Tôi là Gertrude. Người này là bạn. Đưa chúng tôi về đại bản doanh.”

Bạn há hốc mồm ra đó chứ? Corinna-Gertrude thì thầm với bạn, bằng thứ tiếng của bạn, “Đừng sợ. Họ là cảnh sát giả; thật ra họ là người của chúng tôi.” Bạn và mọi người vừa mới đi được một quãng thì chiếc taxi thứ ba buộc chiếc thứ hai đỗ lại. Lại thêm những người mang vũ khí từ trong xe đó nhảy ra, bịt mắt: họ tước vũ khí mấy viên cảnh sát, tháo còng cho bạn và Corinna, còng tay đám cảnh sát, rồi tổng tất cả lên taxi của họ.

Corinna-Gertrude xem ra hồ hững. “Cám ơn các bạn,” cô ta nói. “Tôi là Ingrid, còn người này là của phe ta. Các bạn đưa chúng tôi đến sở chỉ huy đây à?”

“Câm mồm, mày!” một người nom có vẻ là chỉ huy nói. “Đừng có giở trò lấu cá, cả hai đứa mày! Giờ bọn tao sẽ phải bịt mắt chúng mày. Chúng mày là con tin của bọn tao.”

Bạn chẳng biết phải nghĩ thế nào nữa, mà cũng vì Corinna-Gertrude-Ingrid đã bị đưa đi bằng chiếc taxi kia. Khi người ta lại cho phép bạn dùng tứ chi và cặp mắt của bạn, bạn thấy mình đang ở tại một văn phòng của thanh tra cảnh sát không thì là trại lính. Những sĩ quan cần vụ mặc sắc phục chụp ảnh bạn, chính diện rồi nhìn nghiêng; họ lấy dấu tay của bạn. Một sĩ quan gọi, “Alfonsina!”

Bạn thấy Gertrude-Ingrid-Corinna bước vào, cũng mặc sắc phục; cô ta trao cho viên sĩ quan một tập hồ sơ để ký.

Trong khi đó bạn đi theo trình tự từ bàn này đến bàn khác: một cảnh sát viên bảo bạn giao nộp giấy tờ tùy thân, người khác lấy tiền của bạn, người thứ ba tịch thu quần áo bạn rồi thay bằng bộ đồ tù.

“Cái thứ bầy gì thế này?” bạn tranh thủ hỏi Ingrid-Gertrude-Alfonsina khi cô ta đến gần bạn còn mấy người canh giữ bạn thì quay lưng lại.

“Trong số những người cách mạng có vài tay nội gián phản cách mạng trà trộn vào khiến chúng tôi rơi vào một ổ phục kích của cảnh sát. Nhưng may là cũng có nhiều chiến sĩ cách mạng trà trộn vào hàng ngũ cảnh sát, họ vờ như nhận ra tôi là một đặc tình đang thi hành lệnh này. Còn về phần anh, họ sẽ đưa anh tới một nhà tù giả, hay đúng hơn là một nhà tù thật, tuy nhiên không phải họ kiểm soát mà là chúng tôi.”

Bạn không khỏi nghĩ tới Marana. Còn ai, nếu không phải gã, có thể phát minh ra một mưu đồ như thế này?

“Chắc là tôi nhận ra phong cách của kẻ chỉ huy các người,” bạn nói với Alfonsina.

“Ai là chỉ huy chúng tôi không quan trọng. Ông ấy cũng có thể là một chỉ huy giả, vờ làm việc cho cách mạng chỉ với mục đích duy nhất là làm lợi cho phản cách mạng, hoặc là một người công khai làm việc cho phản cách mạng, tin chắc rằng làm vậy thì sẽ mở đường cho cách mạng.”

“Còn cô thì cộng tác với ông ta?”

“Trường hợp tôi khác. Tôi là nội gián, một người cách mạng thực thụ trà trộn vào hàng ngũ những người cách mạng giả hiệu. Nhưng để tránh bị phát hiện, tôi phải giả vờ là một kẻ phản cách mạng trà trộn vào giữa những người cách mạng thực thụ. Và thực tế tôi đúng là như vậy: trong chừng mực tôi nhận lệnh của cảnh sát; nhưng không phải của cảnh sát thật, bởi vì tôi chịu sự chỉ đạo của những nhà cách mạng trà trộn vào hàng ngũ nội gián của phe phản cách mạng.”

“Nếu tôi hiểu đúng thì ở đây ai ai cũng là nội gián trà trộn vào phe khác: vào cảnh sát, vào cách mạng. Nhưng làm sao các người phân biệt được kẻ này với kẻ kia?”

“Với mỗi người, ta cần khám phá ra ai là những nội gián đã lệnh cho anh ta làm nội gián. Và thậm chí trước đó, ta phải biết ai đã lệnh cho các nội gián kia làm nội gián.”

“Và các người cứ thế chiến đấu đến giọt máu cuối cùng, đâu biết rằng không một ai thực sự là kẻ mà y tự nhận?”

“Chuyện đó thì liên quan gì chứ? Ai cũng phải thực hiện phần của mình đến phút cuối.”

“Phần của tôi là gì?”

“Bình tĩnh mà đợi. Tiếp tục đọc cuốn sách của anh.”

“Bố khỉ! Cuốn ấy tôi mất rồi, khi họ giải thoát cho tôi, ý tôi là khi họ bắt tôi...”

“Không sao hết. Nơi anh sắp đến là một nhà tù kiểu mẫu; nó có một thư viện gồm tất cả những sách mới nhất.”

“Còn sách cấm thì sao?”

“Sách cấm còn có thể gặp ở đâu khác nếu không phải trong nhà tù?”

Bạn đã bôn ba đến tận Ataguitania này để săn tìm kẻ giả mạo những cuốn tiểu thuyết, thế rồi bạn bị bắt làm tù nhân trong một hệ thống nơi mọi

phương diện của cuộc sống đều giả mạo. Hay đúng hơn: bạn quyết liều mình dẫn thân vào rừng rậm đồng bằng cao nguyên núi thẳm để theo dấu Marana người khai phá, cầm chắc lạc đường trong khi tìm cội nguồn của cuốn tiểu thuyết trường thiên, nhưng rồi bạn va đầu vào những chấn song của cái xã hội tù ngục trải khắp hành tinh, chỉ cho phép người ta phiêu lưu trong những hành lang thăm hại lúc nào cũng y hệt nhau của nó... Có phải đây vẫn là câu chuyện của bạn không, người đọc? Cuộc hành trình bạn đã dẫn vào vì tình yêu với Ludmilla đã mang bạn đi xa khỏi nàng đến nỗi bạn không nhìn thấy nàng nữa: nếu nàng không còn dẫn dắt bạn, bạn chỉ có thể tin cậy phó thác mình cho đối ảnh qua gương của nàng, Lotaria...

Nhưng liệu đó có thực là Lotaria không? “Tôi chẳng hiểu anh muốn nói cái gì. Anh toàn nhắc những cái tên tôi không biết,” cô ta luôn luôn đáp như vậy mỗi lần bạn cố nhắc lại những tình tiết đã qua. Có phải đây là do luật lệ của tổ chức bí mật này áp đặt lên cô ta? Tình thật, bạn hoàn toàn không chắc đã nhận ra cô ta là ai... Liệu có thể cô ta là Corinna giả hay Lotaria giả không? Điều duy nhất bạn biết chắc là, chức năng của cô ta trong câu chuyện của bạn cũng giống như chức năng của Lotaria, vậy nên cái tên khớp với cô ta là Lotaria và bạn sẽ không thể gọi cô ta bằng tên khác.

“Cô muốn phủ nhận rằng mình có một người chị?”

“Tôi có một bà chị nhưng tôi không thấy chuyện đó có liên quan gì.”

“Một bà chị thích những cuốn tiểu thuyết trong đó có những nhân vật mang tâm lý xáo động và phức tạp?”

“Chị tôi luôn bảo chị ấy thích những cuốn tiểu thuyết nơi ta cảm thấy một sức mạnh nền tảng, nguyên sơ, thuộc về Trái đất. Chị ấy nói đúng như thế đấy: thuộc về Trái đất.”

“Anh có làm đơn khiếu nại lên thư viện nhà tù, về chuyện một bản sách không đủ trang,” viên sĩ quan cao cấp ngồi sau một cái bàn cao nói.

Bạn thở phào nhẹ nhõm. Từ lúc một cai ngục đến xà lim giam bạn để gọi bạn đi và dẫn bạn qua nhiều hành lang, xuống nhiều cầu thang, đi qua

nhiều lối ngầm dưới đất, lại trèo lên mấy bậc thang, băng qua những phòng ngoài và phòng làm việc, nỗi e sợ khiến bạn rùng mình, từng đợt lại lên cơn sốt. Thế nhưng họ chỉ muốn thụ lý đơn khiếu nại của bạn về cuốn *Quanh huyết mộ trống* của Calixto Bandera! Thay vì lo âu, bạn cảm thấy lại thức tỉnh bên trong mình nỗi ê chề đã xâm chiếm bạn khi bạn thấy trong tay mình một cái bì không dán hồ kẹp dăm ba thếp giấy quăn queo rách nát.

“Dĩ nhiên là tôi có khiếu nại rồi!” bạn đáp. “Quý vị huênh hoang nhiều quá về cái thư viện kiểu mẫu trong nhà tù kiểu mẫu của quý vị, thế mà khi có người hỏi mượn một cuốn sách có thể hẵn hoi trong danh mục thì anh ta lại chỉ thấy một dùm giấy rách tả tơi! Tôi hỏi quý vị, làm sao quý vị cải huấn được tù nhân với những hệ thống như thế kia chứ!”

Người ngồi ở bàn chậm rãi tháo kính ra. Ông ta lắc đầu với một cái nhìn buồn bã. “Tôi sẽ không đi vào chi tiết đơn khiếu nại của anh. Không phải việc của tôi. Văn phòng chúng tôi, tuy có quan hệ mật thiết với cả các nhà tù lẫn các thư viện song việc của nó là giải quyết những vấn đề lớn hơn. Chúng tôi cho gọi anh, biết anh là người đọc nhiều tiểu thuyết, là vì chúng tôi cần lời khuyên. Các lực lượng giữ gìn trật tự trị an – quân đội, cảnh sát, tòa án – luôn luôn gặp khó khăn khi cần phân định liệu cuốn tiểu thuyết nào đó là nên cấm hay cho phép lưu hành: thiếu thời gian đọc tới nơi tới chốn, không chắc chắn về các tiêu chí thẩm mỹ và triết học làm cơ sở cho ý kiến của mình... Không, đừng sợ rằng chúng tôi muốn buộc anh trợ giúp chúng tôi trong việc kiểm duyệt. Công nghệ hiện đại chẳng bao lâu nữa rồi sẽ cho phép chúng ta thực thi các nhiệm vụ đó một cách nhanh chóng và hiệu quả. Chúng tôi có những bộ máy có khả năng đọc, phân tích, phán xét bất cứ văn bản nào. Nhưng chính độ đáng tin cậy của các công cụ đó mới là cái chúng tôi cần phải kiểm tra. Trong hồ sơ của chúng tôi anh được kể là một độc giả thuộc loại tương ứng với trung bình, và chúng tôi thấy anh đã đọc, ít nhất là một phần, cuốn *Quanh huyết mộ trống* của Calixto Bandera. Chúng tôi thấy hẵn cũng là thích hợp nếu so sánh ấn tượng của anh khi đọc với các kết quả của một cái máy đọc.”

Ông ta sai người đưa bạn tới phòng máy. “Cho phép tôi giới thiệu, đây là cô Sheila, lập trình viên của chúng tôi.”

Trước mắt bạn, trong bộ áo choàng trắng cài cúc lên tận cổ, bạn thấy Corinna-Gertrude-Alfonsina, cô ta đang trông coi một thiết bị gồm những cấu kiện bằng kim loại nhẵn thín trông như máy rửa bát. “Đây là các đơn nguyên bộ nhớ đã lưu trữ toàn văn *Quanh huyết mộ trống*. Đầu ra là một thiết bị in, thiết bị này, như anh thấy, có thể tái tạo cuốn tiểu thuyết từng chữ một từ đầu đến cuối,” viên sĩ quan nói. Một cuộn giấy dài mở dần ra từ một thứ máy đánh chữ, cái máy này, với vận tốc như súng máy, đang điền kín cuộn giấy bằng những con chữ in lạnh lùng.

“Nếu vậy thì, nếu ông cho phép, tôi sẽ tận dụng cơ hội này để lấy cho đủ các chương tôi còn chưa đọc,” bạn vừa nói vừa khẽ sờ một cách âu yếm rụt rè cái dòng sông đậm đặc chữ viết mà trong đó bạn nhận ra thứ văn xuôi đã làm bằng hữu với bạn trong những giờ bạn ngồi tù.

“Cứ tự nhiên,” viên sĩ quan nói. “Tôi để anh lại với Sheila, cô ấy sẽ nhập chương trình mà ta cần.”

Người đọc ạ, bạn đã tìm thấy lại cuốn sách bạn đang tìm kiếm; giờ bạn có thể nối lại sợi chỉ đứt; nụ cười trở lại trên môi bạn. Nhưng bạn có cảm thấy nó có thể tiếp diễn theo hướng đó không, cái câu chuyện này? Không, không phải câu chuyện trong cuốn tiểu thuyết! Chuyện của bạn kia! Bạn sẽ còn thụ động để mặc cho tiến trình sự kiện kéo mình đi đến bao giờ nữa? Bạn đã tự ném mình vào hành động, đẩy ắp xung năng mạo hiểm, rồi thì sao nữa? Chức năng của bạn đã bị nhanh chóng quy giảm thành chức năng của kẻ ghi nhận lại những hoàn cảnh do kẻ khác định đoạt, phó mình cho những hành động bốc đồng, thấy mình bị cuốn vào những sự kiện ngoài khả năng kiểm soát của mình. Chà, nếu vậy thì vai trò một nhân vật có ích gì cho bạn cơ chứ? Bạn tiếp tục dẫn vào cuộc chơi này thì có nghĩa là, cả bạn nữa, bạn cũng là đồng lõa của sự huyền thoại hóa phổ quát.

Bạn túm lấy cổ tay cô gái. “Ngụy trang thế là đủ rồi đó, Lotaria! Cô sẽ còn để mình bị một chế độ canh sát lợi dụng đến bao giờ nữa?”

Lần này thì Sheila-Ingrid-Corinna không thể che giấu chút bối rối. Cô ta giăng cổ tay ra khỏi vòng siết của bạn. “Tôi không hiểu anh đang buộc tội ai. Tôi chả biết gì về mấy câu chuyện của anh hết. Tôi theo một chiến lược rất rõ ràng. Lực đối kháng phải thâm nhập được vào các cơ chế quyền lực thì mới có thể lật đổ nó.”

“Rồi thì tái tạo nó, y như đúc! Cô nguy trang chẳng ích gì đâu, Lotaria! Nếu cô cởi cúc một bộ đồng phục này thì bên dưới luôn luôn sẽ có một bộ đồng phục khác!”

Sheila nhìn bạn với vẻ thách thức. “Cởi cúc..? Cứ thử xem...”

Bạn đã quyết định giao chiến rồi thì không thể rút lui được nữa. Với bàn tay run bần bạn cởi cúc chiếc áo khoác trắng của Sheila lập trình viên và rồi khám phá ra bộ đồng phục cảnh sát của Alfonsina, bạn dứt phăng mấy cúc áo bằng vàng đi thì lại thấy chiếc áo ngoài có mũ trùm đầu của Corinna, bạn kéo cái khóa kéo của Corinna thì thấy những cầu vai của Ingrid...

Chính cô ta xé phăng mớ quần áo còn lại trên người. Một cặp vú xuất hiện, răn căng, hình quả dưa, một cái bụng hơi khum khum, rốn lồi, đôi hông tròn trặn của một nàng thoát trông mảnh dẻ nhưng thực chất là đầy đặn, lông mu kiêu hãnh, cặp đùi dài, chắc.

“Còn cái này? Đây có phải đồng phục không?” Sheila la to lên.

Bạn vẫn còn bối rối. “Không, cái này, không...” bạn lẩm bẩm.

“Có, là đồng phục đó!” Sheila hét lên. “Thân thể là một bộ đồng phục! Thân thể là quân đội vũ trang! Thân thể là hành động hung bạo! Thân thể đòi quyền lực! Thân thể tham chiến! Thân thể tuyên bố mình là chủ thể! Thân thể là mục đích chứ không phải là phương tiện! Thân thể mang nghĩa! Thông đạt! Thét! Phản kháng! Lật đổ!”

Nói đoạn Sheila-Alfonsina-Gertrude nhảy bổ lên người bạn, xé toang quần tù nhân của bạn; cặp chân trần của bạn lẫn vào dưới những cái hộp đựng trí nhớ điện tử.

Người đọc à, bạn làm gì vậy? Bạn không kháng cự à? Không chạy trốn à? Ái chà, bạn đang tham gia... Ái chà, chính bạn cũng lao đầu vào nốt... Bạn là nhân vật tuyệt đối của cuốn sách này, được thôi; nhưng bạn có tin rằng điều đó cho bạn có quyền có quan hệ xác thịt với tất tạt các nhân vật nữ không? Như thế này đây, chẳng hề chuẩn bị gì hết... Chuyện giữa bạn với Ludmilla chưa đủ để đem lại cho câu chuyện cái hơi ấm và vẻ đẹp của một chuyện tình sao? Bạn cần gì phải đi với cả cô em của nàng (hay với bất cứ ai mà bạn đồng nhất với em nàng), với cô Lotaria-Corinna-Sheila này, bạn đã có khi nào có cảm tình đâu, cứ nghĩ mà xem... Nếu bạn muốn trả đũa – sau khi đã theo đuổi các sự kiện hết trang này sang trang khác một cách cam chịu thụ động – thì cũng tự nhiên thôi, nhưng bạn có thấy làm thế này là đúng cách không? Hay bạn muốn nói rằng ngay cả trong tình huống này bạn cũng thấy mình bị cuốn vào mặc dù bạn không muốn? Bạn biết rất rõ rằng cô gái này luôn luôn hành động bằng cái đầu, những gì cô ta nghĩ trên lý thuyết là cô ta làm trong thực tế, đẩy cho kỳ tới hậu quả sau cùng... Cô ta muốn cho bạn thấy một sự diễn trình về ý hệ chứ có phải thấy gì khác đâu... Tại sao lần này bạn tự cho phép mình bị các lý lẽ của cô ta thuyết phục ngay tức khắc vậy chứ? Coi chừng, Người đọc; ở đây cái gì cũng có vẻ vậy mà không phải vậy, cái gì cũng có hai mặt...

Ánh đèn chớp lóa và tiếng máy ảnh tanh tách liên tục nuốt chửng mất màu trắng sự trần truồng rung loạn và bị chế áp của bạn.

“Một lần nữa, Đại úy Alexandra, tôi bắt gặp cô trần truồng trong tay một tù nhân!” nhiếp ảnh gia vô hình quở trách. “Các bức ảnh này sẽ làm phong phú thêm hồ sơ cá nhân của cô...” rồi giọng nói xa dần với tiếng cười chế nhạo.

Alfonsina-Sheila-Alexandra ngồi dậy, che người, nhìn với vẻ ngao ngán. “Họ chẳng bao giờ để tôi yên lấy một phút,” cô cáu kỉnh. “Làm việc cùng một lúc cho hai cơ quan mật vụ đánh lẫn nhau thì có cái bất tiện này: cả hai bên đều suốt ngày lăm le tìm cách bắt quả tang mình.”

Bạn cũng bắt đầu đứng dậy, và bạn thấy cả người mình quán trong những cuộn giấy in ra: phần đầu cuốn tiểu thuyết đang mở dần ra trên sàn

như một con mèo muốn giỡn. Giờ thì chính những câu chuyện trong đó bạn chính là nhân vật mới bị ngắt ngang đúng vào thời điểm cao trào: có lẽ giờ thì bạn sẽ được phép theo nốt những cuốn tiểu thuyết mình đọc cho đến cuối...

Alexandra-Sheila-Corinna, trầm ngâm lơ đãng, đã bắt đầu lại nhấn các phím. Cô đã lấy lại vẻ đàng hoàng đúng mực, loại con gái hể đã làm gì là để hết tâm hồn vào đó. “Có cái gì không ổn,” cô lẩm bẫm. “Đáng lẽ giờ này đã in ra hết rồi mới phải chứ... Có chuyện gì thế nhỉ?”

Bạn đã nhận ra rằng hôm nay cô ta có phần hơi nóng nảy, cô Gertrude-Alfonsina ấy; chắc là có lúc nào đó cô đã nhấn phím sai. Thứ tự các câu chữ trong văn bản của Calixto Bandera, được lưu giữ trong bộ nhớ điện tử để rồi được đưa lại ra ánh sáng bất cứ lúc nào, đã bị xóa trong một khoảnh khắc khử từ của các mạch. Những dây nhợ nhiều màu giờ đang nghiền ra thứ bụi của các từ bị phân rã: cái cái cái, của của của, từ từ từ, đó đó đó, theo từng cột tương ứng với tần suất xuất hiện của mỗi từ. Cuốn sách đã bị nghiền nhỏ, xay nhuyễn, không còn tụ hội lại được nữa, như một đụn cát bị gió thổi bay mất.

Quanh huyết mộ trống

Bầy kền kền bay vụt lên là dấu hiệu đêm sắp tàn, cha tôi có lần bảo tôi thế. Và tôi nghe tiếng những đôi cánh nặng nề vỗ trên bầu trời tối tăm, rồi thì tôi thấy bóng chúng che mờ những vì sao xanh lục. Bay thật nhọc nhằn, không bút ngay được khỏi đất, khỏi bóng những bụi cây, dường như chỉ khi bay những chiếc lông vũ mới bắt đầu tin mình là lông vũ chứ chẳng phải dăm ba cái lá kim. Khi bầy chim ăn thịt đã bay đi rồi, các vì sao lại hiện ra, màu xám, và bầu trời xanh lục. Giờ là rạng đông, tôi đang ruỗi ngựa dọc những con đường vắng ngắt trực chỉ làng Oquedal.

“Này Nacho,” cha tôi từng nói, “ngay khi ta chết, hãy lấy ngựa của ta, súng các bin của ta, thức ăn đủ ba ngày, rồi men theo lòng suối cạn phía trên San Ireneo, cho tới khi con thấy khói bốc lên từ các sân hiên làng Oquedal.”

“Sao lại Oquedal?” tôi hỏi. “Ở Oquedal thì có ai? Con phải tìm ai?”

Giọng cha tôi càng lúc càng yếu đi chậm chạp, mặt ông càng lúc càng tím tái. “Ta phải tiết lộ cho con một bí mật ta đã giữ kín suốt bao năm... Chuyện dài lắm...”

Khi nói những lời đó cha tôi đang thở hơi cuối cùng trong cơn hấp hối, và tôi, vốn biết ông xưa nay vẫn hay lạc đề, khi nói chuyện thường hay thêm thắt những điều lan man, những giải thích này phân bua nọ, những ngoặc đơn chêm vào rồi lại hồi tưởng về quá khứ, nên tôi cứ sợ ông sẽ chẳng bao giờ tới được chỗ truyền đạt cho tôi điều quan trọng nhất. “Nhanh lên, Cha ơi, cho con biết tên của người con cần tìm khi đến được Oquedal...”

“Mẹ con... Mẹ con, người mà con không hề biết, sống ở Oquedal... Mẹ con, người chưa từng gặp con từ khi con hãy còn quần tã...”

Lâu nay tôi vẫn biết rằng trước khi chết cha sẽ nói cho tôi hay về mẹ tôi. Ông nợ tôi điều đó, sau khi đã buộc tôi sống suốt thời thơ ấu và niên thiếu mà không hề biết mẹ tôi mặt mũi ra sao họ tên gì, người đàn bà đã sinh ra tôi, hay tại sao ông đã giằng tôi khỏi vú bà khi tôi hãy còn bú sữa bầu vú

đó, lôi tôi theo sau ông trong cuộc đời nay đây mai đó trốn chui trốn nhủi của ông. “Mẹ con là ai? Cho con biết tên mẹ con.” Về mẹ tôi ông đã kể nhiều chuyện, vào cái thời tôi hãy còn chưa chán hỏi ông về mẹ tôi, nhưng ấy đều là chuyện kể, là bịa đặt, chuyện này mâu thuẫn với chuyện kia: lúc thì bà là một ả ăn mày nghèo khổ, lúc lại là một quý bà ngoại quốc chu du trên chiếc ô tô màu đỏ, khi này bà là một ma xơ trong nhà tu kín, khi khác bà là nghệ sĩ xiếc chuyên cười ngửa; ở chuyện này bà chết trong khi sinh hạ tôi, ở chuyện khác bà mất tích trong một trận động đất. Thế là cũng đến cái ngày tôi quyết định chẳng hỏi thêm câu nào nữa mà cứ đợi đến khi tự ông nói với tôi về bà. Tôi vừa tròn mười sáu tuổi thì cha tôi lâm bệnh sốt hoàng nhiệt.

“Để ta kể cho con từ đầu,” cha tôi vừa nói vừa thở hển hển. “Khi con đã đến Oquedal và nói ‘Tôi là Nacho, con của Don Anastasio Zamora xong, con sẽ nghe kể nhiều chuyện về ta, toàn là chuyện sai sự thật, dối trá, vu khống. Ta muốn con biết...’

“Tên! Tên mẹ con! Nhanh lên!”

“Rồi đây. Đã đến lúc con được biết...”

Không, cái lúc ấy đã không đến. Sau khi dông dài những câu mào đầu rỗng tuếch, lời cha tôi lịm đi trong tiếng nấc hấp hối rồi thì tiêu biến đi vĩnh viễn. Gã thanh niên lúc này đang ruỗi ngửa trong bóng tối dọc những con đường dốc trên San Ireneo vẫn không biết gì về cái nguồn cội mà hẳn rồi sẽ phải tái hợp.

Tôi đã chọn con đường men theo mép vực sâu, ngắt ngưỡng bên trên dòng suối cạn. Rạng đông treo trên những đường viền lờm chờm của cánh rừng, dường như mở ra cho tôi chẳng phải một ngày mới mà là một ngày đến trước mọi ngày khác, mới theo nghĩa cái thời khi mọi ngày hãy còn là mới, như cái ngày đầu tiên khi con người hiểu ra thế nào là một ngày.

Và khi ngày rạng dần đủ cho tôi nhìn thấy phía bên kia vực, tôi nhận ra rằng bên đó cũng có một con đường men theo mép vực, và một người cười

ngựa cũng đang tiến song song với tôi theo cùng một hướng, một bên vai khoác khẩu súng trường quân đội có nòng dài.

“Này!” tôi kêu to. “Chúng ta còn cách Oquedal bao xa?”

Y thậm chí không ngoái lại; đứng ra còn tệ hơn thế, trong một khoảnh khắc giọng tôi có làm y khẽ quay đầu (nếu không thì hẳn tôi đã cho là y điếc) nhưng y lập tức chuyển cái nhìn ra phía trước và vẫn tiếp tục ruổi ngựa, không thèm hạ cổ trả lời tôi hay ra hiệu chào tôi.

“Này! Tôi hỏi anh kia mà! Anh điếc à? Hay câm?” tôi hét, trong khi y lắc lư trên yên theo nhịp ruổi con ngựa ô y cưỡi.

Chẳng làm sao biết được hai chúng tôi sẽ còn tiến bước như vậy bao lâu trong bóng đêm, cứ sánh đôi như thế, cách nhau vực dốc đứng hai bên dòng suối. Âm thanh tôi cứ ngỡ là tiếng vọng khi nhặt khi khoan của bốn vó con ngựa tôi cưỡi vọng lại từ mặt đá vôi thô ráp của bờ vực bên kia, thực ra đấy là tiếng lóc cóc của mấy vó ngựa đồng hành với tôi.

Y là một gã trai trẻ, chỉ thấy lưng và cổ, đội mũ rơm xơ xác. Cảm thấy bị xúc phạm trước thái độ khinh khỉnh của y, tôi thúc ngựa tiến lên, dặng bỏ y lại sau lưng, gạt bỏ y cho khuất mắt. Mới đi ngang qua y một chút thì bởi lý do nào đó tôi nảy ra ý muốn ngoái đầu lại nhìn y. Y đã trật súng khỏi vai và đang nâng súng lên làm như nhắm vào tôi. Tôi lập tức thò tay xuống báng khẩu các bin giắt vào bao súng trên yên ngựa. Y lại quảy súng lên vai như chẳng có gì vừa xảy ra. Từ đó trở đi chúng tôi tiến cùng nhịp, trên hai bờ đối diện nhau, luôn để mắt đến nhau, cẩn thận không quay lưng lại nhau. Chính con ngựa cái của tôi tự sửa nhịp đi theo nhịp của con ngựa ô đực kia, tuồng như nó hiểu.

Câu chuyện tự điều chỉnh nhịp đi của nó thành bước tiến chậm của bốn vó bịt sắt trên những con đường dốc lên trên, hướng đến một nơi hàm chứa bí mật của quá khứ và tương lai, cái bí mật hàm chứa thời gian cuộn tròn xung quanh nó như cái thòng lọng treo lủng lẳng nơi quả táo đầu yên ngựa. Tôi đã biết trước rằng con đường dài đưa tôi tới Oquedal sẽ kém dài hơn con

đường mà tôi sẽ phải đi theo một khi tôi đã tới được ngôi làng cuối cùng này, nơi lằn ranh của thế giới có người cư ngụ, nơi lằn ranh thời gian của cuộc đời tôi.

“Tôi là Nacho, con của Don Anastasio Zamora,” tôi nói với lão già da đỏ nằm cuộn tròn sát vách nhà thờ. “Nhà đó ở đâu?”

Lão ta chắc là biết, tôi nghĩ.

Lão già nhướn cặp mí mắt đỏ quạch xoắn tít như mí mắt con gà tây. Một ngón tay – ngón tay khăng khiu như những nhánh cây con người ta dùng nhóm lửa – nhoi ra từ dưới tấm poncho, chỉ về phía tòa nhà nguy nga của gia đình Alvarado, tòa nhà duy nhất giữa cái đồng bùn vón cục vốn là làng Oquedal: một mặt tiền theo phong cách ba rốc hồ như có đó chỉ bởi tình cờ, như một mẫu phong cảnh trong một nhà hát bị bỏ hoang. Ai đó từ nhiều thế kỷ trước ắt đã phải tin rằng đây là xứ sở vàng; rồi khi ông ta nhận ra sai lầm của mình, thì với tòa nhà này, chỉ vừa mới xây xong, liền khởi đầu cái số phận từ từ của đồ nát hoang tàn.

Theo bước một gã người hầu vừa nhận lấy ngựa của tôi để y trông giữ, tôi băng qua một loạt nơi lẽ ra phải càng lúc càng tiến vào trong, nhưng thay vì vậy tôi lại thấy mình càng lúc càng ở bên ngoài: từ sân này tôi chuyển sang sân khác, như thể ở chốn này mọi cánh cửa đều chỉ để đi ra chứ không bao giờ để đi vào. Câu chuyện lẽ ra nên cho tôi cảm giác mất phương hướng ở những nơi tôi nhìn thấy lần đầu, nhưng đồng thời cả những nơi đã để lại trong trí nhớ tôi không phải một hồi ức mà là một khoảng rỗng. Giờ đây các hình ảnh cố công chiếm cứ lại những khoảng rỗng đó nhưng chẳng đạt được gì trừ việc nhuộm luôn cả màu sắc của những giấc mơ đã bị lãng quên ngay tại thời khắc chúng xuất hiện.

Lần lượt có một khoảnh sân nơi người ta treo thảm lên để đập (lúc ấy tôi lục tìm trong trí nhớ hồi ức về một cái nôi trong một tư gia lộng lẫy), một khoảnh sân thứ hai ngổn ngang những cái bao đựng cỏ linh lăng (tôi cố đánh thức dậy hồi ức về một điền trang lúc tôi còn thơ ấu), khoảnh sân thứ ba có những chuồng ngựa hướng ra (có phải tôi sinh ra giữa các ngăn chuồng đó

không?) Lẽ ra phải là đang thanh thiên bạch nhật, thế nhưng cái bóng bao trùm câu chuyện chẳng tỏ dấu hiệu gì là đang sáng sủa lên, nó không chuyển tải những thông điệp mà óc tưởng tượng thị giác có thể làm tròn bằng những hình dáng sắc nét, nó không ghi lại những lời được thốt mà chỉ ghi những giọng rối rắm, những bài hát như nghiền nghệt.

Chính ở khoảnh sân thứ ba này các cảm giác bắt đầu có hình có dạng. Đầu tiên là các mùi, các hương vị, rồi thì cảnh một ngọn lửa rọi sáng khuôn mặt không tuổi của những người da đỏ trong nhà bếp rộng thênh thang của Anacleto Higuera, làn da phẳng lì của họ có thể rất già mà cũng có thể mới trưởng thành: có thể họ đã là người già từ khi cha tôi còn ở đây, có thể họ là con cái của những người sống cùng thời với cha tôi, giờ đây họ nhìn đứa con trai ông giống như cha của họ đã nhìn ông, như một người lạ một sáng nọ ruồi ngựa tới mang theo súng.

Trên nền cái lò sưởi đen nhem và những ngọn lửa nổi rõ hình dáng cao lớn của một người đàn bà quần vuông khăn có sọc màu hồng và màu đất son. Anacleto Higuera đang nấu cho tôi một món thịt băm viên ướp gia vị. “Ăn đi, con, con đã rong ruổi suốt mười sáu năm rông để tìm đường về nhà,” bà nói, và tôi tự hỏi ‘con’ có phải là cách xưng hô một người đàn bà lớn tuổi luôn dùng để gọi một người trẻ tuổi, hay ở đây con đúng là con. Và môi tôi bồng rập vì những thứ gia vị cay Anacleto dùng để nêm nếm, như thể hương vị đó cần phải bao hàm mọi hương vị khác được đẩy lên tới mức tột cùng, những hương vị tôi không thể phân biệt cũng chẳng thể gọi tên, giờ đây chúng quyện vào nhau trên vòm miệng tôi như những lưỡi lửa hừng hực. Tôi cố nhớ lại tất cả các hương vị tôi từng nếm trong đời hầu nhận ra hương vị đa bội này, và rồi tôi đạt tới một cảm giác trái ngược song có lẽ là tương đương: cảm giác về sữa đối với một đứa bé sơ sinh, bởi vì với tư cách hương vị đầu tiên nó hàm chứa mọi hương vị.

Tôi nhìn gương mặt Anacleto, cái sắc mặt anh-điêng đẹp đẽ mà tuổi tác chỉ khiến hơi dày lên song không hẳn lên đó dù chỉ một nếp nhăn; tôi nhìn cái tấm thân bồ tượng quần khăn choàng ấy mà tự hỏi có phải khi còn là đứa

bé sơ sinh tôi đã từng bám vào cái thềm cao của bộ ngực giờ đây đã xuôi xi của bà không.

“Vậy là bà biết cha tôi, hờ Anacleta?”

“Giá như ta chưa bao giờ quen biết ông ấy, Nacho ạ. Ngày ấy chả phải ngày lành, cái ngày ông ấy đặt chân tới Oquedal...”

“Sao lại không, Anacleta?”

“Từ ông ta chẳng có gì khác ngoài cái ác xảy đến với người da đỏ... mà điều tốt cũng chẳng đến với cả người da trắng... Thế rồi ông ấy mất tăm mất tích... Nhưng cái ngày ông ấy rời Oquedal mà đi cũng chả phải ngày lành...”

Tất cả người da đỏ dán mắt vào tôi, những cặp mắt giống như mắt trẻ thơ nhìn hiện tại vĩnh hằng một cách không tha thứ.

Amaranta là con gái của Anacleta Higuera. Mắt cô xếch, to, mũi cô thanh và thẳng, môi dày lượn thành một đường cong. Tôi cũng có cặp mắt như cô, cũng cái mũi ấy, cặp môi y hệt. “Này, Amaranta với tôi, có đúng là chúng mình giống nhau không?” tôi hỏi Amaranta.

“Ai sinh ra ở Oquedal đều trông giống nhau. Người da đỏ với người da trắng có khuôn mặt dễ lẫn với nhau. Chúng tôi sống ở một làng chỉ vón vện mấy gia đình, núi non cách trở. Đã nhiều thế kỷ nay chúng tôi dựng vợ gả chồng toàn giữa mấy nhà với nhau thôi.”

“Cha tôi từ ngoài tới...”

“Phải. Chúng tôi không yêu kẻ lạ từ ngoài tới đâu cũng có lý do.”

Mồm những người da đỏ bật ra một tiếng thở dài chậm chậm, những cái miệng lưa thưa mấy cái răng và không có lợi, mục rữa móm mém, miệng của những bộ xương.

Có bức chân dung tôi thoáng thấy khi đi qua sân thứ hai, ảnh chụp tông màu ô liu một người đàn ông trẻ, bao quanh là những vòng hoa, có một ngọn đèn dầu nhỏ soi sáng. “Người chết trong bức ảnh này cũng trông như một người trong gia đình ta,” tôi nói với Amaranta.

“Đó là Faustino Higuera, cầu Chúa gìn giữ ông trong vinh quang ngôi chổi của các tông thiên thần phụng sự Người,” Anacleto nói, rồi thì tiếng lầm rầm cầu nguyện dậy lên từ những người da đỏ.

“Ông ấy có phải chồng bà không, Anacleto?” tôi hỏi.

“Là anh trai ta, thanh kiếm và tấm khiên của nhà ta và của dân ta, cho tới khi kẻ thù chặn ngang đường ông...”

“Chúng mình có cặp mắt giống nhau,” tôi nói với Amaranta khi bắt kịp cô giữa những bao bố ở khoảnh sân thứ nhì.

“Không, mắt tôi to hơn,” cô nói.

“Đo là biết ngay mà.” Và tôi ghé mặt mình sát vào mặt cô sao cho cung mày của hai chúng tôi chạm vào nhau; thế rồi tôi ấn một trong hai bên lông mày tôi vào lông mày cô; nhích dần mặt mình cho tới khi thái dương, má và xương gò má chúng tôi áp vào nhau. “Thấy chưa? Khóe mắt hai chúng mình chấm dứt ở cùng một điểm.”

“Tôi chả thấy gì cả,” Amaranta nói, nhưng cô không rời mặt khỏi tôi.

“Cả mũi nữa chứ,” tôi vừa nói vừa gí mũi tôi vào mũi cô, hơi chệch sang bên cạnh, cố làm cho nét nhìn nghiêng của hai chúng tôi khớp vào nhau, “lại còn môi nữa...” tôi lầm bầm, miệng khép, bởi giờ thì môi hai chúng tôi cũng chập vào nhau, hay đúng hơn là nửa miệng tôi và nửa miệng cô.

“Anh làm tôi đau,” Amaranta nói trong khi tôi đè toàn bộ thân cô vào đồng bao bố và cảm thấy đầu nhọn hai bầu vú vừa chớm nhú của cô cùng sự ngó ngoáy của bụng cô.

“Đồ lợn! Đồ súc sinh! Ra là mày tới Oquedal vì chuyện này đây! Thăng con của bố mày, được lắm!” giọng Anacleto vang rền như sấm trong tai tôi, và hai bàn tay bà túm lấy tóc tôi mà quật tôi đánh sầm vào mấy cột nhà, trong khi Amaranta ăn một cái bạt tai bằng mu bàn tay, rền rĩ, ngã nhoài

lên đồng bao bố. “Mày không được động tới con gái tao, suốt đời mày không bao giờ được động tới con tao!”

“Tại sao suốt cả đời tôi? Cái gì ngăn được chúng tôi?” tôi phản đối. “Tôi là đàn ông còn cô ấy đàn bà... Nếu số phận đã định rằng chúng tôi thích nhau thì đâu không phải hôm nay cũng một ngày nào đó, ai biết? Tại sao tôi không thể hỏi cô ấy làm vợ?”

“Tao nguyện rửa mày!” Anacleta thét. “Không thể được! Thậm chí nghĩ tới mày cũng không được nghĩ, mày có hiểu không?”

Vậy có phải cô ấy là chị tôi? tôi tự hỏi. Điều gì khiến Anacleta không chịu nhận bà là mẹ tôi? Thế là tôi nói với bà, “Sao bà la lối om sòm quá thế vậy Anacleta? Phải chăng giữa hai chúng tôi có thể có mối liên hệ ruột rà máu mủ?”

“Máu mủ á?” Anacleta trấn tĩnh lại; các mép tấm khăn choàng dựng lên cho tới khi mắt bà bị che kín. “Bố đẻ ra mày từ xa tới... Làm sao có thứ liên hệ máu mủ nào với nhà ta được?”

“Nhưng tôi sinh ở Oquedal... con của một người đàn bà sinh trưởng ở đây...”

“Đi chỗ khác mà tìm máu mủ ruột rà, đừng tìm ở chỗ người da đỏ bọn ta... Bố mày không nói với mày sao?”

“Ông ấy chẳng bao giờ nói gì với tôi, tôi thề, Anacleta ạ. Tôi không biết mẹ tôi là ai...”

Anacleta giơ tay chỉ về phía khoảnh sân đầu tiên. “Cớ gì bà chủ lại không nhận cậu kia chứ? Sao bà ấy lại cho cậu ngủ dưới đây với đám kẻ hầu người hạ? Cha cậu cử cậu tới đây là tới chỗ bà ấy chứ không phải chỗ tui tôi. Đi mà trình diện với Doña Jazmina đi, nói với bà ấy: Con là Nacho Zamora y Alvarado, cha con cử con đến đây để quỳ dưới chân bà.”

Nơi đây câu chuyện hẳn sẽ mô tả rằng tinh thần tôi rúng động như thế do một trận cuồng phong khi bừng ngộ rằng phân nửa cái tên tôi – xưa nay bị giấu không cho tôi biết – chính là họ của các chủ nhân làng Oquedal, và

rằng các cơ ngơi rộng lớn ngang với hàng tỉnh đó đều thuộc về gia đình tôi. Thế nhưng cứ như thể chuyển du hành ngược thời gian của tôi chỉ cuốn tôi vào một xoáy lốc tối đen nơi lần lượt hết khoảnh sân này tới khoảnh sân kia của dinh cơ nhà Alvarado xuất hiện cái này lồng trong cái nọ, vừa xa lạ song cũng vừa quen thuộc đối với ký ức hoang vắng của tôi. Ý nghĩ đầu tiên đến trong tâm trí tôi là ý nghĩ tôi thốt ra với Anacleto trong khi túm lấy bím tóc cô con gái của bà. “Thế thì ta là chủ của mẹ, chủ của con gái mẹ, và ta sẽ bắt cô ta đi khi nào ta thích!”

“Không!” Anacleto thét lên. “Tao sẽ giết mày trước khi mày đụng tới Amaranta!” Và Amaranta giăng ra với một cái nhe răng, ấy là một tiếng rên hay một nụ cười thì tôi không biết.

Phòng ăn của nhà Alvarado thấp sáng tù mù bằng những giá nến nạm dày lớp sáp của nhiều năm thắp, có lẽ tù mù đến nỗi không thể nhận ra những bức trang trí bằng vữa bong từng mảng và dải viền đăng ten rách te tua của mấy tấm rèm. Tôi được bà chủ mời đến dùng bữa tối. Gương mặt Doña Jazmina đắp một lớp bột dày cứ như sắp lở ra rơi vào đĩa. Bà cũng là người da đỏ, dưới mái tóc nhuộm màu đồng và cuộn sóng nhờ một cái kẹp uốn tóc. Mấy chiếc vòng tay nặng trĩu của bà kêu leng keng mỗi khi bà múc một thìa. Jacinta, con gái bà, được nuôi trong trường nội trú, mặc áo len dài tay màu trắng dùng để chơi tennis, nhưng trong những cái liếc nhìn và cử chỉ thì cũng giống như mọi cô gái da đỏ.

“Hồi đó trong phòng này có mấy cái bàn đánh bạc,” Doña Jazmina nhớ lại. “Hễ tới giờ này là sỏi bạc bắt đầu và có khi kéo dài thâu đêm. Một vài người mất sạch cả gia trang. Don Anastasio Zamora đến sống ở đây chỉ để chơi bài, chẳng vì duyên do nào khác. Ông ấy lúc nào cũng thắng, thế nên chỗ bọn ta mới có lời đồn rằng ông là tên lừa đảo.”

“Nhưng ông ấy chưa từng thắng được gia trang nào cả,” tôi thấy buộc phải chỉ rõ như thế.

“Cha cậu là loại người dù suốt đêm có thắng được gì thì sáng ra cũng mất sạch. Mà hơn nữa cứ cái kiểu lão tăng tịu với đám đàn bà con gái thì

còn lại chút gì lão cũng có hề giữ được mấy nả.”

“Ông ấy có lảng nhãng tình ái gì ở trong nhà này không, lảng nhãng với đàn bà...?” tôi liều hỏi.

“Kia, dưới kia, trong khoảnh sân kia, lão ta đi săn đàn bà, về đêm...”
Doña Jazmina nói, tay chỉ về phía khu người da đỏ.

Jacinta phá lên cười âm ỉ, lấy tay che miệng. Tôi nhận ra ngay lúc đó rằng nàng trông giống hệt Amaranta, cho dầu nàng ăn mặc và vấn tóc theo kiểu hoàn toàn khác.

“Ở Oquedal này ai ai cũng giống nhau,” tôi nói. “Ở sân thứ hai có một bức chân dung có thể là chân dung của tất cả mọi người...”

Hai mẹ con nhìn tôi, đôi chút bối rối. Người mẹ nói, “Đó là Faustino Higuera... về huyết thống lão ta chỉ nửa phần da đỏ; nửa còn lại là da trắng. Thế nhưng về tinh thần lão hoàn toàn là da đỏ. Lão sống cùng họ, lão đứng về phía họ... thế nên lão mới gặp phần số của mình.”

“Ông ấy là da đỏ về đảng cha hay về đảng mẹ?”

“Cậu hỏi nhiều quá đấy...”

“Có phải mọi câu chuyện về Oquedal đều như thế này không?” tôi nói. “Đàn ông da trắng đi với đàn bà da đỏ... đàn ông da đỏ với đàn bà da trắng...”

“Da trắng và da đỏ ở Oquedal thấy đều giống nhau. Máu huyết đã trộn vào nhau tự thời Chinh phục. Nhưng chủ nhân thì không đi với người hầu. Bọn ta thì có thể làm gì tùy ý, với bất cứ ai bằng vai phải lứa với bọn ta, nhưng với chúng thì không... không đời nào... Don Anastasio sinh ra trong gia đình địa chủ, cho dù lão nghèo hơn cả đĩa ăn mỳ...”

“Cha tôi thì có liên can gì đến những chuyện này?”

“Bảo họ giải thích cho cậu bài hát người da đỏ thường hát: Zamora chết... Nợ nần trả đủ... Đứa trẻ trong nôi... Người chết dưới mồ...”

“Em nghe mẹ nói gì không?” tôi nói với Jacinta ngay khi hai chúng tôi có dịp trò chuyện chỉ giữa hai người. “Em với tôi có thể làm bất cứ cái gì ta muốn.”

“Nếu chúng ta muốn. Nhưng chúng ta không muốn.”

“Tôi thì có thể muốn làm gì đó.”

“Làm gì?”

“Cẩn em.”

“Nếu thế thì em có thể gặm anh sạch sẽ như gặm khúc xương.” Đoạn nàng nhe răng ra.

Trong phòng có một cái giường phủ ga trắng phủ bức màn dày chống muỗi buông từ khung trướng trên cao xuống, không rõ là chưa ai dọn hay là được làm sẵn đợi giờ đi ngủ. Tôi xô mạnh Jacinta vào giữa những nếp gấp của tấm màn mỏng tang kia, cũng không rõ nàng đang cưỡng lại tôi hay nàng đang cuốn tôi vào; tôi cố sức cởi áo quần nàng; nàng tự vệ, giật phăng khóa thắt lưng và cúc áo tôi.

“Ô, anh cũng có cái nốt ruồi này! Hệt như em! Nhìn xem!”

Ngay lúc đó một trận mưa quả đấm rơi sầm sầm xuống đầu với vai tôi, và Doña Jazmina nhảy xổ vào chúng tôi trong cơn thịnh nộ. “Buông nhau ra ngay, vì Chúa! Đừng làm vậy! Không được đâu! Bỏ nhau ra! Chúng mày không biết mình đang làm gì đâu! Mày là đứa côn đồ đều cáng, hệt như cha mày!”

Tôi cố hết sức giữ bình tĩnh. “Tại sao, Doña Jazmina? Ý bà muốn nói gì? Cha tôi đã làm điều đó với ai? Với bà sao?”

“Thằng độn kia! Cút ngay xuống chỗ bọn người hầu! Xéo ngay! Về với đám con sen thẳng ở, như cha mày ấy! Về với mẹ mày đi! Đi đi!”

“Mẹ tôi là ai?”

“Anacleta Higuera, cho dù mẹ ta không muốn thừa nhận, từ khi Faustino chết.”

Nhà cửa ở Oquedal về đêm tím tím vào nhau trên mặt đất, hồ như cảm thấy bị đè nặng dưới vầng trăng thấp bị che phủ trong lớp sương mù bệnh hoạn.

“Bài hát mà họ hát về cha tôi là gì vậy, Anacleta?” tôi hỏi người đàn bà đứng bất động nơi khung cửa như pho tượng trong một hốc nhà thờ. “Nó nhắc tới một người chết, một năm mồ...”

Anacleta nhắc cây đèn xuống. Cùng nhau chúng tôi băng qua cánh đồng ngô.

“Trên cánh đồng này cha cậu và Faustino Higueras từng cãi cọ nhau,” Anacleta giải thích, “rồi thì họ quyết rằng một trong hai người là quá nhiều cho thế giới này, thế là họ cùng nhau đào một năm mồ. Một khi đã quyết rằng họ sẽ phải đánh nhau đến chết, mỗi thù giữa họ dường như đã cạn; họ cùng làm việc nhịp nhàng, đào huyết. Thế rồi họ đứng đó, một người bên này huyết người kia bên kia, mỗi người nắm một con dao trong tay phải, tay trái thì quấn trong tấm poncho. Và lần lượt từng người nhảy ngang qua huyết mà tấn công người kia bằng những nhát dao, còn người kia tự vệ bằng tấm poncho và cố làm sao cho kẻ kia rơi xuống huyết. Họ đánh nhau như thế cho tới bình minh, và không còn hạt bụi nào bốc lên từ mặt đất quanh năm mồ nữa bởi đất giờ đây sũng máu. tất cả người da đỏ ở Oquedal hợp thành vòng tròn quanh năm mồ trống và quanh hai người, cả hai thở hồng hộc bê bết máu, tất cả bọn họ lặng thinh bất động, để không quấy nhiễu đến phán quyết của Thượng đế, cái phán quyết chi phối toàn bộ số phận họ, chứ không chỉ số phận Faustino Higueras và Nacho Zamora...”

“Nhưng... tôi là Nacho Zamora...”

“Cả cha cậu hồi đó cũng tên là Nacho.”

“Rồi thì ai thắng, hờ Anacleta?”

“Sao cậu hỏi tôi thế được chứ, hờ cậu bé? Zamora thắng: không ai có thể phán xét đường đi nước bước của Thượng đế. Faustino được chôn chính

trên đất này. Nhưng với cha cậu thì chiến thắng đó thật cay đắng, bởi ngay đêm đó lão ra đi và chẳng bao giờ còn lộ mặt ở Oquedal nữa.”

“Bà nói gì vậy Anacleto? Mộ này trống kia mà!”

“Những ngày sau đó người da đỏ tự xóm gần làng xa lũ lượt kéo đến mộ Faustino Higueras. Họ đang nổi dậy làm cách mạng, họ nằng nặc hỏi xin tôi một món thánh tích để đựng trong chiếc hộp bằng vàng đi đầu đoàn quân xung trận: một lọn tóc, một thẻo tấm poncho, cục máu khô gở ra từ một vết thương. Nhưng Faustino không có đó, huyết mộ ông trống rỗng. Từ ngày đó nhiều truyền thuyết ra đời: đôi ba người nói về đêm họ thấy ông ruồi ngựa ô qua núi đặng canh giấc cho những người da đỏ; có người nói sẽ không ai nhìn thấy ông chừng nào chưa tới cái ngày người da đỏ tiến xuống đồng bằng, chừng đó ông sẽ ruồi ngựa ô ở đầu những hàng người...”

“Kìa chính Faustino! Tôi thấy hẳn!” Tôi những muốn nói, nhưng tôi điếng người không thốt nên lời.

Những người da đỏ đã lặng lẽ tiến đến gần tay cầm đuốc, giờ họ quây thành vòng tròn quanh huyết trống.

Từ giữa đám người một thanh niên cỡ to nần nẫn bước lên phía trước, đầu đội mũ rơm rách mướp, đường nét của y giống đường nét nhiều người ở Oquedal này, ý tôi muốn nói là nét xếch cặp mắt, đường viền cái mũi, nét cong đôi môi, tất cả giống hệt tôi.

“Này Nacho Zamora, ai cho mi cái quyền đặt tay lên em gái ta?” y nói, và rồi một lưỡi dao lóe sáng trong tay phải y. Tấm poncho của y quấn quanh phần trước tay trái, một đầu khăn quét trên mặt đất.

Một âm thanh bật ra từ mồm những người da đỏ, không phải tiếng thì thầm mà đúng hơn là tiếng thở dài bị tiện đứt.

“Mi là ai?”

“Ta là Faustino Higueras. Tự vệ đi.”

Tôi đứng bên mép huyết, tôi quấn poncho quanh tay trái, tôi nắm lấy dao.

Bạn đang dùng trà với Arkadian Porphyrich, một trong những người trí tuệ cao nhất ở Ircania, kẻ xứng đáng giữ vị trí Thống đốc Văn khố Cảnh sát Quốc gia. Ông là người mà bạn được lệnh phải tiếp xúc đầu tiên, ngay khi bạn tới Ircania để thực thi sứ mệnh mà Bộ Chỉ huy Tối cao Ataguitania giao phó. Ông đã tiếp bạn trong những căn phòng dễ chịu của thư viện nơi ông làm việc, “thư viện đầy đủ và cập nhật nhất ở Ircania,” như ông có lần nói với bạn, “nơi các cuốn sách tịch thu về được phân loại, xếp theo thư mục, chụp vi phim và bảo quản, cho dù là sách in hay quay roneo hay đánh máy chữ hay viết tay.”

Khi chính quyền Ataguitania vốn đang cầm tù bạn hứa trả tự do cho bạn với điều kiện bạn đồng ý thực hiện một sứ mệnh ở một đất nước xa xôi (“sứ mệnh chính thức với những khía cạnh bí mật cũng như sứ mệnh bí mật với những khía cạnh chính thức”), phản ứng đầu tiên của bạn là cự tuyệt. Cái thiên hướng ở bạn là chẳng mấy ưa những nhiệm vụ thuộc chính quyền, sự thiếu tư chất làm nghề mật vụ, và cái kiểu người ta mô tả một cách qua loa mơ hồ và quanh co những nhiệm vụ mà bạn phải hoàn thành, chùng đó là đủ lý do để bạn thích ngồi trong cái xà lim kiểu mẫu của mình hơn là làm một chuyến du hành dưới một cái tên giả đến những vùng lãnh nguyên phía Bắc Ircania. Nhưng ý nghĩ rằng nếu bạn còn tiếp tục ở trong tay họ thì bạn có thể chờ đợi điều tồi tệ nhất, nổi tò mò về cái nhiệm vụ này “mà chúng tôi tin là ông sẽ thấy thú vị với tư cách người đọc,” sự tính toán rằng bạn có thể giả vờ dấn sâu vào nhưng rồi lại phá hỏng kế hoạch của họ, tất cả đã thuyết phục bạn chấp nhận.

Thông đốc Arkadian Porphyrich, vốn dường như biết rõ về tình thế của bạn, kể cả các phương diện tâm lý của nó, nói với bạn bằng giọng khích lệ và rắn bảo, “Điều đầu tiên chúng ta không bao giờ được để sót là thế này: cảnh sát là lực lượng hợp nhất vĩ đại trong một thế giới mà lẽ ra số trời đã định là tan rã. Ấu cũng là điều tự nhiên khi các lực lượng cảnh sát thuộc

nhiều chế độ khác nhau và thậm chí đối địch nhau nên thừa nhận những lợi ích chung để dựa trên đó mà cộng tác. Trong lĩnh vực lưu hành sách...”

“Họ sẽ đạt được sự đồng nhất về các phương pháp kiểm duyệt ở nhiều chế độ khác nhau chẳng?”

“Không phải là đồng nhất. Họ sẽ tạo ra một hệ thống trong đó các phương pháp luân lượt hỗ trợ và cân bằng cho nhau...”

Thống đốc mời bạn xem bình đồ trái đất treo trên tường. Các màu khác nhau biểu thị:

những nước nơi mà tất cả sách đều bị tịch thu một cách có hệ thống;

những nước nơi mà chỉ sách nào do Nhà nước ấn hành hay được Nhà nước chuẩn y thì mới được lưu hành;

những nước nơi chế độ kiểm duyệt hiện hành là thô bạo, mập mờ, không thể đoán trước;

những nước nơi chế độ kiểm duyệt là tinh vi, có hiểu biết, nhạy bén với những hàm ý và ẩn dụ, được điều hành bởi những nhà trí thức tỉ mỉ và quý quýet;

những nước có hai hệ thống phát hành: một hợp pháp và một chui;

những nước không có kiểm duyệt bởi vì chẳng có sách nào, nhưng lại có nhiều người đọc tiềm tàng;

những nước không có cuốn sách nào và không ai than phiền rằng không có sách;

cuối cùng, những nước nơi hằng ngày người ta sản xuất những cuốn sách dành cho mọi thị hiếu và mọi suy nghĩ, giữa sự thờ ơ chung.

“Thời nay chẳng ai coi trọng ngôn từ viết cho bằng các nhà nước cảnh sát,” Arkadian Porphyrich nói. “Có con số thống kê nào cho phép nhận diện những đất nước nơi văn chương thực sự được lưu tâm một cách rõ ràng hơn là những con số tổng gộp thích hợp cho việc kiểm soát văn chương và đàn

áp văn chương? Ở đâu văn chương là đối tượng của những mối quan tâm đó, ở đó nó có được một thẩm quyền khác biệt, cái thẩm quyền vốn không thể hình dung nổi ở những nước nơi nó được phép sinh trưởng như một trò tiêu khiển vô thường vô phạt chẳng hại gì. Nói đúng ra, sự đàn áp đôi khi cũng phải chừa lại một khoảng để thở, thỉnh thoảng cũng phải lờ đi, lúc thì dung túng khi thì thô bạo, tuy đồng bóng thất thường nhưng cũng có chút gì đó có thể tiên đoán được; nếu không, nếu chẳng còn gì để đàn áp nữa thì toàn bộ hệ thống sẽ thoái hóa và hư hoại. Ta nói thẳng thắn nhé: mỗi chế độ, ngay cả chế độ chuyên quyền nhất, cũng chỉ tồn tại được trong một thể cân bằng bất ổn, bởi vậy nó cần phải thường xuyên biện minh cho sự hiện hữu của bộ máy đàn áp của mình, do vậy là sự hiện hữu của cái gì đó cần bị đàn áp. Ý muốn viết ra những thứ khiến cho các giới cầm quyền hợp hiến phải ngứa ngáy là một trong những nhân tố cần thiết để duy trì thể cân bằng này. Bởi vậy, theo một hiệp ước bí mật với những nước mà chế độ xã hội là đối lập với chúng tôi, chúng tôi đã tạo ra một tổ chức chung, với tổ chức đó quý vị đã đồng ý cộng tác một cách đầy hiểu biết, để xuất khẩu các sách bị cấm sang đây và nhập khẩu các sách bị cấm vào kia.”

“Nói vậy dường như ám chỉ rằng sách bị cấm ở đây thì được phép ở kia, và ngược lại...”

“Đời nào. Sách bị cấm ở đây thì bị cực cấm ở kia, còn sách bị cấm ở kia thì bị siêu cấm ở đây. Nhưng từ việc xuất khẩu sang chế độ đối kháng với mình những cuốn sách bị chính mình cấm và từ việc nhập khẩu của họ những cuốn sách bị chế độ của họ cấm, mỗi chế độ thu được ít nhất là hai lợi ích quan trọng: nó khuyến khích các đối phương ở bên chế độ thù địch, và nó lập nên một sự trao đổi kinh nghiệm hữu ích giữa các cơ quan cảnh sát.”

“Nhiệm vụ mà tôi được giao phó,” bạn vội vã giải thích, “chỉ giới hạn ở việc tiếp xúc với các quan chức cảnh sát Ircania, bởi chỉ thông qua các kênh của quý vị mà sáng tác của các đối phương mới có thể đến tay chúng tôi.” (Tôi cẩn thận không nói cho ông ta biết rằng mục đích của sứ mạng tôi còn là liên hệ trực tiếp với mạng lưới mật của phe đối lập, và nếu tình huống yêu cầu tôi có thể nghiêng về bên này mà chống bên kia hay ngược lại).

“Kho lưu trữ của chúng tôi xin tùy ông sử dụng,” Thống đốc nói. “Tôi có thể cho ông xem những bản viết tay rất hiếm, bản thảo nguyên gốc của những tác phẩm vốn chỉ ra được với công chúng sau khi đã bị sàng qua lọc lại bởi bốn năm Ủy ban kiểm duyệt và mỗi lần lại bị cắt, bị chỉnh sửa, bị pha loãng, và cuối cùng xuất bản dưới dạng đã cắt xén, lọc sạch, không còn nhận ra được nữa. Muốn đọc thực sự thì người ta phải tới đây, ông bạn thân mến ạ.”

“Ông thì có đọc không?”

“Có phải ý ông là tôi có đọc ngoài nhiệm vụ chuyên môn hay không? Có, tôi sẽ nói rằng mỗi cuốn sách, mỗi tài liệu, mỗi mẫu bằng chứng trong kho lưu trữ này tôi đều đọc hai lần, hai lần đọc hoàn toàn khác nhau. Lần đọc đầu tiên, hồi hỏ, có tính tóm lược, là để biết tôi phải lưu vi phim vào tủ hồ sơ nào, phải phân loại nó dưới tiêu đề nào. Thế rồi, tối đến (tối nào tôi cũng ở đây, sau giờ làm việc chính thức: nơi này yên tĩnh, làm ta thư thái, như ông thấy đó). Tôi duỗi mình trên đi văng, tôi nhét phim chụp một tác phẩm hiếm nào đó, một hồ sơ mật nào đó vào máy đọc, và tôi tận hưởng sự xa xỉ của việc nhắm nháp nó vì thú vui của riêng tôi.”

Arkadian Porphyrich bắt chéo đôi chân mang ủng, luồn một ngón tay vào giữa cổ mình và chiếc cổ còn của bộ đồng phục nặng trĩu những món trang trí. Ông nói thêm, “Tôi không biết liệu ông có tin vào Tinh thần không, thưa ông. Tôi thì tôi tin. Tôi tin ở cuộc đối thoại mà Tinh thần không ngừng tiến hành với chính mình. Và tôi cảm thấy cuộc đối thoại này được hoàn thành trọn vẹn thông qua cái nhìn của tôi khi tôi khảo sát những trang cấm đó. Cảnh sát cũng là Tinh thần, Nhà nước mà tôi phụng sự, là Cơ quan Kiểm duyệt, như các văn bản mà trên đó thẩm quyền của chúng tôi được thực thi. Hơi thở của Tinh thần không đòi hỏi phải có công chúng đông đảo để tự phát lộ mình; nó nảy lộc đâm chồi trong bóng tối, trong mối quan hệ mờ ám thẩm nhuần giữa sự bí mật của những kẻ mưu phạm và sự bí mật của Cảnh sát. Để làm cho nó sống động thì sự đọc của tôi, vốn vô cảm nhưng luôn luôn nhạy bén trước mỗi một hàm ý đúng luật và trái luật, cũng là đủ, trong ánh sáng của ngọn đèn này, trong tòa nhà to rộng này với những phòng làm

việc vắng tanh của nó, giây phút tôi có thể cởi nút áo ngoài bộ đồng phục quan cách và để cho mình được bóng ma của những điều bị cấm đến thăm viếng, những bóng ma mà trong những giờ có ánh sáng ban ngày tôi cứ phải khăng khăng giữ ở đằng xa...”

Bạn phải thừa nhận rằng những lời của Thống đốc cho bạn một cảm giác nhẹ lòng. Nếu con người này vẫn tiếp tục nuôi dưỡng một khát vọng và một nỗi hiếu kỳ đối với sự đọc, thì có nghĩa là bên trong những tờ giấy có chữ viết được lưu hành vẫn còn cái gì đó không phải do các chính quyền quan liêu đầy quyền lực bịa tạc ra hay thao túng, rằng bên ngoài các văn phòng này có một cõi ngoài vẫn đang hiện hữu...

“Thế còn về âm mưu nguy tác thì sao?” bạn hỏi, bằng giọng cố tỏ ra điềm nhiên chuyên nghiệp. “Ông có biết về nó không?”

“Nhất định là có chứ. Tôi đã nhận được nhiều báo cáo về vấn đề này. Trong một quãng thời gian nào đấy chúng tôi đã tự lừa mình, tự bảo mình rằng chúng tôi có thể kiểm soát mọi thứ. Cơ quan mật vụ của các cường quốc chính ra sức tìm cách chiếm lĩnh tổ chức này, dường như nó có phân nhánh ở khắp mọi nơi... Nhưng đầu não của mưu đồ này, gã Cagliostro của những kẻ làm đồ giả, thì luôn luôn thoát khỏi chúng tôi... Chẳng phải là chúng tôi không biết gì về hắn: chúng tôi có toàn bộ dữ liệu về hắn trong hồ sơ, từ lâu hắn đã bị nhận diện là một tay dịch giả lừa đảo và chuyên làm những việc mờ ám; nhưng lý do thực sự đằng sau hoạt động của hắn thì vẫn chưa rõ. Hắn dường như không còn liên hệ nào với các phe phái mà cái mưu đồ hắn dựng lên đã phân hóa thành, thế nhưng hắn vẫn còn đang gây ảnh hưởng gián tiếp đến các mưu mô của chúng... Và khi chúng tôi với tay tới được hắn, chúng tôi nhận ra rằng thật không dễ uốn hắn thuận theo ý chí của chúng tôi... Động cơ chủ đạo của hắn không phải là tiền bạc, hay quyền lực, hay tham vọng. Dường như hắn làm tất cả là cho một người đàn bà. Để giành lại được cô ta, hay có lẽ chỉ là để trả đũa, để thắng một cuộc cá cược với cô ta. Hiểu là phải hiểu chính người đàn bà đó nếu chúng ta muốn theo sát được những động thái của nhà gã Cagliostro này. Nhưng cô ta là ai thì chúng tôi chưa khám phá được. Chỉ nhờ thông qua một quá trình diễn dịch

tôi mới biết được nhiều điều về cô ta, những điều tôi không thể trình bày trong bất kỳ báo cáo chính thức nào: các cơ quan chỉ đạo của chúng tôi không có khả năng nắm bắt một số điều tế vi nào đấy...

“Với người đàn bà này,” Arkadian Porphyrich nói tiếp, khi thấy bạn đang chăm chú uống từng lời ông nói như thế nào, “việc đọc có nghĩa là tước bỏ khỏi mình mọi mục đích, mọi kết luận vội vã, là sẵn sàng tóm bắt một giọng nói khiến ta nghe thấy nó đúng lúc ta ít ngờ nhất, một giọng phát xuất từ một nguồn ta không biết tới, từ đâu đó bên ngoài cuốn sách, bên ngoài tác giả, bên ngoài những quy ước của sự viết: từ cái không được nói ra, từ những gì thế giới hãy còn chưa nói về chính mình và còn chưa có từ để nói. Còn với hãn thì, ngược lại, hãn muốn chỉ cho cô thấy rằng phía sau trang chữ viết là khoảng trống không: thế giới hiện hữu chỉ như là vật chế tác, giả mạo, hiểu nhầm, trá ngụy. Nếu chỉ có thế, chúng tôi có thể dễ dàng cho hãn những phương tiện để chứng minh hãn muốn gì: khi dùng từ ‘chúng tôi,’ tôi muốn nói tới các đồng nghiệp ở nhiều nước và nhiều chế độ, bởi có nhiều người trong chúng tôi đề nghị hãn cho chúng tôi cộng tác. Và hãn không từ chối. Ngược lại... Nhưng chúng tôi không thể nắm được liệu hãn có đang tham gia cuộc chơi của chúng tôi hay là chúng tôi đang đóng vai con tốt trong cuộc chơi của hãn... Còn nếu như tất cả chẳng qua là chuyện một kẻ điên thì sao? Duy chỉ có tôi lần ra được bí mật của hãn: tôi cho đặc vụ của mình bắt cóc hãn, mang tới đây, giam một tuần trong các xà lim biệt giam của chúng tôi; rồi tôi đích thân thẩm vấn hãn. Nồng nổi của hãn không phải là chứng điên, có lẽ chỉ là sự tuyệt vọng: trò cá cược với người đàn bà kia đã thua từ lâu; cô ta là người thắng, chính sự đọc luôn luôn đầy hiếu kỳ và luôn luôn khôn thỏa của cô ta đã làm phơi bày được sự thực ẩn giấu trong trò giả mạo sống sượng nhất, và sự giả ngụy không kèm theo một tình huống giảm nhẹ nào trong những ngôn từ vốn tự xưng là chân thực nhất. Kẻ ảo tưởng của chúng tôi có thể làm gì? Để không cắt đứt sợi dây cuối cùng nối hãn với cô ta, hãn liền đi gieo rắc sự rối rắm giữa các nhan đề, tên tác giả, biệt danh, ngôn ngữ, bản dịch, ấn bản, bìa sách, trang nhan đề, chương sách, đoạn đầu, đoạn cuối, sao cho cô ta sẽ buộc phải thừa nhận những dấu vết cho thấy sự hiện hữu của hãn, lời chào không mong được đáp lại của hãn.

‘Tôi đã hiểu những giới hạn của mình,’ hắn nói với tôi. ‘Trong khi đọc, có một cái gì đó xảy ra mà tôi không thể sai khiến được...’ Lẽ ra tôi có thể bảo hắn rằng đấy là cái giới hạn mà ngay cả lực lượng cảnh sát có quyền năng vô hạn nhất cũng không thể vượt qua. Chúng tôi có thể ngăn cản việc đọc; nhưng trong bản sắc lệnh cấm đọc ấy người ta sẽ vẫn đọc ra được phần nào đó cái sự thực mà chúng tôi muốn sẽ không bao giờ có ai đọc được...”

“Về phần ông ta thì sao?” bạn hỏi với một mối quan tâm có lẽ không còn do thói muốn ganh đua khơi dậy mà là do tình đoàn kết và thấu hiểu.

“Hắn ta xong đời rồi; đáng ra chúng tôi muốn làm gì với hắn thì làm: bắt hắn đi lao động khổ sai hay là cho hắn một việc thường nhật trong cơ quan đặc vụ của chúng tôi. Thay vì thế...”

“Thay vì thế...”

“Tôi cho phép hắn đào thoát. Đào thoát giả, một chuyến đi bí mật rời khỏi xứ, rồi thì dấu vết của hắn lại mất tăm lần nữa. Tôi tin mình vẫn nhận ra bàn tay hắn, không lúc này thì lúc khác, trong những văn bản tôi tình cờ thấy... Chất lượng của hắn đã được cải thiện... Giờ thì hắn thực hành huyền hoặc hóa chỉ vì huyền hoặc hóa mà thôi... Quyền lực chúng tôi giờ đây chẳng còn hiệu lực với hắn nữa. Cũng may...”

“Cũng may?”

“Luôn luôn phải có một cái gì đó thoát khỏi chúng tôi... Có thể thì quyền lực mới có một đối tượng để thực thi, một khoảng không để chúng tôi vươn thẳng tay ra... Chừng nào tôi còn biết rằng trên thế giới này có một ai đó chơi trò xảo trá chỉ vì yêu sự xảo trá, chừng nào tôi còn biết có một người đàn bà thích đọc chỉ vì yêu sự đọc, tôi có thể tự thuyết phục mình rằng thế giới đang tiếp diễn... Và tối nào tôi, cả tôi nữa, cũng đắm mình vào sự đọc, như người đàn bà xa lạ mà tôi không biết kia...”

Thật nhanh, bạn nặn ra từ trong trí óc mình sự chông chênh không phải lối của hình ảnh ông Thống đốc với hình ảnh Ludmilla, để hân thưởng sự vinh danh Người đọc Nữ, cái nhân ảnh rạng ngời trời dậy từ những lời được giải mê của Arkadian Porphyrich, và bạn thưởng thức sự chắc chắn – được

ngài Thống đốc thông kim bác cổ kia xác nhận – rằng giữa nàng với bạn không còn một trở ngại hay bí ẩn nào nữa, còn về phần Cagliostro đối thủ của bạn thì chỉ còn lại một cái bóng đáng thương mỗi lúc một rời xa...

Nhưng sự hài lòng của bạn không thể trọn vẹn chừng nào lời nguyện về những lần đọc bị ngắt ngang còn chưa được giải. Cả ở đây, bạn cũng có nhắc tới chủ đề đó với Arkadian Porphyrich. “Để đóng góp vào bộ sưu tập của ông, lẽ ra chúng tôi đã rất vui lòng trao cho ông một trong những cuốn sách cấm được nhiều người tìm đọc nhất ở Ataguitania – *Quanh huyết mộ trống* của Calixto Bandera –, song trong cơn nhiệt tình quá trớn cảnh sát của chúng tôi đã đưa toàn bộ số sách đã in vào nhà máy nghiền thành bột giấy. Tuy nhiên chúng tôi được biết rằng một bản dịch tiểu thuyết này ra tiếng Ircania đang được bí mật lưu hành ở nước ông dưới một ấn bản lậu quay roneo. Ông có biết gì về chuyện đó không?”

Arkadian Porphyrich đứng dậy để xem một tập hồ sơ. “Ông bảo là của Calixto Bandera phải không? Đây rồi: hiện tại hình như không có ở đây. Nhưng nếu ông kiên nhẫn đợi được một tuần, nhiều nhất là hai tuần, thì tôi sẽ có một ngạc nhiên chưa từng có dành cho ông. Chỉ điểm viên của chúng tôi báo cáo rằng một trong các tác gia quan trọng nhất mà bị cấm của chúng tôi, Anatoly Anatolin, ít lâu nay đang viết một dị bản phóng tác từ cuốn tiểu thuyết của Bandera lấy bối cảnh Ircania. Từ những nguồn khác chúng tôi biết rằng Anatolin sắp hoàn thành một tiểu thuyết mới nhan đề là *Câu chuyện nào dưới kia chờ đoạn kết của mình?*, để tịch thu cuốn này chúng tôi đã bố trí một động thái bất ngờ của cảnh sát, nhằm ngăn không cho tác phẩm nhập vào vòng lưu hành phi pháp. Ngay khi tịch thu xong tôi sẽ bảo người ta chuẩn bị ngay một bản cho ông, và ông sẽ có thể tự mình quyết lấy liệu đó có phải cuốn sách ông đang lùng kiếm hay không.”

Chỉ trong tích tắc bạn đã ấp ủ xong kế hoạch của mình. Bạn có cách để tiếp cận trực tiếp với Anatoly Anatolin; bạn phải nhanh chân hơn các đặc tình của Arkadian Porphyrich, giành được bản thảo trước họ, cứu nó không để bị tịch thu, đưa nó đến nơi an toàn, và cũng đưa chính bạn đến nơi an toàn, thoát khỏi cả cảnh sát Ircania lẫn cảnh sát Ataguitania...

Đêm đó bạn nằm mơ. Bạn đang ở trong một đoàn tàu, đoàn tàu dài, đang băng qua Ircania. Tất cả hành khách đều đang đọc những cuốn sách đóng thành tập dày, một điều vốn diễn ra dễ dàng hơn ở những nước nơi báo và tạp chí không lấy gì làm hấp dẫn lắm. Bạn nảy ra ý nghĩ rằng một vài hành khách, hoặc tất cả hành khách, đang đọc một trong các tiểu thuyết mà bạn đã phải ngưng ngang không đọc tiếp được, rằng quả thực tất cả các tiểu thuyết ấy đều có thể tìm thấy ở đây, trong toa tàu này, được dịch thành một ngôn ngữ mà bạn không biết. Bạn ra sức đọc những gì được viết nơi gáy các bìa sách, mặc dù bạn biết làm thế vô ích vì đối với bạn thứ chữ viết này vô phương giải mã.

Một hành khách bước ra hành lang và để cuốn sách lên chỗ mình ngồi để người khác thấy là ghế có người; có một dải làm dấu trong các trang sách. Ngay khi ông ta đi khỏi bạn rướn cả hai tay ra lấy cuốn sách, bạn lật nhanh qua, bạn tin chắc nó là cuốn sách bạn tìm. Ngay lúc đó bạn nhận ra rằng tất cả hành khách khác đang nhìn bạn, mắt họ chứa chất sự chê trách đầy đe dọa đối với hành vi vô ý tứ của bạn.

Để che giấu nỗi bối rối, bạn đứng dậy nhô người ra khỏi cửa sổ, tay vẫn cầm cuốn sách. Tàu đã dừng giữa các đường tàu và cột hiệu, có lẽ là ở một điểm bẻ ghi bên ngoài một ga xép xa xôi nào đó. Có sương dày và tuyết, chẳng nhìn thấy gì. Trên một đường tàu có một đoàn tàu khác đã dừng hướng về phía ngược lại, mọi cửa sổ đều đóng giá. Nơi cửa sổ đối diện với cửa sổ của bạn, chuyển động vòng tròn của một bàn tay đeo găng trả lại cho ô kính một phần sự trong suốt vốn có của nó: một dáng hình phụ nữ hiện ra, giữa một quầng lông thú. “Ludmilla...” bạn gọi nàng. “Ludmilla ơi, cuốn sách...” bạn cố nói với nàng, bằng cử chỉ hơn là bằng giọng nói, “cuốn sách em tìm đây... Anh tìm ra rồi, nó đây...” và bạn cố sức hạ cửa kính xuống để trao nó cho nàng qua cái rìa băng cứng ngắt đang bao phủ thành một lớp dày quanh đoàn tàu.

“Cuốn sách em tìm kiếm,” dáng người mơ hồ kia nói, tay chìa ra một tập sách giống như của bạn, “là cuốn sách cho ta cảm quan về thế giới sau

lúc tận cùng thế giới, cảm quan rằng thế giới là chỗ cáo chung của tất cả mọi thứ có trong thế giới, rằng cái duy nhất có trong thế giới là tận cùng thế giới.”

“Không phải vậy!” bạn hét lên, và bạn lùng trong cuốn sách không hiểu nổi kia để tìm một câu khả dĩ đối lập lại những lời của Ludmilla. Nhưng hai đoàn tàu đã rời bánh, đi xa dần theo hai hướng ngược nhau.

Một làn gió băng giá quét qua những công viên của thủ đô Ircania. Bạn ngồi trên một băng ghế chờ Anatoly Anatolin, anh ta sẽ mang tới cho bạn bản thảo cuốn tiểu thuyết mới anh ta vừa viết, *Câu chuyện nào dưới kia chờ đoạn kết của mình?*. Một chàng trai trẻ có bộ râu dài màu vàng, vận áo choàng dài màu đen, đội cái mũ bằng vải dàu ngồi xuống cạnh bạn. “Làm về tự nhiên. Các vườn này luôn luôn bị người ta giám sát nghiêm ngặt.”

Một hàng giậu ngăn cách bạn và anh ta khỏi mắt người ngoài. Một cuộn giấy nhỏ được chuyễn từ túi trong chiếc áo choàng dài của Anatoly sang túi trong chiếc áo khoác ngắn màu xanh hạt đậu của bạn. Anatoly Anatolin rút ra thêm nhiều trang giấy nữa từ túi trong áo vest của mình. “Tôi phải chia các trang sách ra mỗi túi một mớ, để cho các túi không phồng ra quá khiến người ta chú ý,” anh nói, lại lôi ra thêm một cuộn giấy từ túi trong áo gi lê. Gió giăng một trang giấy ra khỏi tay anh; anh đâm bổ đi nhặt lại. Anh toan lấy ra thêm một bó trang giấy nữa từ túi sau quần, nhưng hai đặc vụ mặc đồ dân sự đã từ sau hàng giậu nhảy phóc ra bắt giữ anh.

Câu chuyện nào dưới kia chờ đoạn kết của mình?

Trong khi đi dọc theo Đại lộ Triển vọng của thành phố chúng tôi, tôi xóa dần trong tâm trí những yếu tố mà tôi đã quyết là không tính tới. Tôi đi qua trụ sở một bộ, mặt tiền nặng trĩch những tượng *caryatid*, những cột, những chấn song bao lơn, những chân tường, những rầm chìa, đoạn giữa hai cột; và tôi cảm thấy cái nhu cầu quy giảm nó thành một bề mặt thẳng đứng trơn phẳng, một phiến thủy tinh mờ, không trong suốt, một vách ngăn có chức năng ấn định không gian song không áp đặt chính mình vào quang cảnh. Nhưng cho dù đã được giản hóa như thế rồi, tòa nhà vẫn đè nén tôi: tôi quyết định thủ tiêu nó hoàn toàn – thế vào chỗ nó một bầu trời màu trắng sữa dựng lên trên nền đất trơ trụi. Tương tự, tôi xóa thêm năm trụ sở bộ, ba ngân hàng, và một cặp nhà chọc trời vốn là đại bản doanh của mấy đại công ty. Thế giới quá ư phức tạp, rối rắm, và chất quá nặng đến mức nếu muốn nhìn cho rõ thì ta cứ phải tĩa hoài tĩa mãi.

Trong cảnh nhộn nhịp lãng xãng của Đại lộ tôi cứ gặp những người mà cứ hể thấy là tôi khó chịu, vì nhiều lý do: những kẻ cấp trên tôi, bởi họ nhắc cho tôi nhớ vị trí thấp hèn của mình; những kẻ cấp dưới tôi, bởi tôi ghét cảm thấy mình sở hữu một thứ thẩm quyền mà tôi coi là vật vĩnh, vật vĩnh chả khác gì lòng ghen tị, sự xun xoe và cay đắng mà nó gợi ra. Tôi xóa sạch cả hai thứ không chút đắn đo; từ khước mắt tôi thấy chúng co rút lại và biến mất trong một làn sương mỏng.

Trong công cuộc này tôi cẩn thận chừa lại khách qua đường, những người ngoài cuộc, những người lạ vốn chẳng bao giờ làm tôi bận lòng; thay vì vậy khuôn mặt vài người trong số đó, nếu tôi quan sát chúng một cách khách quan, lại dường như có vẻ quan tâm chân thành. Nhưng khi một đám đông kẻ lạ là tất cả những gì còn lại từ thế giới quanh tôi, tôi đột nhiên cảm thấy cô độc và mất phương hướng, thành thử tốt nhất là xóa cả họ luôn, xóa tất, rồi thì quên đi.

Trong một thế giới được đơn giản hóa tôi có nhiều cơ hội gặp được số ít những người tôi thích gặp hơn: chẳng hạn như Franziska. Franziska là một người bạn mà mỗi khi tình cờ gặp là tôi lại cảm thấy một niềm vui lớn. Chúng tôi trao đổi những lời hóm hỉnh thâm thúy, chúng tôi cười, chúng tôi kể chuyện cho nhau nghe, những vụ việc thường ngày nhưng có lẽ là những chuyện chúng tôi không kể cho người khác, và khi chúng tôi cùng bàn với nhau những chuyện ấy, chúng tỏ ra thú vị với cả hai chúng tôi, và trước khi chia tay hai chúng tôi đều nhất quyết phải gặp lại nhau càng sớm càng tốt. Thế rồi nhiều tháng qua, cho tới khi chúng tôi lại chạm trán nhau ngoài phố, tình cờ: những tiếng kêu hoan hỉ, tiếng cười to, những lời hứa sẽ sớm gặp nhau, nhưng rồi chả ai trong hai chúng tôi làm một cái gì để đưa tới một cuộc gặp cả; có lẽ vì chúng tôi biết nó sẽ chẳng còn là cùng một điều ấy. Trong một thế giới bị quy giảm và đơn giản hóa, giờ đây khi không khí đã được gột khỏi tất cả những tình huống lập sẵn kia vốn sẽ làm cho việc tôi gặp Franziska thường xuyên hơn sẽ hàm ý một mối quan hệ cần được định nghĩa tốt hơn giữa chúng tôi, có lẽ rốt cuộc sẽ là triển vọng hôn nhân hay ít nhất là sự chắc chắn mình sẽ được coi như một cặp, giả định là có một mối liên hệ khả dĩ mở rộng đến gia đình của mỗi chúng tôi, đến tổ tiên và hậu duệ chúng tôi, đến anh em ruột và anh em họ của chúng tôi, những mối liên hệ giữa môi trường sống chung của chúng tôi và sự gắn bó của chúng tôi vào địa hạt những thu nhập và của cải; giờ đây, sau khi đã biến mất tất cả các điều kiện đó, những điều kiện vốn dĩ đè nặng lên những cuộc chuyện trò của chúng tôi khiến chúng chả bao giờ kéo dài được quá dăm phút, việc tôi gặp Franziska chính ra sẽ phải còn đẹp hơn và thú vị hơn. Thành thử điều tự nhiên là tôi thử tạo ra những hoàn cảnh thuận lợi nhất để đường đi của hai chúng tôi giao cắt nhau, tỉ như là loại bỏ tất cả các thiếu phụ mặc áo lông thú màu nhạt như nàng mặc lần gần đây nhất, sao cho nếu nhìn thấy nàng ở đằng xa tôi có thể biết chắc đó là nàng mà không phải chịu nguy cơ bị hiểu nhầm hay vỡ mộng, thế rồi loại bỏ tất cả những thanh niên nào nom như có thể là bạn của Franziska và có khả năng là sắp sửa gặp nàng một cách chủ ý và giữ chân nàng trong cuộc chuyện trò thú vị trong khi tôi mới nên là kẻ gặp nàng một cách tình cờ.

Tôi đã sa vào những chi tiết mang tính cá nhân, nhưng điều này không nên dẫn một ai đến chỗ tin rằng những hành vi loại bỏ này xuất phát từ động cơ chủ yếu là lợi ích trước mắt, riêng tư của tôi: ngược lại, tôi có hành động vì lợi ích của cái toàn thể (và do vậy cũng là lợi ích của chính tôi, một cách gián tiếp). Quả đúng là để khởi đầu ở đâu đó tôi đã khiến cho tất cả các tòa nhà công cộng tình cờ nằm trong tầm tay tôi phải biến đi, và không chỉ những bậc thang rộng và cổng vào có hàng cột, những hành lang và phòng đợi, và những hồ sơ những thông tư những văn kho, mà cả các vị vụ trưởng cục trưởng, các tổng giám đốc, các phó thanh tra, các trưởng ban điều hành, các nhân viên thường trực và nhân viên tạm thời của chúng; nhưng tôi làm thế là bởi tôi tin sự hiện hữu của chúng là gây hại hoặc quá thừa thãi đối với sự hài hòa của cái toàn thể.

Chính vào lúc này trong ngày từng đoàn lũ nhân viên rời khỏi các văn phòng nóng bức, cởi cúc những bộ áo khoác có cổ cùn bằng lông thú giả và lũ lượt kéo lên xe buýt. Tôi nháy mắt, thế là họ đã biến mất: chỉ còn thấy lác đác vài ba hành khách, mãi đằng xa, nơi những con phố vắng tanh, ở đây tôi cũng đã tỉ mỉ loại trừ hết các ô tô xe tải và xe buýt. Tôi thích nhìn thấy mặt đường phố trống trải và nhẵn thín như đường ném bowling.

Thế rồi tôi loại bỏ các trại lính, phòng bảo vệ, sở cảnh sát: tất tậ những kẻ mặc đồng phục đều biến mất như chưa từng hiện hữu. Có lẽ tôi đã để mọi thứ vượt khỏi tầm tay; tôi nhận ra rằng các lính cứu hỏa cũng chịu cùng số phận, cả các bưu tá, cả những nhân viên quét đường thuộc biên chế thành phố, và những chủng loại khác lẽ ra có thể mong được cư xử khác; nhưng cái gì đã làm thì đã làm rồi, chả bỏ chẻ sợi tóc làm tư làm gì. Để tránh phiền hà tôi nhanh chóng loại bỏ các ngọn lửa, rác rưởi, và cả thư từ, bởi thư từ xét cho cùng chẳng bao giờ đem lại gì khác ngoài những chuyện rắc rối.

Tôi kiểm tra cho chắc xem các bệnh viện, phòng khám đa khoa, nhà nghỉ có còn sót lại hay không: xóa sạch các bác sĩ, y tá, bệnh nhân đối với tôi dường như là thứ sức khỏe duy nhất có thể có được. Rồi đến tòa án, với bộ sậu quan tòa, luật sư, bên bị bên nguyên; các nhà tù, với đám tù nhân và cai tù trong đó. Rồi tôi xóa bỏ trường đại học với toàn bộ các khoa, viện hàn

lâm khoa học, chữ nghĩa và nghệ thuật, viện bảo tàng, thư viện, các đài tưởng niệm và nhà giám tuyển, nhà hát, phim ảnh, truyền hình, báo chí. Nếu người ta nghĩ lòng tôn trọng văn hóa sẽ ngăn được tôi lại thì họ lầm.

Rồi tới các cấu trúc kinh tế vốn đã quá lâu nay tiếp tục củng cố lời tuyên bố càn rỡ là nó có quyền định đoạt cuộc đời của chúng ta. Họ nghĩ họ là ai cơ chứ? Từng cái một tôi làm phân rã các cửa hiệu, bắt đầu từ những cái bán những nhu yếu phẩm hàng đầu cho tới các cửa hàng bán những thứ đồ dư dật xa xỉ: đầu tiên tôi xóa các gian bày hàng sau cửa kính, rồi tôi xóa các quầy hàng, kệ hàng, các cô bán hàng, thủ quỹ, quản lý bán hàng. Đám người mua đông đảo lập tức trở nên luống cuống, những cánh tay giơ vào khoảng không, giữa lúc các xe đẩy chở hàng bốc hơi mất; thế rồi bản thân những người mua hàng cũng bị chân không nuốt chửng. Từ người tiêu thụ tôi lần ngược về nhà sản xuất: tôi loại bỏ mọi ngành sản xuất, nhẹ cũng như nặng, tôi xóa sạch các nguyên liệu thô và nguồn năng lượng. Còn nông nghiệp? Xóa luôn! Và để ngăn không cho ai nói rằng tôi muốn thoái bộ về những xã hội sơ khai, tôi triệt tiêu luôn săn bắt và đánh cá.

Thiên nhiên... Ái chà chà! Đừng tưởng là tôi mắc lỗi! Cái vụ thiên nhiên này cũng là một trò dối trá tinh vi nữa: triệt nó đi! Còn lại một tầng vỏ trái đất đủ chắc dưới chân ta là đủ rồi, còn mọi nơi khác, chẳng là gì nữa.

Tôi tiếp tục đi dọc theo Đại lộ, vốn giờ đây không còn phân biệt được với bình nguyên bất tận, hoang vắng và giá băng. Nhìn ngút mắt cũng chẳng thấy bức tường nào nữa, không núi không đồi; không sông không hồ không biển: chỉ một vùng băng giá mênh mông phẳng lì xám xịt, cứng ngắt như đá bazan. Khước từ sự vật chẳng khó như người ta thường nghĩ: vấn đề chỉ là phải bắt đầu. Một khi ta đã rũ bỏ được cái mà ta từng nghĩ là thiết yếu, ta nhận ra mình có thể thiếu một thứ khác cũng không sao cả, thế rồi thiếu nhiều thứ khác nữa cũng không sao cả. Vậy nên giờ đây tôi đi giữa cái bề mặt trống rỗng vốn là thế giới. Có một ngọn gió lùa trên mặt đất, kéo theo cùng những cuộn tuyết mịn tàn dư cuối cùng của cái thế giới đã biến đi: một nhánh nho chín xem ra vừa hái khỏi vườn nho, chiếc bột nhỏ xíu đan len của một đứa hài nhi, một cái bản lề bôi đầy dầu, một trang giấy dường như bị rút

ra từ một cuốn tiểu thuyết viết bằng tiếng Tây Ban Nha, với một cái tên phụ nữ: Amaranta. Có phải chỉ mới vài giây trước đây thôi mọi thứ ngừng hiện hữu, hay đã nhiều thế kỷ rồi? Tôi đã mất hết cảm quan về thời gian.

Kìa, ở cuối cái dải không gì cả mà tôi vẫn tiếp tục gọi là Đại lộ, tôi thấy một dáng người mảnh mai đang tiến tới, vận áo choàng lông màu nhạt: Franziska! Tôi nhận ra dáng đi của nàng trong đôi bốt cao cổ, và cái kiểu nàng giấu hai tay trong đôi bao tay, và chiếc khăn choàng dài kẻ sọc bay phơ phất quanh nàng. Khí lạnh và địa hình phẳng phiu bảo đảm tầm nhìn tốt, nhưng tôi vẫy tay vô ích, cố thu hút sự chú ý của nàng nhưng hoài công: nàng không nhận ra tôi, chúng tôi vẫn còn cách nhau xa quá. Tôi tiến tới, dồn chân gấp bước; ít nhất là tôi nghĩ mình đang tiến tới, nhưng tôi chẳng có điểm nào để quy chiếu. Giờ đây, trên đường thẳng giữa tôi với Franziska có thể nhìn thấy vài cái bóng: đó là đàn ông, mấy người đàn ông mặc áo choàng dài, đội mũ. Họ đang đợi tôi. Họ có thể là ai?

Khi tới đủ gần tôi nhận ra họ: họ là người của Ban D. Làm thế quái nào họ vẫn còn lại đây được? Họ đang làm gì vậy? Tôi cứ nghĩ mình đã xóa họ luôn rồi, lúc tôi xóa hết nhân sự của các phòng ban sở cục. Cớ sao họ lại đứng giữa tôi với Franziska? “Giờ ta sẽ xóa họ!” tôi quyết định, và tập trung. Chẳng ăn thua gì: họ vẫn còn đó giữa hai chúng tôi.

“À, cậu đây rồi,” họ chào tôi. “vẫn là người của chúng tôi, đúng không? Giỏi đấy! Cậu đã giúp chúng tôi nhiều, tốt lắm, giờ mọi cái đều sạch sẽ.”

“Cái gì?” tôi la lên. “Các người cũng đang xóa các thứ sao?”

Giờ tôi hiểu được cảm giác của mình rằng lần này tôi đã đi xa hơn nhiều so với những lần thực tập trước để làm cho thế giới quanh tôi biến mất.

“Nhưng hãy cho tôi biết: có phải các ông là những người luôn nói đến chuyện tăng trưởng, chuyện thực hiện, chuyện bành trướng...?”

“Ừ thì sao? Có gì mâu thuẫn đâu... Mọi cái đều được chiêm quan dưới logic của những phóng chiếu... Tuyển phát triển lại khởi đầu từ số không... Cậu cũng đã nhận ra rằng tình thế đã đi đến ngõ cụt... đang thoái hóa... Chỉ

còn mỗi việc thúc đẩy quá trình này... Xét về khuynh hướng, một cái gì đó có thể dường như tiêu cực trong ngắn hạn, nhưng trong dài hạn lại có thể tỏ ra là có tính khởi đầu...”

“Nhưng ý tôi không phải như ý các ông... Tôi có ý tưởng khác ở trong đầu... Tôi xóa theo một cách khác...” Tôi phản đối, và tôi nghĩ: Nếu họ cho rằng có thể buộc tôi ăn khớp vào kế hoạch của họ thì họ lầm!

Tôi nóng lòng muốn đi ngược lại, làm cho mọi vật của thế giới này hiện hữu trở lại, từng cái từng cái một hoặc tất thảy cùng một lúc, thiết lập cái thực chất nhiều màu sắc và tay sờ thấy được kia như một bức tường đặc sít, đương đầu với cái kế hoạch rỗng không hóa mọi thứ của những người này. Tôi nhắm mắt rồi lại mở, tin chắc lại sẽ thấy mình đang đứng trên Đại lộ ken dày xe cộ lại qua, đèn đường giờ này đã thấp sáng và những ấn bản báo chí mới nhất nơi các sạp.

Nhưng thay vì thế: chẳng có gì. Khoảng không quanh chúng tôi càng rộng không hơn, hình dáng Franziska nơi chân trời tiến tới thật chậm, như thể nàng phải trèo lên cung tròn của quả địa cầu. Có phải chúng tôi là những người duy nhất sống sót? Càng lúc càng khiếp đảm tôi bắt đầu nhận ra sự thực: cái thế giới mà tôi tin mình đã xóa sạch bằng một quyết định trong tâm trí mình nhưng có thể phục hồi lại bất cứ lúc nào, nó đã thực sự cáo chung.

“Cậu cần phải thực tế,” các viên chức của Ban D nói. “Nhìn quanh mà xem. Toàn vũ trụ đang... ta hãy cứ nói là đang trong pha chuyển tiếp...” Và họ chỉ lên trời, nơi các chòm sao đã trở nên không thể nhận ra, chỗ này chụm lại, chỗ kia đâm thưa thớt, bản đồ thiên thể đang xáo trộn, các ngôi sao nổ tung hết sao này tới sao kia trong khi thêm nhiều vì sao phát ra chớp lóe cuối cùng rồi chết. “Điều quan trọng là giờ đây, khi những người mới đến, họ phải gặp Ban D vẫn đang trong tình trạng vận hành hoàn hảo, nhân sự Ban không thiếu một người, các cơ cấu chức năng vẫn làm việc tốt...”

“Nhưng ai là những người mới? Họ làm gì? Họ muốn gì?” tôi hỏi, thế rồi trên bề mặt băng giá ngăn cách tôi với Franziska tôi thấy một đường nứt

mảnh, trái dài như một cái bẫy bí ẩn.

“Còn sớm quá chưa thể nói. Chúng tôi chưa thể nói theo cách của chúng tôi. Hiện giờ thậm chí chúng tôi còn chưa thấy được họ. Nhưng họ có đấy rồi, điều ấy thì chắc, và do vậy chúng tôi đã được báo từ trước, rằng họ sắp tới... Nhưng cả chúng tôi cũng có ở đây, và họ không thể không biết điều ấy, chúng tôi là đại diện cho sự tiếp nối duy nhất khả dĩ với những gì đã có trước kia... Họ cần chúng tôi. Họ phải cậy tới chúng tôi, phó thác cho chúng tôi việc quản lý thực tế những gì còn lại... Thế giới sẽ bắt đầu lại theo cách chúng tôi muốn...”

Không, tôi nghĩ, cái thế giới mà tôi muốn hiện hữu trở lại quanh tôi và Franziska không thể là thế giới của các người; tôi muốn tập trung nghĩ về một nơi chốn rõ ràng đến từng chi tiết, một bối cảnh nơi tôi muốn cùng với Franziska đang ở vào khoảnh khắc này; chẳng hạn một quán cà phê hai bên toàn kính với những chùm đèn pha lê phản chiếu, có một ban nhạc đang chơi valse và giai điệu violon nỉ non phía trên những cái bàn nhỏ bằng cẩm thạch với những chiếc tách bốc hơi nghi ngút và mấy cái bánh ngọt đánh kem. Trong khi ngoài kia, ngoài những ô cửa sổ đóng giá, cái thế giới đầy những người những vật sẽ khiến chúng tôi phải cảm thấy nó đang hiện hữu: sự hiện hữu của thế giới vừa thân thiện vừa thù địch, những cái đáng cho ta hân hoan hay những cái ta cần chống lại... Tôi nghĩ điều đó với toàn bộ sức mạnh của tôi, nhưng đến giờ tôi biết sức mạnh của tôi không đủ để làm nó hiện hữu: hư vô đang mạnh hơn và đã chiếm lĩnh toàn trái đất.

“Lập mối liên hệ với họ không dễ đâu,” những người của Ban D nói tiếp, “và chúng tôi sẽ phải hết sức cẩn thận, không phạm sai lầm, không cho phép họ cho chúng ta ra rìa. Chúng tôi nhắm vào cậu, là để giành sự tin cậy của những người mới. Cậu đã chứng minh được khả năng mình ở pha thanh lý, và trong tất cả chúng ta cậu là người ít khoan nhượng hơn hết với chính quyền cũ. Cậu sẽ phải tự giới thiệu, trình bày rõ Ban ta là cái gì, họ có thể dùng nó ra sao, cho những việc cấp bách, chẳng dặng dưng... Ờ, cậu sẽ tự nghĩ ra cần phải làm sao cho mọi chuyện khá khẩm nhất...”

“Vậy tôi cần đi, tôi sẽ đi tìm họ...” tôi hấp tấp nói, vì tôi nhận ra nếu tôi không tìm cách thoát thân ngay bây giờ, nếu tôi không đến được với Franziska lập tức để cứu nàng, thì sau một phút nữa sẽ quá muộn, cái bẫy sắp bung ra. Tôi bỏ chạy trước khi những người Ban D kịp giữ tôi, đặt câu hỏi cho tôi, chỉ thị cho tôi. Thế giới bị quy giảm chỉ còn là một tờ giấy trên đó chẳng thể viết một cái gì ngoại trừ những từ trừu tượng, như thể mọi danh từ cụ thể đã cáo chung; nếu người ta chỉ có thể viết được từ “ghế”, thì cũng có thể viết được từ “thìa”, “chảo”, “bếp”, song công thức văn phong của văn bản không cho phép điều này.

Trên mặt đất gần cách tôi với Franziska tôi thấy vài vết nứt mở ra, những xói rãnh, những khe sâu; bất cứ lúc nào một trong hai chân tôi cũng chực hụt vào chạm bẫy: những vết toác kia mở rộng ra, chả mấy chốc một vực thẳm sẽ há hoác giữa tôi và Franziska, một vực sâu hun hút! Tôi nhảy từ vực này sang vực khác, và bên dưới tôi không thấy đáy mà chỉ hư vô liên tiếp mãi đến vô cùng tận; tôi chạy qua những mảnh thế giới rải rác trong cõi rỗng không; thế giới đang vỡ vụn... Những người của Ban D gọi tôi, họ cuống cuống ra hiệu bảo tôi quay lại, đừng liêu đi xa hơn nữa... Franziska! Nhảy thêm cú nữa là anh đến được với em rồi!

Nàng đây rồi, nàng đối diện tôi, mỉm cười, với ánh lấp lánh tựa vàng ròng trong đôi mắt, khuôn mặt nhỏ hơn nẻ vì lạnh. “Ô! Anh thật rồi! Mỗi lần đi trên Đại lộ là em lại gặp anh! Đừng có bảo em là anh ngày nào cũng ung dung tản bộ đấy nhé! Nghe này: em biết một quán cà phê ngay góc phố đây thôi, bốn phía toàn kính, lại có ban nhạc chơi mấy bản valse. Anh có mời em đến đó không nào?”

Người đọc ạ, đến lúc con thuyền bị gió bão dập vùi của bạn cập cảng rồi. Bến cảng nào có thể tiếp nhận bạn một cách an toàn hơn là một thư viện lớn? Nhất định là có một thư viện lớn ở cái thành phố nơi bạn đã ra đi và giờ đây quay về sau khi vòng quanh thế giới từ cuốn sách này tới cuốn sách khác. Bạn còn lại một niềm hy vọng, rằng mười cuốn tiểu thuyết đã bốc hơi trong tay bạn ngay khi bạn bắt đầu đọc rồi sẽ có thể tìm thấy lại trong thư viện này.

Rốt cuộc thì một ngày rảnh rỗi bình yên mở ra trước bạn; bạn đến thư viện, xem danh mục sách; bạn khó lòng nén nổi một tiếng hét vui sướng, đúng hơn không phải một mà mười tiếng hét; tất cả các tác giả và nhan đề bạn đang tìm kiếm đều có trong danh mục, được ghi nhận đâu vào đấy.

Bạn điền phiếu mượn sách đầu tiên rồi nộp thủ thư: người ta cho bạn hay rằng ắt phải có lỗi đánh số nhầm trong danh mục; không thể tìm ra cuốn ấy; dù sao họ cũng sẽ kiểm tra. Bạn lập tức yêu cầu cuốn khác; họ bảo có người mượn rồi, nhưng họ không thể xác minh ai mượn, mượn từ hồi nào. Cuốn thứ ba bạn hỏi mượn thì đang ở chỗ đóng sách; một tháng nữa người ta mới gửi lại. Cuốn thứ tư được lưu trong một chái của thư viện hiện đang đóng cửa để sửa chữa. Bạn tiếp tục điền phiếu: vì lý do này khác, chẳng một cuốn nào bạn yêu cầu là có sẵn cho bạn cả.

Trong khi thủ thư tiếp tục truy tìm, bạn kiên nhẫn đợi, ngồi nơi bàn cùng những người đọc khác, may mắn hơn, đang chìm đắm vào cuốn sách của mình. Bạn ghé cổ xoay sang phải rồi sang trái nhìn trộm vào sách của những người khác: biết đâu chừng một trong những người kia có thể đang đọc một trong các cuốn bạn tìm.

Cái nhìn của người đọc đối diện với bạn, thay vì đặt vào cuốn sách mở ra trên tay anh ta, lại để đâu đâu trong không trung. Nhưng mắt anh ta không lơ đãng: đi cùng với từng chuyển động của hai con ngươi màu xanh dương là một sự tập trung mãnh liệt, kiên định. Thỉnh thoảng mắt bạn và mắt anh ta

gặp nhau. đến một lúc anh ta cất lời với bạn, hay đúng hơn, anh ta như thể nói giữa chỗ rỗng không, mặc dù chắc chắn là với bạn:

“Đừng kinh ngạc nếu ông thấy mắt tôi luôn để ở đâu đâu. Thực ra, đó chính là cách đọc của tôi, và chỉ bằng cách này việc đọc mới tỏ ra có ích cho tôi. Nếu một cuốn sách thực sự làm tôi chú ý, tôi chỉ có thể theo nó được dăm ba dòng thế rồi tâm trí tôi, sau khi đã nắm lấy một ý tưởng mà văn bản gợi ra, hay một cảm giác, hay một câu hỏi, hay một hình ảnh, liền đi chệch hướng và nhảy từ ý tưởng này sang ý tưởng nọ, từ hình ảnh này sang hình ảnh nọ, trong một hành trình của những biện luận và phóng tưởng mà tôi thấy cần phải theo đuổi cho tới cuối, rời xa khỏi cuốn sách cho tới khi không nhìn thấy nó nữa. Sự kích thích của việc đọc là không thể thiếu đối với tôi, và của sự đọc tròn đầy cũng vậy, dầu cho dù là cuốn sách nào tôi cũng chỉ đọc được không quá vài trang. Nhưng vài trang đó là đã chứa đựng cả vũ trụ, nhiều vũ trụ mà tôi không bao giờ dò thấu được.”

“Tôi hoàn toàn hiểu ông,” một người đọc khác xen vào, ngẩng khuôn mặt như bằng sáp và cặp mắt đỏ ngầu lên khỏi sách. “Đọc là một công việc đứt đoạn và phân mảnh. Hay, nói đúng hơn, đối tượng của việc đọc là một chất liệu có dạng điểm và dạng bụi. Giữa vùng rộng mênh mông của điều được viết ra, sự chú ý của người đọc tách biệt ra một số phân đoạn tối thiểu, sự liên kết của những từ, những ẩn dụ, những quan hệ cú pháp, những đoạn logic, những kỳ đặc về từ vựng vốn tỏ lộ là sở hữu một độ đậm đặc vô cùng cao của nghĩa. Chúng giống như những hạt cơ bản tạo nên hạt nhân của tác phẩm, toàn bộ những gì còn lại đều xoay quanh đó. Hay là như khoảng rỗng không dưới đáy một con ốc xoáy vốn hút lấy và nuốt chửng các dòng lưu chuyển. Chính là thông qua những khoảng hở ấy mà, trong những thoáng chớp khó nhận thấy, sự thực mà cuốn sách có thể mang chứa mới hiển lộ, yếu tính tối hậu của nó. Các huyền thoại và bí ẩn bao gồm những hạt nhỏ khó nhìn ra, giống như phấn hoa dính vào chân con bướm; chỉ ai đã nhận thức được điều này thì mới có thể mong chờ những mặc khải và khai minh. Chính vì lý do đó mà sự chú ý của tôi, trái với những gì ông đang nói, thưa ông, không thể tách rời khỏi những dòng chữ viết cho dù chỉ trong một

khoảnh khắc. Tôi không được sao nhãng nếu như không muốn bỏ sót một vài manh mối quý báu. Mỗi khi bắt gặp một trong những cụm nghĩa đó là tôi đều phải đào quanh để xem liệu quặng vàng này có kéo dài thành mạch hay không. Chính vì vậy sự đọc của tôi không có chỗ kết: tôi đọc rồi đọc lại, mỗi lần đều tìm kiếm sự xác nhận một phát kiến mới giữa những nếp gấp của các câu.”

“Tôi cũng vậy, tôi thấy có nhu cầu đọc lại những cuốn sách mình đã đọc,” một người đọc thứ ba nói, “nhưng mỗi lần đọc lại tôi đều như đang đọc một cuốn sách mới, lần đầu tiên. Phải chăng là chính tôi mới thường xuyên thay đổi và nhìn thấy những cái mới mà trước kia tôi không nhận biết? Hay sự đọc là một cấu trúc tự nó mang lấy hình dạng, bằng cách lắp ghép rất nhiều biến tố với nhau và do vậy là một thứ không thể lặp lại tới hai lần theo cùng một mẫu hình? Mỗi lần cố làm sống lại cảm xúc của một lần đọc trước, tôi đều nếm trải những ấn tượng khác không ngờ tới, còn những ấn tượng trước đó thì không tìm lại được. Đôi lúc tôi thấy dường như giữa lần đọc này với lần đọc sau có một sự thăng tiến: theo nghĩa là chẳng hạn như dẫn sâu hơn vào tinh thần của văn bản, hay là gia tăng sự gián cách mang tính phê phán của tôi. Lúc khác thì, ngược lại, tôi như duy trì ký ức về những lần đọc cùng một cuốn sách lần này tiếp lần kia, nồng nhiệt hay lãnh đạm hay thù địch, rải ra trong thời gian mà không có một phối cảnh nào, không có một sợi chỉ nào nối chúng lại với nhau. Kết luận tôi đi tới được là thế này: đọc là một việc làm không đối tượng; hoặc đối tượng thực thụ của nó là chính nó. Cuốn sách là một công cụ hỗ trợ, hay thậm chí chỉ là cái cớ.”

Người đọc thứ tư cất tiếng, “Nếu các vị một mực khẳng định tính chất chủ quan của sự đọc thì tôi đồng ý với các vị, nhưng không theo cái nghĩa ly tâm mà các vị gán cho nó. Mỗi cuốn sách mới mà tôi đọc đều hóa ra là một phần của cuốn sách tổng thể và hợp nhất vốn là tổng hòa các sự đọc của tôi. Điều này không xảy ra nếu ta không nỗ lực ít nhiều: để tạo thành ra cuốn sách chung ấy, từng cuốn sách riêng lẻ phải được chuyển hóa, nhập vào mối liên hệ với những cuốn sách tôi đã đọc trước kia, trở thành hệ luận hoặc sự phát triển hoặc sự bác bỏ hoặc phần chú giải hoặc văn bản tham chiếu của

các cuốn sách tôi đã đọc trước kia. Đã nhiều năm nay tôi lui tới thư viện này, tôi khám phá nó hết cuốn này đến cuốn khác, kệ này đến kệ khác, nhưng tôi có thể chứng minh cho các vị rằng tôi đã chẳng làm gì ngoài việc tiếp tục đọc một cuốn sách duy nhất.”

“Trong trường hợp tôi cũng thế, mọi cuốn sách tôi đọc đều dẫn tới một cuốn sách duy nhất,” một người đọc thứ năm nói, thò mặt ra từ sau một chồng sách buộc vào nhau, “nhưng ấy là một cuốn sách rất xa trong thời gian, chỉ hơi trôi lên từ ký ức của tôi. Có một câu chuyện đối với tôi là có trước mọi câu chuyện khác và mọi câu chuyện tôi từng đọc dường như đều mang một tiếng vang của câu chuyện kia, và tiếng vang đó lập tức biến mất. Trong những lần đọc tôi không làm gì khác ngoài tìm cuốn sách đã đọc khi còn bé, nhưng những gì tôi nhớ được về nó quá ít không đủ cho tôi tìm lại được nó.”

Một người đọc thứ sáu đang đứng xem xét các kệ sách, mũi đưa ra trong không khí, tiến lại gần bàn. “Giây phút đáng kể nhất với tôi là giây phút ngay trước khi đọc. Đôi khi một cái nhan đề là đủ để nhen lên trong tôi niềm mong muốn một cuốn sách vốn có lẽ không tồn tại. Đôi khi đó là đoạn mở đầu của văn bản, mấy câu đầu... nói cách khác: nếu các vị chỉ cần ít thôi cũng đủ cho óc tưởng tượng hoạt động, thì tôi còn cần ít hơn thế nữa: sự hứa hẹn của việc đọc là đủ.”

“Mặt khác, với tôi, chính đoạn kết mới đáng kể,” một người thứ bảy nói, “nhưng là đoạn kết đích thực, chung quyết, giấu trong bóng tối, cái đích mà cuốn sách muốn đưa ta tới. Tôi cũng tìm những đoạn mở đầu khi đọc,” ông ta nói, gật đầu về phía người có cặp mắt lơ đãng, “nhưng cái nhìn của tôi đào vào giữa các từ để nhìn cho rõ cái gì lộ diện ở đằng xa, trong những khoảng không trải ra sau từ ‘hết’.”

Đã đến lúc bạn nói. “Thưa quý vị, đầu tiên tôi phải nói rằng về phần mình tôi chỉ thích đọc thấy trong những cuốn sách những gì được viết ra; và kết nối các chi tiết với cái toàn thể, và xem một số hành động đọc là có tính chung quyết; và tôi muốn tách riêng cuốn sách này với cuốn sách kia, mỗi cuốn đều có những cái khác biệt và mới mẻ của riêng nó; và tôi đặc biệt

thích những cuốn nào cần phải đọc từ đầu tới cuối. Song ít lâu nay mọi thứ đâm ra không ổn đối với tôi: tuồng như trên thế giới hiện chỉ tồn tại những câu chuyện lửng lơ không có hồi kết hoặc biến mất giữa chừng.”

Người đọc thứ nhất đáp lời bạn, “Câu chuyện mới rồi tôi nói đến, cả tôi nữa, tôi cũng nhớ rõ đoạn mở đầu, nhưng phần còn lại thì tôi quên sạch. Ất đó là một truyện trong *Nghìn lẻ một đêm*. Tôi đang thu thập các dị bản khác nhau, các bản dịch bằng mọi thứ tiếng. Những truyện tương tự thì nhiều và có lắm dị bản, nhưng chả cái nào trong số đó đúng là truyện ấy. Có thể tôi mơ thấy nó chẳng? Thế nhưng tôi biết mình sẽ không yên ổn chừng nào chưa tìm ra nó và biết được nó kết thúc như thế nào.”

“Khalif Harun-al-Rashid” – đây là đoạn mở đầu của câu chuyện mà, khi thấy bạn tỏ ra tò mò, ông ta đồng ý kể – “một đêm nọ, bị cơn mất ngủ giày vò, liền cải trang làm một thương nhân rồi ra khỏi cung điện, bước vào những con phố của thành Baghdad. Một con thuyền đưa ông đi dọc dòng Tigris đến cổng khu vườn. Nơi mép một ao nước có một trinh nữ đẹp tựa vàng trắng vừa hát vừa tự đệm đàn. Một nữ nô đưa Harun đến tòa lầu đài và bảo ông khoác lên người một áo choàng màu vàng nghệ. Nàng trinh nữ đang hát trong khu vườn ngồi trên một chiếc ghế bạc. Ngồi trên mấy gối đệm quanh nàng là bảy người đàn ông quấn mình trong áo choàng màu vàng nghệ. “Chỉ còn thiếu mỗi ngài thôi,” trinh nữ nói, “ngài đến muện,” đoạn nàng mời ông ngồi lên một gối đệm bên cạnh nàng. “Thưa chư vị tôn ông, các vị đã thề tuân lời ta một cách vô điều kiện, vậy thì đây là lúc để thử thách quý tôn ông.” Thế rồi từ quanh cổ họng mình trinh nữ tháo ra một vòng cổ ngọc trai. ‘Vòng cổ này có bảy viên ngọc trắng và một viên ngọc đen. Giờ ta sẽ dứt đứt sợi dây và trút các viên ngọc vào một chiếc cốc bằng mã não. Người nào đến lượt mình mà bốc phải viên ngọc đen thì phải giết Khalif Harun-al-Rashid rồi đem đầu ông ta đến cho ta. Để thưởng công ta sẽ trao chính ta cho người đó. Nhưng nếu người đó khước từ giết Khalif, người đó sẽ bị bảy người kia giết, rồi bảy người kia sẽ lặp lại việc bốc thăm viên ngọc đen.’ Rùng mình Harun-al-Rashid mở tay ra, thấy trong tay mình là viên ngọc đen, liền nói với trinh nữ: ‘Tôi sẽ tuân theo lệnh của số phận và

lệnh của nàng, với điều kiện nàng cho tôi biết Khalif đã làm gì xúc phạm nàng để nàng căm thù đến như vậy,’ ông hỏi, thấp thỏm chờ nghe câu chuyện.”

Cái di tích của một văn bản trẻ con này cũng nên được đưa vào danh mục những cuốn sách bị ngắt ngang nửa chừng của bạn. Nhưng nhan đề của nó là gì?

“Nó có nhan đề đi chẳng nữa thì tôi cũng quên nốt rồi. Tự ông cho nó nhan đề đi.”

Những câu mà tới đó câu chuyện bị ngắt ngang, bạn thấy dường như chúng biểu đạt tốt tinh thần của *Ngàn lẻ một đêm*. Thế là bạn viết, *Ông hỏi, thấp thỏm chờ nghe câu chuyện* vào danh mục các nhan đề mà bạn đã hoài công hỏi mượn ở thư viện.

“Tôi xem được không?” người đọc thứ sáu nói, cầm lấy bản danh mục các nhan đề. Ông ta gỡ kính cận, cho vào hộp, mở một hộp khác, lấy ra cặp kính viễn, rồi đọc to:

“Nếu một đêm đông có người lữ khách, ở ngoại vi thành Malbork, cúi mình trên triền dốc, không sợ gió hay chóng mặt, nhìn xuống bóng tối đang dần dày đặc, trong mạng lưới những đường xoắn xuýt, trong mạng lưới những đường giao cắt, trên thảm lá sáng ánh trắng quanh huyệt mộ trống, “Câu chuyện nào dưới kia chờ đoạn kết của mình?” ông hỏi, thấp thỏm chờ nghe câu chuyện.”

Ông ta đẩy kính lên trên cặp lông mày. “Phải, một cuốn tiểu thuyết mở đầu như thế...” ông ta nói, “tôi dám thề là tôi đọc rồi... Ông chỉ có đoạn mở đầu này và muốn tìm phần tiếp theo, có đúng thế không? Khó là ở chỗ từng có thời tất cả đều mở đầu như thế, mọi cuốn tiểu thuyết. Từng có một người đi dọc một con đường vắng vẻ và thấy cái gì đó khiến anh chú ý, cái gì đó dường như ẩn giấu một bí ẩn, hay một điềm báo; thế rồi anh nhờ người giải thích cho và người ta kể cho anh nghe một câu chuyện dài...”

“Nhưng, xem này, ở đây có chỗ hiểu lầm,” bạn cố bảo cho anh ta hay. “Đây không phải một cuốn sách... đây chỉ là mấy cái nhan đề... cuốn *Lữ*

khách...”

“Ồ, người lữ khách xuất hiện chỉ ở mấy trang đầu rồi thì chả bao giờ được nhắc tới nữa – anh ta đã làm tròn chức phận mình, cuốn tiểu thuyết không phải là câu chuyện về anh ta...”

“Nhưng đây không phải là câu chuyện mà tôi muốn biết phần kế tiếp...”

Người đọc thứ bảy ngắt lời bạn, “Ông tin rằng câu chuyện nào cũng phải có mở đầu và kết thúc hay sao? Thời xa xưa một câu chuyện chỉ có thể kết thúc theo hai cách: hoặc là sau khi vượt qua mọi thử thách hai nhân vật chính nam và nữ lấy nhau, hoặc là họ chết. Ý nghĩa tối hậu mà mọi câu chuyện đều gợi ra vốn dĩ có hai mặt: sự tiếp diễn của sự sống, sự không tránh khỏi của cái chết.”

Bạn ngừng một thoáng để nghiền ngẫm mấy lời đó. Rồi thì, trong nháy mắt, bạn quyết rằng mình muốn cưới Ludmilla.

Nay thì các bạn, Người đọc và Người đọc Nữ, đã là vợ chồng. Một cái giường đôi khổng lồ tiếp nhận hai sự đọc sóng đôi của các bạn.

Ludmilla gấp sách của mình lại, tắt đèn bên phía mình đi, đặt đầu lên gối, nói, “Anh cũng tắt đèn đi. Anh đọc chưa mệt à?”

Và bạn nói, “Tí nữa thôi, anh sắp đọc xong *Nếu một đêm đông có người lữ khách* của Italo Calvino.”

Table of Contents

[1]

Nếu một đêm đông có người lữ khách

[2]

Ở ngoại vi thành Malbork

[3]

Cúi mình trên triền dốc

[4]

Không sợ gió hay chóng mặt

[5]

Nhìn xuống bóng tối đang dần dày đặc

[6]

Trong mạng lưới những đường xoắn xuýt

[7]

Trong mạng lưới những đường giao cắt

[8]

Trên thảm lá sáng ánh trăng

[9]

Quanh huyết mộ trống

[10]

Câu chuyện nào dưới kia chờ đoạn kết của mình?

[11]

[12]